

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TIẾN TOÀN

**VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ
TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC**

HÀ NỘI - 2019

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TIẾN TOÀN

**VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ
TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

Mã số: 62 31 02 01

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. Trịnh Thị Xuyên

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi.
Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và
được trích dẫn đầy đủ theo quy định*

Tác giả luận án

Nguyễn Tiên Toàn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	11
1.1. Tình hình nghiên cứu về hệ thống chính trị cấp cơ sở	11
1.2. Tình hình nghiên cứu về chủ đề xây dựng nông thôn mới	19
1.3. Một số nghiên cứu bước đầu về vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới	33
1.4. Nghiên cứu về hệ thống chính trị cấp cơ sở và xây dựng nông thôn mới - một số kết quả và khoảng trống cần tiếp tục làm sáng tỏ	35
Chương 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở VIỆT NAM	40
2.1. Quan hệ về hệ thống chính trị cấp cơ sở và xây dựng nông thôn mới	40
2.2. Những vai trò chủ yếu của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới	53
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới	63
2.4. Khung phân tích vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới	75
Chương 3 THỰC TRẠNG VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở HÀ NỘI	80
3.1. Bối cảnh thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Hà Nội	80
3.2. Thực trạng thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hà Nội	90
3.3. Đánh giá kết quả thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hà Nội	109
Chương 4 MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI	117
4.1. Một số hạn chế đối với vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hà Nội	117
4.2. Một số giải pháp phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hà Nội	127
KẾT LUẬN	145
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	148
PHỤ LỤC	167

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HTCT	: Hệ thống chính trị
HĐND	: Hội đồng nhân dân
MTTQ VN	: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
NTM	: Nông thôn mới
TCCT-XH	: Tổ chức chính trị-xã hội
UBND	: Ủy ban nhân dân
XDNTM	: Xây dựng nông thôn mới

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với quá trình đổi mới phát triển của đất nước, về mặt lý luận cũng như thực tiễn chúng ta ngày càng nhận ra vai trò đặc biệt quan trọng của hệ thống chính trị (HTCT) cấp cơ sở. HTCT cấp cơ sở bao gồm các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động trên địa bàn xã, phường, thị trấn. HTCT cấp cơ sở vừa là cấp tổ chức triển khai, thực hiện, cũng đồng thời là nơi đánh giá về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có đi vào cuộc sống hay không để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Mặt khác, HTCT cấp cơ sở với những tổ chức thành viên tham gia đặc điểm của nó đội ngũ cán bộ biến động nhất, ít chuyên nghiệp nhất. Ngoài ra, HTCT cơ sở là cấp đối mặt trực tiếp với những yêu cầu bức xúc của dân chúng, những mâu thuẫn nảy sinh trong đời sống. Trong khi đó, HTCT cơ sở là cấp mà quan hệ dòng họ, văn hóa làng, xã có thể tác động và chi phối đến tổ chức và hiệu quả hoạt động của nó. Hơn nữa, ngoài sự chi phối của pháp luật, cộng đồng dân cư thường được điều chỉnh bằng nhiều quy định và thiết chế khác nhau, chính thức hoặc phi chính thức, trong đó có cả những quy định, hương ước và thiết chế do chính những thành viên trong cộng đồng lập ra... Chính do những đặc điểm phức tạp, tầm quan trọng như vậy, HTCT cấp cơ sở có vai trò quan trọng trong việc thực hiện thành công các mục tiêu, chính sách phát triển của đất nước. Trong những năm vừa qua HTCT cấp cơ sở đã trở thành chủ đề nghiên cứu đặc biệt quan trọng và hấp dẫn của nhiều ngành khoa học khác nhau, trong đó có Chính trị học.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn được xác định là vấn đề chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay. Nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới (XDNTM), cải thiện đời sống người nông dân về vật chất, tinh thần là nhiệm vụ chính trị trọng tâm thường xuyên của Đảng, Nhà nước, là sự nghiệp của toàn dân. Trong thời gian qua, cùng với giảm nghèo bền vững, XDNTM là một trong hai chương trình mục tiêu quốc gia ở Việt Nam hiện nay. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng

sản Việt Nam đã đưa ra mục tiêu “XDNTM” có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; HTCT ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Chính phủ đã ra các văn bản: Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4/6/2010 về *phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia về XDNTM giai đoạn 2010-2020*; Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2016 về *việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020...*

Việc thực hiện chương trình XDNTM đã tạo bước đột phá trong phát triển khu vực “tam nông”, nâng cao đời sống cho người dân. Qua thực tế XDNTM ở các địa phương, có thể thấy HTCT cấp cơ sở có vai trò đặc biệt quan trọng trong lãnh đạo, điều hành, vận động nhân dân tổ chức XDNTM ở mỗi địa phương. Địa phương nào phát huy được vai trò, thực hiện tốt chức năng của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM thì địa phương đó nhanh chóng đạt được các mục tiêu và mang lại hiệu quả, tính bền vững của nó. Ngược lại, nơi nào vai trò của HTCT cấp cơ sở không được chú trọng và phát huy thì nơi đó không đạt các mục tiêu và hiệu quả của việc thực hiện chương trình XDNTM không cao, còn nhiều bất cập. Thực tiễn đã đặt ra những vấn đề cần có lời giải đáp như: HTCT cấp cơ sở đang có vai trò gì và được thể hiện như thế nào trong XDNTM? Làm thế nào để phát huy được vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM?

Mặt khác, trong những năm qua, việc nghiên cứu về đổi mới, hoàn thiện HTCT, nhất là HTCT cấp cơ sở ở nước ta cũng đã có những bước tiến đáng kể. Tuy nhiên, cùng với việc thông qua Hiến pháp 2013 và triển khai thực hiện Hiến pháp này trên thực tế, trong đó có tổ chức chính quyền địa phương thì HTCT cấp cơ sở cần phải có những thay đổi mạnh mẽ hơn. Không những vậy, xây dựng hoàn thiện HTCT cấp cơ sở còn là một trong 19 chỉ tiêu của quá trình XDNTM. Vì vậy, việc nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM cũng là một cách tiếp cận góp phần làm rõ hơn vai trò, chức năng và mô hình HTCT cấp cơ sở trong thời gian tới.

Thủ đô Hà Nội là địa phương có dân cư đông, địa bàn lớn và rất đa dạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế và văn hóa-xã hội. Hà Nội vừa là đô thị phát triển hàng đầu của cả nước, đồng thời vẫn còn là địa phương có tỷ lệ nông thôn, nông nghiệp và nông dân tương đối lớn. Mặc dù là thủ đô của cả nước, tuy nhiên Hà Nội đang có sự khác biệt rất lớn về điều kiện địa hình, cơ cấu và tốc độ phát kinh tế, trình độ dân trí, mức sống và lối sống ...giữa khu vực nông thôn và đô thị và ngay giữa các cộng đồng nông thôn với nhau. Từ năm 2008 toàn bộ tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc), và 04 xã thuộc huyện Lương Sơn (Hòa Bình) đã sáp nhập vào thành phố Hà Nội, với mục đích xây dựng Thủ đô là trung tâm chính trị- hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Tổng dân số của thành phố có khoảng 7.6 triệu dân, tuy nhiên khu vực nông thôn của Hà Nội hiện nay đang có tới 386 xã thuộc 18 huyện, với gần 4 triệu người dân sinh sống. Điều này vừa là nhân tố tạo nên lực hút, lợi thế; nhưng cũng đồng thời là lực đẩy, rào cản đối với quá trình phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô. Vì vậy, việc xây dựng và phát huy vai trò, chức năng của HTCT cấp cơ sở ở nông thôn đang được đặt ra cấp thiết, nhằm hướng đến vừa phải đảm bảo theo mô hình đô thị vừa mang tính đặc trưng ở khu vực nông thôn. HTCT cấp cơ sở ở thành phố Hà Nội trong XDNTM vừa có đặc điểm chung và có tính đặc thù riêng so với các địa phương khác. Một trong những đặc điểm khác biệt chính là số đơn vị hành chính cấp xã của thủ đô Hà Nội còn nhiều và có điều kiện phát triển về kinh tế-xã hội rất khác nhau. Không những vậy, mục tiêu yêu cầu của XDNTM ở Hà Nội luôn phải gắn bó chặt chẽ với quá trình đô thị hóa. Trong khi đó, không ít các xã phấn đấu hoàn thành mục tiêu đạt chuẩn NTM đều có xuất phát điểm rất thấp, có những xã là địa bàn miền núi, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Thêm nữa, tiêu chí đạt chuẩn NTM cũng được nâng lên với nhiều tiêu chí rất cao, trong đó có tiêu chí tỉ lệ hộ nghèo và thu nhập trung bình của người dân...Thực tế này đặt ra yêu cầu khách quan là cần phải quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu bởi các khoa học, trong đó có Chính trị học.

Mặc dù Hà Nội là địa phương đang dẫn đầu cả nước trong XDNTM, song, đạt chuẩn không đồng nghĩa với việc chỉ duy trì, mà hơn thế là phải nâng cao chất lượng nông thôn mới. Trong đó, HTCT cấp cơ sở của thành

phố đã và đang tích cực triển khai chương trình XDNTM theo 19 tiêu chí mà Chính phủ ban hành, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình phát triển khu vực “tam nông” trên địa bàn Hà Nội. Đóng góp vào sự thành công này có vai trò to lớn của HTCT cấp cơ sở trên địa bàn với tư cách là những người hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức toàn thể nhân dân tiến hành xây dựng mô hình NTM. Triển khai từ năm 2010, Chương trình số 02 của Thành ủy về “Phát triển nông nghiệp, XDNTM, từng bước nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2011-2015” là một trong 9 Chương trình trọng điểm của Thành ủy Hà Nội nhiệm kỳ 2010-2015. Đến hết năm 2017, Hà Nội đã có 4 huyện là Đan Phượng, Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức được Thủ tướng Chính phủ công nhận là huyện NTM. Có 294/386 xã (đạt 76,16%) đạt chuẩn NTM. Trong số 92 xã còn lại, có 56 xã đạt và cơ bản đạt từ 15 - 18 tiêu chí, không còn xã nào đạt dưới 10 tiêu chí, bình quân đạt 18,19 tiêu chí/xã. Đặc biệt, theo báo cáo của các quan chức năng, đến hết quý I/2017 khoản nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM của TP Hà Nội còn 110,2 tỷ đồng. Và đến hết tháng 6/2017 sẽ giải quyết triệt để nợ đọng xây dựng cơ bản... Như vậy, Hà Nội là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản lớn [50]. Trong bức tranh tổng thể trên, vấn đề đặt ra là HTCT cấp cơ sở ở Hà Nội có vai trò gì và vai trò đó được thực hiện như thế nào trong việc đem lại những kết quả tích cực trong XDNTM?. Bên cạnh đó, những bất cập, hạn chế, thách thức của HTCT cấp cơ sở khi thực hiện vai trò, chức năng XDNTM ở Hà Nội... đang là những vấn đề cần phải tiếp tục được nghiên cứu làm rõ.

Từ những lý do trên, tác giả lựa chọn chủ đề: ***Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay*** làm đề tài nghiên cứu tiền sử Chính trị học.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án

2.1. Mục tiêu của Luận án

Luận án tiến hành hệ thống hóa, phân tích cơ sở lý luận và khảo sát thực tiễn về vai trò của HTCT cấp cơ sở trong quá trình XDNTM ở thành phố Hà Nội; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

2.2. Nhiệm vụ của Luận án

- Phân tích và làm rõ cơ sở lý luận về vai trò của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện chương trình XDNTM.

- Khảo sát thực trạng thực hiện vai trò của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện chương trình XDNTM trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Phân tích các kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra đối với vai trò của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện chương trình XDNTM ở thành phố Hà Nội.

- Đề xuất các giải pháp nhằm phát huy vai trò, tính hiệu quả của HTCT cấp cơ sở trong quá trình XDNTM ở thành phố Hà Nội.

3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu của Luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong quá trình XDNTM.

3.2. Khách thể nghiên cứu

HTCT cấp cơ sở, các tổ chức thuộc HTCT cấp cơ sở trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình XDNTM.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

+ Thời gian nghiên cứu: từ năm 2010 đến nay

+ Không gian nghiên cứu: Các xã của các huyện ngoại thành Hà Nội.

+ 7 vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của Luận án

Để thực hiện được tốt các mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra, nghiên cứu này sẽ vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu sau đây:

4.1. Phương pháp luận của Luận án

Nghiên cứu vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, lịch sử và tư tưởng Hồ Chí Minh về sự vận dụng tính hợp lý, kế thừa, bổ sung sáng tạo về lý luận và thực tiễn cần phải giải quyết. Đặc biệt, bám sát các văn bản đường lối, nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về HTCT cấp cơ sở và XDNTM, cụ thể:

- Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về *đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*;

- Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về *tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị*;

- Kết luận Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về *một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở*;

- Nghị quyết 26-NQ/TW của Hội nghị Trung ương Bảy khóa X năm 2008 về *nông nghiệp, nông thôn và nông dân*;

- Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 15/12/2016 của Ban Bí thư về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới”*;

- Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về *Phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020*;

- Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về *Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp*;

- Quyết định số 491/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ năm 2009 về việc ban hành *Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới*;

- Quyết định số 800/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ năm 2010 về việc *phê duyệt*

Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Quyết định số 340/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ năm 2013 về việc *Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2016 về *việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*;

- Quyết định số 691/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ năm 2016 về *việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020*;

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ năm 2016 về việc *Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020 (gọi tắt là Bộ tiêu chí xã)*...

4.2. Các phương pháp nghiên cứu Luận án

Luận án sử dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu của khoa học chính trị như: phương pháp cấu trúc-chức năng, phương pháp logic-lich sử, phương pháp phân tích tổng hợp.

Phương pháp cấu trúc-chức năng: HTCT cấp cơ sở với tư cách là thiết chế quyền lực với chức năng chỉ huy, kiểm soát và kiến tạo thúc đẩy hoạt động XDNTM. Đồng thời, HTCT cấp cơ sở trong mối quan hệ ngang bởi các yếu tố cấu thành và mối quan hệ dọc với HTCT cấp trên và các yếu tố thuộc về cộng đồng: người dân, doanh nghiệp; điều kiện phát triển kinh tế-xã hội...HTCT cấp cơ sở ở Hà Nội chỉ có thể thực hiện tốt chức năng của mình trong XDNTM khi có sự đồng bộ, tương thích giữa các yếu tố tạo nên; cũng như có mối quan hệ tương thích với môi trường bên ngoài.

Phương pháp logic-lich sử: HTCT cấp cơ sở thực hiện vai trò trong XDNTM vận động theo quy luật theo logic-lich sử. Sử dụng phương pháp logic-lich sử để phát hiện ra quy luật vận động và phát triển của quá trình thực hiện các vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Phát hiện những vấn đề có tính phổ biến lẫn đặc thù (riêng), sự phong phú, đa dạng và khuynh hướng phát triển đi lên của các vấn đề, sự hiện liên quan đến HTCT cấp cơ sở và XDNTM ở thành phố Hà Nội.

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Được sử dụng để thu thập, phân tích và khai thác thông tin từ các nguồn tư liệu liên quan đến đề tài luận án, gồm các công trình nghiên cứu; báo cáo, số liệu thống kê của chính quyền, ban ngành, đoàn thể, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến vấn đề nghiên cứu. Đó là các văn bản báo cáo về HTCT cấp cơ sở, sự tham gia của người dân trong XDNTM; các công trình nghiên cứu bàn về HTCT cấp cơ sở, XDNTM thông qua các sách chuyên khảo, bài viết tạp chí, các nghiên cứu đề tài khoa học, luận án khoa học, các hội thảo trong nước, quốc tế.

Đặc biệt, luận án đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu xã hội học:

+*Phương pháp phỏng vấn sâu:*

Trong nghiên cứu này tác giả lựa chọn phương pháp nghiên cứu phỏng vấn sâu để thu thập thông tin. Đề tài thực hiện từ 15 cuộc phỏng vấn sâu đối

với những cán bộ đang công tác tại các cơ quan thuộc HTCT cấp cơ sở và người dân - là những người trực tiếp tham gia vào quá trình XDNTM. Phương pháp này nhằm bổ sung thông tin cho nghiên cứu định lượng. Đặc biệt, những thông tin mang tính định tính, hồi cố chuyên sâu mà phiếu khảo sát không thể đo lường được (Nội dung hướng dẫn phỏng vấn sâu đã được đính kèm trong phụ lục của luận án).

+ Phương pháp điều tra bằng phiếu

Trong nghiên cứu này tác giả lựa chọn phương pháp nghiên cứu điều tra anket để thu thập thông tin. Đề tài thực hiện từ 310 người dân và 320 cán bộ cấp xã - là những người trực tiếp tham gia và thụ hưởng quá trình XDNTM. Thời gian tiến hành khảo sát ở các địa phương là vào các tháng 8, 9 và 10/2017 (Nội dung phiếu khảo sát được đính kèm trong phụ lục của luận án).

Mặc dù toàn thành phố Hà Nội hiện nay có 386 xã thuộc 18 huyện, tuy nhiên trong mẫu khảo sát tác giả lựa chọn ra 5 huyện và 30 xã để tiến hành phát phiếu điều tra đối với cán bộ thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở. Các huyện và xã này được lựa chọn khảo sát mang tính đại diện theo tiêu chí: Đạt huyện và xã NTM và chưa đạt huyện, xã NTM. Theo đó, có 2 huyện (Đan Phượng và Đông Anh đạt tiêu chí huyện NTM); 3 huyện (Ba Vì, Phúc Thọ và Mỹ Đức chưa đạt tiêu chí huyện NTM). Trong tổng số 30 xã được lựa chọn khảo sát có 20 xã đạt tiêu chí xã NTM và 10 xã chưa đạt tiêu chí xã NTM. Tổng số phiếu phát ra là 350 phiếu, tuy nhiên có 30 phiếu không đạt yêu cầu. Do vậy, chỉ thực tế tổng số cán bộ cấp xã được tham gia trả lời phiếu là 320 cán bộ. Cụ thể là:

Huyện Đông Anh có tổng số 23 xã đang tiến hành XDNTM, tác giả tiến hành khảo sát đối với 05 xã bao gồm: Bắc Hồng, Cổ Loa, Đại Mạch, Đông Hội, Dục Tú.

Huyện Ba Vì có 30 xã đang tiến hành XDNTM, tác giả tiến hành khảo sát ở 05 xã bao gồm: Ba Trại, Phú Cường, Phú Đông, Tân Hồng, Tân Lĩnh.

Huyện Đan Phượng có 15 xã đang tiến hành XDNTM, tác giả tiến hành khảo sát đối với 10 xã bao gồm: Đồng Tháp, Hạ Mỗ, Hồng Hà, Liên Hà, Liên Hồng, Liên Trung, Phương Đình, Song Phượng, Tân Hội, Thọ Xuân.

Huyện Mỹ Đức, có 21 xã đang tiến hành XDNTM, tác giả tiến hành khảo sát 05 xã, bao gồm: An Mỹ, An Phú, An Tiến, Bột Xuyên, Đại Hưng.

Huyện Phúc Thọ có 22 xã đang tiến hành XDNTM, tác giả tiến hành khảo sát 05 xã, bao gồm: Cẩm Đình, Hát Môn, Liên Hiệp, Long Xuyên, Thượng Cốc (xem bảng 1).

Tổng số phiếu phát ra đối với người dân trong các cộng đồng là 350, tuy nhiên chỉ có 310 phiếu đạt yêu cầu. Do vậy, tổng số người dân trong cộng đồng tham gia trả lời phiếu khảo sát có giá trị là: 310 người. Việc lựa chọn người dân tham gia khảo sát là mang tính chủ đích theo các tiêu chí đại diện về: giới tính, nhóm lứa tuổi, trình độ học vấn, mức sống, nghề nghiệp và mức độ tham gia XDNTM. Cụ thể là các địa bàn: xã Song Phượng và Tân Hội, huyện Đan Phượng; xã Dục Tú, huyện Đông Anh; xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì; xã Thượng Cốc, huyện Phúc Thọ; xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức (xem bảng 1).

5. Đóng góp mới của Luận án

- Luận án đã tập trung khảo sát, phân tích làm rõ vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM mang tính hệ thống, đồng bộ trên các khía cạnh: 1) Nắm bắt nghị quyết, chính sách và pháp luật về XDNTM; 2) Xây dựng chỉ tiêu thực hiện NTM; 3) Tuyên truyền, vận động XDNTM; 4) Tổ chức thực hiện XDNTM; 5) Huy động các nguồn lực XDNTM; 6) Kiểm tra, giám sát XDNTM; 7) Đề xuất, kiến nghị lên cơ quan, cấp có thẩm quyền.

- Những kết quả nghiên cứu mà luận án đưa ra liên quan đến vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM là đáng tin cậy, bởi vì được dựa trên cơ sở phương pháp luận, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu tổng kết, so sánh của chính trị học. Không những vậy, còn được sử dụng khá thành công phương pháp nghiên cứu khảo sát dựa trên bằng chứng bởi các dữ liệu định tính và định lượng của xã hội học.

- Kết quả nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM trên địa bàn thành phố Hà Nội đã chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế bất cập; cũng như các nguyên nhân và giải pháp nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện chương trình XDNTM ở Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Góp phần làm rõ hơn mô hình HTCT cấp cơ sở, từ cấu trúc, chức năng và vai trò của nó trong đời sống chính trị- xã hội.

- Góp phần làm sáng rõ những luận cứ khoa học cho việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong chương trình XDNTM ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Góp phần đưa ra luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng HTCT cấp cơ sở, phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở thành phố Hà Nội.

- Có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập và hoạt động thực tiễn liên quan đến chương trình XDNTM và xây dựng HTCT cấp cơ sở ở Việt Nam.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung chính của Luận án được chia thành 4 chương, 13 tiết.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VAI
TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ

1.1.1. Một số công trình nghiên cứu về hệ thống chính trị cấp cơ sở

Có thể nói, trong khoảng 20 năm trở lại đây chủ đề nghiên cứu về HTCT cấp cơ sở ở Việt Nam đã được khá nhiều các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Đặc biệt, năm 2002 Đảng ta đã ban hành Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá IX về *Đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở xã, phường, thị trấn*. Sau khi Nghị quyết này, chúng ta chứng kiến hàng loạt các công trình nghiên cứu về HTCT cấp cơ sở, dưới dạng: tạp chí, luận văn, luận án, đề tài, sách chuyên khảo... được nghiên cứu và công bố.

Trước hết, có thể kể đến những công trình nghiên cứu khá toàn diện về những vấn đề lý luận mang tính cơ bản, mối quan hệ giữa các thành tố của HTCT cấp cơ sở, thực trạng hoạt động của HTCT cấp cơ sở; HTCT cấp cơ sở và vấn đề dân chủ hóa... Theo khuynh hướng này có thể kể đến: Hoàng Chí Bảo (2004), *HTCT ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*. Trên cơ sở nghiên cứu HTCT cấp cơ sở của HTCT đang vận hành ở Việt Nam, tác giả đã chỉ ra HTCT ở cơ sở nông thôn có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, huy động mọi khả năng phát triển KT-XH, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư [11].

Trong khuôn khổ phân tích có thể kể đến các nghiên cứu của: Dương Xuân Ngọc (1998), *Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cấp xã ở nước ta hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [97]; Vũ Hoàng Công (2002), *HTCT cơ sở*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội [25]; Nguyễn Hữu Đồng (2009), *Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong HTCT Việt Nam hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [42]; Lê Minh Quân (2010), *Nhà nước trong HTCT ở Việt Nam hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [110]...

Thứ hai, dựa trên hướng tiếp cận luật học, chính trị học...nhóm các công trình nghiên cứu tập trung làm rõ vấn đề đổi mới, kiện toàn HTCT cấp cơ sở. Chẳng hạn, tác giả Nguyễn Huy Kiêm (2013), *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của HTCT cơ sở*. Tạp chí Tổ chức Nhà nước điện tử. <http://tcnn.vn>[75] đã phân phân tích làm vấn đề đặt ra của HTCT cấp cơ sở ở Việt Nam trên các khía cạnh: 1) Về nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng; 2) Tổ chức và hoạt động của chính quyền cơ sở; 3) Công tác mặt trận và các đoàn thể; 4) Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở.

Ngoài ra theo xu hướng này còn có thể kể đến các tác giả và công trình nghiên cứu: Đặng Thị Hiền (1993), *Đổi mới kiện toàn HTCT cấp cơ sở nông thôn (thông qua khảo sát thực tế của tỉnh Tuyên Quang)*[52]; Nguyễn Đức Truyền, Nguyễn Văn Thảo, Trần Xuân Sâm (đồng chủ biên) (1999), *Đổi mới và tăng cường HTCT ở nước ta trong giai đoạn mới*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội[154]; Lê Hữu Nghĩa (2001), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của chính quyền cơ sở*, Tạp chí Cộng sản, số 19[95]; Chu Văn Thành-Nguyễn Minh Phương (2002), *Góp phần kiện toàn chính quyền cơ sở*. Tạp chí Cộng sản, số 21[131]; Nguyễn Ngọc Lâm (2003), *Đổi mới, nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở*. Tạp chí Xây dựng Đảng, số 3[86]; Nguyễn Đức Hà (2004), *Đề nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT cơ sở*. Tạp chí *Xây dựng Đảng*, số 3[46]; Chu Văn Thành (2004), *HTCT cơ sở - Thực trạng và một số giải pháp đổi mới*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội[132]; Nguyễn Huy Kiêm (2013), *Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở trong giai đoạn mới*. Tạp chí Cộng sản, số 80[77]...

Thứ ba, theo hướng tiếp cận chính trị học, khoa học lịch sử...nhóm các công trình nghiên cứu tập trung vào đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT cấp cơ sở ở từng địa bàn, địa phương cụ thể. Trương Minh Dục (2014), *Nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cấp cơ sở ở Tây Nguyên*. Tạp chí Lý luận Chính trị, số 12 [31]. Bài viết cho rằng, việc xây dựng và củng cố HTCT cơ sở ở Tây Nguyên tuy đạt được nhiều thành công song còn chuyển biến chậm. Bộ máy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể chất lượng thấp; năng lực

lãnh đạo, trình độ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều nơi không sát dân, không nắm được tình hình trong nhân dân, chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện ở cấp xã trong tình hình hiện nay. Do đó, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cấp cơ sở ở Tây Nguyên là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết. Tác giả Phạm Đức Kiên (2015), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng HTCT cơ sở các tỉnh Tây Bắc hiện nay*. Tạp chí Lý luận chính trị điện tử. <http://lyluanchinhtri.vn> [78] đã tập trung phân tích các vấn đề: 1) Nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng; 2) Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở đáp ứng yêu cầu tình hình mới; 3) Hiệu quả và hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; 4) Đổi mới nội dung, hình thức hoạt động MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội.

Ngoài ra cũng còn có thể kể đến: Nguyễn Quốc Phẩm (2000), *HTCT cấp cơ sở và dân chủ hóa đời sống xã hội ở nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số các tỉnh miền Bắc nước ta*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [104]; Tô Huy Rúa, Nguyễn Cúc, Trần Khắc Việt (đồng chủ biên) (2003), *Giải pháp đổi mới hoạt động của HTCT ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [123]; Nguyễn Đức Hà (2004), *Bài học xây dựng, củng cố HTCT cơ sở xã, phường, thị trấn qua thực tiễn Thái Bình và Gia Lai*. Tạp chí xây dựng Đảng, số 4 [47]; Hồ Tấn Sáng (2007), *Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở ở Tây Nguyên*. Tạp chí Cộng sản, số 780 [112]; Nguyễn Quốc Phẩm (2009), *Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng trong HTCT cấp cơ sở vùng Tây Nam Bộ hiện nay*, Tạp chí Khoa học chính trị, số 2 [105]; Phan Sỹ Thanh (2014), *Xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh[133]...

Thứ tư, nhóm các công trình nghiên cứu về xây dựng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho HTCT cấp cơ sở. Theo hướng nghiên cứu này có thể kể đến các nghiên cứu ở góc độ khoa học xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước Lịch sử Đảng, Chính trị học...Có thể kể đến tác giả Nguyễn Linh Khiếu (2007), *Nâng cao nhận thức của đội ngũ nhà báo về HTCT cơ sở*.

www.tapchiconsan.org.vn[84]. Bài viết khẳng định, HTCT cơ sở có vai trò, vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội ta. Tích cực phản ánh, thiết thực góp phần xây dựng HTCT cơ sở là một nhiệm vụ quan trọng của báo chí cách mạng Việt Nam. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ này, cần không ngừng nâng cao nhận thức và trình độ của đội ngũ nhà báo về HTCT cơ sở; Tác giả Trịnh Thanh Tâm (2012), *Xây dựng đội ngũ nữ cán bộ chủ chốt của HTCT cấp xã (qua khảo sát thực tiễn ở đồng bằng sông Hồng)*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [124]. Cuốn sách đã khái quát và làm rõ những nội dung cơ bản của công tác xây dựng đội ngũ nữ cán bộ của HTCT cấp xã. Đồng thời, khẳng định vai trò và tầm quan trọng của công tác này. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn khá phong phú ở vùng đồng bằng sông Hồng, tác giả đã phân tích, nhận xét khách quan và đúc rút được những kinh nghiệm có giá trị. Bên cạnh đó, cuốn sách đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác xây dựng đội ngũ nữ cán bộ chủ chốt của HTCT cấp xã.

Ngoài ra còn có thể kể đến: Bùi Thị Hồng Tiến (1994), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong HTCT cấp cơ sở từ 1975 - 1993 (Qua thực tế một số tỉnh Nam Trung Bộ)*. Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [139]; Nguyễn Vũ Cân (2002), Tổng quan hội thảo *Xây dựng HTCT và đội ngũ cán bộ cơ sở*. *Tạp chí Cộng sản*, số 19[21]; Huỳnh Thị Gấm (2007), *Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong HTCT cấp huyện ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội [44] Nguyễn Thế Bình (2013), *Nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở - Từ công tác cán bộ*. *Tạp chí Cộng sản*, số 77[15]...

Thứ năm, nhóm các công trình nghiên cứu về vai trò của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện các lĩnh vực, nhiệm vụ chính trị cụ thể. Theo hướng nghiên cứu này có thể kể đến các nghiên cứu ở góc độ khoa học xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Lịch sử Đảng, Chính trị học, Luật học, Xã hội học... Võ Khánh Vinh (2015), *HTCT ở cơ sở phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên*, (mã số TN3/X03), đề tài thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015[160]. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề tài đã phân tích và xây dựng cơ

sở khoa học cho việc đổi mới, phát triển HTCT ở cơ sở, hiện thực hóa các mối quan hệ cơ bản trong HTCT ở cơ sở tại các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên theo hướng phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân, thực hành dân chủ trong các thiết chế quyền lực chính trị, tiếp tục phát huy dân chủ XHCN trong quá trình đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030; Tác giả Phạm Minh Anh (2011), *Vai trò của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới ở Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội [2]. Cuốn sách đã giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các cán bộ quản lý và bạn đọc có tài liệu tìm hiểu về những vấn đề trên theo hướng tiếp cận xã hội học để đánh giá vai trò của cán bộ lãnh đạo, quản lý trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới ở nước ta hiện nay.

Bên cạnh đó có thể kể đến các tác giả: Hoàng Chí Bảo (2004), *Cơ sở và HTCT ở cơ sở đối với ổn định và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*. Tạp chí Xã hội học, số 3[10]; Trần Đắc Hiền (2004), *HTCT cơ sở đối với việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở vùng nông thôn có đông tín đồ công giáo*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 1[51]; Đỗ Thị Thạch (2006), *HTCT cấp cơ sở với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân hiện nay*. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội [128]; Vi Thị Lan Phương (2013), *Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong việc thực hiện chính sách dân tộc*. Luận văn Thạc sĩ Chính trị học. Đại học Quốc gia Hà Nội [107];...

Thứ sáu, theo hướng tiếp cận phương pháp nghiên cứu luật học, chính trị học... còn có thể kể đến nhóm các công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa HTCT cấp cơ sở và dân chủ cơ sở. Theo đó, có thể kể đến các công trình nghiên cứu sau đây. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (2003), *Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và xây dựng chính quyền cấp xã ở nước ta hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [114]. Công trình đã cung cấp những luận cứ, luận chứng, dữ liệu rất quan trọng cho việc hoạch định đường lối, chính sách thực hiện phát huy dân chủ của chính quyền cấp xã phát triển nông thôn, nông nghiệp, nông dân nước ta trong thời kỳ đổi mới. Nhóm tác giả Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (2005), *Thể chế dân chủ và phát triển nông thôn Việt Nam*

hiện nay. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [113]. Cuốn sách đã tập trung làm rõ các nội dung: Dân chủ và HTCT ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới; Nông nghiệp Việt Nam sau 20 năm đổi mới-thành tựu và những vấn đề đặt ra; Thể chế dân chủ với ổn định và phát triển nông thôn Việt Nam; Một số vấn đề xây dựng chính quyền các cấp xã hiện nay; Tham khảo một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân chủ hóa cơ sở ở nước ngoài.

Trịnh Tố Tâm (2017), *Một số giải pháp phát huy dân chủ ở cơ sở*. <http://lyluanchinhtri.vn>[125]. Bài viết khẳng định, tiến trình dân chủ hóa xã hội cũng là quá trình xây dựng và hoàn thiện không ngừng của pháp luật. Dân chủ càng cao thì pháp luật càng chặt chẽ, khoa học. Để dân chủ cơ sở được phát huy và đi vào cuộc sống phải được cụ thể hóa và quy định trong hệ thống pháp luật. Pháp luật thực thi dân chủ cơ sở là sự cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề này, quy định các nội dung: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ; quy định cách thức, phương pháp để người dân thể hiện quyền làm chủ. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện những cơ chế bảo đảm dân chủ trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đảng phải là tấm gương về dân chủ trong tổ chức và hoạt động của mình. Nâng cao hiệu quả hoạt động của chế độ thực hành dân chủ trong các cơ quan, đơn vị nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Ngoài ra có thể kể đến: Phan Xuân Sơn (chủ biên) (2002), *Các đoàn thể nhân dân với việc bảo đảm dân chủ ở cơ sở hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [121]; Phạm Quang Nghị (2002), *Phát huy quyền làm chủ của nhân dân xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh*. Tạp chí Cộng sản, số 21 [93]; Lương Gia Ban (2003), *Dân chủ và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội; Đỗ Nguyên Phương (2004), *Thực hiện quy chế dân chủ gắn với xây dựng HTCT cơ sở*. Tạp chí Cộng sản, số 9[108]; Trịnh Duy Luân (2002), *HTCT cơ sở ở nông thôn qua ý kiến người dân*. Tạp chí Xã hội học, số 1 [88]; Phan Xuân Biên (2005), *Một số vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao chất lượng HTCT cấp cơ sở*. Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh [16]; Nguyễn Dương Hùng (2008), *Kiến toàn hệ thống chính trị ở xã nhằm thực*

hiện quyền làm chủ của nhân dân vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay. Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [68]; Hoàng Đức Sơn (2009), *Phát huy quyền lực chính trị của dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.* Tạp chí Lý luận chính trị, số 5[122]...

Thứ bảy, nhóm các nghiên cứu tập trung phân tích HTCT cấp cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội. Chẳng hạn, tác giả Trần Quang Cảnh (2011), *Để phát huy sức mạnh của HTCT cơ sở Hà Nội.* www.tapchiconsan.org.vn [20]. Bài viết đã tập trung phân tích vai trò của HTCT cấp cơ sở trước yêu cầu của công cuộc đổi mới, thực hiện CNH, HĐH của thủ đô Hà Nội. Bài viết đề ra yêu cầu để phát huy sức mạnh của HTCT ở cơ sở, Hà Nội tập trung thực hiện một số nội dung cụ thể sau: 1) tiếp tục thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của đảng bộ cơ sở; 2) tập trung củng cố, xây dựng bộ máy chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, thật sự là chính quyền “*của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*”; 3) tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 2-6-2010 của Thành ủy Hà Nội về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; 4) làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của địa phương đến từng đối tượng quần chúng ở cơ sở; 5) quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ năng lực, phẩm chất, đạo đức và lối sống lành mạnh, trung thành với lý tưởng cách mạng. Ngoài ra có thể kể đến, ngay từ thập niên 90 của thế kỷ XX, chủ đề nghiên cứu này được biết đến bởi tác giả Lưu Minh Trị (1993), *Đổi mới và kiện toàn HTCT ở cơ sở nông thôn ngoại thành Hà Nội (cấp xã) trong giai đoạn hiện nay.* Luận án Tiến sĩ Triết học, Hà Nội [152]; Dương Xuân Ngọc (2003), *Thực hiện dân chủ trong các Đảng bộ xã ngoại thành Hà Nội hiện nay.* Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [98]; Nhật Tân (2003), *Hà Nội sau 5 năm xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.* Tạp chí Cộng sản, tháng 11[126].

1.1.2. Một số nghiên cứu về hệ thống chính trị trên thế giới

Nghiên cứu về HTCT là một chủ đề khoa học quan trọng được các nhà khoa học chính trị trên thế giới hết sức quan tâm. Cho đến nay chủ đề này đã có hàng trăm công trình nghiên cứu đã được công bố. Trong khuôn khổ nghiên cứu của luận án, có thể đề cập đến một số tác giả và công trình nghiên cứu tiêu biểu như sau:

Nghiên cứu của Dr. Dana de la Fontaine và Dr. Thomas Stehnen: *The Political System of Brazil*, Springer, 2015 [1]. Công trình nghiên cứu đã đánh giá quá trình thay đổi kể từ khi Braxin trở thành nước dân chủ vào những năm 1980. Các học giả hàng đầu Brazil và quốc tế đã kiểm tra một cách nghiêm túc sự phát triển của HTCT tập trung vào chính quyền Lula và Rousseff.

Nghiên cứu của Louis D Hayes: *Political Systems of East Asia: China, Korea, and Japan*, Routledge, New York, 2012[3]. Trong đó nhấn mạnh, không giống như các quy ước của 'nhà nước' phương Tây, "HTCT Đông Á" chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Nho giáo. Điều này giải thích cách thức mà mỗi quốc gia đã sử dụng truyền thống được chia sẻ này, và nó đã ảnh hưởng như thế nào đến động lực nội bộ của đất nước, phản ứng với thế giới bên ngoài và sự phát triển chính trị của chính nó.

Nghiên cứu của Sung Chul Yang: *North & South Korean Political Systems*, Hollym International Corp, New York, 2001[14]. Cuốn sách phân tích toàn diện các HTCT và các quy trình chính trị của Bắc Triều Tiên và Hàn Quốc theo một quan điểm có hệ thống và so sánh. Nó xem xét sự tiến hóa và phát triển của các hệ thống từ năm 1945 đến nay. Không giống như tình hình ở các quốc gia khác, giữa hai miền Triều Tiên phát sinh không phải từ các nền văn hóa và dân tộc khác nhau mà là từ các HTCT và kinh tế đối lập hoàn toàn.

Nghiên cứu của Melusky, Joseph A: *The American political system: An owner's manual*, Boston: McGraw - Hill, 2000[9]. Sử dụng “phương pháp tiếp cận hệ thống”, Melusky cung cấp một bản đồ khái niệm về HTCT lớn và phức tạp của Mỹ. Bao gồm nền tảng, cấu trúc và các bộ phận của nó; vai trò của Hiến pháp, các bên, bỏ phiếu, đại hội, tổng thống, chính sách công, chính quyền tiểu

bang và địa phương, và các nhóm lợi ích; mối quan hệ giữa các bộ phận của nó; mối quan hệ của toàn bộ hệ thống với các hệ thống của các quốc gia khác; mối quan hệ của toàn bộ hệ thống với các hệ thống kinh tế và xã hội...

Ngoài ra còn có thể kể đến các nghiên cứu của Denis Derbyshire và Ian Derbyshire: *Political Systems of the World*, Palgrave Macmillan, New York, 1996 [2]; Simon Hix and Bjørn Høyland: *The Political System of the European Union*, Palgrave Macmillan, New York, 2011[8]; Meyer Fortes: *African Political Systems*, Hesperides Press, 2013; Zhongqing Yin: *China's Political System*, Cengage Learning Asia Pte Ltd, 2012[4]; Ken Kollman: *The American Political System*, W. W. Norton & Company, New York, 2013[6]; Narelle Miragliotta, Wayne Errington và Nicholas Barry: *The Australian Political System in Action*, Oxford University Press, 2009[7]...

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ CHỦ ĐỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1.2.1. Một số công trình nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam

Có thể nói chủ đề nghiên cứu khoa học về XDNTM ở Việt Nam mới được bắt đầu trong khoảng 7-9 năm trở lại đây, tuy nhiên đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học theo các hướng nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, nhóm các nghiên tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản của chương trình XDNTM ở Việt Nam. Theo xu hướng này có thể kể đến: Hồ Xuân Hùng (2010), *XDNTM là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và nhân dân ta*. <http://www.tapchiconsan.org.vn>[66]. Bài viết đã nêu rõ nội dung nông thôn và nông thôn xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện ở ba chức năng: chức năng về sản xuất nông nghiệp, gìn giữ bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc và bảo đảm môi trường sinh thái. Tác giả cũng nhấn mạnh một số biện pháp và điều kiện nhằm thực hiện 19 tiêu chí Quốc gia về XDNTM trong giai đoạn hiện nay. Tác giả Vũ Văn Phúc và các cộng sự (2014), *XDNTM- những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [106]. Cuốn sách đã nêu những vấn đề lý luận chung về XDNTM; Kinh nghiệm quốc tế về XDNTM; Những chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, nông dân và XDNTM; Thực tiễn XDNTM ở các địa

phương ở Việt Nam. Đặc biệt thực tiễn xây dựng NTM khá phong phú ở một số tỉnh: Lào Cai, Nghệ An, Phú Thọ, Ninh Bình, Thái Nguyên, Lai Châu... Bên cạnh đó, cuốn sách cũng phân tích kết quả đạt được, hạn chế và vấn đề đặt ra trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM. Trên cơ sở đó tác giả đề xuất các nội dung, giải pháp: Về công tác tuyên truyền; Về tổ chức sản xuất; Về phát triển kinh tế nông thôn; Về giải quyết những mâu thuẫn ở nông thôn; Về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và xây dựng người nông dân mới chủ thể của nông thôn là hạt nhân để XDNTM.

Trong khi đó tác giả Trần Minh Yên (2013), *XDNTM-Khảo sát và đánh giá*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội [177] đã khẳng định: XDNTM là một chương trình rộng lớn được triển khai trên phạm vi cả nước. Sau thời gian thực hiện thí điểm, chương trình đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy vậy, vẫn cần phải có một sự khảo sát, đánh giá nghiêm túc để góp phần giải đáp một số thắc mắc được đặt ra. Tác giả Dương Thị Bích Diệp (2014), *Chương trình XDNTM ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 8[29]. Bài viết đã tập trung phân tích thực trạng triển khai chương trình XDNTM tại 11 xã điểm do Trung ương chỉ đạo; nguyên nhân dẫn tới hạn chế, bất cập; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương XDNTM trên cả nước. Tác giả Lê Hữu Nghĩa (2009), *XDNTM ở Việt Nam - những vấn đề đặt ra và giải pháp*, tại trang <http://www.tapchiconsan.org.vn> [96], đã nêu thực trạng XDNTM trong thời kỳ đổi mới vừa qua, để thấy được những thành tựu và những yếu kém, bất cập. Từ đó đề ra nhiệm vụ và giải pháp XDNTM ở Việt Nam: 2) Xây dựng và phát triển nông nghiệp hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn phù hợp với đặc điểm từng vùng; 2) Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn hiện đại, gắn với phát triển đô thị và đô thị hóa; 3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm ổn định, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn nhất là vùng khó khăn; 4) Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn.

Ngoài ra có thể kể đến nhóm tác giả Tô Xuân Dân, Lê Văn Viện, Đỗ Trọng Hùng (2013), *XDNTM ở Việt Nam: Tầm nhìn mới, tổ chức quản lý mới, bước đi mới*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội [27]. Cuốn sách đã tiếp cận hệ thống, toàn diện và cung cấp cách nhìn khá rộng mở cho việc đổi mới triệt để nhận thức về vai trò của nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước trong hội nhập và phát triển. Tập thể tác giả phác thảo những yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra cũng như gợi ý cách triển khai về tổ chức phát triển và XDNTM như: 1) Tổ chức xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn; 2) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với thị trường; 3) Vận dụng mô hình sản xuất kinh doanh đa dạng và tổ chức quản lý phù hợp; 4) Khơi dậy nguồn lực phát triển mới thông qua ứng dụng khoa học, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực; 5) Tổ chức nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, từ đó tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn đi lên. Đồng thời, cuốn sách cung cấp kỹ năng cần thiết về thực thi pháp luật, khả năng quản lý đối với cán bộ nông thôn nhằm triển khai thắng lợi chương trình XDNTM.

Thứ hai, tiếp cận ở góc độ kinh tế học nhóm các công trình nghiên cứu tập trung làm rõ mối liên hệ giữa XDNTM và phát triển kinh tế. Chẳng hạn, tác giả Trần Hồng Quảng (2015), *Kinh tế nông thôn trong XDNTM ở huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [111] đã nghiên cứu đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về kinh tế nông thôn trong XDNTM. Phân tích và đánh giá thực trạng kinh tế nông thôn trong XDNTM ở huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình trong thời gian qua. Đề xuất quan điểm và giải pháp phát triển kinh tế nông thôn trong quá trình XDNTM ở huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020. Tiếp tục theo xu hướng này tác giả Phan Văn Hiếu (2017), *Kinh tế tập thể trong XDNTM ở tỉnh Quảng Ngãi*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [54]. Nghiên cứu đã hệ thống hóa và làm rõ điểm mới cơ sở lý luận về kinh tế tập thể trong xây dựng NTM trước yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Tìm hiểu và

nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn về phát triển kinh tế tập thể trong xây dựng NTM trên thế giới và trong nước làm làm cơ sở khoa học và thực tiễn để phân tích ở tỉnh Quảng Ngãi. Luận án đã tiến hành phân tích và đánh giá thực trạng kinh tế tập thể trong xây dựng NTM ở tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến nay. Trong đó tập trung phân tích nhằm làm rõ những thành tựu, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của thực trạng phát triển kinh tế tập thể trong XDNTM ở tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở đó, đề xuất quan điểm, phương hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể trong xây dựng NTM ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Tác giả Nguyễn Văn Hùng (2015), *XDNTM trong phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Bắc Ninh*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [65]. Luận án đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về XDNTM trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cấp tỉnh. Trên cơ sở xác định những tiềm năng cùng với những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến quá trình XDNTM ở tỉnh Bắc Ninh; đánh giá thực trạng XDNTM trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo 11 nội dung (19 tiêu chí). Đặc biệt luận án đã phân tích làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế cũng như nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đó. Từ đó công trình nghiên cứu đã đề xuất phương hướng, giải pháp XDNTM trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh giai đoạn đến năm 2020.

Không những vậy, có thể kể đến tác giả Nguyễn Quốc Thái và các cộng sự (2012), *Tín dụng hỗ trợ XDNTM ở Việt nam - một số vấn đề lý thuyết*. Đề tài cấp cơ sở, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh[129]. Nghiên cứu đã nêu hiện trạng và nhu cầu vốn XDNTM ở Việt Nam; Vai trò của tín dụng hỗ trợ XDNTM, tính tất yếu phải tăng cường tín dụng hỗ trợ XDNTM; các yêu cầu của tín dụng hỗ trợ XDNTM. Trên cơ sở kinh nghiệm của một số quốc gia về cung cấp tín dụng hỗ trợ xây dựng nông thôn, đề tài đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam về chính sách tín dụng hỗ trợ XDNTM đó là: tăng cường khả năng cung ứng tín dụng; hoàn thiện cơ chế, quy trình và thủ tục trong tín dụng; giám sát, kiểm tra, thanh tra và tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động tín dụng hỗ trợ XDNTM. Tác giả Đoàn Phạm Hà Trang (2011), *XDNTM: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính*". <http://www.tapchicongsan.org.vn>

[151] đã khẳng định: quy hoạch xây dựng NTM nhất thiết phải được tính đến một cách tổng thể từ trên xuống, để quy hoạch của mỗi làng xã phải nằm trong chỉnh thể toàn quốc, khu vực, địa phương trong mối liên hệ với kinh tế, xã hội, môi trường, sinh thái, khí hậu, thổ nhưỡng, quốc phòng... từ cấu trúc kiến trúc, cấu trúc dân cư, cấu trúc hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, hạ tầng xã hội, vừa phải đa dạng, bền vững trong xu thế phát triển chung của đất nước. Để thực hiện tốt chương trình, nguồn vốn sẽ được huy động bằng nhiều cách như: Nhà nước, nhân dân đóng góp, các nguồn tài trợ, sự hỗ trợ vốn từ các ngân hàng... với phương châm vẫn phải phát huy nội lực là chính.

Ngoài ra có thể kể đến: Bùi Tất Thắng (2011), *Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong XDNTM*. Tạp chí Xã hội học, số 3[136]; Nguyễn Ngọc Hà (2012), *Đặc điểm kinh tế vùng và những vấn đề đặt ra trong XDNTM*. Tạp chí Lý luận chính trị, số 2[45]; Trần Tiên Khai (2015), *Tổ chức xây dựng NTM ở thành phố Hồ Chí Minh: Nhìn từ lý luận và thực tiễn*. Nxb Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh [81]...

Thứ ba, từ hướng tiếp cận triết học, xây dựng Đảng nhóm các nghiên cứu hướng đến phân tích làm rõ mối quan hệ giữa XDNTM và lĩnh vực chính trị. Chẳng hạn, tác giả Phạm Huỳnh Minh Hùng (2017), *Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [64]. Luận án đã trình bày tổng quan về những công trình nghiên cứu có liên quan đến vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM. Đồng thời, trình bày khái quát một số vấn đề lý luận về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM và những nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM. Đặc biệt, tác giả đã phân tích khá thành công thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM ở đồng bằng sông Cửu Long, cũng như các nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó. Bên cạnh đó tác giả đề xuất một số quan điểm định hướng và giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. Tác giả Lê Quốc Khởi (2017), *Các tình huống ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo XDNTM trong giai đoạn hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí

Minh [74]. Nội dung cốt lõi của công trình nghiên cứu này là đã phân tích, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với xây dựng NTM. Tác giả đã tập trung nghiên cứu khảo sát, đánh giá thực trạng các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng NTM từ 2010 đến nay. Trên cơ sở đó, luận án đã chỉ rõ nguyên nhân, rút ra kinh nghiệm, đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long đối với quá trình XDNTM.

Cùng xu hướng này có nghiên cứu của tác giả Đào Thanh Lương (2018), *Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo XDNTM giai đoạn hiện nay*. Luận án TS Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội [89]. Điểm thành công của luận án là đã tập trung nghiên cứu, làm rõ các vấn đề: 1) các khái niệm công cụ có liên quan đến đề tài: NTM, XDNTM; đặc trưng của NTM; đặc điểm, tầm quan trọng của XDNTM ở đồng bằng sông Hồng và phương thức XD NTM ở vùng này; 2) vai trò, chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng NTM của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng; 3) xác lập và luận giải khái niệm, nội dung, phương thức, những vấn đề có tính nguyên tắc và quy trình lãnh đạo xây dựng NTM của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng; 4) khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo xây dựng NTM; 5) dự báo thuận lợi, khó khăn, xác định phương hướng và đề xuất những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo xây dựng NTM của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng ...

Thứ tư, ở góc độ tiếp cận tổng hợp nhóm các nghiên cứu tập trung vào phân tích đánh giá kết quả thực hiện các mô hình XDNTM. Theo xu hướng này có thể kể đến tác giả Hồ Xuân Hùng (2017), *Hoàn thiện mô hình NTM ở nước ta đến năm 2020*. <http://dangcongsan.vn> [64]. Tác giả rằng rằng, để khắc phục những khó khăn, tồn tại trên, thiết nghĩ, cần tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, từ đó định hướng rõ mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể cho xây dựng NTM đến năm 2030 và có chương trình, nội dung đào tạo về xây dựng NTM cho cán bộ của Đảng và Nhà nước ở các cấp trong hệ thống trường Đảng. Vấn đề hoàn thiện lý luận và thực tiễn xây dựng NTM là vấn đề rộng lớn và mới, do

đó cần phải tiếp tục tổng kết, đánh giá thực tiễn xây dựng, phát triển NTM ở nước ta để không ngừng hoàn thiện lý luận và thực tiễn. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện để các tổ chức và cá nhân tiếp tục một số đề tài khoa học phục vụ kịp thời cho quá trình xây dựng NTM.

Ngoài ra có thể kể đến tác giả Vũ Hoàng Quang (2014), *Đánh giá tác động của các chính sách XDNTM ở Việt Nam*. Viện Nghiên cứu chính sách nông nghiệp, nông thôn [109]. Nghiên cứu đã tập trung luận giải về cách tiếp cận và phương pháp đánh giá tác động của các chính sách xây dựng NTM; Phân tích, đánh giá tác động tích cực, tiêu cực của các chính sách xây dựng NTM đến đối tượng hưởng lợi ở Việt Nam những năm qua; Đề xuất bổ sung, hoàn thiện các chính sách xây dựng NTM phù hợp với điều kiện Việt Nam đến năm 2020. Nhóm tác giả Phan Xuân Sơn, Nguyễn Cảnh (2008), *Xây dựng mô hình NTM ở nước ta hiện nay*. <http://www.tapchicongsan.org.vn> [120]. Đã phân tích chủ yếu ba vấn đề: *thứ nhất*, nông thôn Việt Nam trước yêu cầu mới; *thứ hai*, hình dung ban đầu về những tiêu chí của mô hình NTM; *thứ ba*, về những nhân tố chính của mô hình NTM như: kinh tế, chính trị, văn hóa, con người, môi trường... Các nội dung trên trong cấu trúc mô hình NTM có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Nhà nước đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành quá trình hoạch định và thực thi chính sách, xây dựng đề án, cơ chế, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nguồn lực, tạo điều kiện, động viên tinh thần. Nhân dân tự nguyện tham gia, chủ động trong thực thi và hoạch định chính sách. Từ thực tiễn mô hình XDNTM ở tỉnh Quảng Trị, tác giả Hồ Ngọc Hy (2014), *Mô hình sản xuất lớn trong nông nghiệp - động lực của quá trình tái cơ cấu, XDNTM ở tỉnh Quảng Trị*. Tạp chí Cộng sản số chuyên đề cơ sở 96 [71] đã phân tích thực trạng của các mô hình sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Quảng Trị qua ba năm (2011- 2013) như: mô hình trong cơ giới hóa đồng ruộng; mô hình vùng sản nguyên liệu tập trung; mô hình sản xuất nông nghiệp; mô hình cây công nghiệp dài ngày.

Ngoài ra còn có thể kể đến: Vũ Thanh Vân (2009), *Bắt cập trong xây dựng mô hình NTM*, Tạp chí Tài chính doanh nghiệp [157]; Đỗ Kim Chung (2012), *Một số vấn đề đặt ra và giải pháp xây dựng mô hình NTM cấp xã*. Kỳ yếu nghiên cứu Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn [24]; Nguyễn Quang Thuần (2011), *Vấn đề XDNTM ở Việt Nam*, Tạp chí Xã hội học, số 3

[147]; Nguyễn Đức Truyền (2013), *Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển KT-XH NTM, kết hợp truyền thống làng xã Việt Nam với văn minh thời đại- Tổng kết mô hình kinh tế nông hộ*. Trường cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 2...[155].

Thứ năm, bằng phương pháp tiếp cận xã hội học, chính trị học...có nhóm các nghiên cứu tập trung phân tích làm rõ vấn đề dân chủ, vai trò, sự tham gia và phương thức tham gia của các chủ thể trong XDNTM, đặc biệt là người nông dân. Theo đó, có thể thể đến. Nguyễn Xuân Thắng (2013), *Trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp và XDNTM*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 5 [138]. Tác giả cho rằng bối cảnh của Việt Nam, một xã hội còn có tới gần 70% dân số đang sống ở khu vực nông thôn. Vấn đề đặt ra về mặt khoa học xã hội là làm thế nào để quan điểm của Đảng về “Vai trò chủ thể” của giai cấp nông dân thực sự được nhìn nhận đúng trong toàn xã hội và theo đó, tinh thần này được thực hiện hiệu quả trong toàn bộ công tác phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM hiện nay. Tác giả Phan Anh Tuấn (2017), *Phương thức tham gia của người dân vào quá trình chính sách công ở Việt Nam hiện nay (Qua nghiên cứu chính sách XDNTM)*. Luận án tiến sĩ Chính trị học- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh[156]. Tác giả đã phân tích và đánh giá thực trạng phương thức tham gia của người dân vào quá trình chính sách XDNTM; chỉ rõ những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế về phương thức tham gia của người dân vào quá trình chính sách XDNTM. Tác giả Nguyễn Thị Loan Anh (2015), *Để phát huy vai trò của nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội, XDNTM*. www.tapchicongsan.org.vn [3]. Bài viết cho rằng, để nông dân phát huy vai trò chủ thể trong phát triển kinh tế - xã hội, XDNTM, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp đối với nông dân nói riêng cũng như cấp ủy Đảng, chính quyền và các cấp hội nông dân nói chung. Tác giả Nguyễn Linh Khiếu (2017), *Vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM*. <http://www.tapchicongsan.org.vn> [83] đã tập trung vào phân tích các khía cạnh: 1) nông dân chủ thể nhận thức tầm quan trọng, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về XDNTM; 2) nông dân là chủ thể thực hiện các chương trình, kế hoạch phát

triển kinh tế nông thôn; 3) nông dân là người thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng NTM; 4) nông dân là chủ thể mọi hoạt động văn hóa, xã hội, trật tự, an ninh ở nông thôn; 5) nông dân có vai trò quan trọng góp phần xây dựng HTCT cơ sở. Tác giả Hà Thị Thùy Dương (2016), *Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong XDNTM*. <http://www.tapchiconsan.org.vn>[32]. Tác giả cho rằng, XDNTM là chủ trương, chính sách lớn của Nhà nước, nhằm tạo ra sự chuyển biến sâu sắc, toàn diện về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội ở NTM. Chương trình này đòi hỏi nguồn lực rất lớn. Từ thực tiễn XDNTM ở nước ta thời gian qua, một kinh nghiệm được rút ra là phải phát huy tốt vai trò chủ thể của người dân.

Không những vậy, các nghiên cứu còn tập trung làm rõ mối quan hệ giữa XDNTM và dân chủ cơ sở, vai trò của người dân và các tổ chức xã hội trong tham gia XDNTM của từng địa bàn, khu vực, tỉnh thành. Chẳng hạn, tác giả Nguyễn Hoài Nam (2012), *Nghiên cứu sự tham gia của người dân trong XDNTM*. Luận văn Ths Kinh tế nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên [92]; Tô Duy Hợp (2012), *Mở rộng dân chủ đồng thời phải tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền dân chủ trong XDNTM*, Tạp chí Văn hóa Nghệ An, điện tử. www.vanhoanghean.com.vn/[60]; Quách Thị Hương (2013), *Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong XDNTM qua thực tiễn tỉnh Hưng Yên*, Luận văn Ths Chính trị học, Đại học Quốc gia Hà Nội [69]; Đỗ Thị Hồng Nhung (2014), *Nghiên cứu sự tham gia của người dân trong XDNTM tại một số xã thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn Ths Phát triển cộng đồng, Thái Nguyên[103]; Đại học Thái Nguyên (2014), *Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy sự tham gia của người dân trong XDNTM tại xã Thượng Hóa, huyện Đông Hỷ, Thái Nguyên*. Đề tài cấp Bộ [33]; Nguyễn Đình Kiên (2014), *Nghiên cứu sự tham gia của người dân và các tổ chức xã hội trong xây dựng mô hình NTM tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên*. Nxb Đại học Nông lâm Thái Nguyên[76]; Trần Tô Nhân (2016), *Sự tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội của người nông dân trong XDNTM* (nghiên cứu trường hợp huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng). Luận văn Ths Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [101]; Phạm Thị Bích Ngọc (2017), *Vai*

trò của người Công giáo trong XDNTM (nghiên cứu trường hợp giáo xứ Văn Hải huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình). Luận văn Ths Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [99]...

1.2.2. Một số công trình nghiên cứu xây dựng nông thôn ở thành phố Hà Nội

Trong khuôn khổ tổng quan không thể không đề cập đến nhóm các công trình nghiên cứu về XDNTM ở thành phố Hà Nội. Mặc dù chưa nhiều, tuy nhiên chủ đề nghiên cứu bàn đến vấn đề XDNTM ở thành phố Hà Nội có thể kể đến một số nghiên cứu của các tác giả: Nguyễn Minh Hòa (2010), *Khái niệm NTM vùng đô thị Hà Nội*. <http://www.baoxaydung.com.vn> [57]. Cần phải xây dựng tam nông nông mới. Việc Hà Nội mở rộng ôm vào mình rất nhiều vùng đất nông nghiệp và núi cao với một diện tích quá lớn, dân số nông dân quá đông, do vậy không thể một sớm một chiều biến tất cả thành thị dân ưu tú và đời sống với chất lượng cao. Đồng thời cũng không nên tính đến việc thanh toán sạch sẽ “tam nông” như một số người mong muốn. Con đường tốt nhất là từng bước phát triển để thay đổi theo hướng tạo ra một vùng đô thị - nông thôn hiện đại kết hợp hài hòa giữa đô thị và nông thôn. Tác giả Phùng Văn Hải (2015), *Kết quả và kinh nghiệm trong lãnh đạo XDNTM ở Ba Vì (Hà Nội)*. www.lyluanchinhtri.vn/. [48]. Đảng bộ huyện Ba Vì đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng lòng chung tay XDNTM, với sự vào cuộc của cả HTCT, nhiều doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân.

Ngoài ra còn có thể kể đến: Nguyễn Thị Huệ (2014), *Việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình XDNTM ở thủ đô Hà Nội*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [61]. Luận án hệ thống lại lý luận về vấn đề việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở thủ đô Hà Nội. Luận án đã phân tích thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp ở Thủ đô Hà Nội gắn với thời kỳ xây dựng nông thôn mới. Luận án đã đưa ra một cái nhìn tổng thể về thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp gắn với quá trình XDNTM ở Hà Nội giai đoạn 2008 -2013. Luận án đã phân tích ra những tác động qua lại giữa quá trình thực hiện

XDNTM tới việc làm cho lao động nông nghiệp trong điều kiện đặc thù của Hà Nội. Đặc biệt đề xuất các giải pháp liên quan đến: 1) sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền, nhận thức của các cấp, các ngành về giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp trong XDNTM; 2) phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tạo nhiều chỗ làm việc cho lao động nông nghiệp trong XDNTM ở Hà Nội; 3) tuyên truyền trong việc đào tạo, đào tạo lại, dạy nghề, tạo việc làm, tư vấn học nghề cho lao động nông nghiệp trong XDNTM; 4) thực hiện đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong XDNTM; 5) tăng cường quản lý nhà nước đối với thị trường lao động, giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong XDNTM.

Bên cạnh đó có thể kể đến các nghiên cứu của: Trần Văn Nghĩa (2016), *XDNTM ở các huyện của Hà Nội - những kinh nghiệm bước đầu*. [http://lyluanchinhtri.vn/\[94\]](http://lyluanchinhtri.vn/[94]); Nguyễn Hoàng Mỹ Hạnh (2015), *Đẩy mạnh chương trình XDNTM ở Hà Nội, Luận văn Ths Quản lý kinh tế*. Đại học Quốc gia Hà Nội [49]; Thành ủy Hà Nội (2014), *Hội thảo Bàn về giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy chương trình XDNTM tại thành phố Hà Nội* [127]...

1.2.3. Một số nghiên cứu về xây dựng và phát triển nông thôn mới trên thế giới

XDNTM và phát triển khu vực: nông nghiệp, nông dân và nông thôn là một vấn đề quan trọng đã được nhiều nước trên thế giới quan tâm. Đặc biệt là các quốc gia có cùng hoàn cảnh tương đồng với Việt Nam, như: Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Lào... Từ nhu cầu thực tiễn và lý luận khoa học đã có không ít các công trình nghiên cứu về chủ đề này đã được công bố. Trong khuôn khổ nghiên cứu của luận án có thể kể đến các tác giả và công trình nghiên cứu sau đây: Robert Chamber (1991), *Phát triển nông thôn - Hãy bắt đầu từ những người cùng khổ*. Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp. Hà Nội [23]. Cuốn sách đã nhằm vào việc thay đổi nhận thức về những người nghèo ở nông thôn. Tác giả khẳng định, để phát triển nông thôn phải bắt đầu từ sự chủ động của người nghèo. Trong khi đó, lực

lượng cán bộ của các tổ chức bên ngoài chỉ hoạt động như những người trợ giúp, trong khi người dân và cộng đồng địa phương mới là những người thực hiện và quản lý quá trình phát triển của chính họ, thông qua một loạt các công cụ được liên tục cải biến và hoàn thiện.

Tác giả Frak Ellis (1994), *Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội[43]. Cuốn sách đã nêu lên những vấn đề cơ bản của chính sách nông nghiệp các nước đang phát triển thông qua việc nghiên cứu lý thuyết, khảo cứu thực tiễn ở nhiều quốc gia châu Á, châu Phi, châu Mỹ La Tinh. Cuốn sách đề cập đến vấn đề phát triển vùng, chính sách hỗ trợ đầu vào, đầu ra cho sản xuất. Đặc biệt, cuốn sách nêu lên mô hình thành công, thất bại trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn và giải quyết vấn đề nông dân.

Tác giả Benedict J. Tria Kerrkvliet, Jamesscott (2000), *Một số vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam*. Nxb Hà Nội [17]. Cuốn sách đã nghiên cứu về vai trò và đặc điểm của nông dân, thiết chế nông thôn ở một số nước trên thế giới và những bước đầu trong nghiên cứu làng truyền thống ở Việt Nam. Những điểm đáng chú ý của công trình này có giá trị tham khảo cho nghiên cứu phương thức tham gia của người dân vào chính sách NTM ở Việt Nam như: nông dân với khoa học, hệ tư tưởng của nông dân.

Ngoài ra còn có thể kể đến các nghiên cứu của: Samuel L. Popkin, 1979. *The Rational Peasant. The political Economy of rural Society in Vietnam*. University of California Press [5]; Ole Odgaard (1992), *Kinh tế tư nhân ở nông thôn Trung Quốc - Sự tác động đến phân tầng xã hội và phát triển nông nghiệp*, Avebury Press [20]; Kenglao Bliayao (2007), *Quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn Lào từ 1975 đến 2000*. Luận án Tiến sĩ Lịch sử thế giới cận-hiện đại. Đại học Sư phạm Hà Nội I[82]...

Đáng chú ý là các nghiên cứu về HTCT và XDNTM ở Trung Quốc và Lào. Đây là những quốc gia có sự tương đồng về bối cảnh chính trị, kinh tế-xã hội với Việt Nam. Chẳng hạn, tại Lào có các nghiên cứu của: La Chay Sinh Xu Van (2012), *Đổi mới HTCT cấp cơ sở ở nông thôn Lào hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh[85]. Tác giả khái quát lý luận và thực tiễn HTCT cấp cơ sở ở nông thôn Lào, trình bày thực trạng, quan điểm, giải pháp đổi mới HTCT cơ sở ở nông thôn Lào hiện nay.

Tác giả Bun-Thoong Chít-ma-ni (2011), *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo XDNTM trong giai đoạn hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [19]. Luận án nêu đặc điểm của nông thôn Lào, quan niệm về NTM và xây dựng NTM ở Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào; quan niệm, nội dung, phương thức Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng NTM; rút ra những kinh nghiệm, đề xuất một số giải pháp có tính đặc thù, khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong việc xây dựng NTM hiện nay. Ngoài ra có thể đến các nghiên cứu của: Xay phon Thôm Pa Đít (2009), *Một số thành quả trong việc xây dựng cơ sở chính trị và phát triển cụm bản Na Lâu Chom Ong, huyện Xay, tỉnh UDôm Xay*. Tạp chí Xây dựng Đảng, số 12 [176]; Xinxôn Phunbunsi (2010), *Kinh tế nông thôn ở Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào thời kỳ đổi mới*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [175]...

Tại Trung Quốc, theo xu hướng nghiên cứu về NTM có thể kể đến các nghiên cứu của: Hoàng Thế Kiệt (1992), *Vấn đề XDNTM ở Trung Quốc*. Học viện Thương mại - Đại học Quảng Tây [79]. Tác giả trình bày tình hình phát triển kinh tế nông thôn Trung Quốc từ khi mở cửa cải cách cho đến nay, bối cảnh cơ bản xây dựng NTM, tư tưởng chỉ đạo, biện pháp chủ yếu xây dựng NTM, các loại mô hình NTM và quan điểm và định hướng về xây dựng NTM Trung Quốc. Cát Chí Hoa (2009), *Từ vùng quê đến NTM*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [55]. Cuốn sách tập hợp các bài nghiên cứu về thực trạng và biến động của nông thôn Trung Quốc trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Lí luận, nguồn gốc hình thành và đặc trưng của vấn đề “Tam nông”. Trung tâm Phát triển nông thôn, Dự án MISPA (2006), *Lý luận và thực tiễn XDNTM xã hội chủ nghĩa* [153]. Dịch giả Cù Ngọc Hương, Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương. Công trình đã nghiên cứu vấn đề XDNTM ở Trung Quốc trên nhiều khía cạnh, trong đó có đề cập đến thể chế quản lý, cơ chế giám sát và cơ chế đảm bảo của sự nghiệp XDNTM.

Trác Vệ Hoa (2008), *Lý luận và thực tiễn cải cách và phát triển nông thôn Trung Quốc 30 năm*. <http://www.nhandan.com.vn> [56]. Bài viết khẳng định: Cần

phải ra sức thúc đẩy cải cách sáng tạo, tăng cường xây dựng chế độ ở nông thôn, tạo động lực lớn mạnh và sự bảo đảm về chế độ cho phát triển nhịp nhàng kinh tế, xã hội thành thị và nông thôn. Xây dựng chế độ có tính căn bản, tính toàn cục, tính lâu dài, có ý nghĩa to lớn và sâu xa đối với việc thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển nông thôn, thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc. Bài viết nhấn mạnh việc thích ứng với quy luật phát triển nông nghiệp hiện đại: nâng cao hiệu quả đầu ra đất đai, hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng suất lao động của nông nghiệp, tăng cường năng lực chống chịu rủi ro, năng lực cạnh tranh quốc tế, năng lực phát triển bền vững của nông nghiệp. Điểm cốt lõi là cần tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng, không ngừng nâng cao trình độ Đảng lãnh đạo công tác phát triển nông thôn.

Ngoài ra còn có thể kể đến các công trình nghiên cứu về NTM như: *China's new rural land reform? Assessment and prospects*. Tác giả: Yuen, Samson. Nguồn: China perspectives, 2014 [13]; *New rural economies: Introduction to the special themed issue*. Tác giả: Neil Argent, Thomas Measham. Nguồn: Journal of rural studies, 2014[11]; *Open fields: The new rural design revolution*. Tác giả: Parvin, Alastair. Nguồn: Architectural design, 2013 [12]; *The social economy of new rural reconstruction*. Tác giả: Jia'en, Pan; Jie, Du. Nguồn: China Journal of Social Work, 2011[13]; *Research on the construction about evaluation index system on new rural service system of fitness for all*. Tác giả: Zhao Yanan; Sun Qingzhu. Nguồn: Future Computer Science and Education (ICFCSE), 2011[15]; *Research on the transference of the surplus rural labor in new rural construction*. Tác giả: Yi Wu. Nguồn: Management and Service Science (MASS), 2011[16]; *Study on the demand of agricultural science and technology in new rural construction*. Tác giả: Li Junfeng; Niu Jiangaog. Nguồn: Information Management, Innovation Management and Industrial Engineering (ICIII), 2011[17]; *Comparison and research on new rural community management patterns of shan dong province*. Tác giả: Lei Fang, XiaoMei Zhang. Nguồn: Advanced Research on Electronic Commerce, 2011[18]; *Understanding the new rural co-operative movement: towards rebuilding civil society in China*. Tác giả: Zhao, Li. Nguồn: Journal of Contemporary China, 2011[19];

Innovative strategies of agricultural cooperatives in the framework of the new rural development paradigms: the case of the Region of Valencia (Spain). Tác giả: Ortiz-Miranda, Dionisio; Moreno-Perez, Olga M. Nguồn: Environment and Planning A, 2010 [20]; *The strategy, model and culture sense of informatization during the process of new rural construction*. Tác giả: Huang Hui. Nguồn: China Communications, 2009[21]...

Khi nghiên cứu về vấn đề XDNTM ở các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...đều có chung xu hướng là đặt trong mối liên hệ, bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể áp dụng. Chẳng hạn, những kinh nghiệm, bài học từ việc xây dựng mô hình NTM của Trung Quốc thì ở Việt Nam hoàn toàn có thể học hỏi được. Ví dụ tại Trung Quốc, vấn đề cốt lõi của “Tam nông” là giải quyết sự chênh lệch thu nhập giữa cư dân thành thị và nông thôn. Nông nghiệp - nông dân - nông thôn là vấn đề được Đảng cộng sản Trung Quốc quan tâm, bởi đó không đơn thuần là kinh tế mà còn là vấn đề chính trị, xã hội - một hệ vấn đề tổng thể, xuyên suốt và gắn kết với toàn bộ quá trình chuyển đổi và phát triển kinh tế, xã hội ở một quốc gia đông dân nhất hành tinh với 900 triệu nhân khẩu nông thôn và có sản lượng nông nghiệp đứng đầu thế giới. Do đó, giải quyết vấn đề tam nông đang là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu để phát triển đất nước, thúc đẩy XDNTM ở Việt Nam.

1.3. MỘT SỐ NGHIÊN CỨU BƯỚC ĐẦU VỀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Có thể khẳng định, cho đến nay chủ đề nghiên cứu về mối quan HTCT cấp cơ sở trong XDNTM đã ít nhiều được bàn đến. Chẳng hạn, tác giả Bùi Thọ Quang (2016), *XDNTM ở tỉnh Thái Bình- thực trạng và giải pháp* <http://lyluanchinhtri.vn>[159]. Bài viết cho biết, chương trình XDNTM ở tỉnh Thái Bình đã đạt được những kết quả quan trọng, trở thành phong trào mạnh mẽ, rộng khắp, với sự tham gia tích cực của cả HTCT và đông đảo nhân dân. Là tiền đề để đạt mục tiêu đến năm 2020, 75% số xã đạt tiêu chí NTM.

Tác giả Đào Thu Huyền (2017), *HTCT cấp xã tổ chức, vận động XDNTM ở tỉnh Thái Bình-Kết quả và giải pháp* <http://lyluanchinhtri.vn/>[62]. HTCT cấp xã có vai trò, nhiệm vụ tổ chức và vận động nhân dân hiện thực hóa nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chương trình,

kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Trong những năm qua, HTCT cấp xã ở Thái Bình đã phát huy tốt vai trò của mình trong tổ chức thực hiện Chương trình XDNTM và đạt những kết quả quan trọng, song cũng còn những bất cập cần sớm tháo gỡ, khắc phục.

Tác giả Trần Nhật Duật (2017), *Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt cấp xã trong XDNTM ở Tây Bắc*. lyluanchinhtri.vn[30]. Khác với nhiều nghiên cứu khác bài viết đã tập trung phân tích và khẳng định, chương trình xây dựng NTM ở khu vực Tây Bắc sau hơn 5 năm triển khai thực hiện còn nhiều hạn chế, bất cập. Kết quả đạt chưa cao, tính ổn định, bền vững chưa đi vào thực chất, còn có biểu hiện chạy theo thành tích, phong trào; đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong XDNTM chưa chuyên nghiệp, chưa đáp ứng yêu cầu, còn nhiều lúng túng khi triển khai thực hiện. Do vậy, bài viết đề xuất các giải pháp liên quan đến nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực lãnh đạo, quản lý XDNTM cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở khu vực Tây Bắc.

Tác giả Ngô Quang Duy (2014), *Vai trò của chính quyền cấp xã trong XDNTM ở Hà Nam hiện nay*. Luận văn Thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội [28]. Từ vị trí vai trò của chính quyền cấp xã, luận văn trình bày thực trạng thực hiện vai trò của chính quyền cấp xã trong XDNTM ở Hà Nam. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của chính quyền cấp cơ sở, đáp ứng yêu cầu XDNTM ở địa phương hiện nay.

Vi Luru Bình (2014), *Vai trò HTCT cơ sở trong XDNTM*. Baonghean điện tử [14]. Tác giả khẳng định trong quá trình XDNTM, bài học kinh nghiệm cho thấy những nơi nào HTCT cấp cơ sở hoạt động hiệu quả, quyết liệt thì ở đó khai thác được tiềm năng to lớn trong nhân dân để nhanh về đích.

Ngoài ra, có một số bài viết còn tập trung phân tích vai trò của từng chủ thể thuộc HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Chẳng hạn, Lê Quang Toàn (2014), *Phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong XDNTM ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Cộng sản điện tử, www.tapchicongsan.org.vn [149]. Tác giả cho biết, trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay, nông dân giữ vị trí là chủ thể. Đây là sự khẳng định đúng đắn, cần thiết, nhằm phát huy nhân tố con người, khơi dậy và phát huy mọi tiềm năng của nông dân vào công cuộc xây dựng nông thôn cả về kinh tế - văn hóa và xã hội, đồng thời bảo đảm những

quyền lợi chính đáng của họ. Tác giả Hạnh Nhi (2013), *Phát huy vai trò chủ thể của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và XDNTM*. www.tapchicongsan.org.vn [102]. Bài viết khẳng định, với nông dân chiếm hơn 70 dân số và hơn 50% lực lượng lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, Việt Nam là quốc gia nông thôn, nông nghiệp và nông dân. Nông dân không chỉ có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội đất nước mà trong XDNTM hiện nay, nông dân đích thực là chủ thể của quá trình này.

Bên cạnh đó, theo xu hướng này còn có thể kể đến: tác giả Nguyễn Văn Thuận (2012), *Vai trò của HTCT cơ sở trong XDNTM ở Bình Dương hiện nay*, Luận văn Ths Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [147]; Trịnh Thị Hồng Thắm (2014), *Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở tỉnh Hưng Yên*, Luận văn Ths Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội [135]; Lê Thị Thu Thảo (2015), *Quản lý nhà nước về XDNTM trên địa bàn huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam*, Luận văn Ths Quản lý công, Đại học Huế [134]; Phạm Thị Bích Hồng (2014), *HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở tỉnh Ninh Bình hiện nay*. Luận văn Ths Triết học, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh [58]; Phạm Thị Bích Hồng (2014), *Phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở Ninh Bình*, Tạp chí Tuyên giáo điện tử, www.tuyengiao.vn [59]; Lê Khắc Nguyên Anh (2015), *Phát huy dân chủ và đổi mới HTCT cơ sở XDNTM* (trường hợp thành phố Hải Phòng). Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 8 [1]...

1.4. NGHIÊN CỨU VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI- MỘT SỐ KẾT QUẢ VÀ KHOẢNG TRỐNG CẦN TIẾP TỤC LÀM SÁNG TỎ

1.4.1. Những kết quả nghiên cứu đã đạt được

Từ việc thực hiện tổng quan các nghiên cứu về HTCT cấp cơ sở ở Việt Nam như vừa nêu có thể khẳng định: Những vấn đề liên quan đến HTCT cấp cơ sở là một chủ đề nghiên cứu cơ bản và quan trọng của các khoa học nghiên cứu về chính trị, đặc biệt là chính trị học. Có thể khẳng định, phần lớn các công trình khoa học trên đây đều tiếp cận HTCT cấp cơ sở từ nhiều phương thức, góc độ về những vấn đề căn cốt của HTCT cấp cơ sở với những mức độ khác nhau. Các công trình nghiên cứu đã làm rõ

cấu trúc, chức năng của hệ thống chính trị cơ sở. Đồng thời, mô tả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Không những vậy đã tiến hành phân tích đánh giá những kết quả và hạn chế của HTCT cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay. Các nghiên cứu đều có chung đặc điểm thể hiện sự nhận thức về vai trò cũng như những hạn chế của HTCT cấp cơ sở ngày càng sâu sắc hơn, toàn diện hơn. Đồng thời, chỉ ra những tích cực và những hạn chế, những bất cập này cùng những nguyên nhân của nó. Nhiều công trình đã đi tìm những bức xúc nổi cộm của HTCT cấp cơ sở Việt Nam. Thông qua đó, đề ra những kiến nghị, giải pháp để có thể chỉ đạo hoạt động thực tiễn của xã hội trong việc đổi mới, xây dựng và hoàn thiện HTCT cấp cơ sở ở nước ta ngày càng có hiệu quả hơn. Thực tế chủ đề này đã được các nhà khoa học trong nước rất quan tâm trên rất nhiều các lĩnh vực/nội dung/cách tiếp cận và thu được nhiều kết quả quan trọng giúp cho nhận thức và hành động trong thực tiễn liên quan đến vấn đề chính trị và HTCT cấp cơ sở ở nước ta ngày càng đúng đắn, hiệu quả hơn.

Từ việc thực hiện tổng quan các nghiên cứu về XDNTM cho thấy đây là chủ đề khá mới mẻ, tuy nhiên đã nhận được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, trên nhiều nội dung và phương pháp tiếp cận. Những vấn đề liên quan đến xây dựng, phát triển nông thôn là một chủ đề nghiên cứu cơ bản và quan trọng của các khoa học: kinh tế học, triết học, xã hội học, luật học, đặc biệt là chính trị học. Thực tế chủ đề này đã được các nhà khoa học trong nước và quốc tế quan tâm nghiên cứu và công bố tương đối nhiều trong thời gian gần đây. Mặc dù được tiến hành nghiên cứu chưa đến 10 năm ở Việt Nam, tuy nhiên, chủ đề nghiên cứu về XDNTM đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tác động không nhỏ đến nhận thức, hành động XDNTM trong thực tiễn.

Từ việc tổng quan hướng nghiên cứu về vai trò, mối quan hệ giữa HTCT cấp cơ sở với XDNTM ở Việt Nam cho thấy đã được không ít tác giả quan tâm và đạt được những kết quả khả quan. Trong đó, nổi bật nhất là các nghiên cứu đều đi đến kết luận vai trò của HTCT cấp cơ sở là một yếu tố then chốt để tạo nên những thành công trong quá trình XDNTM. Tuy nhiên, trong thực tiễn vai trò của HTCT

cấp cơ sở trong XDNTM còn không ít những bất cập. Vấn đề đặt ra là cần phải tìm kiếm các giải pháp để phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM hiệu lực và hiệu quả hơn... Đây chính là những gợi ý, luận điểm quan trọng và trực tiếp để tác giả tiếp tục thực hiện chủ đề nghiên cứu của mình.

Từ việc tổng quan một số công trình nghiên cứu về HTCT và XDNTM trên thế giới do các tác giả nước ngoài thực hiện đã tạo nên cơ sở khoa học và thực tiễn đầy đủ hơn để tiến hành nghiên cứu về chủ đề mối quan hệ giữa HTCT và kết quả XDNTM. Đặc biệt là có thể rút ra những luận điểm ý tưởng khoa học quan trọng cho việc tiến hành nghiên cứu về vai trò, quá trình HTCT cấp cơ sở tham gia thực hiện xây dựng XDNTM ở Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung.

Nói tóm lại, những công trình có liên quan trong nước và quốc tế nghiên cứu về HTCT và XDNTM như vừa phân tích là điểm tựa, những gợi ý quan trọng để tác giả tiếp tục phân nghiên cứu tích chủ đề: vai trò, mối quan hệ giữa HTCT cấp cơ sở với kết quả XDNTM trong khuôn khổ nghiên cứu luận án tiến sĩ chuyên ngành chính trị học.

1.4.2. Một số vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu

Mặc dù vậy, việc nghiên cứu mang tính hệ thống; vừa chuyên sâu, vừa tiếp cận liên ngành về vai trò của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ XDNTM-một nhiệm vụ chính trị quan trọng và cụ thể ở nông thôn Việt Nam hiện nay ở tầm luận án tiến sĩ là còn có khoảng trống. Đó là phân tích, đánh giá các vai trò của của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện vai trò, nhiệm vụ XDNTM. XDNTM từ góc độ tiếp cận chính trị học là việc thực thi quyền lực của người dân ở khu vực nông thôn, nhằm đảm bảo cuộc sống ngày càng ấm no hạnh phúc của người dân ở khu vực nông thôn Việt Nam.

Từ việc thực hiện tổng quan các xu hướng nghiên cứu về HTCT cấp cơ sở và xây dựng nông thôn như vừa nêu có thể khẳng định: Cho đến nay tại Việt Nam hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào phân tích chuyên sâu, trực tiếp, dựa trên bằng chứng và có tính hệ thống về vai trò của HTCT cấp cơ sở đối với XDNTM trên địa bàn Hà Nội. Đặc biệt là việc tập trung khảo sát, phân tích làm rõ 7 vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM từ góc độ luận án tiến sĩ Chính trị học.

Từ những hướng nghiên cứu về XDNTM như đã nêu trên cho thấy, một trong những khoảng trống của chủ đề nghiên cứu về chủ đề này chính là chưa đặt chủ đề nghiên cứu: XDNTM có tính hệ thống trong mối liên hệ với vai trò của HTCT cấp cơ sở thông qua khảo sát tại một địa phương tiêu biểu/điển hình (thành phố Hà Nội) trong một công trình nghiên cứu tiến sĩ chính trị học. Đồng thời, tập trung khảo sát, phân tích, đánh giá làm rõ các vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM.

Từ những hướng nghiên cứu về XDNTM như đã nêu trên cho thấy, một trong những khoảng trống của chủ đề nghiên cứu về chủ đề này chính là chưa đặt chủ đề nghiên cứu làm rõ mô hình HTCT cấp cơ sở, từ cấu trúc, chức năng và vai trò của nó trong đời sống chính trị- xã hội. Đồng thời, nghiên cứu làm sáng rõ những luận cứ khoa học cho việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong chương trình XDNTM ở Việt Nam.

Do vậy, tác giả đi đến lựa chọn vấn đề: ***Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay*** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ ngành Chính trị học. Đề tài nghiên cứu sẽ tập trung nghiên cứu phân nhằm trả lời cho các câu hỏi: HTCT cấp cơ sở có những vai trò gì trong XDNTM, vai trò đó xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn nào? các vai trò đó được thực hiện như thế nào trên thực tế? Những yếu tố nào đang ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM?. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp mang tính khả thi nhằm phát huy vai trò, hiệu quả của HTCT cấp cơ sở trong quá trình XDNTM ở thành phố Hà Nội nói riêng và đối với cả nước nói chung.

Tiểu kết chương 1

Từ việc thực hiện tổng quan các công trình khoa học nghiên cứu trong nước về HTCT và XDNTM ở trong nước có thể khẳng định, phần lớn các công trình khoa học trên đây đều tiếp cận HTCT cấp cơ sở từ nhiều phương thức, góc độ về những vấn đề căn cốt của HTCT cấp cơ sở với những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình nào được thực hiện nghiên cứu về HTCT ở dạng luận án tiến sĩ chính trị học về vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở thành phố Hà Nội. Đồng thời, từ những hướng nghiên cứu về NTM như đã nêu trên cho thấy, một trong những khoảng trống của chủ đề nghiên cứu về chủ đề này chính là chưa đặt chủ đề nghiên cứu: XDNTM ở một lát cắt khoa học chuyên sâu, mang tính hệ thống trong mối liên hệ với HTCT cấp cơ sở thông qua khảo sát tại một địa phương tiêu biểu/điển hình (thành phố Hà Nội) một công trình nghiên cứu ở góc độ luận án tiến sĩ Chính trị học. Bên cạnh đó, từ việc thực hiện tổng quan những xu hướng nghiên cứu về HTCT và XDNTM tại một số nước trên thế giới, có thể rút ra những luận điểm ý tưởng khoa học quan trọng cho việc tiến hành nghiên cứu về vai trò, quá trình HTCT cấp cơ sở tham gia thực hiện xây dựng XDNTM ở Việt Nam nói chung và đặc biệt là ở thành phố Hà Nội sẽ được hệ thống, phân tích, đánh giá làm rõ ở các chương 2, 3 và 4 của Luận án.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở VIỆT NAM

2.1. QUAN HỆ VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.1.1. Hệ thống chính trị và hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn

2.1.1.1. Hệ thống chính trị

Trong chính trị học phương Tây thì thuật ngữ HTCT đã được sử dụng từ lâu. Tuy nhiên, đối với các nước xã hội chủ nghĩa, thuật ngữ HTCT được dùng lần đầu trong Văn kiện Đại hội lần thứ 25 Đảng Cộng sản Liên Xô và được trình bày đầy đủ trong các văn kiện Đại hội lần thứ 27 của Đảng Cộng sản Liên Xô. Tại Việt Nam thuật ngữ HTCT được chính thức sử dụng từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (3-1989).

Theo góc nhìn của khoa học chính trị, HTCT với tư cách là kết cấu để thực thi quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền. Trong các nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chủ thể của quyền lực chính trị, tổ chức và quản lý xã hội, quyết định nội dung hoạt động của HTCT.

Có thể khái quát: HTCT là một chỉnh thể các tổ chức chính trị hợp pháp trong xã hội, bao gồm các đảng chính trị, nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội được xây dựng trên các quyền, chuẩn mực xã hội, có sự liên kết với nhau và phân bố theo một kết cấu chức năng-tổ chức nhất định nhằm thực thi quyền lực chính trị trong đời sống xã hội.

Khác với HTCT ở các nước tư bản chủ nghĩa, HTCT ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và HTCT ở Việt Nam hiện nay, ngoài nhà nước và các chính đảng còn có một số tổ chức chính trị - xã hội. HTCT ở nước ta hiện nay bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là MTTQ Việt Nam và 5 đoàn thể chính trị - xã hội: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Đặc điểm của HTCT ở Việt Nam hiện nay là tính nhất nguyên chính trị. Điều này được thể hiện ở các phương diện:

Không có chính đảng đối lập. Chế độ chính trị ở Việt Nam là thể chế chính trị một đảng duy nhất cầm quyền. *Nhất nguyên về tổ chức* (các thành phần thuộc HTCT đều do Đảng Cộng sản lãnh đạo; Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội không độc lập với Đảng và Nhà nước... HTCT ở Việt Nam gắn liền với vai trò tổ chức và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mỗi tổ chức thành viên của HTCT đều do Đảng Cộng sản Việt Nam sáng lập vừa đóng vai trò là hình thức tổ chức quyền lực của nhân dân (Nhà nước), tổ chức tập hợp, đoàn kết quần chúng, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của quần chúng (MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội), vừa là tổ chức mà qua đó Đảng Cộng sản thực hiện sự lãnh đạo chính trị đối với xã hội. *Nhất nguyên về tư tưởng:* Tính nhất nguyên chính trị của HTCT được thể hiện ở tính nhất nguyên tư tưởng. Toàn bộ HTCT đều được tổ chức và hoạt động trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tính thống nhất. HTCT ở Việt Nam bao gồm nhiều tổ chức có tính chất, vị trí, vai trò, chức năng khác nhau nhưng có quan hệ chặt chẽ, gắn bó với nhau, tạo thành một thể thống nhất. Sự thống nhất của các thành viên đa dạng, phong phú về tổ chức, phương thức hoạt động trong HTCT đã tạo điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp và tạo ra sự cộng hưởng sức mạnh trong toàn bộ hệ thống. Tính thống nhất của HTCT được xác định bởi các yếu tố: 1) Sự lãnh đạo thống nhất của một đảng duy nhất cầm quyền là Đảng Cộng sản Việt Nam; 2) Sự thống nhất về mục tiêu chính trị của toàn bộ hệ thống là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với nội dung: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; 3) Sự thống nhất ở nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động là tập trung dân chủ; 4) Sự thống nhất của hệ thống tổ chức ở từng cấp, từ Trung ương đến địa phương, với các bộ phận hợp thành.

Gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân. Đây là đặc điểm có tính nguyên tắc của HTCT ở Việt Nam. Đặc điểm này khẳng định HTCT Việt Nam không chỉ gắn với chính trị, quyền lực chính trị, mà còn gắn với xã hội. Trong HTCT, có các tổ chức chính trị (như Đảng, Nhà nước), các tổ chức vừa có tính chính trị, vừa có tính xã hội (như MTTQ

và các tổ chức chính trị - xã hội khác). Do vậy, HTCT không đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội (như những lực lượng chính trị áp bức xã hội trong các xã hội có bóc lột), mà là một bộ phận của xã hội, gắn bó với xã hội. Cầu nối quan trọng giữa HTCT với xã hội chính là MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Sự gắn bó mật thiết giữa HTCT với nhân dân được thể hiện trên các yếu tố: quy luật tồn tại của Đảng, là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng cầm quyền; Nhà nước là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội là hình thức tập hợp, tổ chức của chính các tầng lớp nhân dân; HTCT là trường học dân chủ của nhân dân. Mỗi tổ chức trong HTCT là phương thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Sự kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc của HTCT. Đặc điểm nổi bật của HTCT ở Việt Nam là HTCT đại diện cho nhiều giai cấp, tầng lớp nhân dân. Các giai cấp, tầng lớp nhân dân được đại diện bởi các tổ chức thành viên trong HTCT, đều thừa nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Do vậy, HTCT ở nước ta mang bản chất giai cấp công nhân và tính dân tộc sâu sắc. Sự kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc được khẳng định trong bản chất của từng tổ chức thuộc HTCT. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã gắn kết vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, tạo nên sức mạnh tổng hợp của HTCT. Đồng thời, sự phân biệt giữa dân tộc và giai cấp mang tính tương đối, không có ranh giới rõ ràng.

2.1.1.2. Hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn

HTCT cấp cơ sở ở nông thôn là tổng thể gồm: Đảng bộ cơ sở, chính quyền, các TCCT-XH hoạt động trong một cơ chế nhất định nhằm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cấp cơ sở thuộc khu vực nông thôn.

Như vậy, HTCT cấp cơ sở ở nông thôn bao gồm các tổ chức: Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động trên địa bàn xã. Ngoài những đặc điểm chung của HTCT cả nước, HTCT cơ sở ở nông thôn Việt Nam còn có các đặc điểm riêng sau:

Thứ nhất, HTCT cơ sở ở nông thôn là cấp gắn với cộng đồng dân cư. Do vậy, tổ chức và hoạt động mang tính tự quản cao. Tính chất vừa quản lý, vừa tự quản ở cơ sở thể hiện mối quan hệ giữa xã với thôn.

Thứ hai, cơ sở ở nông thôn là nơi triển khai thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với dân, là nơi đánh giá để điều chỉnh chủ trương, chính sách. Đồng thời, cơ sở cũng là cấp gần nhất với thực tiễn và trực tiếp nhất với cuộc sống của dân, nơi hiểu biết rõ nhất những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Không những vậy, còn là nơi đánh giá về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có đi vào cuộc sống hay không để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Thứ ba, HTCT cơ sở ở nông thôn là cấp có bộ máy đơn giản nhất, có đội ngũ cán bộ biến động nhất, ít chuyên nghiệp nhất. Đặc điểm này bị chi phối là do cơ chế một thời gian dài cán bộ HTCT ở cơ sở không được xem là là công chức nhà nước và cũng như hiện nay mới công chức hóa được một phần, chế độ, chính sách còn bất cập nên họ không yên tâm công tác, không thu hút được người có trình độ chuyên môn cao. Phần lớn cán bộ đều trưởng thành từ thực tiễn nên chưa được đào tạo bài bản, hơn nữa tâm lý ngại học tập do thu nhập không đáp ứng, công việc không ổn định.

Thứ tư, HTCT cơ sở ở nông thôn là cấp đầu tiên đối mặt với những yêu cầu bức xúc của dân chúng, những mâu thuẫn nảy sinh trong đời sống. Đời sống xã hội ở cơ sở rất nhiều phức tạp, hàng ngày phải giải quyết những mâu thuẫn phát sinh, những yêu cầu bức xúc của nhân dân. Do vậy, yêu cầu đặt ra là đội ngũ cán bộ ở cơ sở ở nông thôn phải sát dân, có tâm huyết, trách nhiệm với nhân dân, chăm lo mọi quyền lợi của nhân dân.

Thứ năm, HTCT cơ sở ở nông thôn là cấp mà quan hệ dòng họ, văn hóa làng, xã có thể tác động mạnh nhất. HTCT cơ sở mà ở đó mối quan hệ trong cộng đồng dân cư bị chi phối bởi những yếu tố văn hóa làng, xã, dòng tộc có ảnh hưởng đến nội bộ tổ chức và hiệu quả hoạt động của HTCT. Trong quan hệ với dân, cán bộ cơ sở dễ bị chi phối, ràng buộc bởi những yếu tố đó. Do đó cần phải hết sức chú ý khắc phục tư tưởng dòng tộc, cục bộ địa phương lợi dụng chức quyền theo kiểu “một người làm quan, cả họ được nhờ”. Bên cạnh đó ngoài sự chi phối của pháp luật cộng đồng dân cư thường được điều chỉnh

bằng nhiều quy định và thiết chế khác nhau, chính thức hoặc phi chính thức, trong đó có cả những quy định, hương ước và thiết chế do chính những thành viên trong cộng đồng lập ra.

2.1.2. Cấu trúc-chức năng của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn

Theo số liệu của Bộ Nội vụ, tính đến ngày 31/12/2017, cả nước ta có 11.162 xã, phường thị trấn. Trong đó, có 8.973 xã, 1.587 phường và 602 thị trấn [18]. Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về “*Đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở xã, phường, thị trấn*”, trên các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của HTCT ở xã, phường, thị trấn đã đạt được một số kết quả quan trọng [75]. Là đơn vị hành chính cơ sở, xã là *địa bàn cư trú cơ bản của đa số nhân dân, là nơi diễn ra cuộc sống của dân*. Ở xã chính quyền trong dân, quan hệ trực tiếp với dân; là nơi chính quyền và các đoàn thể tổ chức cuộc sống, hoạt động và các phong trào trong đời sống dân cư, thể hiện rõ nhất, trực tiếp nhất ý thức và năng lực dân chủ của dân bằng cả phương thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Xã là những đơn vị hành chính *vi mô* (xét trong hệ thống quản lý hành chính 4 cấp), nhưng tồn tại như những thực thể xã hội trong đời sống hiện thực của xã hội [11, tr 23]. Theo tác giả Hoàng Chí Bảo, xã được cấu thành từ các đơn vị dân cư tự quản (thôn xóm), do đó trên địa bàn diễn ra sự “giao thoa” của hoạt động quản lý (hành chính nhà nước) với hoạt động *tự quản* (của cộng đồng cư dân). Xã là nơi HTCT thể hiện trực tiếp nhất việc tổ chức và phát huy khả năng sáng tạo, mọi tiềm năng trong dân, khai thác và phát triển những khả năng đó tại địa bàn để giải quyết tại chỗ những yêu cầu phát triển của cộng đồng, đáp ứng nhu cầu chính đáng của dân, đem lại lợi ích thiết thực nhất cho đời sống vật chất và tinh thần của dân [11, tr 24].

Xã là đơn vị hành chính có vị trí tương đương ở cấp cơ sở, cấp thấp nhất trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước. Vì vậy, xã là khâu cuối của hệ thống tổ chức bộ máy chính quyền, cùng cấp độ trong hệ thống tổ chức quyền lực nhà nước. Từ sự tương đồng về vị trí, địa vị pháp lý đó, xã *có vai trò* trong hệ thống tổ chức hành chính - vai trò là đơn vị hành chính cơ sở. Với tư cách là đơn vị cơ sở, xã là *cấp chấp hành*, thực hiện sự tác động quản lý từ các cấp trên. Trong hệ thống tổ chức hành chính ở nước ta, xã không phải là cấp hoạch định

đường lối, chính sách, mà là *cấp tổ chức hành động*; biến đường lối, chính sách từ cấp vĩ mô thành hoạt động thực tiễn của dân; đồng thời cũng là nơi kiểm nghiệm tính đúng đắn, hiệu quả của các chủ trương, chính sách [11, 26].

Như vậy, HTCT cấp cơ sở ở nông thôn có vai trò, chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện quản lý chức năng quản lý toàn diện các hoạt động sản xuất, đời sống dân cư (thực hiện mục tiêu toàn diện kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng ở xã). Trong đó, tổ chức Đảng ở cơ sở có vai trò hạt nhân lãnh đạo của HTCT cơ sở, chính quyền xã có vai trò quản lý nhà nước, MTTQ và các tổ chức thành viên: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động,...có vai trò đoàn kết, tập hợp quần chúng tham gia vào các hoạt động xây dựng và phát triển đất nước, thực hiện dân chủ cơ sở.

Theo tác giả Hoàng Chí Bảo thì cấu trúc của HTCT không chỉ là hệ thống các tổ chức và các quan hệ về tổ chức mà còn là hệ thống các cấp độ và các quan hệ về cấp độ nhìn theo hai chiều vận động từ dưới lên và từ trên xuống [11, tr 17]. Mỗi quan hệ giữa HTCT với dân, giữa dân với HTCT, nói cụ thể hơn là mỗi quan hệ qua lại giữa Đảng với dân, Nhà nước với dân, Mặt trận và các đoàn thể của dân, do dân tổ chức nên với bản thân quần chúng đông đảo [11, tr 11]. Rõ ràng là, quan hệ với dân là quan hệ nền tảng, sâu xa nhất, bản chất nhất, quy định và chi phối mọi quan hệ khác của HTCT, cả về xác định cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành và những điều kiện đảm bảo hiệu quả hoạt động, đặc biệt là điều kiện về nhân lực [11, tr 15].

HTCT cấp cơ sở có chức năng là cơ chế thực thi quyền lực ở cơ sở; là hệ thống các tổ chức mà thông qua đó thực hiện quyền lực chính trị trong xã hội-mà cấp cơ sở là nền tảng. Không những vậy, HTCT cấp cơ sở *còn có chức năng thực hiện quyền làm chủ* của nhân dân lao động trên những địa bàn cụ thể. Có thể cụ thể hóa cấu trúc-chức năng của HTCT cấp cơ sở như sau:

Một là, Đảng bộ cơ sở giữ vị trí hạt nhân lãnh đạo chính quyền, đoàn thể và nhân dân nhằm thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước xây dựng HTCT vững mạnh, trong sạch;

Hai là, Đảng bộ ở cơ sở lãnh đạo toàn diện bằng nghị quyết. Thực hiện định hướng nhiệm vụ trọng tâm, lựa chọn nhân sự, kiểm tra giám sát quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND và UBND, kiểm tra chính quyền, cán bộ, công chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước;

Ba là, chính quyền cấp cơ sở, thực thi chính sách pháp luật của Nhà nước theo thẩm quyền luật định. Trực tiếp điều hành, quản lý xã hội duy trì trật tự, an ninh, ổn định chính trị, tổ chức thực hiện kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân;

Bốn là, Chính quyền cấp cơ sở giữ vị trí trung tâm, trụ cột của HTCT trực tiếp tổ chức, điều hành, quản lý xã hội đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, Nghị quyết của Đảng bộ cơ sở và nguyện vọng của nhân dân của địa phương;

Năm là, MTTQ và các TCCT-XH ở cơ sở đại diện và thay mặt nhân dân tham gia quản lý nhà nước ở cơ sở và giám sát hoạt động của chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách, pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở. Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.1.3. Xây dựng nông thôn mới

2.1.3.1 Khái niệm nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05-8-2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn với mục tiêu: XDNTM có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; HTCT ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường [37]. Ngày 16/8/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg. Mục tiêu cụ thể của Chương trình là phấn đấu đến năm 2020 số xã đạt chuẩn NTM khoảng 50% (mục tiêu phấn đấu của từng vùng, miền: Miền núi phía

Bắc: 28%, Đồng bằng sông Hồng: 80%, Bắc Trung Bộ: 59%, Duyên hải Nam Trung Bộ: 60%, Tây Nguyên 43%, Đông Nam Bộ 80%, Đồng bằng sông Cửu Long 51%) [142].

Trong luận án này nông thôn được hiểu là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là ủy ban nhân dân xã.

XDNTM là cuộc cách mạng và cuộc vận động lớn để cộng đồng dân cư ở nông thôn đồng lòng xây dựng thôn, xã, gia đình của mình khang trang, sạch đẹp; phát triển sản xuất toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ); có nếp sống văn hoá, môi trường và an ninh nông thôn được đảm bảo; thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. XDNTM là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, của cả HTCT. Theo đó XDNTM không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội, mà còn là vấn đề kinh tế - chính trị tổng hợp. XDNTM là giúp cho nông dân có niềm tin, trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, dân chủ, văn minh. Theo tác giả Nguyễn Văn Hùng, công thức NTM là: *NTM = Nông dân mới + Nền nông nghiệp mới*. NTM đó là, nông thôn có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, dân trí cao, bản sắc văn hóa dân tộc được gìn giữ và tái tạo [65].

Nghị quyết 26-NQ/TU xác định: NTM là khu vực nông thôn có kết cấu hạ tầng KT - XH từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng XHCN [37].

XDNTM không phải là phép toán được hình thành bởi những số cộng đơn thuần mà là tổng thể những đặc điểm, cấu trúc tạo thành một kiểu tổ chức nông thôn theo tiêu chí mới, đáp ứng yêu cầu mới đặt ra cho nông thôn trong điều kiện hiện nay, là kiểu nông thôn được xây dựng so với mô hình nông thôn cũ (truyền thống, đã có) ở tính tiên tiến, hiện đại và đồng bộ về mọi mặt. Cụ thể là: 1) Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh

công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; 2) Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị; 3) Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn; 4) Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn; 5) Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn; 6) Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân; 7) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các CTCT-XH ở nông thôn, nhất là Hội nông dân.

2.1.3.2. Tính tất yếu của xây dựng nông thôn mới

Do đặc thù của Việt Nam nên vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, cho nên Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ: Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và XDNTM là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội [34]. Trải qua hơn 30 năm đổi mới, cùng với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế đất nước, nông thôn Việt Nam đã có nhiều biến đổi trên cả hai khía cạnh: tích cực và tiêu cực. Tích cực được thể hiện ở chỗ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được tăng cường; kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; nhiều hình thức tổ chức sản xuất mới được hình thành và phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn ngày càng được cải thiện; HTCT ở nông thôn được củng cố và tăng cường. Bên cạnh những điểm tích cực cũng cho thấy môi trường nông thôn ngày càng ô nhiễm; năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai còn nhiều hạn chế. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn còn thấp, tỉ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa; chênh lệch giàu, nghèo giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng còn lớn, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc...

Xuất phát từ những bất cập trên, Nghị quyết 26- NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã nhấn mạnh mục tiêu: XDNTM có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông

ngành với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; HTCT ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường [37]. Tính tất yếu về kinh tế-chính trị-văn hóa xã hội của quá trình XDNTM ở Việt Nam được thể hiện cụ thể trên các phương diện sau:

Một là, sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, bảo quản chế biến còn hạn chế, chưa gắn chế biến với thị trường tiêu thụ *sản phẩm*; chất lượng nông sản chưa đủ sức *cạnh tranh* trên thị trường. Do vậy, XDNTM là nhằm đáp ứng yêu cầu, quy luật của nền kinh tế thị trường; của quá trình thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực tam nông [66];

Hai là, mặc dù đã có nhiều thay đổi tuy nhiên nhìn chung hiện nay, kinh tế - xã hội khu vực nông thôn chủ yếu phát triển tự phát, chưa theo quy hoạch... Thu nhập của nông dân thấp; số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn ít; sự liên kết giữa người sản xuất và các thành phần kinh tế khác ở khu vực nông thôn chưa chặt chẽ. Do vậy, XDNTM là biện pháp kinh tế quan trọng nhằm khai thác hợp lý, nuôi dưỡng các nguồn lực, đạt tăng trưởng kinh tế cao, bền vững [64, 66];

Ba là, nhìn chung kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, chợ, thủy lợi) ở khu vực nông thôn còn nhiều yếu kém, vừa thiếu, vừa không đồng bộ. Do vậy, XDNTM là quá trình hiện đại hóa kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn, tạo nền tảng cho khu vực này phát triển toàn diện và bền vững [66].

Bốn là, XDNTM là biện pháp thúc đẩy nông dân, nông thôn có văn hoá phát triển, dân trí được nâng cao, sức lao động được giải phóng. Người nông dân có cuộc sống ổn định, giàu có, trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật, tay nghề cao, lối sống văn minh hiện đại nhưng vẫn giữ được những giá trị văn hoá, bản sắc truyền thống, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tham gia tích cực mọi phong trào chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... [64, 66].

Năm là, XDNTM là biện pháp nhằm thúc đẩy tính hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội ở khu vực nông thôn. Kết hợp hài hòa giữa quản lý của Nhà nước, quản lý xã hội và tự quản ở nông thôn nhằm hướng đến bảo tồn và phát huy các giá trị, chuẩn mực truyền thống làng, xã [64].

Sáu là, XDNTM là biện pháp chính trị nhằm thúc đẩy dân chủ nông thôn mở rộng và đi vào thực chất. Các chủ thể nông thôn có khả năng, điều kiện, trình độ để tham gia tích cực vào các quá trình ra quyết định về chính sách phát triển nông thôn; thông tin minh bạch, thông suốt, hiệu quả giữa các tác nhân có liên quan; phân phối công bằng [64, 66].

2.1.3.3. Nội dung, tiêu chí và đặc điểm xây dựng nông thôn mới

Chương trình mục tiêu Quốc gia về XDNTM là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế- xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng, bao gồm 11 nội dung sau: 1) Quy hoạch XDNTM; 2) Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội; 3) Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập; 4) Giảm nghèo và an sinh xã hội; 5) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn; 6) Phát triển giáo dục- đào tạo ở nông thôn; 7) Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn; 8) Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn; 9) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; 10) Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị- xã hội trên địa bàn; 11) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn. Theo tác giả Phạm Tất Thắng có thể khái quát thành 5 nội dung cơ bản: *Thứ nhất*, đó là làng, xã văn minh, sạch đẹp, hạ tầng hiện đại; *Thứ hai*, sản xuất phải phát triển bền vững theo hướng kinh tế hàng hóa; *Thứ ba*, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, nông thôn ngày càng nâng cao; *Thứ tư*, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn; *Thứ năm*, xã hội nông thôn an ninh tốt, quản lý dân chủ [137].

Các nội dung này tạo nên cấu trúc NTM có mối liên hệ chặt chẽ với nhau bởi các chủ thể nhà nước và nhân dân. Trong đó, nhà nước đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành quá trình hoạch định và thực thi chính sách, xây dựng đề án, cơ chế, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nguồn lực, tạo điều kiện, động viên tinh thần. Đồng thời, nhân dân tự nguyện tham gia, chủ động trong thực thi và hoạch định chính sách.

Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020 bao gồm có 5 nhóm, cụ thể là: Nhóm 1: Quy hoạch; nhóm 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội; nhóm 3: Kinh tế và tổ chức sản xuất; nhóm 4: Văn hóa - xã hội - môi trường; nhóm 5: HTCT. Theo đó, một xã đạt tiêu chuẩn NTM khi đạt đủ 19 tiêu chí trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM. Các tiêu chí cụ thể là: (1) Quy

hoạch, (2) Giao thông, (3) Thủy lợi, (4) Điện, (5) Trường học, (6) Cơ sở vật chất văn hóa, (7) Chợ, (8) Bưu điện, (9) Nhà ở dân cư, (10) Thu nhập, (11) Tỷ lệ hộ nghèo, (12) Cơ cấu lao động, (13) Hình thức tổ chức sản xuất, (14) Giáo dục, (15) Y tế, (16) Văn hóa, (17) Môi trường, (18) Hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, (19) An ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững, ổn định; phải đạt được tất cả các tiêu chí trên mới đạt xã “NTM”[144]. Bên cạnh đó, một huyện đạt tiêu chí NTM khi có 75% số xã trong huyện đạt tiêu chí NTM. Một tỉnh đạt tiêu chí NTM khi có 80% số huyện trong tỉnh đạt tiêu chí NTM. Mô hình NTM được quy định bởi các tính chất: đáp ứng yêu cầu phát triển; có sự đổi mới về tổ chức, vận hành và cảnh quan môi trường; đạt hiệu quả cao nhất trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội; tiến bộ hơn so với mô hình cũ; chứa đựng các đặc điểm chung, có thể phổ biến và vận dụng trên cả nước.

Khái quát lại, đặc điểm của quá trình XDNTM được thể hiện ở những điểm sau: *Một là*, nông thôn được cấu trúc trên nền tảng của làng, xã truyền thống, có đời sống vật chất, tinh thần ngày càng cao; *Hai là*, những ngành nghề truyền thống gắn với quá trình công nghiệp hóa; *Ba là*, những giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát huy, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế-xã hội; *Bốn là*, hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, môi trường ngày càng được gìn giữ, tái tạo; *Năm là*, về dân chủ cơ sở ở nông thôn ngày càng được phát huy mạnh mẽ, đi vào thực chất; *Sáu là*, chương trình XDNTM hiện nay được thực hiện chủ yếu theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”; trong đó, *dân tự làm là chính*; *Bảy là*, việc XDNTM hiện nay bị ràng buộc bởi các tiêu chí chung của NTM nhưng mang nặng tính đặc thù của từng địa phương (xã), do bị quy định, chi phối bởi đặc điểm làng, xã truyền thống, tập quán, điều kiện tự nhiên... ở [64].

2.1.3.4. Các nguyên tắc của xây dựng nông thôn mới

Để thực hiện thành công các mục tiêu của quá trình XDNTM ở Việt Nam cần kiên định thực hiện tốt các nguyên tắc sau:

Một là, các nội dung, hoạt động của Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM phải hướng tới mục tiêu thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM ban hành và sửa đổi bổ sung tại các văn bản: Quyết định số

491/QĐ-TTg ngày 16/ 4/2009; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2020; Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Hai là, xác lập, kiên trì, quyết tâm và dành nguồn lực thời gian xứng đáng để thực hiện các nội dung trong XDNTM. XDNTM có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại là nội dung vừa có tính bức xúc trước mắt, vừa có tính lâu dài; Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn là công việc lâu dài, gian khó; Tăng thu nhập gấp 2 - 3 lần hiện nay và nâng cao đời sống tinh thần cho cư dân nông thôn là việc làm lâu dài; Tổ chức lại sản xuất gắn với tổ chức lại và tạo lập mới những TCCT-XH phù hợp với trình độ phát triển của cư dân nông thôn còn gặp nhiều khó khăn và mang tính lâu dài; Tập trung giải quyết những mâu thuẫn lớn ở nông thôn, vừa giải quyết những vấn đề trước mắt, vừa là vấn đề chiến lược xây dựng bản chất tốt đẹp của chế độ; Xây dựng người nông dân mới - chủ thể của nông thôn là hạt nhân để XDNTM [65].

Ba là, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, chính sách, cơ chế hỗ trợ, đào tạo cán bộ và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

Bốn là, chú trọng thực hiện đồng bộ các giải pháp của Chương trình mục tiêu quốc gia về NTM do Chính phủ quyết định. Cụ thể là: 1) Quyết định lựa chọn một cách khoa học, sát thực tế với từng địa phương những nội dung, việc cần ưu tiên làm trước; 2) Kiên trì, lâu dài hỗ trợ nông dân về khoa học - kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học vào nông nghiệp, nông thôn; 3) Đầu tư từ nhiều nguồn cho nông thôn; 4) Hình thành “giá đỡ” để nông dân yên tâm sản xuất sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp; 5) Tạo môi trường tốt nhất cho các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với trình độ cư dân từng xã, làng, từng loại hình sản phẩm cây trồng, vật nuôi, làng nghề, tính chất sản phẩm của từng dân tộc với mục tiêu tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị cao, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn; 6) Củng cố, xây dựng các tổ chức xã hội vì lợi ích trực tiếp của chính cư dân nông thôn.

Năm là, kế thừa và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn. Trong đó cần đặc biệt quan tâm chú ý đến chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Sáu là, quá trình XDNTM ngày càng hoàn thiện về mục tiêu, nội dung, cách thức và kết quả thực hiện. Cụ thể là, xây dựng NTM thực hiện trên địa bàn xã theo Bộ tiêu chí Quốc gia NTM; trước đây xây dựng nông thôn cấp huyện, có thời kỳ cấp thôn, nay trên địa bàn cấp xã và phạm vi toàn quốc; cộng đồng dân cư trong xã là những người xây dựng NTM. Nhà nước chỉ định hướng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, chính sách hỗ trợ; chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM là chương trình khung về phát triển nông thôn đã bao gồm các nội dung cần cho thực hiện 19 tiêu chí về xây dựng NTM. Để thực hiện, sẽ có nhiều chương trình, dự án thành phần do các Bộ, ngành hướng dẫn, chỉ đạo hướng vào thực hiện 19 tiêu chí NTM. Đây là chương trình tổng thể, bao trùm các mục tiêu xây dựng và phát triển nông thôn nước ta.

Bảy là, thực hiện Chương trình XDNTM phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, có quy hoạch và cơ chế đảm bảo thực hiện các quy hoạch XDNTM đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tám là, công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực; tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện các công trình, dự án của Chương trình XDNTM; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện; giám sát, đánh giá.

Chín là, XDNTM là nhiệm vụ của cả HTCT và toàn xã hội; cấp uỷ đảng, chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch và tổ chức thực hiện. MTTQ và các tổ chức chính trị, xã hội vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong XDNTM.

2.2. NHỮNG VAI TRÒ CHỦ YẾU CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Vai trò được hiểu là những gì mà một cá nhân, nhóm xã hội và tổ chức phải làm để giữ vị thế của mình có giá trị. Nó là những hành động mà cá nhân, nhóm, tổ chức và xã hội mong chờ, kỳ vọng một cá nhân, nhóm xã hội và tổ

chức phải thực hiện phù hợp với vị trí xã hội của mình. HTCT cấp cơ sở không phải là cấp hoạch định đường lối, chính sách, mà là *cấp hành động*, tổ chức hành động; biến đường lối, chính sách từ cấp vĩ mô thành hoạt động thực tiễn của dân [11, tr 26]. Trên cơ sở tổng hợp nội dung từ các văn bản của Ban Chỉ đạo Trung ương về XDNTM, Ban chỉ đạo XDNTM thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố Hà Nội và một số công trình nghiên cứu chuyên khảo về XDNTM ở nước ta hiện nay, có thể khẳng định HTCT cấp cơ sở đã và đang thực hiện những vai trò cụ thể sau đây.

2.2.1. Vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật xây dựng nông thôn mới

Khâu quan trọng của XDNTM, chính là việc HTCT cấp cơ sở thực hiện việc nắm bắt Nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, sự cụ thể hóa văn bản của cấp ủy Đảng và chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện; vận dụng sáng tạo các quy luật khoa học, phù hợp với đặc thù của từng địa phương; nhằm tạo sự đồng thuận chung về nhận thức, hành động trong phát triển tổng thể, bền vững kinh tế-xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng ở khu vực nông thôn. Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về XDNTM đã trở thành kim chỉ nam hành động cho cấp ủy cũng như mỗi cán bộ, đảng viên trong HTCT cấp cơ sở trong hiện nhiệm vụ XDNTM. Thông qua vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết và chính sách pháp luật XDNTM, HTCT cấp cơ sở ở nông thôn sẽ quán triệt triệt kỹ nội dung cốt lõi XDNTM là nâng cao đời sống nhân dân. Việc nắm bắt nghị quyết, chính sách hướng vào việc giải quyết những vấn đề tư tưởng phát sinh, góp phần phát huy dân chủ trong XDNTM. Khi thực hiện vai trò này Ban chấp hành đảng bộ xã, HĐND xã có nhiệm vụ ra quyết định ban hành Nghị quyết về XDNTM. Nghị quyết nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và giải pháp XDNTM. Đặc biệt cấp ủy cơ sở Đảng có nhiệm vụ quán triệt, đưa nội dung XDNTM trở thành nhiệm vụ chính trị, thường xuyên được bàn thảo trong sinh hoạt định kỳ. Mỗi tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn xã, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mà xác định vai trò của mình trong việc phối hợp, hỗ trợ hay trực tiếp lãnh đạo quần chúng thực hiện nhiệm vụ XDNTM. MTTQ, các TCCT-XH lồng ghép

nhiệm vụ XDNTM trong hoạt động thường xuyên; quán triệt tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và người lao động tinh thần, ý thức trách nhiệm tham gia XDNTM; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp tạo sức mạnh tổng hợp trong triển khai thực hiện. Với vai trò nắm bắt chỉ thị nghị quyết và chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và các cơ quan thuộc HTCT cấp trên, Đảng uỷ xã, Chi bộ thôn giữ vai trò lãnh đạo toàn diện quá trình XDNTM đảm bảo đúng chủ trương, mục tiêu của Đảng, Nhà nước đã đề ra.

2.2.2. Vai trò lập kế hoạch chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới

Vai trò lập kế hoạch là việc đưa ra các dự kiến, xây dựng chương trình hoạt động cho tương lai của tổ chức, nhằm đạt tới mục đích đã xác định. Đây là đặc trưng cao nhất của tổ chức. Việc vạch kế hoạch được thực hiện ở bên trong của các loại hình nhóm khác nhau, giống như một quá trình liên tục để chọn lựa giữa các khả năng khác nhau dẫn tới các quyết định. Đây là vai trò mấu chốt, bao gồm việc tìm ra các phương tiện và nguồn lực thích hợp để thực hiện mục tiêu. Thông thường, vai trò này bao gồm ba cấp: *một là*, vạch ra các mục tiêu dài hạn và các kế hoạch chiến lược; *hai là*, lập các kế hoạch tác nghiệp và *ba là* xây dựng các mục tiêu ngắn hạn và ngân sách.

Để triển khai thực hiện XDNTM được hiệu quả, công việc hàng đầu của HTCT cấp cơ sở ở các địa phương phải thực hiện là xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu của từng giai đoạn và từng năm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. HTCT cấp xã có vai trò lập kế hoạch các chỉ tiêu XDNTM cho địa phương mình điều hành việc hiện thực hóa nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về XDNTM. Lập kế hoạch các chỉ tiêu XDNTM là quá trình dự kiến xây dựng chương trình hoạt động cho tương lai của tổ chức, nhằm đạt tới mục đích đã xác định. Thông thường, vai trò này bao gồm ba cấp: *một là*, vạch ra các mục tiêu dài hạn và các kế hoạch chiến lược; *hai là*, lập các kế hoạch tác nghiệp và; *ba là*, xây dựng các mục tiêu ngắn hạn và huy động ngân sách. Việc vạch kế hoạch chỉ tiêu XDNTM của HTCT cấp cơ sở đóng một vai trò mang tính định hướng trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu XDNTM ở từng địa phương cụ thể. Chỉ khi xác lập kế hoạch xây dựng các chỉ tiêu phù hợp chọn lựa giữa các khả năng khác

nhau dẫn tới các quyết định phù hợp và hiệu quả. Đây là vai trò mấu chốt, bao gồm việc tìm ra các phương tiện và nguồn lực thích hợp, kịp thời để thực hiện thắng lợi các mục tiêu.

Thông qua vai trò của cấp ủy Đảng, việc lập kế hoạch chỉ tiêu XDNTM được thể hiện trong Nghị quyết chuyên đề hoặc lồng ghép nội dung về XDNTM mang tính định hướng chỉ đạo. Thông qua vai trò của HĐND xã được thể hiện trong việc ban hành Nghị quyết về XDNTM nhằm thực hiện Nghị quyết do cấp ủy Đảng ban hành; với những mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp thực hiện cụ thể rõ ràng. Quyết định dự toán thu-chi, phân bổ, điều chỉnh dự toán, phê chuẩn quyết toán ngân sách đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn xã. Thông qua vai trò của UBND xã được thể hiện trong xây dựng, trình HĐND quyết định chủ trương XDNTM trên địa bàn xã; tổ chức thực hiện Nghị quyết của HĐND xã về XDNTM; giao nhiệm vụ, chỉ đạo Ban phát triển thôn thôn tiến hành thực hiện các nội dung công việc cụ thể; Ban hành quyết định thành lập Ban quản lý XDNTM. Ban quản lý XDNTM có vai trò tổ chức xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch tổng thể đầu tư hàng năm XDNTM của xã, lấy ý kiến nhân dân và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2.3. Vai trò tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới

Vai trò tuyên truyền, vận động là một nhiệm vụ không thể thiếu được của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Chức năng này bao gồm việc cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị cấp cơ sở chuyển các mục tiêu hoạt động từ chỗ hướng vào đông đảo quần chúng bằng các biện pháp giáo dục - truyền thông (cung cấp thông tin) sang chỗ hướng vào nhóm đối tượng mục tiêu bằng biện pháp tuyên truyền, vận động (triển khai hành động). Về thực chất, chức năng này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chuyển hướng từ “biết” sang “hiểu và hành động”[2]. Đây là một chức năng không thể thiếu được của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Chương trình mục tiêu quốc gia về XDNTM là công cuộc cải biến sâu sắc đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội nông thôn và nông dân, đòi hỏi cộng đồng nỗ lực của cả HTCT cấp cơ sở vào cuộc. Tư tưởng, quan điểm chính sách về XDNTM của Đảng

và Nhà nước phải được tuyên truyền vận động, phổ biến, quán triệt đến mỗi cán bộ, đảng viên và người dân ở cơ sở. Trong các thành viên của HTCT cấp cơ sở thì Ủy ban MTTQ và các TCCT-XH có nhiệm vụ số một trong thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến các thành viên, nhân dân chủ trương, chính sách XDNTM của Đảng và Nhà nước; làm cho các thành viên, tầng lớp nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung chương trình; nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi thành viên tự giác tham gia phong trào một cách tích cực và phù hợp với điều kiện của mình [100, tr 84]. Theo quy định hiện hành, MTTQ và các TCCT-XH cấp xã vận động các hội viên, nhân dân tham gia XDNTM với 5 nội dung: 1) đoàn kết giúp nhau giảm nghèo bền vững; tích cực tham gia phát triển kinh tế, ổn định đời sống, khuyến khích làm giàu chính đáng; 2) đoàn kết xây dựng văn hóa; chăm lo sự nghiệp giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; chăm lo sức khỏe nhân dân, xây dựng gia đình văn hóa hạnh phúc; phát huy truyền thống đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái; 3) đoàn kết tham gia bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng cảnh quan môi trường, xanh, sạch đẹp; 4) đoàn kết, chấp hành pháp luật, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; 5) đoàn kết, phát huy dân chủ, tích cực tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng HTCT cơ sở trong sạch, vững mạnh [87, tr 84, 85].

Vai trò tuyên truyền, vận động của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM thể hiện trên các mặt: *Thứ nhất*, tuyên truyền, vận động giúp nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức trong HTCT cấp cơ sở về XDNTM, từ đó, có các hoạt động phối hợp, hỗ trợ triển khai thiết thực. Ý thức rõ vai trò của mình trong nhiệm vụ chính trị đó, HTCT cấp cơ sở, chỉ đạo các ngành, đơn vị triển khai tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và người lao động với mục tiêu cụ thể, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT cấp cơ sở tham gia XDNTM; tích cực hưởng ứng, cụ thể hoá, vận dụng các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ chung vào điều kiện cụ thể. *Thứ hai*, tuyên truyền, vận động của HTCT cấp cơ sở góp phần thay đổi nhận thức của người dân nông thôn, qua đó phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dân nông thôn trong XDNTM. *Thứ ba*, thông qua tuyên truyền, vận động của HTCT cấp cơ sở, những mô hình hiệu quả,

những cách làm hay trong XDNTM có điều kiện lan tỏa để các địa phương có thể áp dụng. Đồng thời, những bất cập trong triển khai cũng được cảnh báo để các đơn vị, địa phương khác rút kinh nghiệm.

2.2.4. Vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới

Chúng ta có thể hiểu rằng, vai trò tổ chức thực hiện là sự sắp xếp và sử dụng nguồn lực nói chung, trong đó con người là yếu tố cơ bản. Tổ chức thực hiện XDNTM là quá trình sau khi đã xác định những công việc cần phải làm tiến hành phân công cho các tổ chức, cá nhân đảm nhận những nhiệm vụ/mục tiêu/tiêu chí cụ thể của XDNTM. Trên cơ sở đó, tạo ra mối quan hệ ngang dọc trong nội bộ hệ thống nhằm vận hành nhịp nhàng, đồng bộ và hướng tới thực hiện thắng lợi các mục tiêu XDNTM của địa phương. Vai trò tổ chức thực hiện trong XDNTM của của HTCT cấp cơ sở thể hiện thông qua việc thành lập hệ thống bộ máy chỉ đạo, điều hành. Ở cấp xã có Ban chỉ đạo và Ban quản lý XDNTM; ở cấp thôn có Ban phát triển thôn. Đồng thời, thông qua hệ thống tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên với sự gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, nói đi đôi với làm chính là cơ sở để tạo dựng niềm tin chính trị trong quần chúng, nhân dân. Đồng thời, thông qua Ban chỉ đạo chương trình XDNTM chính quyền cấp cơ sở tổ chức tiến hành các hoạt động XDNTM, như các tổ chức, lực lượng tham gia XDNTM; tiến hành đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ năng lực tham gia XDNTM; bố trí cán bộ của Đảng trong các tổ chức chính quyền và HTCT, các tổ chức nòng cốt, chuyên trách tham gia XDNTM để bảo đảm triển khai thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, nghị quyết của tỉnh ủy về XDNTM [74]. HTCT cấp cơ sở có vai trò lãnh đạo, tổ chức, điều hành, quản lý, hướng dẫn nhân dân về mọi mặt trong XDNTM bảo đảm theo đúng pháp luật và các chính sách, kế hoạch, chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm có hiệu quả, chống tham ô, lãng phí, chống thất thoát, bảo đảm chất lượng.

Vai trò của cấp ủy Đảng trong tổ chức thực hiện XDNTM là lãnh đạo thành công việc thành lập Ban chỉ đạo XDNTM cấp xã. Với vai trò là thành viên nòng cốt trong tổ chức thực hiện XDNTM, UBND xã có nhiệm vụ phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; phê duyệt dự toán và quyết toán kinh phí quản lý dự án của chủ đầu tư với các dự

án, công trình do xã quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật; Báo cáo kết quả XDNTM đến các cơ quan có thẩm quyền [97, tr 82]. UBND thông qua Ban quản lý XDNTM cấp xã có nhiệm vụ với tư cách là chủ đầu tư các dự án XDNTM trên địa bàn xã. Quản lý, triển khai các dự án, bao gồm: chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng; Ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng dân cư hoặc cá nhân cung cấp các hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư [100, tr 82].

2.2.5. Vai trò huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới

HTCT cấp cơ sở có vai trò, trách nhiệm vận động huy động nguồn lực XDNTM thể hiện phương châm và nguyên tắc xã hội hóa dựa trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm. Điều này được biểu hiện ở 4 nội dung như sau. *Một là*, nhân dân làm chủ trong việc sáng tạo cách làm để thực hiện thành công các tiêu chí XDNTM. *Hai là*, xã hội hóa trong việc XDNTM là nhân dân chủ động tự giác bỏ tiền, của và công sức lao động để làm, có sự hỗ trợ của Nhà nước mà chủ yếu là cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện tốt các tiêu chí theo quy định. *Ba là*, xã hội hóa đã tạo ra chất lượng hưởng lợi cho chính người dân tại địa phương. *Bốn là*, xã hội hóa trong quá trình XDNTM phải gắn liền với sự quản lý của Nhà nước.

HTCT cấp cơ sở có vai trò quan trọng trong việc huy động thực hiện xã hội hóa các nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu XDNTM. Theo Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM giai đoạn 2010-2020 thì vốn và nguồn vốn thực hiện chương trình gồm: nguồn vốn ngân sách (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) chiếm khoảng 40% tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình; Vốn tín dụng (bao gồm tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng thương mại) khoảng 30%; Vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác khoảng 20%; Huy động đóng góp của cộng đồng dân cư khoảng 10% [140].

Nguồn lực cho XDNTM trước hết là từ Ngân sách nhà nước các cấp, tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, phúc lợi xã hội công cộng... với vai trò “bà đỡ” cho sự phát triển. Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng chương trình chiếm tỷ trọng cao nhất (40%), thể hiện sự quan tâm của Đảng và

Nhà nước trong phát triển nông thôn. Bên cạnh đó, nguồn vốn tín dụng được xác định với tỷ lệ 30% tổng vốn huy động cho chương trình thông qua kênh tín dụng đầu tư phát triển nhà nước và tín dụng thương mại. Nguồn lực thứ hai là của các doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội hóa khác. Cụ thể hóa và bổ sung các chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp - nông thôn. Vận động người dân địa phương làm ăn ở nơi xa hướng về quê hương, đầu tư về vùng nông thôn, giúp giải quyết việc làm, ổn định “đầu vào, đầu ra”, đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế... Nguồn lực thứ ba là từ trong nội lực của cộng đồng. Chính là nguồn vốn xã hội, sự tham gia của cộng đồng, khả năng tự tổ chức, khả năng ra quyết định tập thể, khả năng giám sát, tạo ra sự năng động thiết thực hiệu quả của XDNTM.

Các hình thức huy động của HTCT cấp cơ sở bao gồm: tiền mặt; hiện vật (như đất đai, hoa màu và các tài sản gắn liền với đất,...) ngày công lao động,... và các hình thức xã hội hoá khác. Cơ chế huy động khá linh hoạt đã tạo sự chủ động cho các địa phương trong huy động nguồn lực. Nhiều địa phương đã xây dựng các cơ chế huy động cụ thể như cơ chế “vốn môi” nhằm lôi cuốn, kích thích nguồn vốn huy động đóng góp từ các cá nhân, tổ chức kinh tế trên địa bàn. Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực tài chính từ nhân dân phải thực hiện từng bước, không nóng vội chạy theo thành tích để huy động cao trong thời gian ngắn, quá sức dân. Đồng thời, công khai, minh bạch trong sử dụng nguồn lực tài chính để tăng lòng tin của nhân dân. Hằng năm phải tiến hành sơ kết, đánh giá và có hình thức động viên khen thưởng cộng đồng các thôn/bản, cá nhân những người dân có thành tích trong phong trào XDNTM.

2.2.6. Vai trò kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới

Trong thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát quá trình XDNTM của HTCT cấp cơ sở ở nông thôn, trước hết được thể hiện thông qua hoạt động của HĐND, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội. Điều này được tiến hành trên cơ sở vận dụng các văn bản qui phạm pháp luật khác, như Quyết định 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Luật Thanh tra năm 2010; Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Quyết định số 80/2005/QĐ-

TTg ngày 18/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành qui chế giám sát đầu tư của cộng đồng... Bên cạnh đó, cấp ủy, HĐND cấp cơ sở thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát thực hiện XDNTM thông qua việc thành lập các tổ chức cần thiết và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức, các đồng chí cấp ủy viên, cán bộ các ban ngành đoàn thể trực tiếp phụ trách các mảng công việc, các thôn, xóm để tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Đồng thời, HĐND xã ban hành kế hoạch giám sát chuyên đề về XDNTM hoặc lồng ghép vào các kế hoạch giám sát định kỳ. Tất cả các hoạt động kiểm tra, giám sát của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM đều phải hướng đến mục tiêu: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi.

Vai trò kiểm tra, giám sát của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM bao gồm:

- 1) Xây dựng chương trình hoạt động công tác kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước các cấp về XDNTM;
- 2) Phân công cấp ủy viên và các cơ quan tham mưu giúp việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát;
- 3) Chỉ đạo ủy ban kiểm của cấp ủy hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ;
- 4) Quan tâm và tạo điều kiện để Ban giám sát cộng đồng hoạt động có hiệu quả;
- 5) Chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm tra với các lực lượng có liên quan để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát;
- 6) Nghe báo cáo và chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; giải quyết kịp thời các kiến nghị của tổ chức đảng cấp dưới.

Vai trò kiểm tra, giám sát của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM là công việc thường xuyên và tất yếu. Bởi vì chỉ có dựa vào việc giám sát kiểm tra, có thể điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch đã vạch ra, điều chỉnh sự sắp xếp lực lượng hay sự phân phối giữa các bộ phận, và do vậy, nâng cao hiệu quả chương trình XDNTM. Có thể khẳng định, vai trò của HTCT cấp cơ sở thể hiện thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát quá trình XDNTM là một nội dung quan trọng. Kiểm tra, giám sát là những chức năng, là phương thức, là khâu không tách rời vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Nhờ kiểm tra, giám sát mới phát hiện kịp thời và đúng đắn những bất cập, hạn chế, thậm chí là những vi phạm trong quá trình XDNTM. Đồng thời, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời khả thi nhằm thúc đẩy việc thực hiện các tiêu chí XDNTM ngày càng hiệu quả và bền vững.

Theo quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương thì MTTQ và các TCCT-XH (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân) cấp xã có nhiệm vụ tham gia thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với các chương trình XDNTM ở địa phương. MTTQ xã xây dựng kế hoạch chương trình kiểm tra, giám sát báo cáo cấp ủy Đảng. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của các thành viên, lấy ý kiến của nhân dân)[39]. Thực hiện giám sát thông qua thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hoạt động Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng. Thực hiện giám sát thông qua văn bản, tài liệu, đơn thư khiếu nại tố cáo, phản ánh của các tổ chức cá nhân; tham gia giám sát do HĐND xã đề nghị. Trong khi đó, UBND xã có nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi để các ban ngành, đoàn thể và cộng đồng tham gia giám sát quá trình thực hiện các chương trình; có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân liên quan đến XDNTM; Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã có vai trò tổ chức và tạo điều kiện cho nhân dân tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã [97, tr 82].

2.2.7. Vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền

Đề xuất là việc cá nhân hay tổ chức đưa ra một nội dung nhưng không bắt buộc người/tổ chức nhận đề xuất phải thực hiện mà chỉ muốn người/tổ chức nhận đề xuất có đồng ý và góp ý, bổ sung cho nội dung đưa ra. Kiến nghị là việc cá nhân hay tổ chức đề nghị với cá nhân, hoặc cơ quan có thẩm quyền của nhà nước cần xử lý hoặc điều chỉnh, sửa đổi hoặc có các giải pháp, biện pháp và hình thức quản lý, điều hành một lĩnh vực nào đó đã được triển khai thực hiện ở một địa bàn cụ thể; các nội dung, giải pháp, biện pháp và hình thức thực hiện mà chủ thể kiến nghị cho rằng sẽ không hiệu quả, không phù hợp, không khả thi, có thể ảnh hưởng không tích cực đến mục tiêu phát triển của tổ chức và cộng đồng. Trong XDNTM việc HTCT cấp cơ sở thực hiện đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền là một vai trò quan trọng không thể thiếu được.

Hiện nay nước ta có hơn 9 nghìn xã đang thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia XDNTM. Thực tế cho thấy, mỗi địa phương sẽ có những điều kiện thế mạnh, thuận lợi, khó khăn, nhu cầu và năng lực khác nhau trong việc

triển khai chương trình XDNTM; tuy nhiên các tiêu chí, nguồn lực, phương pháp và cách thức triển khai XDNTM mới về cơ bản là thống nhất và ít có sự khác biệt. Điều này đặt ra một yêu cầu khách quan và tất yếu là chương trình XDNTM phải thường xuyên được bổ sung, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của thực tiễn của mỗi địa phương. Song ai sẽ là người đứng ra đề xuất, kiến nghị với các cơ quan và cấp có thẩm quyền những vấn đề bất cập cần phải bổ sung, điều chỉnh những vấn đề liên quan đến XDNTM ở cơ sở. Theo các quy định hiện hành chính là Ban chỉ đạo XDNTM cấp xã.

Hơn nữa trong quá trình triển khai XDNTM một yêu cầu đặt ra là cần phải phát huy trách nhiệm, năng lực của HTCT cấp cơ sở trong việc đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền trong việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, mục tiêu, phương pháp, kế hoạch và nguồn lực thực hiện XDNTM phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Thực hiện tốt vai trò này HTCT cấp cơ sở sẽ góp phần tổng kết những mô hình, kinh nghiệm quý báu trong XDNTM; phát hiện những bất cập trong XDNTM; chỉ ra những điểm phù hợp và phát hiện những vấn đề khiếm khuyết, không hợp lý trong thực hiện các chính sách liên quan đến XDNTM trên từng địa bàn cụ thể. Từ đó đề xuất với các cơ quan và cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, bổ sung, hoàn chỉnh và tổ chức thực hiện chính sách, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.3.1. Đường lối, chính sách và pháp luật liên quan đến hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và có nhiều chủ trương lớn về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Các chủ trương của Đảng đã được thể chế hóa bằng các chính sách và được các cấp, các ngành, các địa phương triển khai trong thực tế. Cho đến nay chúng ta đã có một hệ thống đường lối, cơ chế, chính sách và pháp luật khá đồng bộ và đầy đủ liên quan đến xây dựng HTCT cấp cơ sở và XDNTM. Chẳng hạn, Bộ Chính trị khóa VIII đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18 tháng 02 năm 1998 về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Tiếp đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng, khóa X đã ban hành Kết luận số 65-KL/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2010 về tiếp tục

thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về Đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở xã, phường, thị trấn; Nghị quyết số 22-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở và chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên. Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh”. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định: Xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, XDNTM. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin..., cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp [40, tr 161].

Quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu và nội dung của Nghị quyết Trung ương Đảng và Quốc hội, Chính phủ đã cụ thể hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật chính sách thông qua các nghị định, pháp lệnh, luật; các đề án chuyên ngành. Trên cơ sở đó các Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch cụ thể những vấn đề liên quan đến HTCT cấp cơ sở và XDNTM để chỉ đạo triển khai thực hiện thắng lợi trong thực tiễn. Chẳng hạn, thể chế hóa Chỉ thị của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29-NQ/CP ngày 11 tháng 5 năm 1998, Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 7 tháng 7 năm 2003 về Quy chế dân chủ ở xã. Trước yêu cầu về việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI đã ban hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Có thể khẳng định, hệ thống nghị quyết, quan điểm, cơ chế, chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước như vừa nêu trên là khá kịp thời và đồng bộ

so với yêu cầu hoàn thiện HTCT cấp cơ sở và mục tiêu XDNTM. Thực tiễn cho thấy, do có nghị quyết chuyên đề bàn về xây dựng HTCT cấp cơ sở đã có ảnh hưởng tích cực và quan trọng đến việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM theo chiều hướng tích cực là chủ yếu. Đồng thời, quá trình XDNTM đã được Đảng, Nhà nước ban hành nhiều nghị quyết và chính sách theo xu hướng ngày càng đáp ứng so với nhu cầu XDNTM trong thực tiễn. Chẳng hạn, sau một thời gian triển khai XDNTM trong thực tiễn, các văn bản: Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia NTM; Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chương trình mục tiêu Quốc gia về XDNTM giai đoạn 2010- 2020...đã nảy sinh những bất cập, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội; Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 Về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả, bền vững chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM giai đoạn 2016-2020...nhằm đáp ứng những yêu cầu đặt ra từ thực tiễn XDNTM sau 5 năm.

Tuy nhiên, bên cạnh đó thực tiễn cho thấy hệ thống Nghị quyết, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về HTCT cấp cơ sở và XDNTM có xu hướng kém linh hoạt, máy móc, chạy theo thành tích, nặng về dự án, các nguồn lực chưa tương xứng, có khoảng cách tương đối xa so với sự vận động của thực tiễn... Chẳng hạn, Quyết định số 2540/QĐ-TTg về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1996/QĐ-TTg 04 tháng 11 năm 2014 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của văn phòng điều phối giúp ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM các cấp: Trung ương; tỉnh/thành phố; huyện và xã; Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2016 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của văn phòng điều phối NTM các cấp...

Những bất cập và yêu cầu đặt ra trong XDNTM hiện nay đang đòi hỏi cần phải tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm không ngừng thúc đẩy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở Việt Nam.

2.3.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, văn hóa cụ thể ở từng địa phương

Trong gần 10 năm qua, Chính phủ cùng các Bộ, ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp, và nhân dân cả nước đã chung sức, đồng lòng tích cực thực hiện Chương trình và đạt được nhiều kết quả quan trọng, thu nhập và đời sống của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao; bộ mặt nông thôn được đổi mới, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện và nâng cấp rõ rệt; HTCT cơ sở tiếp tục được củng cố...Đến nay, cả nước đã có 2.235 xã (25,07% so tổng số xã), 30 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn NTM, bình quân cả nước đạt 13,45 tiêu chí/xã. Thực tế cho thấy có thể khẳng định ở địa phương: tất cả các tỉnh, thành phố đã xây dựng chương trình hành động triển khai Nghị quyết hướng đến XDNTM. Nhiều tỉnh, thành phố chủ động ban hành các chính sách mới, đặc thù phù hợp với thực tế của địa phương. Những việc nêu trên đã có tác động tích cực đến phát triển nông nghiệp, nông thôn trước mắt và lâu dài, tạo được niềm tin cho cán bộ, nông dân vào chủ trương phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng.

Tuy nhiên, trong triển khai Chương trình XDNTM, đã có một số khó khăn, bất cập như: việc tổ chức sản xuất trong nông nghiệp còn thiếu tính liên kết bền vững tại không ít địa phương; nhiều địa phương do quá đề cao thực hiện dự án và chạy theo thành tích cho nên đã lâm vào tình trạng nợ đọng vốn ngân hàng quá lớn; một số địa phương mới chỉ tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng, nhiều nơi chưa quan tâm đúng mức tới phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, cũng như xây dựng đời sống văn hóa và bảo vệ môi trường; đã có sự chênh lệch lớn về kết quả thực hiện XDNTM giữa các vùng, miền; đời sống và mức thụ hưởng thành quả NTM ở nhiều nơi còn thấp; phong trào XDNTM ở một số địa phương có dấu hiệu chững lại, cầm chừng. Qua thực tế, dù được điều chỉnh, sửa đổi và thường xuyên được cụ thể hóa nhưng một số tiêu chí vẫn chưa hoàn toàn phù hợp với thực tiễn mang tính đặc thù của các vùng, miền, nhất là các xã ở miền núi và dân tộc thiểu số.

Vì xây dựng NTM là những việc làm, hành động cụ thể diễn ra hàng ngày ở cơ sở, xã, thôn, xóm, bản và trong từng hộ gia đình, trong mỗi hành vi ứng xử của mỗi con người đang sống ở nông thôn. Nếu địa phương nào có nguồn lực tốt, có kế hoạch thực hiện bài bản, biết làm tốt công tác tuyên truyền, với sự tham gia tích cực chủ động của người dân...thì phát huy được vai trò của HTCT trong XDNTM. Ngược lại, không ít địa phương vai trò của HTCT trong XDNTM còn mờ nhạt, chưa hiệu quả.

Mặt khác, xây dựng NTM là xây dựng ở một địa bàn xã, bản thuộc vùng miền cụ thể, ở đó có những con người, những dân tộc cụ thể, họ có điều kiện hoàn cảnh sống, phong tục, tập quán khác nhau, đòi hỏi chúng ta phải xây dựng NTM phù hợp với hoàn cảnh sống và phong tục tập quán từng dân tộc, từng nơi, với định hướng chung là 19 tiêu chí như quyết định 491 của Thủ tướng Chính phủ đã nêu.

2.3.3. Những yếu tố thuộc về hệ thống chính trị cấp cơ sở

HTCT cơ sở có ổn định vững chắc hay không, có hoàn thành các chức năng nhiệm vụ hay không và hoàn thành ở mức độ như thế nào sẽ phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố như: trình độ phát triển kinh tế xã hội, trình độ dân trí, mức sống, đặc điểm lịch sử và truyền thống văn hóa của địa phương; trình độ chính trị, chuyên môn lãnh đạo và quản lý của đội ngũ cán bộ thuộc HTCT cơ sở, và tất nhiên, còn phụ thuộc cả vào các tác nhân khác thuộc môi trường thể chế vĩ mô [85].

Các yếu tố chủ quan và khách quan của HTCTCS có ảnh hưởng quyết định đến việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Yếu tố khách quan của HTCT cấp cơ sở gắn liền với hoàn cảnh, điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng ở cơ sở; đặc điểm lịch sử, truyền thống văn hóa, tâm lý, tập quán của địa phương và các yếu tố khác thuộc môi trường thể chế vĩ mô [88]. Nhóm các yếu tố chủ quan của HTCT cấp cơ sở là những phẩm chất thuộc về chủ thể gắn liền với sự hoạt động của các tổ chức trong HTCT cấp cơ sở. Chủ thể trong hoạt động của HTCT cơ sở không phải là cấp vạch ra mà là tổ chức quán triệt thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên; HTCT cơ sở là cấp vận dụng vào thực tiễn cơ sở, tổ chức, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị,

kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng ở cơ sở nhằm không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân [88].

Trên góc độ tổ chức, HTCT cơ sở là cơ chế kết hợp phẩm chất, năng lực hoạt động của các bộ phận hợp thành để tạo nên phẩm chất, năng lực mới của từng tổ chức, cũng như của cả HTCT trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức. Nó bao gồm: năng lực nhận thức đúng đắn đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cơ sở để đề ra nhiệm vụ trong hoạt động của từng tổ chức; năng lực phát hiện đúng, sai, đóng góp vào việc bổ sung, hoàn thiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước từ thực tiễn ở cơ sở; năng lực tổ chức, vận động quần chúng nhân dân chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện thắng lợi các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, bảo đảm an ninh quốc phòng ở cơ sở, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân; tính kỷ luật; sự phối hợp hoạt động của các tổ chức trong HTCT theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ [88]. Đây là những yếu tố góp phần củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, MTTQ và đoàn thể trong sạch, vững mạnh góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp XDNTM. Có thể khẳng định, những chuyển biến tích cực của HTCT đang có sự tác động mạnh mẽ đến các phong trào XDNTM. HTCT đang thực sự đóng vai trò đầu tàu, dẫn dắt, định hướng nông dân trong XDNTM. Sự đồng thuận và quyết tâm của cả HTCT trong XDNTM thể hiện thông qua sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của các cấp ủy Đảng, của người đứng đầu; là sự nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đồng hành và chia sẻ cùng nông dân. Một khi cả HTCT thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ sẽ là chỗ dựa tinh thần quan trọng, là động lực to lớn cho các chủ thể nông dân phát huy tốt vai trò của mình trong XDNTM.

Bên cạnh đó, năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong HTCT cấp cơ sở là yếu tố trực tiếp đóng vai trò quyết định đối với việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Bởi vì, trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo ở XDNTM ở cơ sở, đòi hỏi mỗi một cán bộ, đảng viên không chỉ nói giỏi, ra được nghị quyết hay, xây dựng được đề án, kế hoạch, lộ trình tổ chức thực hiện, huy động được nguồn lực tốt, mà còn đòi hỏi phải làm tốt vai

trò nêu gương trong thực hiện XDNTM. Trong cuộc sống hàng ngày từ ăn, ở, lao động, sinh hoạt, hành vi ứng xử, đến mức độ đóng góp trong xây dựng NTM của mỗi cán bộ đảng viên, đều là một tấm gương để nhân dân sở tại nhìn vào, học tập và noi theo [14].

Đội ngũ cán bộ, đảng viên trong HTCT ở cơ sở là những người trí thức ở khu vực nông thôn; họ là niềm tin và lòng tự hào của mỗi cộng đồng làng-xã, được nhân dân bầu chọn lên, theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp, nên cán bộ cơ sở nói có tính thuyết phục cao với họ, cán bộ cơ sở nói là được dân tin và làm theo. Đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nông thôn tác động đến quá trình phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM được thể hiện thông qua các tiêu chí cụ thể: ý chí, phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực nhận thức, hoạt động thực tiễn... Đây là những tiêu chí tạo nên những nhân tố có ảnh hưởng quyết định đến hoạt động của đội ngũ này trong HTCTCS. Đặc điểm nổi bật ở đây chính là đội ngũ cán bộ, đảng viên trong HTCTCS khi giải quyết công việc thường vận dụng kinh nghiệm nhiều hơn tư duy lý luận [22]. Hơn nữa, họ là những người hàng ngày hoạt động trực tiếp với dân nên hiểu biết về thực tiễn, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở hơn các cấp khác.

Bên cạnh những tác động tích cực, thì đội ngũ cán bộ trong HTCT cấp cơ sở phục vụ cho XDNTM nhìn chung vẫn còn nhiều bất cập. Chẳng hạn, Ban Chỉ đạo XDNTM được thành lập xuyên suốt trên toàn hệ thống, nhưng trên thực tế tại đơn vị cấp xã hiện nay số lượng cán bộ chuyên trách về XDNTM còn ít so với tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ XDNTM đang đặt ra. Hơn nữa, năng lực và tâm huyết của đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận và chuyên trách về XDNTM chưa thật tốt. Điều này thể hiện qua mức độ sâu sát nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nông dân để kịp thời định hướng, hướng dẫn, hỗ trợ hay tham mưu, đề xuất cho các cơ quan chức năng nghiên cứu tháo gỡ chưa cao, chưa làm tốt vai trò là cầu nối giữa HTCT với nông dân. Những hạn chế, yếu kém, bất cập, sai phạm trong HTCT ở cơ sở làm cho lòng tin và tình cảm của nông dân ít nhiều bị giảm sút. Một khi sự mất lòng tin, sự hoài nghi và cả sự không hài lòng gia tăng sẽ là tỷ lệ nghịch đối với việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM. Vì vậy, một trong những yêu cầu đang đặt ra hiện nay là HTCT cấp cơ sở với từng chức danh cụ thể trong Đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn

thể, công an, nông nghiệp, y tế, giáo dục... phải hiểu rõ nội dung, xây dựng NTM; hiểu rõ vị trí, vai trò việc làm của ngành mình trong XDNTM, từ đó mà tham mưu lựa chọn, tổ chức thực hiện việc làm cụ thể, nội dung tiêu chí của lĩnh vực mình phụ trách.

Trước đây trong quá trình xây dựng nông thôn truyền thống, nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thường quen với lối tư duy kinh nghiệm, chủ quan, tùy tiện, cá lẻ, manh mún nên nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, thiếu tính hệ thống và liên kết, cơ sở hạ tầng xuống cấp, sản xuất tự cung, tự cấp nên thiếu thôn, đời sống vật chất và tinh thần khó khăn, môi trường sinh thái ngày càng bị ô nhiễm, chất lượng giáo dục, trình độ dân trí, trình độ nghề nghiệp của người dân thấp, cán bộ, đảng viên trong HTCT trình độ chính trị, chuyên môn còn nhiều hạn chế, bất cập,...Hiện nay, trong quá trình nhận thức và thực hiện XDNTM, nhận thức, đặc biệt tư duy của nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ở một số địa phương còn hạn chế [22]. Cho rằng XDNTM là dự án phát triển sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng; hoặc là biến đổi nông thôn thành thị trấn, thị tứ để đô thị hóa; hoặc XDNTM là trách nhiệm của nhà nước phải làm cho dân nên nảy sinh tâm lý trông chờ, thụ động, ỷ lại, ảo tưởng là sắp có NTM. Vì vậy, vấn đề đổi mới tư duy để nâng cao hiệu quả nhận thức, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu XDNTM của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân là hết sức cần thiết. Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là lực lượng tiên phong, đi đầu trong XDNTM. Trước tiên họ phải đổi mới tư duy để nhận thức đúng về chủ trương của Đảng, chương trình mục tiêu XDNTM của Chính phủ; từ đó tuyên truyền, vận động, hướng dẫn tư duy và nhận thức của nhân dân về XDNTM. XDNTM là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì không thể có đất nước công nghiệp mà nông thôn lạc hậu [22]. Tuy nhiên thực tế cho thấy, trình độ, kiến thức và năng lực cán bộ cấp xã nhiều mặt còn hạn chế; tỷ lệ cán bộ chưa đạt chuẩn về chuyên môn còn cao (chiếm 35,28%), riêng tỷ lệ công chức chưa đạt chuẩn về chuyên môn là 10,72%. Số lượng cán bộ hoạt động không chuyên trách tăng nhanh đang là gánh nặng cho ngân sách nhà nước [145]. Chính điều này đã trở thành rào cản trong việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Vì vậy HTCT cơ sở, mỗi người dân là yếu tố bên trong, là yếu tố chủ quan, là tiềm năng, nội

lực; sự lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của cấp trên... là yếu tố bên ngoài, yếu tố cần thiết, khách quan, nên yếu tố bên trong là yếu tố quyết định thành công sự nghiệp XDNTM.

Để phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM thực tế cho thấy nhiều địa phương đã xây dựng đề án quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đảm bảo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; đảm bảo về cơ cấu dân tộc, độ tuổi, giới tính. Cùng với đó, công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ xuống cơ sở được các địa phương thực hiện và đạt được kết quả nhất định, góp phần quan trọng củng cố HTCT cơ sở, phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững và ổn định an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, công tác quy hoạch, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở cần được đẩy mạnh, tích cực trẻ hóa cán bộ, coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh và kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng. Cấp ủy các cấp chú trọng làm tốt công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên, đẩy mạnh kết nạp đảng viên là sinh viên, công nhân lao động trong các thành phần kinh tế, địa bàn dân cư.

2.3.4. Dân chủ cơ sở và vai trò chủ thể của người nông dân trong xây dựng nông thôn mới

Do sự quan Đảng và Nhà nước tâm đến việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở nông thôn trong khoảng 10 năm vừa qua đã dẫn đến việc triển khai thực hiện dân chủ ở các xã được thực hiện tương đối tốt, quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng và phát huy, đã tác động tích cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền và khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố. Điều này được biểu hiện rất rõ thông qua quá trình người dân tự nguyện tự giác đóng góp nhiều công sức, thời gian và tài chính cho công cuộc XDNTM.

Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Không ít trường hợp việc thực hành dân chủ còn mang tính hình thức, có nơi, có lúc còn biểu hiện lợi dụng dân chủ, khiếu kiện đông người, vượt cấp hoặc gây mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Tình trạng quan liêu, không thực sự tôn

trọng dân chủ còn khá nặng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức. Có biểu hiện quan liêu, xa dân ngay từ cơ sở. Quy chế dân chủ cơ sở, Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn tuy có triển khai thực hiện nhưng còn thiếu sự chỉ đạo, kiểm tra và giám sát thường xuyên. Đáng chú ý, quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Có lúc, có nơi, việc thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức. Việc XDNTM đang bị lạm dụng với nhiều vấn đề tiêu cực xảy ra, tình trạng lạm thu chưa được khắc phục thậm chí là điều ám ảnh với nhiều nông dân. Chính những mặt trái, lệch lạc trong quá trình XDNTM hiện nay đang làm cho đời sống của nông dân ở một số địa phương đã nghèo lại càng nghèo hơn, đã khổ lại càng khổ hơn.

Mặt khác, nếu chúng ta thừa nhận XDNTM là một cuộc cách mạng thì tất nhiên nó phải là sự nghiệp của quần chúng; chỉ có quần chúng mới tự thay đổi hành vi ứng xử, tự xây dựng nếp sống có văn hóa của mình; tự mỗi cụm cộng đồng dân cư sẽ cùng nhau xây dựng hương ước, quy ước theo định hướng chung, rồi bảo ban nhau tổ chức thực hiện nếp sống văn hóa NTM ở cơ sở. Vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM thể hiện thông qua việc nông dân trực tiếp tham gia vào tất cả các nội dung, tiêu chí của chương trình XDNTM [14]. Do đó, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong XDNTM là phát huy tất cả tâm lực, trí lực, tài lực của nông dân; là phát huy sức mạnh nội sinh từ tinh thần cách mạng đến lòng yêu nước, từ đức tính cần cù đến sự năng động, sáng tạo mà mục đích cuối cùng không gì khác hơn cũng chính là đem lại lợi ích cho bản thân người nông dân. Chủ thể nông dân, ngoài mối quan hệ với các chủ thể khác, còn có mối quan hệ với các khách thể. Do vậy, cần phải đặt chủ thể nông dân trong mối quan hệ chặt chẽ với nông nghiệp và nông thôn, trong đó nông dân là yếu tố trung tâm, cốt lõi của mối quan hệ này. Còn nói đến nông nghiệp cũng có nghĩa là nói đến quá trình nông dân tiến hành hoạt động sản xuất trên một địa bàn nông thôn để tạo ra một khối lượng của cải vật chất, làm thay đổi diện mạo của nông thôn theo hướng ngày càng văn minh, tiến bộ. Có thể thấy nông nghiệp là chức năng cơ bản của nông thôn thể hiện thông qua quá trình lao động sản xuất của chủ thể nông dân. Thực tiễn đã chứng minh cần cù, siêng năng trong lao

động sản xuất là đức tính tiêu biểu của người nông dân Việt Nam. Tuy nhiên, xuất phát từ phương thức sản xuất nông nghiệp lạc hậu, phân tán, năng suất thấp cùng với điều kiện tự nhiên không mấy thuận lợi... Những hạn chế, nhược điểm này lại càng không phù hợp trong xu thế của nền sản xuất nông nghiệp hiện đại, quy mô lớn gắn với các hình thức tổ chức sản xuất tập thể theo mô hình hợp tác xã, có tính định hướng và thượng tôn pháp luật.

Theo tác giả Phạm Huỳnh Minh Hùng, nông dân đóng vai trò chủ thể của XDNTM sẽ phát huy được sức mạnh của bản thân giai cấp nông dân, như: (1) Lòng yêu quê hương đất nước, tinh thần cách mạng của người nông dân; (2) Sự cần cù, chịu thương chịu khó và tính năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường của người nông dân; (3) Tinh thần đoàn kết, gắn bó, tương trợ lẫn nhau của người nông dân; (4) Góp phần tích cực phát triển KT-XH ở địa bàn nông thôn; (5) Góp phần tích cực ổn định chính trị, thực hiện tốt thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trên địa bàn nông thôn; (6) Góp phần tích cực trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; (7) góp phần tích cực bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống biến đổi khí hậu, giảm thiên tai [64].

Từ bao đời nay, người nông dân vẫn mong muốn có một cuộc sống ấm no, quê hương ngày càng tươi đẹp hơn và được sống trong một môi trường trong sạch, lành mạnh. Vì vậy, khi chương trình XDNTM được ban hành, người nông dân vui mừng đón nhận với bao phần khởi, tin tưởng [87]. Do công tác tuyên truyền được chú trọng nên đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân về nội dung, ý nghĩa của chương trình, vai trò chủ thể của người dân nông thôn trong XDNTM. Qua công tác tuyên truyền, người dân cũng hiểu được những khó khăn của địa phương, đất nước để tạo sự đồng thuận, chia sẻ để cùng chung sức XDNTM [87]. Mỗi người dân đều hiểu rằng XDNTM là để cho cuộc sống của họ tốt đẹp hơn, do vậy, họ cũng có trách nhiệm cùng góp sức thì mới có thể thành công. Thực tế cho thấy sức mạnh trong nhân dân là vô cùng to lớn.

Tuy vậy, từ mong muốn cho đến thực tế để người nông dân thực sự trở thành chủ thể của XDNTM vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Bởi vì để thực sự đáp ứng các tiêu chuẩn của NTM phải là một sự nỗ lực của mọi người dân. Nhà nước chỉ hỗ trợ ở mức độ nhất định mà chủ yếu là sự đóng góp của nhân

dân. Nhưng cuộc sống của người dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Bên cạnh đó, tư tưởng bảo thủ vẫn còn tồn tại trong nhiều người theo kiểu từ xưa đến nay vẫn sống như vậy, vẫn đi trên những con đường như vậy có sao đâu, giờ đóng góp làm gì cho tốn kém. Do vậy, nếu không làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và có cơ chế phù hợp để người nông dân thực sự trở thành chủ thể của XDNTM thì việc thực hiện và những kết quả trong thực tiễn sẽ không đạt mục tiêu đề ra.

2.3.5. Khoa học và công nghệ trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam

Ở nước ta, đã có nhiều chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước xác định rõ vị trí và tầm quan trọng của khoa học và công nghệ trong XDNTM. Trong công cuộc đổi mới, nhất là những năm gần đây khi thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng vai trò của khoa học-công nghệ trong việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM càng đặc biệt quan trọng. Thành bại của quá trình này phụ thuộc rất nhiều vào khả năng tác động của yếu tố khoa học- công nghệ. Khoa học công nghệ gắn liền với hoạt động của các nhà khoa học, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân... Đây là những người có năng lực tốt, trình độ cao, giàu kinh nghiệm thực tiễn, có nhiều tâm huyết, luôn muốn khẳng định và cống hiến cho xã hội và quê hương và hiện nay ít nhiều cũng tham gia, góp sức vào phong trào XDNTM. Điều này được thể hiện cụ thể trên các khía cạnh sau:

Thứ nhất, việc bổ sung, hoàn thiện cơ sở lý luận của mô hình NTM, thông qua đó có được cách tiếp cận phù hợp trong XDNTM ở nước ta và nhận dạng được được hình hài nông thôn Việt Nam trong tương lai. NTM Việt Nam không chỉ là những tiêu chí như chúng ta đã biết, còn phải có những gì hơn thế mà ở đó con người, thiên nhiên hòa quyện với nhau cùng với những chuẩn mực về đạo đức, xã hội và kinh tế được coi trọng, bản sắc dân tộc, văn hóa làng xã được bảo tồn và phát huy.

Thứ hai, làm thế nào để HTCT và người dân ở khu vực nông thôn thực sự nhận thức rằng, XDNTM là công việc trách nhiệm, lợi ích của họ. XDNTM hôm nay và tạo ra môi trường sống tốt đẹp cho sự tốt đẹp của địa phương trong tương lai. Cần tạo dựng và phát huy HTCT cấp cơ sở để có đủ sức mạnh, quyết tâm, niềm tin, tự tin, tự chủ và môi trường để sáng tạo như

các nước đã từng làm. Do đó, cần phải chú trọng cả khoa học kỹ thuật, công nghệ và khoa học xã hội nhân văn.

Thứ ba, chính sách, khoa học kỹ thuật, các giải pháp quản lý phải làm thế nào để tác động thiết thực, có hiệu quả đến việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Xây dựng nông thôn mới là một nhiệm vụ mới, khó khăn và đòi hỏi phải trải qua một quá trình lâu dài với những giải pháp đồng bộ. Do vậy, trang bị cho đội ngũ cán bộ trong HTCT cấp cơ sở những kiến thức về khoa học và công nghệ liên quan đến XDNTM là một vấn đề cấp bách hiện nay. Chẳng hạn, các tri thức khoa học công nghệ về: lập quy hoạch xây dựng, đưa tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ mới, phát triển ngành nghề... đang được đặt ra cấp thiết.

Thứ tư, đất đai và các nguồn tài nguyên khoáng sản ở khu vực nông thôn là vô giá, nhưng có sự hữu hạn. Thực tế chúng lại đang ngày càng bị thu hẹp cần phải được quản lý và phân bổ chặt chẽ trong quy hoạch và sử dụng có hiệu quả. Do vậy, trong XDNTM, HTCT cấp cơ sở cần phải có ý thức trách nhiệm đảm bảo được việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên đất đai và khoáng sản. Muốn vậy, cần phải tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong XDNTM, nhất là sản xuất nông nghiệp. Thúc đẩy các biện pháp áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống trong XDNTM để nâng cao chất lượng đời sống ở nông thôn phải là yêu cầu bắt buộc và có tính cốt lõi.

2.4. KHUNG PHÂN TÍCH VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Trong khuôn khổ nghiên cứu, để đạt được các kết quả nghiên cứu luận án đã đưa ra một số nguyên tắc và khung tiếp cận nghiên cứu như sau:

Một là, nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM là nghiên cứu cấp độ thấp nhất, cấp cơ sở của HTCT trong mối quan hệ với vai trò, chức năng thực hiện các mục tiêu XDNTM. Nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM tức là nghiên cứu đặc điểm về chức năng, khả năng của từng cơ cơ quan thuộc HTCT cấp xã: Đảng ủy; HĐND; UBND; MTTQ và các TCCT-XH trong thực hiện các vai trò: 1) nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật XDNTM; 2) tuyên truyền, vận động về XDNTM; 3) lãnh đạo lập kế hoạch chỉ tiêu XDNTM; 4) tổ chức thực hiện XDNTM; 5) kiểm tra, giám sát trong XDNTM; 6) huy động nguồn lực trong XDNTM; 7) đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền. Điều đó có nghĩa là

tập trung khảo sát, phân tích, đánh giá và giải quyết mối quan hệ nhân quả giữa xây dựng HTCT và XDNTM.

Hai là, nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM cần tập trung phân tích làm rõ mối quan hệ giữa HTCT trong mối quan hệ với vai trò, chức năng, cách thức phương pháp, nội dung thực hiện các mục tiêu XDNTM. Điều đó có nghĩa là tập trung khảo sát, phân tích, đánh giá và giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng HTCT cấp cơ sở và XDNTM. Nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM mấu chốt là phải tìm ra được chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ XDNTM. Bởi vì, HTCT cấp cơ sở là địa chỉ cuối cùng và quyết định mọi chủ trương chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước về XDNTM. Đồng thời, HTCT cấp cơ sở là cấp hành động, đưa đường lối nghị quyết, chính sách pháp luật về XDNTM vào thực tiễn cuộc sống.

Ba là, nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở một chiều cạnh nhất định là nghiên cứu góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng HTCT cấp cơ sở ở nông thôn. Đồng thời, thông qua đó thấy được tính phức tạp, đặc thù và sinh động của xã hội nông thôn Việt Nam hiện nay; cũng như những tình huống trong phát triển liên quan trực tiếp đến HTCT cấp xã và XDNTM. Nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM tức là nghiên cứu vai trò của các cơ quan thuộc HTCT ở cấp xã: Đảng ủy; HĐND; UBND; MTTQ và các TCCT-XH. Tương ứng với các thành viên của HTCT cấp cơ sở là việc điều tra, nghiên cứu, đánh giá: Vai trò của Đảng ủy xã trong XDNTM; Vai trò của HĐND xã trong XDNTM; Vai trò của UBND xã trong XDNTM; Vai trò của HĐND xã trong XDNTM; Vai trò của MTTQ xã trong quá trình XDNTM; Vai trò của các TCCT-XH cấp xã trong quá trình XDNTM (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên; Hội Cựu chiến binh).

Bốn là, nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở một chiều cạnh nhất định cần tập trung nghiên cứu góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng HTCT cấp cơ sở ở nông thôn. Đồng thời, thông qua đó thấy được tính phức tạp, đặc thù và sinh động của xã hội nông thôn Việt Nam hiện nay; cũng như những tình huống trong phát triển liên quan trực tiếp đến HTCT cấp xã và XDNTM. Không những vậy, nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM cần tập trung làm rõ mối quan hệ của các yếu tố: quyền lực chính trị và tự quản/tham gia của cộng đồng. Do vậy, vai trò của HTCT cấp

cơ sở trong XDNTM luôn chịu sự chi phối của yếu tố chính trị quan phương và phi quan phương.

Năm là, nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM dựa trên sự tiếp cận liên ngành: chính trị học, xã hội học nông thôn để khảo sát, phân tích đánh giá các vai trò cụ thể, cách thức thể hiện vai trò, mức độ thực hiện thành công các vai trò của từng thành viên thuộc HTCT cấp cơ sở. Trong quá trình tổ chức cuộc vận động xã hội về XDNTM, phải nhận thức được vị thế chủ thể của người nông dân (bao gồm cả vị thế chính trị, kinh tế). Đây là nhóm dân số đông nhất hiện nay ở nước ta, nông dân đã cùng với giai cấp công nhân Việt Nam đi suốt chiều dài lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng hiện tại đang gặp nhiều khó khăn trong đời sống kinh tế - văn hóa - tinh thần và nền dân trí chung còn thấp so với người dân thành thị. Theo đó, nông thôn là khu vực rộng lớn nhất, đa dạng cư dân, đa dạng văn hóa truyền thống (kể cả tập tục lạc hậu), kết cấu hạ tầng lạc hậu..., môi trường sinh thái đang bị hủy hoại nghiêm trọng. Vì vậy, trong XDNTM cần có cách tổ chức, vận động phù hợp với điều kiện, nhu cầu và năng lực của từng cộng đồng dân cư.

Sáu là, nghiên cứu vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM tức là nghiên cứu về khả năng, mức độ thành công của HTCT cấp cơ sở trong việc xác định những vấn đề cơ bản, trọng tâm, cấp bách cần giải quyết trước, tạo điều kiện mở đường thực hiện các tiêu chí khác như một phản ứng dây chuyền trong quá trình lãnh đạo của cấp ủy, quản lý điều hành của chính quyền đối với quần chúng. Đồng thời, đo lường mức độ ảnh hưởng của yếu tố dân chủ, biết lắng nghe ý kiến của nhân dân của HTCT cấp cơ sở trong quá trình vận động, thuyết phục XDNTM. Không những vậy, tìm ra mẫu số chung, đảm bảo sự đồng thuận, đoàn kết thống nhất ý chí và hành động của HTCT cấp cơ sở trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình XDNTM tại các địa phương. Bên cạnh đó, phân tích việc phát huy tối đa vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các thành viên thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở trong quá trình XDNTM của địa phương.

Bảy là, XDNTM là cuộc cách mạng và cuộc vận động lớn để cộng đồng dân cư ở nông thôn đồng lòng xây dựng thôn, xã, gia đình của mình khang trang, sạch đẹp; phát triển sản xuất toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ); có nếp sống văn hoá, môi trường và an ninh nông thôn được đảm bảo; thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. XDNTM là sự nghiệp

cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, của cả HTCT. NTM không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội, mà là vấn đề kinh tế - chính trị tổng hợp. XDNTM là giúp cho nông dân có niềm tin, trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

Đồng thời, luận án cũng xây dựng khung phân tích chủ đề nghiên cứu: vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở thành phố Hà Nội như sau (xem sơ đồ 2.1). Từ khung phân tích cho thấy có 2 nội dung mang tính cốt lõi mà luận án hướng tới: *Thứ nhất*, định hình tiếp cận Quyền lực-chủ thể quyền lực bao gồm: người dân khu vực nông thôn; HTCT cấp cơ sở; các chủ thể khác ở cộng đồng xã hội nông thôn. Bên cạnh đó, xét về cấp độ chủ thể quyền lực thì HTCT ở cơ sở gồm 2 cấp độ: tổ chức, nhân dân và cá nhân. Tổ chức gồm tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội. Nhân dân là chủ thể đặc biệt, chủ thể ủy quyền của HTCT cấp cơ sở. Chủ thể ở cấp độ cá nhân là đội ngũ cán bộ, đảng viên, thành viên trong các tổ chức đó hoạt động với danh nghĩa là cá nhân được phân công nhiệm vụ theo chức danh. Ba nhóm chủ thể và hai cấp độ này có quan hệ biện chứng, thống nhất với nhau. Trong thực mục tiêu XDNTM, yêu cầu đặt ra là chúng luôn phải có sự tác động cộng hưởng để tạo nên sự thành công trong phát triển bền vững ở khu vực tam nông. Trong đó, HTCT cấp cơ sở đóng vai trò là yếu tố then chốt đối với quá trình XDNTM mang tính bền vững. *Thứ hai*, xác định những vấn đề mà luận án tập trung khảo sát, phân tích và đánh giá vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM: 1) Năm bắt chỉ thị, nghị quyết chính sách và pháp luật; 2) Lập kế hoạch xây dựng chỉ tiêu; 3) Tuyên truyền, vận động; 4) Tổ chức thực hiện; 5) Huy động các nguồn lực; 6) Kiểm tra, giám sát; 7) Đề xuất, kiến nghị.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2 tác giả đã tiến hành phân tích cơ sở lý luận về HTCT cấp cơ sở và XDNTM. Bao gồm, HTCT và HTCT cấp cơ sở ở nông thôn; XDNTM; phương pháp và khung phân tích vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM... Đồng thời, chỉ ra 07 vai trò cơ bản của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Bao gồm các vai trò: 1) Năm bắt chỉ thị, nghị quyết chính sách pháp luật về XDNTM; 2) Lập kế hoạch xây dựng chỉ tiêu XDNTM; 3) Tuyên truyền vận động XDNTM; 4) Tổ chức thực hiện XDNTM; 5) Huy động các nguồn lực XDNTM; 6) Kiểm tra, giám sát XDNTM; 7) Đề xuất, kiến lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền. Không những vậy, phân tích mang tính hệ thống và khái quát 5 yếu tố cốt lõi có khả năng tác động tích cực/thúc đẩy hoặc tiêu cực/rào cản đối với việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM. Bao gồm: 1) Đường lối, chính sách và pháp luật về HTCT cấp cơ sở và XDNTM; 2) Bản thân HTCT cấp cơ sở; 3) Dân chủ cơ sở và vai trò chủ thể của người nông dân trong XDNTM; 4) Các điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội cụ thể ở từng địa phương; 5) Khoa học công nghệ trong XDNTM ở Việt Nam. Đây là những vấn đề mang tính lý luận tạo nền tảng để khảo sát nghiên cứu, phân tích việc thực hiện vai trò và phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở ở Hà Nội trong XDNTM tại chương 3 và chương 4.

Chương 3

THỰC TRẠNG VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở HÀ NỘI

3.1. BỐI CẢNH THỰC HIỆN VAI TRÒ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ Ở HÀ NỘI

3.1.1. Khái lược điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của thành phố Hà Nội

Điều kiện tự nhiên và dân số:

Hà Nội nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, giới hạn trong khoảng từ 20°34' đến 21°23' vĩ độ Bắc; 105°17' đến 106°02' kinh độ Đông. Diện tích tự nhiên là: 3.344,7 km². Tiếp giáp với 8 tỉnh: Phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên; phía Đông Bắc giáp tỉnh Bắc Giang; Phía Đông giáp các tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên; Phía Nam giáp tỉnh Hà Nam; Phía Tây Nam giáp tỉnh Hòa Bình; Phía Tây giáp tỉnh Phú Thọ; Phía Tây Bắc giáp tỉnh Vĩnh Phúc. Thủ đô Hà Nội có bốn điểm cực là: Cực Bắc là xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn; Cực Tây là xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì; Cực Nam là xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức; Cực Đông là xã Lê Chi, huyện Gia Lâm. Theo số liệu thống kê, dân số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017 là 7.654,8 nghìn người, tăng 1,8% so với năm trước. Mật độ dân số trung bình là 2.279 người/km². Nếu tính riêng khu vực nông thôn Hà Nội có tổng diện tích các huyện là 2.997,68 km², chiếm 89,62% diện tích toàn thành phố; dân số 3.933.439 người, chiếm 59,37% dân số thành phố, mật độ trung bình 1.321 người/km². Dân cư của các huyện phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở các huyện đồng bằng (Gia Lâm, Hoài Đức 3.031 người/km²); các huyện miền núi dân cư sống thưa hơn (huyện Ba Vì 583 người/km²) [26].

Hà Nội có vị trí đặc biệt quan trọng, có ưu thế đặc biệt so với các tỉnh trong vùng và cả nước. Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định “phát triển Hà Nội thành một Thủ đô hiện đại, năng động và hiệu quả, là biểu tượng cho cả nước, đóng vai trò trung tâm hành chính-chính trị Quốc gia, một trung tâm lớn của Quốc gia về văn hóa-khoa học-đào tạo-kinh tế và xã hội, một trung tâm du lịch và giao dịch quốc tế có tầm khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Thủ đô Hà Nội có môi trường sống, sinh hoạt giải trí với chất lượng cao và môi trường đầu tư thuận lợi” [170].

Điều kiện kinh tế:

Trong năm 2017, GDP của thành phố Hà Nội tăng khoảng 8,5%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng khoảng 7%; chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng khoảng 3,05 - 3,11%; tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán ra và doanh thu dịch vụ tăng khoảng 10,3%; kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 11,54 tỷ USD, tăng 8%; tổng thu ngân sách nhà nước đạt 207,628 nghìn tỷ đồng, bằng 101,4% dự toán, tăng 15,7% so với thực hiện năm 2016; chi ngân sách địa phương ước thực hiện 75,205 nghìn tỷ đồng... Tất cả các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội năm 2017 đều hoàn thành và vượt kế hoạch, phù hợp tình hình phát triển chung của cả nước [118] (xem bản đồ 3.1).

Theo báo cáo của UBND TP, với sự chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự cố gắng của doanh nghiệp và toàn thể nhân dân, tất cả các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2017 của Thành phố đều hoàn thành. Trong đó, kinh tế đạt mức tăng trưởng 8,5% (tương ứng 7,73% theo cách tính mới). Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 207.628 tỷ đồng, bằng 101,4% dự toán, tăng 15,8% so thực hiện năm 2016. Trong đó, thu nội địa 187.640 tỷ đồng, bằng 101% dự toán, tăng 16,2%. Chi ngân sách địa phương ước thực hiện 77.262 tỷ đồng. Lượng khách du lịch đến Thủ đô ước đạt 23,83 triệu lượt người, tăng 9%; trong đó, khách quốc tế 4,95 triệu lượt, tăng 23%. Môi trường đầu tư, kinh doanh của Thành phố được cải thiện rõ nét; thu hút đầu tư đạt kết quả cao. Chỉ số PCI của Thành phố trong năm qua tăng 10 bậc, xếp thứ 14/63 tỉnh, thành, cao nhất từ trước tới nay. Năm 2017, Thành phố đã phê duyệt chủ trương đầu tư 160 dự án vốn ngoài ngân sách trị giá 110 nghìn tỷ đồng; vốn đăng ký FDI cả cấp mới và tăng vốn ước đạt 3,356 tỷ USD; tiếp nhận 128 dự án đầu tư theo hình thức PPP. Thành phố đã cấp đăng ký cho 25.160 doanh nghiệp, tăng 11%, với tổng số vốn đăng ký 240 nghìn tỷ đồng (tăng 4%), lũy kế số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn là 231,92 nghìn doanh nghiệp. Cải cách hành chính tiếp tục được thành phố chú trọng, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước được triển khai đồng bộ. Thành phố đã đưa vào vận hành 456 dịch vụ công trực tuyến, phần đầu đến cuối năm đạt 55%. Chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin đứng thứ 2/63 tỉnh, thành. Chương trình xây dựng NTM tiếp tục được thành phố ưu tiên, tập trung nguồn lực. Bên cạnh kết quả đạt được, Hà

Nội vẫn còn một số tồn tại như: Hạ tầng đô thị, khắc phục úng ngập, ùn tắc giao thông, kiểm soát và xử lý nước thải, rác thải, ô nhiễm môi trường; quản lý, chỉnh trang đô thị chưa tốt...[174].

Năm 2018, Thành phố Hà Nội đặt mục tiêu tổng quát: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn là 7,8%. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Thực hiện tốt hơn nữa công tác quản lý quy hoạch, xây dựng đô thị, xây dựng NTM và bảo vệ môi trường. Xây dựng và từng bước hình thành các điều kiện để phát triển thành phố thông minh. Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM tăng thêm 26 xã [174].

Điều kiện văn hóa - xã hội:

Tính đến năm 2018 có 86,5% hộ gia đình Hà Nội đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 60,66% lao động được đào tạo; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 9%; 88% rác thải được thu gom; nâng tổng số tuyến xe buýt lên 126. Phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế; đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình giảm nghèo và hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội; phát triển mạnh và đa dạng hóa hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế toàn dân; thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người có công và chính sách bảo trợ xã hội. Đẩy mạnh phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn minh, hình thành một môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, tạo điều kiện tốt nhất cho phát triển kinh tế bền vững.

Xây dựng văn hóa Hà Nội xứng tầm với vị thế là thủ đô của đất nước, với truyền thống văn hiến, thành phố anh hùng, thành phố vì hòa bình, là trung tâm văn hóa lớn nhất của cả nước, trở thành địa phương tiêu biểu về lối sống và phong cách ứng xử văn hóa, vừa tiên tiến, hiện đại về nội dung, vừa phong phú, đa dạng về bản sắc dân tộc. Xây dựng thành phố xanh - sạch - đẹp với không gian văn hóa và các công trình văn hóa vừa hiện đại vừa mang tính truyền thống, tiêu biểu cho

văn hóa cả nước trong quan hệ giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước trong khu vực và thế giới [174].

3.1.2. Đặc điểm hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cấp xã ở Hà Nội

Xã, phường, thị trấn (cấp xã) có vị trí hết sức quan trọng trong HTCT - hành chính. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng, Nhà nước và cả HTCT. Hiện nay, nước ta có 11.112 xã, phường, thị trấn với tổng số 222.735 cán bộ, công chức và 317.766 cán bộ không chuyên trách cấp xã [18].

HTCT cấp cơ sở ở nông thôn thành phố Hà Nội được xác định bao gồm 380 xã, 21 thị trấn của 18 huyện) với tổng dân số 3.933.439 người, chiếm 59,37% dân số thành phố (xem bảng 3.1).

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về *đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở xã, phường, thị trấn* đã tạo chuyển biến về nhận thức trong cán bộ, đảng viên đối với HTCT cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. Vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong HTCT ở cấp xã được thực hiện đầy đủ hơn. Bộ máy chính quyền xã đã tăng cường quản lý, điều hành theo pháp luật, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đã làm tốt vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và trong thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở. Trình độ, kiến thức và năng lực công tác của cán bộ trong HTCT cấp xã từng bước được nâng cao. Cấp ủy, chính quyền, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội cấp trên cơ sở đã quan tâm chỉ đạo theo hướng thiết thực, hiệu quả, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở cấp xã.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, HTCT cấp xã ở Hà Nội cũng đang gặp không ít hạn chế, khó khăn. Một số nơi cấp ủy cấp chưa xây dựng và thực hiện quy chế làm việc giữa Bí thư cấp ủy với chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND, chủ tịch MTTQ, trưởng các TCCT-XH. Phân cấp quản lý của cấp huyện cho cấp xã còn nhiều nội dung chưa cụ thể dẫn tới tình trạng đùn đẩy trách nhiệm trong giải quyết công việc...Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, việc vận dụng, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương, sinh hoạt chi bộ không ít nơi còn đơn điệu, hình thức.

Công tác bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên ở địa bàn nông thôn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng nghị quyết của HĐND; vai trò quản lý, điều hành của UBND xã ở một số nơi hiệu quả thấp. Không ít địa phương hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự phát huy được vai trò ...

Đội ngũ cán bộ cấp xã ở Hà Nội có vai trò hết sức quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện bộ máy chính quyền cơ sở; trong hoạt động thi các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM xét đến cùng được quyết định bởi phẩm chất, năng lực và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ cấp xã. Theo số liệu của Sở Nội vụ Hà Nội, tính đến thời điểm ngày 1/6/2017 toàn thành phố có 11.692 cán bộ đang công tác ở cấp xã (xem bảng 3.2).

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ cấp xã ở Hà Nội đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng. Cấp uỷ, chính quyền, tổ chức đoàn thể và cơ quan chức năng của Thành phố đã vận dụng những quy định của Trung ương, ban hành các văn bản cụ thể hóa về chức năng, nhiệm vụ, về quy chế hoạt động của từng tổ chức; cụ thể hóa quy chế dân chủ phù hợp với từng loại hình cơ sở, tạo hành lang pháp lý để các tổ chức trong HTCT hoạt động đồng bộ, thống nhất, phát huy được vai trò và sức mạnh của cả HTCT ở cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Việc bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm cán bộ đã được thực hiện đúng tiêu chuẩn, quy định, bước đầu bố trí các chức danh công chức phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo; việc quản lý, sử dụng công chức đã dần đi vào nề nếp, hầu hết số công chức được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển đều có trách nhiệm với công việc và vị trí công tác được giao, từng bước thực hiện tốt chế độ tiền lương, quy định đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ cấp xã.

Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở và yêu cầu ngày càng cao trong lãnh đạo, quản lý, điều hành quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội, quản lý đô thị, xây dựng NTM... ở cấp xã hiện nay, đội ngũ cán bộ cấp xã còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém so với yêu cầu thực tiễn. Thực tế cho thấy, việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cấp xã ở Hà Nội vừa qua mới chỉ tập trung vào việc chuẩn hóa bằng cấp. Trong khi đó, những yêu cầu của thực tiễn ở

thành phố Hà Nội ngày một cao và phức tạp. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của thành phố vẫn còn hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp, ứng xử; có biểu hiện quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Có một số nơi đội ngũ cán bộ cấp xã còn tình trạng mất đoàn kết, cục bộ địa phương: thôn, xóm, dòng họ...

Vì vậy, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cấp xã vững vàng về chính trị, văn hóa, có đạo đức lối sống trong sạch, có trí tuệ, kiến thức và trình độ năng lực để thực thi chức năng, nhiệm vụ theo đúng pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và phục vụ nhân dân...là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Hà Nội nói chung và yêu cầu then chốt trong XDNTM của thành phố nói riêng.

3.1.3. Vài nét về kết quả xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hà Nội

Là một địa phương đi đầu trong phong trào xây dựng NTM Hà Nội đã cụ thể bằng Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 21/4/2010 của HĐND TP Hà Nội về xây dựng NTM TP Hà Nội giai đoạn 2010 - 2020, định hướng 2030 và Chương trình số 02-CTr/TU ngày 29/8/2011 của Thành ủy Hà Nội về Phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, từng bước nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2011 - 2015. Tiếp nối những thành công của giai đoạn 2010- 2015, Thành ủy Hà Nội (Khóa XVI) đã ban hành Chương trình số 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 về Phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016 - 2020. Với ý chí, quyết tâm cao của cấp ủy vớ sự vớ cuộc đồng bộ của cả HTCT từ thành phố đến cơ sở và đặc biệt là sự tham gia tích cực của nhân dân, thành phố có 255/386 xã đạt chuẩn NTM. Trong số 131 xã còn lại, có 88 xã đạt và cơ bản đạt từ 15-18 tiêu chí. Cụ thể là:

- Về xây dựng huyện NTM: Đến nay thành phố Hà Nội có 04/18 (đạt 22,22%) huyện, thị xã đạt chuẩn NTM. Để hoàn thành mục tiêu phân đấu đến hết năm 2020, Thành phố có từ 10 huyện, thị xã trở lên đạt chuẩn NTM, năm 2018 Thành phố đang chỉ đạo và giao chỉ tiêu 04 huyện (Gia Lâm, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai) đạt chuẩn NTM [6].

- Về xây dựng xã NTM: Đến nay, thành phố Hà Nội có 294/386 xã (chiếm 76,16%) đạt chuẩn NTM, tăng 49 xã (tăng 12,7%) so với kế hoạch đề ra. Trong số 92 xã còn lại, có 56 xã đạt và cơ bản đạt từ 15-18 tiêu chí, 36 xã đạt và cơ bản đạt từ 10-14 tiêu chí [6].

- Về các thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM:

Nhóm tiêu chí về quy hoạch: Thành phố hoàn thành quy hoạch và tổ chức công khai quy hoạch xây dựng xã NTM trước và trong năm 2012. Tuy nhiên, thời gian vừa qua công tác quy hoạch có nhiều thay đổi như: Quy hoạch chung của Thành phố, quy hoạch chung của các huyện, thị xã, quy hoạch phân khu và các quy hoạch chuyên ngành,... mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (hoàn thành sau khi quy hoạch xã NTM năm 2012). Mặt khác, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020, theo đó một số tiêu chí có sự điều chỉnh. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương và Thành phố, các huyện, thị xã đang đẩy mạnh triển khai thực hiện và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch và xây dựng quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn và quy hoạch trung tâm xã với tỷ lệ 1/500 theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn [6].

Nhóm tiêu chí về xây dựng cơ sở hạ tầng: Các huyện, thị xã và các xã đã tích cực triển khai thực hiện cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; đường làng, ngõ xóm được kiên cố hóa, hệ thống thoát nước cơ bản đáp ứng yêu cầu; đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, nội đồng đảm bảo nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp; nâng cấp và xây mới các trường học đảm bảo nhu cầu giảng dạy và học tập tại địa phương; xây mới và sửa chữa, mua sắm các thiết bị cho các nhà văn hóa thôn đảm bảo sinh hoạt cộng đồng; cải tạo, nâng cấp, xây mới các trạm y tế đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân,... kết quả như sau: 1) Giao thông: Toàn Thành phố có 368 xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí về giao thông, tăng 78 xã so với cuối năm 2015, còn 18 xã chưa đạt; 2) Thủy lợi: Đến nay có 377 xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí Thủy lợi, tăng 121 xã so với cuối năm 2015, còn 09 xã chưa đạt; 3) Điện: Đến nay duy trì 100% xã đạt và cơ bản đạt so với cuối năm 2015; 4) Trường

học: Đến nay có 318 xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí Trường học, tăng 47 xã so với so với cuối năm 2015, còn 68 xã chưa đạt; 5) Cơ sở vật chất văn hóa: Có 357 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 81 xã so với cuối năm 2015, còn 29 xã chưa đạt; 6) Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố hiện nay ngoài 287 chợ nông thôn còn có các siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi và các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Đến nay, có 350 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 44 xã so với cuối năm 2015, còn 36 xã chưa đạt; 7) Thông tin và truyền thông: Tiếp tục duy trì 100% xã đạt và cơ bản đạt; 8) Nhà ở dân cư: Duy trì 100% xã đạt và cơ bản đạt, tăng 02 xã so với cuối năm 2015 [6].

Nhóm tiêu chí về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất: 1) Thu nhập: Có 339 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 45 xã so với cuối năm 2015, còn 47 xã chưa đạt; 2) Hộ nghèo: Có 362 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 51 xã so với cuối năm 2015, còn 24 xã chưa đạt; 3) Lao động có việc làm: Có 385 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 11 xã so với năm 2015, còn 01 xã Ba Vì thuộc huyện Ba Vì chưa đạt; 4) Tổ chức sản xuất: Có 377 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 94 xã so với cuối năm 2015, còn 9 xã chưa đạt [6].

Nhóm tiêu chí về Văn hóa - Xã hội - Môi trường: 1) Giáo dục và Đào tạo: Được quan tâm và chỉ đạo quyết liệt, việc tuyển sinh, việc chống bỏ học, đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện để nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù một cách thực chất cho các huyện, thị xã và với cả 3 cấp học. Kết quả đến nay có 100% xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo, tăng 8 xã so với cuối năm 2015; 2) Y tế: Công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân từ huyện đến xã tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đến nay, có 100% xã đạt và cơ bản đạt, tăng 9 xã so với cuối năm 2015; 3) Văn hóa: Các huyện, thị xã tiếp tục duy trì tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin, tuyên truyền vào các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm lớn của đất nước và phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tập trung tuyên truyền dưới nhiều hình thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng NTM. Đến nay, có 334 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 15 xã so với cuối năm 2015, còn 52 xã chưa đạt; 4) Môi trường và an toàn thực phẩm:

Đến nay trên địa bàn Thành phố có 100% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó có 49% số hộ dân được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Trên 84% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh, 100% huyện có đơn vị vệ sinh môi trường thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; tỷ lệ thu gom rác thải trong làng tại các xã đạt 100%. Đến nay, có 368 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 89 xã so với cuối năm 2015, còn 18 xã chưa đạt [6].

Nhóm tiêu chí về xây dựng HTCT xã hội vững mạnh: 1) Số lượng và chất lượng cán bộ cơ sở được tăng cường. HĐND, UBND cấp xã được kiện toàn theo luật, đảm bảo chặt chẽ, công khai, dân chủ; chất lượng hoạt động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành được nâng cao; trình độ cán bộ được cải thiện, 100% số xã có máy tính kết nối internet; 2) Hoạt động của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động; nhiều mô hình, tấm gương điển hình tiên tiến xuất hiện trong các phong trào thi đua sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn. Các đoàn thể đã có nhiều hình thức tuyên truyền, vận động hội viên tích cực thực hiện Chương trình; 3) Lực lượng công an, quân sự đã phối hợp, chủ động nắm chắc tình hình, xây dựng các phương án, kế hoạch bảo đảm an toàn trật tự trên địa bàn Hà Nội. Kịp thời tham mưu với cấp ủy, chính quyền tập trung giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân, trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án; 4) có 100% xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí HTCT và tiếp cận pháp luật, tăng 5 xã so với cuối năm 2015. Tiêu chí quốc phòng an ninh có 385 xã đạt và cơ bản đạt, giảm 01 xã so với cuối năm 2015 [6].

Hà Nội là địa phương có chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Theo UBND thành phố Hà Nội, đến hết ngày 31-12-2014, lũy kế nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM là hơn 1.861 tỷ đồng. Tháng 6-2016, thống kê của liên sở (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính), Hà Nội có 5 huyện: Ba Vì, Quốc Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Phú Xuyên có nợ đọng xây dựng cơ bản lớn với tổng số nợ hơn 557 tỷ đồng của 1.156 dự án. Nguyên nhân dẫn đến nợ chủ yếu do các huyện xây dựng cơ bản vượt kế hoạch vốn giao, không bố trí được vốn đối ứng... Tuy vậy, với nhiều giải pháp hiệu quả, nợ đọng xây dựng cơ bản tại Hà Nội đã

được giải quyết triệt để. Cụ thể, đến hết năm 2015, thành phố Hà Nội đã giảm nợ đọng xây dựng cơ bản, chỉ còn hơn 951 tỷ đồng; đến hết năm 2016, còn hơn 464 tỷ đồng và năm 2017, Hà Nội đã xử lý dứt điểm, không còn nợ đọng xây dựng cơ bản [90].

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số tiêu chí còn thấp, như: Thủy lợi (43,15%), môi trường (62,1%), chợ nông thôn (72,1%), cơ sở vật chất văn hóa (47,37%), trường học (40,26%). Chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu của nhân dân; tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch còn thấp (35,5%); vệ sinh môi trường nông thôn ở một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên, nhất là các làng nghề; việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho nông dân, nhất là nông dân ở những nơi bị thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu; đời sống và thu nhập của một bộ phận nông dân vùng xa trung tâm, thuần nông, vùng đồng bào dân tộc còn thấp, không ổn định [6].

Nguyên nhân chủ yếu là, xuất phát điểm xây dựng NTM của nhiều xã thấp; cơ sở vật chất yếu kém; hệ thống hạ tầng kinh tế-kỹ thuật nông thôn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất và phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân; hạ tầng về giao thông nông thôn, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất nhiều nơi còn khó khăn, nhất là ở những vùng xa trung tâm nên khi tiến hành xây dựng NTM cần phải đầu tư nhiều mới đáp ứng được theo tiêu chí. Nguồn lực cho xây dựng NTM chưa tương xứng với mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, nếu không bổ sung thêm nguồn lực, nhiều địa phương sẽ rất khó khăn trong xây dựng NTM. Tỷ trọng đầu tư hàng năm từ ngân sách cho khu vực nông thôn còn thấp so với tổng đầu tư xã hội, chỉ chiếm khoảng 5%. Còn tình trạng đầu tư dàn trải, thiếu tập trung. Công tác dồn điền đổi thửa tiến hành chậm, một số nơi làm chưa hợp lý dẫn đến tình trạng bức xúc trong nhân dân. Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn chưa tương xứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; việc phối hợp, liên kết, liên doanh trong quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ giữa nông dân với nông dân và giữa nông dân với doanh nghiệp còn khó khăn. Các hợp tác xã nông nghiệp chưa thể hiện được vai trò chủ thể trong sản xuất, phân phối sản phẩm. Công tác quy hoạch chưa đồng bộ. Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát

triển nông nghiệp còn hạn chế, chưa thu hút được các hộ, các doanh nghiệp đầu tư, trong khi đó thủ tục hành chính tiếp nhận đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn rườm rà, phức tạp. Một số tiêu chí trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM chưa sát với nhu cầu thực tế [6].

Phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những khó khăn thành phố Hà Nội đã đề ra các kế hoạch để xây dựng NTM tại địa phương nhanh, mạnh và bền vững. Trong đó xác định mục tiêu giai 2016-2020 sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn NTM, nhất là các tiêu chí về y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường và thu nhập. Phấn đấu đến năm 2020 thành phố có 80% số xã đạt chuẩn NTM trở lên, 100% số huyện, thị xã đạt NTM. Một trong những giải pháp có tính then chốt là phải phát huy có hiệu quả hơn nữa vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM [6].

3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.2.1. Vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật trong xây dựng nông thôn mới

Cùng với cả nước chung tay xây dựng NTM, Đảng bộ và nhân dân thành phố Hà Nội đã và đang tích cực triển khai chương trình xây dựng NTM theo 19 tiêu chí mà Chính phủ đã ban hành, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thủ đô. Thực hiện Chương trình 02 của Thành ủy, các cấp ủy, chi bộ đảng ở nông thôn đã chú trọng đổi mới phương thức hoạt động, lãnh đạo theo hướng cụ thể, sâu sát, thiết thực đến từng nhiệm vụ, phân công trách nhiệm tới từng cấp ủy để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM. Cán bộ cơ sở được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và chương trình XDNTM của Chính phủ; Chương trình số 02-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội (khóa XV) về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, từng bước nâng cao đời sống nhân dân giai đoạn 2011-2015”... Ban Chỉ đạo XDNTM của các xã triển khai thực hiện bằng việc ban hành chương trình, kế hoạch, Nghị quyết cụ thể.

Đóng góp vào sự thành công này có vai trò to lớn của HTCT cấp xã, nhất là tổ chức cơ sở Đảng với tư cách là những người hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức toàn thể nhân dân tiến hành xây dựng NTM. Khảo sát cho thấy, để lãnh đạo điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM một cách tập trung, các tổ chức Đảng cơ sở đã nhanh chóng chỉ đạo việc thành lập các Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM ở các địa phương, đặc biệt là ở các xã làm điểm. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy các xã, ngay sau khi thành lập, các tổ chức này đã tiến hành họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên, khẩn trương triển khai các kế hoạch, các nội dung phần việc phải làm. Khối dân vận cơ sở ở các xã trên địa bàn Hà Nội đã vào cuộc, cùng các tổ dân vận ở các thôn, xóm tích cực vận động, tuyên truyền nhân dân hưởng ứng thực hiện các phong trào thi đua chung tay cùng cả nước xây dựng NTM. Điều đáng mừng nhất ghi nhận được trong quá trình xây dựng NTM là HTCT và nhân dân thành phố Hà Nội đã đạt được sự đồng thuận cao.

Khảo sát tại xã Tân Hồng-huyện Ba Vì cho thấy, nhờ bám sát các Nghị quyết, chính sách pháp luật về XDNTM của các cấp trên, nhất là liên quan đến chuyên đề về phát triển kinh tế trong XDNTM, mỗi thành viên trong HTCT cấp xã và cán bộ, đảng viên trong xã đã nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo nhân dân thực hiện thành công các mục tiêu nhiệm vụ đề ra. Trong đó, cán bộ, đảng viên phải là những người gương mẫu, nòng cốt đi đầu trong thực hiện, nhất là trong giải phóng mặt bằng, hiến đất làm đường, đóng góp ngày công...Ngoài công tác tuyên truyền, vận động, đảng viên nêu cao tinh thần quyết tâm, kiên trì thuyết phục, giải thích cho người dân hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của chương trình XDNTM. Qua đó, từng bước nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nhân dân, hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào vốn đầu tư của Nhà nước, động viên người dân tin tưởng vào chủ trương của Đảng, chủ động tham gia các phong trào ở địa phương. Nhờ phát huy dân chủ, tranh thủ được ý kiến của quần chúng nhân dân, nên những nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế, XDNTM Đảng ủy xã ban hành hằng năm sát với tình hình thực tế, trong đó, xác định công tác xây dựng kết cấu hạ tầng là khâu quan trọng, tạo tiền đề để thúc đẩy sản xuất phát triển.

Nghiên cứu cho thấy có 51.25% ý kiến khẳng định HTCT cấp xã đã lồng ghép vấn đề xây dựng NTM vào Nghị quyết phát triển KT-XH 6 tháng trong năm; 65.63% ý kiến khẳng định đã lồng ghép vấn đề xây dựng NTM vào Nghị quyết phát triển KT-XH trong năm; 54.69% ý kiến khẳng định đã lồng ghép vấn đề xây dựng NTM vào Nghị quyết phát triển KT-XH trong nhiệm kỳ; 49.38% ý kiến khẳng định đã ban hành 1 Nghị quyết chuyên đề về xây dựng NTM của địa phương (xem bảng 3.3).

Khảo sát tại một số xã của huyện Ba Vì cho thấy, các Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng lòng chung tay xây dựng NTM, với sự vào cuộc của cả HTCT, nhiều doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân. Cụ thể là hiện xây dựng các nghị quyết chuyên đề thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chương trình số 02-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội (khóa XV) về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, từng bước nâng cao đời sống nhân dân giai đoạn 2011-2015”. Khảo sát cho thấy, vai trò của từng thành viên của HTCT cấp xã trong nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật là rất khác nhau, nhưng có sự bổ sung phối hợp với nhau. Chẳng hạn, số liệu khảo sát cho biết, có 74.69% ý kiến khẳng định: Tổ chức Đảng có vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật xây dựng NTM; trong khi đó 60.0% ý kiến khẳng định: MTTQ xã có vai trò chủ trì, tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật xây dựng NTM (xem bảng 3.4.)

Dữ liệu nghiên cứu định tính cũng khẳng định tính tích cực của HTCT cấp xã trong thực hiện vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật xây dựng NTM (xem hộp 1).

Số liệu khảo sát cho biết, mức độ thực hiện thành công vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật xây dựng NTM của từng thành viên trong HTCT cấp xã ở Hà Nội cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, có 66.88% ý kiến được hỏi khẳng định: tổ chức Đảng đã thực hiện thành công ở mức độ trên 90% vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật xây dựng NTM; trong khi đó, tỷ lệ này ở Hội Nông dân xã chỉ đạt 44.38% (xem bảng 3.5).

Từ kết quả khảo sát định lượng và định tính có thể khẳng định: trong thực hiện vai trò nắm bắt Nghị quyết, chính sách và pháp luật về XDNTM của các thành viên trong HTCT cấp xã ở thành phố Hà Nội là rất khác nhau trong công việc cũng như kết quả thực hiện. Chẳng hạn, cấp ủy, HĐND, UBND xã chủ yếu thực hiện vai trò lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM; các chủ thể như MTTQ, Hội Nông dân xã, và các TCCT-XH khác lại chủ yếu thực hiện ở vai trò: chủ trì, tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, UBND xã là chủ thể có xu hướng tích cực nhất trong việc tham gia thực hiện trực tiếp (46.56%).

Qua tìm hiểu một số địa phương làm tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM ở Hà Nội chúng tôi nhận thấy UBND xã có một vai trò hết sức quan trọng mang tính quyết định trong việc thực hiện thành công Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM. Phần lớn UBND các xã đã làm tốt những công việc quan trọng tạo động lực cho cả HTCT vào cuộc. Chẳng hạn, UBND xã đã đóng vai trò quan trọng đối với việc nắm bắt Nghị quyết, chính sách pháp luật về XDNTM, nhất là thông qua việc ban hành Quyết định về việc thành lập ban quản lý xây dựng NTM, thành lập tiểu ban xây dựng đề án xây dựng NTM, thành lập tiểu ban thực hiện đề án xây dựng NTM...

3.2.2. Vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Khảo sát cho thấy, để triển khai thực hiện xây dựng NTM được hiệu quả, công việc hàng đầu của HTCT cấp cơ sở ở các địa phương phải thực hiện là xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí của từng giai đoạn và từng năm. Trong đó, chính quyền xã phải đặt ra mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng giai đoạn; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương. Phần lớn các xã ở Hà Nội đã chủ động xây dựng kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, đồng thời tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt để đảm bảo mục tiêu đề ra.

Khảo sát một số xã tại huyện Đông Anh cho thấy, việc lựa chọn các tiêu chí để chỉ đạo và phối hợp thực hiện được các thành viên trong HTCT cấp xã đặc biệt quan tâm. Với vai trò tham gia trực tiếp thực hiện, Hội Nông dân xã đã căn cứ chức năng, nhiệm vụ cụ thể, lựa chọn một số nội dung trong 04/19 tiêu chí bao gồm: (1) vệ sinh môi trường; (2) dạy nghề chuyển đổi cơ

cầu cho lao động nông thôn; (3) giảm tỷ lệ hộ nghèo; (4) xây dựng gia đình văn hóa. Đồng thời, phát động Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; Phong trào nông dân thi đua xây dựng NTM và Phong trào nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng- an ninh. Trên cơ sở đó Hội Nông dân xã rất quan tâm và tham gia tích cực, có hiệu quả đối với việc xây dựng kế hoạch hiện như: tiêu chí vệ sinh môi trường, dạy nghề cho lao động nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa gắn với phong trào xây dựng NTM.

Khảo sát các xã tại huyện Phúc Thọ cho thấy đã đạt 97/100 điểm, các tiêu chí bị trừ gồm: Giao thông bị trừ 1 điểm do một số tuyến đường huyện quản lý đã xuống cấp, cần đầu tư; tiêu chí về môi trường bị trừ 2 điểm do một số cơ sở sản xuất kinh doanh và làng nghề chưa đảm bảo. Cộng đồng dân cư gắn kết chặt chẽ hơn, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân dần cải thiện và nâng cao.

Trong khi đó, các xã tại huyện Mỹ Đức đã thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp vào đầu tư như: mô hình sản xuất bao tiêu sản phẩm lúa mới chất lượng cao; mô hình trồng khoai tây, doanh nghiệp thuê đất ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất từ khâu làm đất đến thu hoạch và thuê nông dân thực hiện một số khâu trong quy trình sản xuất; trồng cây dược liệu; cây ăn quả; sản xuất và bao tiêu lúa giống.

Khảo sát tại huyện Đan Phượng cho thấy, sau khi đạt chuẩn huyện NTM đầu tiên của thành phố đã chủ động chỉ đạo các xã lựa chọn tiêu chí để xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu cho phù hợp với tính hình từng xã, đồng thời chọn điểm triển khai xây dựng NTM kiểu mẫu tại 3 xã: Đan Phượng, Song Phượng, Liên Trung. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương và thành phố Hà Nội, đến nay, 100% các xã đã bố trí 01 công chức xã chuyên trách theo dõi công tác xây dựng NTM, nhất là hướng đến trọng tâm lập kế hoạch thực hiện các tiêu chí XDNTM.

Có thể làm rõ hơn các nhận định này thông qua dữ liệu khảo sát định lượng của luận án. Khảo sát cho thấy, vai trò của từng thành viên của HTCT cấp xã trong xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí XDNTM là rất khác nhau, nhưng có sự bổ sung phối hợp với nhau. Chẳng hạn, có 66.88% ý kiến

khăng định: cấp ủy Đảng có vai trò lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng mới. Trong khi đó có tới 62.81% ý kiến được hỏi khẳng định: Hội Nông dân xã có vai trò chủ trì, tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí XDNTM (xem bảng 3.6).

Kết quả nghiên cứu cho biết, mức độ thực hiện thành công vai trò lập kế hoạch thực hiện các tiêu chí trong xây dựng NTM của từng thành viên trong HTCT cấp xã ở Hà Nội cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, có 62.50% ý kiến được hỏi khẳng định: UBND xã đã thực hiện thành công ở mức độ trên 90% vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM; trong khi đó, tỷ lệ này ở MTTQ xã chỉ đạt 37.19% (xem bảng 3.7).

Để làm rõ hơn vai trò và mức độ thành công trong thực hiện vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM của HTCT cấp xã ở Hà Nội có thể tìm hiểu thêm thông qua thông tin định tính dưới đây (xem hộp 2).

Từ kết quả nghiên cứu có thể khẳng định: mức độ thành công của XDNTM ở các xã trên địa bàn thành phố Hà Nội phụ thuộc rất lớn vào việc thực hiện kế hoạch xây dựng các tiêu chí XDNTM. Bởi vì, việc ban hành 19 tiêu chí là áp dụng cho cả nước, tuy nhiên mỗi địa phương có những điều kiện kinh tế-xã hội khác nhau, nếu khâu xác lập việc thực hiện các tiêu chí XDNTM phù hợp sẽ dẫn đến sự thành công và ngược lại. Trong thực hiện vai trò xây dựng kế hoạch các tiêu chí XDNTM của các thành viên trong HTCT cấp xã ở thành phố Hà Nội là rất khác nhau trong công việc cũng như kết quả thực hiện. Trong đó, cấp ủy, HĐND và UBND xã đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo; còn MTTQ, Hội Nông dân và các TCCT-XH khác lại có xu hướng đóng vai trò chủ trì tổ chức thực hiện.

3.2.3. Vai trò tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới

Để thực hiện thắng lợi phong trào xây dựng NTM thì khâu đầu tiên cần phải quan tâm thực hiện đó chính là tuyên truyền, vận động mọi giai tầng xã hội tích cực tham gia xây dựng NTM. Do thành phố Hà Nội xác định công tác tư tưởng, tuyên truyền, vận động để tạo sự đồng thuận trong nhân dân phải đi trước một bước. Chính vì vậy, trên địa bàn Hà Nội công tác tuyên truyền được Ban chỉ đạo từ thành phố, đến huyện và xã quan tâm với nhiều hình thức đa dạng, phong phú (thông qua hệ thống phát thanh,

truyền hình, băng rôn, khẩu hiệu, pa nô, tờ rơi...) có hiệu quả thiết thực; các đơn vị, tổ chức và nhân dân đồng thuận, phát huy được sức mạnh của toàn dân. Trong báo cáo của Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội số 665/BC-BTGTU, sơ kết 4 năm công tác tuyên truyền thực hiện Chương trình 02-CTr/TU về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, từng bước nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2011-2015” đã khẳng định: thực hiện Chương trình 02-CTr/TU, Ban Tuyên giáo Thành ủy đã chủ động chỉ đạo, phối hợp triển khai đồng bộ, kịp thời các hoạt động thông tin, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tất cả các huyện và xã ở Thành phố Hà Nội đã tổ chức phát động phong trào “Toàn dân chung tay xây dựng NTM” [7].

Kết quả nghiên cứu cho thấy, HTCT cấp cơ sở đã đã tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, như các buổi nói chuyện chuyên đề, lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu xây dựng NTM. Cả HTCT cùng vào cuộc. Từ đồng chí Bí thư Đảng ủy đến cán bộ của MTTQ, các đoàn thể, cụm dân cư... đều trở thành tuyên truyền viên tích cực, giúp người dân hiểu rõ vai trò của mình trong xây dựng NTM. Quá trình thực hiện cần làm rõ vai trò chủ thể của người dân. Mọi việc cần được trao đổi, thảo luận dân chủ; lắng nghe và kịp thời giải đáp hợp tình, hợp lý những thắc mắc, kiến nghị của nhân dân. Nếu người dân chưa đồng thuận thì HTCT chưa vội ra quyết định. Và để người dân đồng thuận thì cấp ủy, chính quyền cấp xã phối hợp với MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ thực hiện công tác tuyên truyền, vận động để người dân thấu hiểu, đồng thuận.

Nghiên cứu tại huyện Mỹ Đức cho thấy, MTTQ các xã ở huyện Quốc Oai cùng với các CTCT-XH đã nghiêm túc tiếp thu và nhận thức việc xây dựng NTM là nhiệm vụ rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. MTTQ các xã trong huyện đã tích cực thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với cuộc vận động “Toàn dân chung sức xây dựng NTM”, với ý nghĩa các phong trào phải mang tính toàn dân, toàn diện. Với phương châm lấy sức dân để xây dựng cho dân, xác định rõ vai trò trách nhiệm của người dân vừa là chủ thể

vừa là người hưởng lợi trong chương trình xây dựng NTM, cuộc vận động toàn dân chung sức xây dựng NTM đã nhận được sự tham gia hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân trong huyện. Nhiều hình thức tuyên truyền phong phú được triển khai, trong đó, chú trọng vận động có chiều sâu và những việc làm cụ thể, thiết thực, nêu gương sáng, mô hình hay. Trong 4 năm qua MTTQ các xã trong huyện Quốc Oai đã tổ chức 212 hội nghị để nhân dân bàn và tham gia đóng góp ý kiến xây dựng quy hoạch và đề án xây dựng NTM, với sự tham gia của 18.823 lượt người tham dự, với tổng hợp 1.515 lượt ý kiến tham gia góp ý xây dựng NTM, góp phần phát huy dân chủ, tăng cường sự đồng thuận trong xã hội, tạo cơ sở vững chắc để cấp ủy, chính quyền chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM. Cùng với việc tuyên truyền nâng cao tư tưởng, MTTQ các xã còn phối tổ chức 98 hội nghị tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đối với 10.640 lượt người tham dự, tổ chức tập huấn đối với 3.042 lượt hộ nông dân về chuyển đổi cơ cấu trong nông nghiệp. Đặc biệt, MTTQ các xã ở huyện Quốc Oai đã bám sát mục tiêu kế hoạch và các giải pháp vận động nhân dân hiến đất, góp công, góp tiền và vật tư tham gia cùng các nguồn vốn đầu tư của nhà nước xây dựng đường giao thông, thủy lợi nội đồng và các công trình phúc lợi công cộng.

Nghiên cứu cho thấy việc tuyên truyền các tiêu chí, mô hình, cách làm hay, sáng tạo đã được HTCT cấp xã quan tâm và thực hiện có hiệu quả. Điều này được thể hiện thông qua bảng số liệu sau. Chẳng hạn, có 67.19% ý kiến khẳng định: Tổ chức Đảng có vai trò lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền vận động xây dựng NTM; 57.81% ý kiến khẳng định MTTQ xã có vai trò chủ trì, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền vận động xây dựng NTM (xem bảng 3.8).

Số liệu khảo sát cho biết, mức độ thực hiện thành công vai trò tuyên truyền, vận động xây dựng NTM của từng thành viên trong HTCT cấp xã ở Hà Nội cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, có 66.00% ý kiến được hỏi khẳng định: tổ chức Đảng đã thực hiện thành công ở mức độ trên 90% vai trò tuyên truyền, vận động người dân tham gia xây dựng NTM; trong khi đó, tỷ lệ này ở Hội Nông dân xã chỉ đạt 39.69% (xem bảng 3.9).

Để làm rõ hơn vai trò và mức độ thành công trong thực hiện vai trò tuyên truyền vận động của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở Hà Nội có thể tìm hiểu thêm thông qua thông tin định tính dưới đây (xem hộp 3).

Từ kết quả nghiên cứu có thể khẳng định: trong thực hiện vai trò tuyên truyền, vận động XDNTM của các thành viên trong HTCT cấp xã ở thành phố Hà Nội là rất khác nhau trong công việc cũng như kết quả thực hiện. Cấp ủy Đảng và HĐND xã chủ yếu đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo; trong khi đó MTTQ, Hội Nông dân và các TCCT-XH đóng vai trò chủ trì tổ chức thực hiện. Đáng chú ý là UBND xã trong thực hiện vai trò tuyên truyền, vận động XDNTM vừa đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo vừa đóng vai trò tham gia thực hiện (45.94%) và (40.63%). Bên cạnh, đó cấp ủy đảng, HĐND và UBND xã cũng là những thành viên thuộc HTCT cấp cơ đã thực hiện thành công vai trò tuyên truyền, vận động XDNTM, với tỷ lệ ý kiến khẳng định: thành công hơn 90% là: 60.0%; 53.44% và 56.25%.

3.2.4. Vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới

Tổ chức thực hiện xây dựng NTM là quá trình sau khi đã xác định những công việc cần phải làm tiến hành phân công cho các tổ chức, cá nhân đảm nhận những nhiệm vụ/mục tiêu/tiêu chí cụ thể của xây dựng NTM. Trên cơ sở đó, tạo ra mối quan hệ ngang dọc trong nội bộ hệ thống nhằm vận hành nhịp nhàng, đồng bộ và hướng tới thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng NTM của địa phương. Khảo sát cho thấy, UBND xã là thành viên đóng vai trò tích cực và quan trọng nhất trong tổ chức triển khai xây dựng NTM. Tại hầu hết các địa phương được khảo sát đều ghi nhận sự vào cuộc tích cực, chủ động, có trách nhiệm cao của UBND xã trong tổ chức thực hiện xây dựng NTM. Với chức năng quản lý, điều hành xây dựng NTM của UBND xã được thực hiện chủ yếu thông qua Ban quản lý xây dựng NTM của xã. Ngay sau khi được thành lập, Ban quản lý xây dựng NTM bắt tay vào việc khảo sát, đánh giá thực trạng để từ đó xác định nguồn kinh phí cần thiết cho từng nội dung, từng phần việc.

Nghiên cứu tại xã Phú Cường-Ba Vì cho thấy, UBND xã đã tổ chức thực hiện tốt công tác xây dựng quy hoạch và công bố quy hoạch theo đúng hướng dẫn của cấp trên và đã sớm đạt tiêu chí về quy hoạch, vận động nhân dân tham gia

hiền đất và đóng góp vốn xây dựng giao thông nông thôn và giao thông nội đồng, chuyển đổi ruộng đất. UBND xã chủ động rà soát và tổ chức thực hiện quyết liệt các tiêu chí về trường học, điện, cơ sở vật chất văn hóa, bưu điện, nhà ở dân cư, nâng cao thu nhập bình quân đầu người, thực hiện các giải pháp về xóa đói giảm nghèo như hỗ trợ người nghèo vay vốn, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người lao động đi xuất khẩu lao động. UBND xã cũng đã tổ chức được nhiều lớp đào tạo nghề cho người lao động, đảm bảo cho người dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, đảm bảo các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã thực hiện đăng ký, xác nhận các hồ sơ về bảo vệ môi trường theo quy định gắn liền với kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Nghiên cứu tại xã Tân Hồng-Ba Vì cho thấy, UBND xã là thành viên có vai trò quan trọng nhất trong việc tổ chức thực hiện XDNTM. UBND xã đã chủ động trong việc giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, chỉ đạo phòng ngừa tốt, không để xảy ra trên địa bàn các hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; phá hoại các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. UBND xã tích cực, thường xuyên tuyên truyền, không để xảy ra gây rối an ninh trật tự, mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp, khiếu kiện đông người trái pháp luật, phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn. Với vai trò đầu mối trực tiếp tổ chức thực hiện, UBND xã cùng với sự tham gia của cả HTCT đã giúp xã đạt được kết quả là xã đầu tiên của trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM. Bên cạnh đó chính quyền các xã đã chủ động phối hợp với MTTQ và các TCCT-XH thực hiện có hiệu quả việc tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri, trao đổi thông tin, nắm bắt tâm tư nguyện vọng chính đáng của cử tri và nhân dân xung quanh vấn đề xây dựng NTM; thông qua các cuộc tiếp xúc với cử tri và nhân dân, các vấn đề nổi cộm trong việc xây dựng NTM đều được phát hiện và giải quyết kịp thời.

Nghiên cứu tại xã Thượng Cốc, huyện Phúc Thọ cho thấy, năm 2017 xã đã tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu xây dựng NTM. Để phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, xã đã hỗ trợ phát triển các ngành nghề sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đạt. Xã đã quy hoạch các khu vực xứ đồng khó sản xuất chuyển sang các mô hình chăn nuôi kết

hợp vườn trại, quy hoạch vùng trồng hoa tập trung, cây ăn quả,... khuyến khích các hộ mở rộng sản xuất tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh vật liệu xây dựng. Đối với việc tổ chức sản xuất, xã Thượng Cốc có 190ha đất sản xuất nông nghiệp, hàng năm các HTX cùng UBND xã chỉ đạo sản xuất theo đúng mùa vụ. Hợp tác xã đã làm được 5 khâu dịch vụ phục vụ cho nhân dân gồm: Dịch vụ nạo vét kênh mương, dịch vụ dẫn nước, dịch vụ bảo vệ đồng ruộng và bảo vệ thực vật. Trước đây xã có 3 Hợp tác xã nông nghiệp, năm 2016 đã chuyển đổi theo luật hợp nhất thành Hợp tác xã quy mô toàn xã, bước đầu đã ổn định và tổ chức hoạt động có hiệu quả theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Nhờ tập trung phát triển sản xuất, thu nhập bình quân đầu người năm 2017 tại địa phương ước đạt 38,1 triệu đồng/người/năm. Từ năm 2013 đến 2016, địa phương không còn hộ đói, số hộ nghèo toàn xã đến cuối năm 2016 theo quyết định của UBND thành phố về nghèo đa chiều là 34 hộ, trong đó có 21 hộ nghèo thuộc diện hưởng chế độ bảo trợ xã hội, còn 14 hộ nghèo theo tiêu chí mới chiếm 0,95%.

Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò tích cực của UBND xã trong tổ chức thực hiện XDNTM. Chẳng hạn, nếu vai trò của tổ chức Đảng trong tổ chức thực hiện XDNTM khá chênh lệch giữa các vai: lãnh đạo, chỉ đạo; chủ trì tổ chức thực hiện và tham gia thực hiện với các tỷ lệ ý kiến trả lời tương ứng là : (59.69%; 32.81% và 18.75%) thì UBND xã lại thể hiện tương đối cân bằng, với các kết quả ý kiến trả lời tương ứng là (51.56%; 41.88% và 30.63%) (xem bảng 3.10).

Kết quả nghiên cứu cho biết, mức độ thực hiện thành công vai trò tổ chức thực hiện xây dựng NTM của từng thành viên trong HTCT cấp xã ở Hà Nội cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, có 53.13% ý kiến được hỏi khẳng định: UBND xã đã thực hiện thành công ở mức độ trên 90% vai trò tổ chức thực hiện xây dựng NTM; trong khi đó, tỷ lệ này ở MTTQ xã chỉ đạt 33.13% (xem bảng 3.11).

Để làm rõ hơn vai trò và mức độ thành công trong thực hiện vai trò tổ chức thực hiện xây dựng NTM của HTCT cấp xã ở Hà Nội có thể tìm hiểu thêm thông qua thông tin định tính dưới đây (xem hộp 4).

Từ kết quả khảo sát định lượng và định tính có thể khẳng định: trong thực hiện vai trò tổ chức thực hiện XDNTM của các thành viên trong HTCT cấp xã ở thành phố Hà Nội là rất khác nhau trong tham gia công việc cũng như kết quả thực hiện. Cấp ủy đảng, HĐND và UBND xã chủ yếu đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong tổ chức thực hiện XDNTM; trong khi đó, MTTQ, Hội Nông dân và các TCCT-XH chủ yếu đóng vai trò chủ trì, tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, một điều đáng chú ý là trong thực hiện vai trò tổ chức thực hiện XDNTM tất cả các thành viên của HTCT cấp cơ sở đều có xu hướng thực hiện thành công ở mức độ: 90% trở lên chưa cao (xem bảng 3.11).

3.2.5. Vai trò huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới

Theo Ban chỉ đạo xây dựng NTM của thành phố Hà Nội cho biết, đã có 34.465 tỷ đồng đầu tư cho Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015, đạt 170% kế hoạch gồm: Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư 23.573 tỷ đồng, đạt 186,5% kế hoạch (ngân sách thành phố 10.166 tỷ đồng, ngân sách huyện và xã 13.407 tỷ đồng); nguồn vốn huy động ngoài ngân sách nhà nước (doanh nghiệp, nhân dân đóng góp và nguồn khác...) 10.892 tỷ đồng, đạt 143% kế hoạch. Chỉ tính riêng trong 3 năm qua, Hội Nông dân đã tham mưu cho thành phố Hà Nội cấp bổ sung 330 tỷ đồng cho Quỹ nông dân, giúp 65.604 hộ nông dân vay để phát triển sản xuất với tổng số tiền hơn 391 tỷ đồng. Ngoài ra, Hội Nông dân các cấp còn phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội thành phố vay vốn theo chương trình ủy thác với số dư hơn 1.231 tỷ đồng, giúp 73.738 hộ nông dân được vay; phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp 16.259 lượt hộ nông dân vay gần 587 tỷ đồng. Hàng năm, Hội Nông dân còn phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Công thương và Trung tâm dạy nghề ở các huyện, thị xã tổ chức 405 lớp dạy nghề với 14.140 lượt nông dân tham gia. Theo Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện Đan Phượng, bằng việc huy động đa dạng các nguồn lực xây dựng NTM, cho nên trong gần năm năm qua huyện đã huy động được gần 2.000 tỷ đồng, trong đó ngân sách thành phố cấp hơn 540 tỷ đồng, ngân sách huyện hơn 880 tỷ đồng, ngân sách xã hơn 122 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp, hợp tác xã gần 100 tỷ đồng và người dân đóng góp hơn 200 tỷ đồng... góp phần xây dựng thành công huyện NTM. Như vậy, trong quá trình

XDNTM bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, các địa phương của Hà Nội đã huy động nhiều nguồn lực trong nhân dân, doanh nghiệp như: Hiến đất mở đường, đóng góp công sức, kinh phí xây dựng công trình phúc lợi xã hội...

Thực tiễn khảo sát tại các xã của Hà Nội cho thấy, với nhiều hình thức vận động phong phú, trong 7 năm qua, HTCT cấp xã của Hà Nội đã đóng góp hàng trăm tỷ đồng, hàng vạn ngày công lao động góp phần xây dựng NTM. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra chính là cần có sự gắn kết giữa nguồn lực huy động và việc sử dụng nguồn lực. Đối với những công trình, lĩnh vực đầu tư xây dựng NTM đòi hỏi vốn lớn và ít có khả năng xã hội hoá cao cần phải được huy động và tài trợ từ các nguồn ngân sách, viện trợ còn ngược lại cần được tiến hành huy động thông qua cơ chế đối ứng hay vay. Đồng thời, thực tiễn nghiên cứu cũng cho thấy, các nguồn lực huy động từ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp ở các địa phương và trong cùng địa phương giữa các xã là khác nhau. Điều này phụ thuộc vào đặc thù địa lý, tiềm năng mỗi địa phương. Các xã có quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, có điều kiện kinh tế phát triển tốt...trong những năm qua có nguồn thu từ đất khá lớn đã tạo nguồn thực hiện các mục tiêu xây dựng NTM. Tuy nhiên, so với yêu cầu đặt ra, nhìn chung cơ chế huy động nguồn lực của các địa phương chưa đủ lực để có thể thu hút sự sẵn sàng tham gia của các chủ thể kinh tế, đặc biệt là huy động từ khu vực doanh nghiệp. Đối với huy động nguồn lực xây dựng NTM ngân sách Nhà nước, từ khu vực ngân hàng cũng đang gặp nhiều khó khăn. Do xuất cũng bị giới hạn do trình độ năng lực, khả năng tiếp cận vốn của người dân; tình trạng nợ xây dựng cơ bản ở các địa phương cũng sẽ là nhân tố ảnh hưởng tới việc huy động nguồn lực của địa phương cho xây dựng NTM; nguồn lực từ ngân sách Trung ương hỗ trợ còn chưa đảm bảo theo cam kết, nguồn vốn hỗ trợ chuyển về còn chậm đã ảnh hưởng tới kế hoạch và tiến độ triển khai thực hiện. Nguồn lực huy động từ dân cư có xu hướng tăng trong những năm đầu thực hiện nhưng sau đó giảm mạnh. Thực tế huy động nguồn lực cho xây dựng NTM ở các xã của Hà Nội cho thấy, những năm đầu thực hiện, đóng góp của dân cư chủ yếu ở việc hiến đất và tài sản trên đất, nhưng những năm sau đó huy động từ dân cư sẽ giảm tương đối và chỉ tập trung ở hình thức đóng góp ngày công lao động và tiền mặt...

Kết quả nghiên cứu cho biết, vai trò huy động nguồn lực xây dựng NTM của từng thành viên trong HTCT cấp xã ở Hà Nội đang có xu hướng rất

khác nhau. Chẳng hạn, vai trò của tổ chức Đảng, HĐND, UBND xã trong huy động nguồn lực xây dựng NTM chủ yếu ở phương diện: lãnh đạo, chỉ đạo: (57.81%; 41.88% và 54.69%). Trong khi đó, MTTQ xã, Hội Nông dân và các TCCT-XH khác lại làm tốt ở khía cạnh: chủ trì, tổ chức thực hiện (62.81%; 58.75% và 63.75%) (xem bảng 3.12).

Kết quả nghiên cứu cho biết, mức độ thực hiện thành công vai trò huy động nguồn lực thực hiện xây dựng NTM của từng thành viên trong HTCT cấp xã ở Hà Nội cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, có 49.38% ý kiến được hỏi khẳng định: Tổ chức Đảng đã thực hiện thành công ở mức độ trên 90% vai trò huy động nguồn lực thực hiện xây dựng NTM; trong khi đó, tỷ lệ này ở Hội Nông dân xã chỉ đạt 33.75% (xem bảng 3.13). Điều này cho thấy, ở chừng mực nhất định MTTQ và các TCCT-XH đang trở thành một chủ thể chính trong huy động các nguồn lực xây dựng NTM, tuy nhiên quyền lực và vai trò lại chưa đáp ứng được sự kỳ vọng này (xem bảng 3.13).

Để làm rõ hơn vai trò và mức độ thành công trong thực hiện vai trò huy động nguồn lực thực hiện xây dựng NTM của HTCT cấp xã ở Hà Nội có thể tìm hiểu thêm thông qua thông tin định tính dưới đây (xem hộp 5).

Từ kết quả nghiên cứu có thể khẳng định: trong thực hiện vai trò huy động nguồn lực thực hiện XDNTM của các thành viên trong HTCT cấp xã ở thành phố Hà Nội là rất khác nhau trong công việc cũng như kết quả thực hiện. Cấp ủy đảng, HĐND và UBND xã chủ yếu đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong huy động các nguồn lực XDNTM; trong khi đó, MTTQ, Hội Nông dân và các TCCT-XH chủ yếu đóng vai trò chủ trì, tổ chức thực hiện việc huy động các nguồn lực XDNTM. Trong thực hiện vai trò huy động nguồn lực XDNTM các thành viên của HTCT cấp cơ sở ở Hà Nội có xu hướng chưa đạt theo yêu cầu. Chẳng hạn, chỉ có từ 33.75% đến 47.81% ý kiến được hỏi khẳng định mức độ thực hiện thành công trên 90% (xem bảng 3.13).

3.2.6. Vai trò kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới

Tổng hợp các báo của Ban chỉ đạo xây dựng NTM ở các xã được khảo sát cho thấy việc thực hiện kiểm tra, giám sát những vấn đề liên quan đến quá trình xây dựng NTM đã được các cấp ủy đảng, chính quyền và Ban chỉ đạo trên địa bàn thành phố Hà Nội quan tâm và được tiến hành thường xuyên.

Thông qua kiểm tra, giám sát, các tổ chức cơ sở Đảng đã đánh giá được tính hiệu quả, tính thực tế của đường lối, chủ trương đã đề ra, kịp thời khắc phục những khuyết điểm, phát huy những mặt tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM ở từng địa bàn cụ thể. Tại một số địa phương Ban Chỉ đạo cấp huyện, xã đã thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện chương trình. Quy trình này được thực hiện từ tổ công tác giúp việc, tiểu ban các thôn từ huyện đến xã. Định kỳ hằng tháng, quý, Ban Chỉ đạo huyện tổ chức Hội nghị giao ban đánh giá kết quả đã đạt được, những tồn tại, khó khăn, vướng mắc tại cơ sở để đưa ra giải pháp tháo gỡ kịp thời nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, đề án của xã. Việc chú trọng thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát coi đây là một trong những giải pháp chỉ đạo, thúc đẩy phong trào xây dựng NTM trên địa bàn phát triển nhanh, đúng hướng, đạt chất lượng hiệu quả lâu dài, bền vững. Theo đó, thông qua việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát định kỳ, các thành viên Ban chỉ đạo phải thường xuyên có những báo cáo cụ thể, chi tiết về tiến độ, chất lượng cũng như những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện xây dựng NTM ở địa bàn được phân công phụ trách. Qua đây, không chỉ phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân cán bộ đảng viên trong từng vị trí, công việc được giao mà còn giúp cấp ủy, Ban chỉ đạo các cấp có được nguồn thông tin cụ thể, đáng tin cậy, khắc phục tình trạng thông tin thiếu chính xác, thông tin mang tính định tính, chung chung, không sát thực tế. Đây cũng là căn cứ quan trọng để cấp ủy, Ban chỉ đạo các cấp cân nhắc và đưa ra giải pháp phù hợp trong định hướng thúc đẩy tiến độ hoàn thành từng tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng NTM ở mỗi địa bàn cơ sở.

Kết quả nghiên cứu tại các xã đều cho thấy, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự lãnh đạo, tổ chức, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM. Thực tiễn khảo sát cho thấy, nội dung kiểm tra, giám sát bước đầu được HTCT cấp xã của thành phố Hà Nội thực hiện toàn diện, trong quy hoạch, đầu tư, áp dụng chính sách hỗ trợ, tiến độ thực hiện... Với việc phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân, được bàn bạc dân chủ, công khai, minh bạch những công việc trực tiếp liên quan đến lợi ích của cộng đồng và người dân, nhất là xây dựng quy hoạch, đề án NTM, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, quy hoạch sản xuất, “dồn điền đổi thửa” và đặc biệt là việc công

nhận xã đạt chuẩn NTM... Tại tất cả các xã được khảo sát cho thấy hoạt động kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện xây dựng NTM được thực hiện khá nghiêm túc và thường xuyên. Mỗi năm, các xã tiến hành từ 2 đến 3 cuộc giám sát chuyên đề, hoạt động giám sát thường xuyên được thực hiện chủ yếu thông qua đại biểu HĐND ở các thôn, xóm; thông qua hoạt động giám sát, những vấn đề bất cập, sai phạm trong công tác tổ chức xây dựng NTM được phát hiện và kịp thời khắc phục. Ngoài ra công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi nhiệm vụ của các tổ chức thành viên trong HTCT cấp xã đối với nhiệm vụ xây dựng NTM được tiến hành thường xuyên. Đặc biệt, thông qua kiểm tra, giám sát, các tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn thành phố Hà Nội đã đánh giá được tính hiệu quả, tính thực tế của đường lối, chủ trương đã đề ra, kịp thời khắc phục những khuyết điểm, phát huy những mặt tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM ở địa phương.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hàng năm các xã đều thành lập đoàn, tổ kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa hiệu quả và bền vững và chương trình xây dựng NTM; Kế hoạch giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM; ban hành các Thông báo về kết quả kiểm tra, giám sát đối với công tác xây dựng NTM. Nội dung kiểm tra, giám sát ở các xã được quan tâm trên các phương diện: triển khai việc tổ chức thực hiện; tháo gỡ khó khăn; tiếp thu những kiến nghị để nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM. Thực tế cho thấy, hoạt động kiểm tra, giám sát của HTCT cấp xã trong thực hiện xây dựng NTM đã phát hiện ra những tồn tại, bất cập, đặc biệt là những vướng mắc bất cập liên quan đến huy động và sử dụng các nguồn lực; đến vấn đề lựa chọn ưu tiên các mục tiêu phù hợp với địa phương trong quá trình xây dựng NTM...

Bên cạnh vai trò kiểm tra, giám sát của HĐND xã, nghiên cứu cho thấy vai trò giám sát của MTTQ xã trong xây dựng NTM rất quan trọng, vì cán bộ MTTQ xã - những người gần dân, hiểu dân. Họ chính là những người “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng”. Trong điều kiện trợ cấp ít ỏi, nhân lực hạn chế, nhưng nhờ biết đoàn kết, tranh thủ được đội ngũ các vị có uy tín, có kiến thức, có kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động của pháp luật tham gia

cùng giám sát các công trình, phần việc tại khu dân cư nên đã giám sát được một khối lượng công việc khá đồ sộ, trải rộng trên nhiều lĩnh vực đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội... Thông qua hoạt động giám sát của MTTQ xã, nhiều công trình, phần việc sai sót đã được kiến nghị và giải quyết kịp thời. Nhiều công chức trong việc thực hiện các chương trình, dự án xây dựng NTM không dám làm sai, không dám biến thủ công quỹ bởi đã có những “con mắt” giám sát tinh tường, sát sao của những người MTTQ xã. Kết quả đó đã giúp cho các công trình thực hiện đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí, đảm bảo chất lượng, được nhân dân đồng tình và hoan nghênh. Thông thường theo qui định, các công trình đầu tư đều có bộ phận giám sát thiết kế, giám sát thi công, có thanh tra ngành, có nghiệm thu từng phần và nghiệm thu công trình khi kết thúc, có kiểm toán... MTTQ xã và các ban công tác Mặt trận thôn phát huy vai trò là tổ chức đoàn kết rộng rãi nhân dân, thực hiện tốt vai trò thay mặt nhân dân địa phương thực hiện chức năng giám sát và phản biện đối với hoạt động của bộ máy chính quyền, đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là trong các vấn đề, các lĩnh vực hoạt động liên quan đến xây dựng NTM.

Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò tích cực của HĐND và MTTQ xã trong kiểm tra, giám sát thực hiện xây dựng NTM. Chẳng hạn, nếu vai trò của tổ chức Đảng trong kiểm tra, giám sát XDNTM khá chênh lệch giữa các vai: lãnh đạo, chỉ đạo; chủ trì tổ chức thực hiện và tham gia thực hiện với các tỷ lệ ý kiến trả lời tương ứng là: (57.50%; 28.44% và 20.94%) thì HĐND và MTTQ xã lại thể hiện tương đối cân bằng, với các kết quả ý kiến trả lời tương ứng là (43.75%; 53.75% và 33.75%); (27.50% 54.38% và 29.06%) (xem bảng 3.14).

Kết quả nghiên cứu cho biết, mức độ thực hiện thành công vai trò tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện xây dựng NTM của từng thành viên trong HTCT cấp xã ở Hà Nội cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, có 57.50% ý kiến được hỏi khẳng định: HĐND xã đã thực hiện thành công ở mức độ trên 90% vai trò kiểm tra, giám sát thực hiện xây dựng NTM; trong khi đó, tỷ lệ này ở Hội Nông dân xã chỉ đạt 35.94% (xem bảng 3.15).

Để làm rõ hơn vai trò và mức độ thành công trong thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát thực hiện xây dựng NTM của HTCT cấp xã ở Hà Nội có thể tìm hiểu thêm thông qua thông tin định tính dưới đây (xem hộp 6).

Từ kết quả khảo sát định lượng và định tính có thể khẳng định: trong thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc thực hiện XDNTM của các thành viên trong HTCT cấp xã ở thành phố Hà Nội là rất khác nhau trong công việc cũng như kết quả thực hiện. Cấp ủy đảng, HĐND và UBND xã chủ yếu đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện XDNTM; trong khi đó, MTTQ, Hội Nông dân và các TCCT-XH chủ yếu đóng vai trò chủ trì, tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình XDNTM. Trong đó, cấp ủy Đảng, HĐND và MTTQ xã có xu hướng thực hiện thành công và hiệu quả hơn so với UBND, Hội Nông dân và các TCCT-XH.

3.1.7. Vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền

Thực tế nghiên cứu cho thấy, mặc dù là địa bàn thủ đô có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc triển khai chương trình xây dựng NTM, tuy nhiên nếu so sánh giữa các huyện và xã với nhau lại cho thấy một sự thật khác biệt rất lớn về các điều kiện phát triển kinh tế-xã hội. Do vậy, một trong những vai trò không thể thiếu được của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội, chính là vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền. Trong những năm vừa qua Hà Nội cũng đã yêu cầu cấp ủy, chính quyền và Ban chỉ đạo xây dựng NTM các cấp phải thường xuyên rà soát và đưa ra những đề xuất kiến nghị kịp thời, chính xác về những vấn đề cần phải điều chỉnh, bổ sung trong quá trình xây dựng NTM. Chính vì vậy, trong 7 năm thực hiện xây dựng NTM hầu hết các xã của Hà Nội đều đã rà soát, điều chỉnh quy hoạch và đề án NTM; cập nhật đơn giá, suất đầu tư phù hợp; đảm bảo nhu cầu đầu tư sát thực tế, đồng thời phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách các cấp...

Theo báo cáo của Ban chỉ đạo xây dựng NTM thành phố Hà Nội cho biết, trên cơ sở tính toán nhu cầu kinh phí đầu tư các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, đảm bảo đồng bộ, đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân; phân tích làm rõ nhu cầu kinh phí thực hiện các mục tiêu: Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở 201 xã đã đạt chuẩn NTM, nhất là các tiêu chí về y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường và thu nhập; phân đấu đến năm 2020, thành phố Hà Nội có 146 xã trở lên đạt chuẩn NTM, có 10 huyện, thị xã trở lên đạt NTM.

Cũng theo báo cáo của Ban chỉ đạo xây dựng NTM thành phố Hà Nội, một trong những nội dung quan trọng trong thể hiện vai trò đề xuất, kiến nghị của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội chính là vấn đề nâng cao đời sống nông dân trong quá trình xây dựng NTM. Do đó yêu cầu đặt ra là các xã cần bổ sung, thuyết minh làm rõ các nhóm giải pháp, nhu cầu về nguồn lực để thực hiện chỉ tiêu như: Hỗ trợ, hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, liên kết đầu tư, mở rộng sản xuất để nâng cao thu nhập; mở rộng sản xuất trong các khu, cụm, điểm công nghiệp, làng nghề...

Kết quả nghiên cứu tại huyện Ba Vì cho thấy, hiện nay toàn huyện có 13 xã (chiếm 43,33%) đạt chuẩn NTM, 13 xã đạt và cơ bản đạt từ 13 đến 18 tiêu chí, 4 xã đạt và cơ bản đạt từ 11 đến 12 tiêu chí. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra hiện nay chính là Ban chỉ đạo xây dựng NTM của huyện đã thường xuyên tiếp nhận và xử lý các tiêu chí và yêu cầu của HTCT cấp xã liên quan đến vấn đề vệ sinh môi trường; Tổ chức lại sản xuất để phát triển kinh tế nông thôn, giải quyết tình trạng lao động thiếu việc làm, từng bước nâng thu nhập cho cư dân nông thôn; Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước lao động việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch...

Có thể làm rõ hơn các nhận định này thông qua dữ liệu khảo sát định lượng của luận án. Khảo sát cho thấy, vai trò của từng thành viên của HTCT cấp xã trong thực hiện kiến nghị, đề xuất lên các cơ quan, cấp có thẩm quyền là rất khác nhau, nhưng có sự bổ sung phối hợp với nhau. Chẳng hạn, có 55.00% ý kiến khẳng định: cấp ủy Đảng có vai trò lãnh đạo, chỉ đạo việc đề xuất, kiến nghị lên cơ quan, cấp có thẩm quyền. Trong khi đó có tới 55.31% ý kiến được hỏi khẳng định: MTTQ xã có vai trò chủ trì, tổ chức kiến nghị, đề xuất lên các cơ quan, cấp có thẩm quyền (xem bảng 3.16).

Kết quả nghiên cứu cho biết, mức độ thực hiện thành công vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan, cấp có thẩm quyền của từng thành viên trong HTCT cấp xã ở Hà Nội cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, có 52.19% ý kiến được hỏi khẳng định: UBND xã đã thực hiện thành công ở mức độ trên 90% vai trò kiến nghị, đề xuất đến các cơ quan, cấp có thẩm quyền; trong khi đó, tỷ lệ này ở Hội Nông dân xã chỉ đạt 33.44% (xem bảng 3.17). Điều này cho thấy, ở chừng mực nhất định, UBND xã là chủ thể quyền lực thực chất, có tư

cách pháp nhân trong đề xuất, kiến nghị những vấn đề liên quan đến xây dựng NTM ở địa phương. Khảo sát cho thấy, Hội Nông dân xã, MTTQ và các TCCT-XH trong thực tế đang được kỳ vọng trở thành một chủ thể chính trong thực hiện kiến nghị, đề xuất lên các cơ quan, cấp có thẩm quyền, tuy nhiên quyền lực và vai trò lại chưa đáp ứng được sự kỳ vọng này. Đây là một sự bất cập, cản trở việc phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội hiện nay (xem bảng 3.17).

Để làm rõ hơn vai trò và mức độ thành công trong thực hiện vai trò đề xuất kiến nghị đến cơ quan, cấp có thẩm quyền của HTCT cấp xã ở Hà Nội có thể tìm hiểu thêm thông qua thông tin định tính dưới đây (xem hộp 7).

Từ kết quả nghiên cứu có thể khẳng định: trong thực hiện vai trò kiến nghị, đề xuất lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền XDNTM của các thành viên trong HTCT cấp xã ở thành phố Hà Nội là rất khác nhau trong công việc cũng như kết quả thực hiện. Cấp ủy đảng, HĐND và UBND xã chủ yếu đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong kiến nghị, đề xuất lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền; Chức năng quản lý, điều hành XDNTM của chính quyền cấp xã được thực hiện chủ yếu thông qua Ban quản lý XDNTM của xã. Trong khi đó, MTTQ, Hội Nông dân và các TCCT-XH chủ yếu đóng vai trò chủ trì, tổ chức thực hiện việc kiến nghị, đề xuất lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền. Trong thực hiện vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền mức độ thành công trên 90% đều có xu hướng chưa cao ở tất cả các chủ thể của HTCT cấp cơ sở.

3.3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.3.1 Đánh giá chung về vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở và từng thành viên trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Đây là chỉ báo đánh giá có tính chất khái quát nhưng trực tiếp và quan trọng nhất trong việc phân tích, đưa ra các nhận định và làm rõ vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội. Ở chỉ báo đánh giá này, dữ liệu khảo sát định lượng cho thấy, mức độ thể hiện vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM của Hà Nội đạt ở cấp độ KHÁ. Đồng thời, có một sự khác nhau rất rõ nét giữa 7 chỉ báo được xem xét. Chẳng hạn, theo xu

hướng đánh giá (tốt) đối với chỉ báo: xác định mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng NTM ở địa phương có 65.94% ý kiến khẳng định; trong khi đó, vấn đề giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm của HTCT cấp cơ sở chỉ có 46.25% thừa nhận ở mức độ (tốt) (xem bảng 3.18).

Để làm rõ hơn và đánh giá chính xác hơn vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XD NTM, tác giả tiến hành đo lường vai trò/nhiệm vụ của từng thành viên trong tham gia xây dựng NTM. Kết quả khảo sát định lượng cho thấy, có xu hướng đánh giá tích cực dành cho tổ chức Đảng trong thực hiện các vai trò/nhiệm vụ cụ thể (từ 35.16% đến 89.03%) và UBND xã (từ 37.40% đến 59.35%). Trong khi đó, vai trò của HĐND, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội cấp xã có xu hướng thể hiện vai trò kém tích cực hơn (từ 22.26% đến 44.94%) (xem bảng 3.18). Bên cạnh đó, số liệu định lượng cũng cho biết, Tổ chức cơ sở Đảng có xu hướng tập trung làm tốt các vai trò: Nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật (89.03%); tuyên truyền vận động (65.80%); xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí (55.50%); đề xuất kiến nghị lên cấp trên (44.52%). Trong khi đó, HĐND xã chủ yếu thực hiện tốt ở vai trò: Ban hành Nghị quyết, chính sách (44.94%) và kiểm tra, giám sát (46.12%); UBND xã tập trung vào thực hiện các vai trò: xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí (59.35%); Huy động nguồn lực (56.10%); Tổ chức thực hiện (57.00%); MTTQ và các đoàn thể về mặt lý thuyết có vai trò ở các phương diện: tuyên truyền vận động; kiểm tra giám sát; huy động nguồn lực. Tuy nhiên, thực tế khảo sát việc thực hiện các vai trò này còn mờ nhạt (xem bảng 3.19).

Tuy vậy, dữ liệu định lượng cho biết, mức độ khác biệt trong thể hiện các vai trò tham gia xây dựng NTM của từng thành viên trong HTCT cấp xã của thành phố Hà Nội là không đáng kể. Chẳng hạn, đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ tham gia xây dựng NTM ở mức độ trên 90%, cho thấy con số đạt từ 49.4% (Hội Phụ nữ và các đoàn thể khác) đến 59.0% (cấp ủy Đảng) (xem bảng 3.20).

Từ những số liệu như vừa phân tích, có thể rút ra nhận định, dù còn nhiều bất cập hạn chế, song về cơ bản HTCT, đặc biệt và Cấp ủy Đảng đang đóng vai trò quan trọng, tích cực nhất, đảm bảo sự thành công trong

quá trình xây dựng NTM của thành phố Hà Nội. Do đó, có thể khẳng định trong quá trình xây dựng NTM, HTCT cấp xã với nhiều cách làm cụ thể, sáng tạo, đạt được những thành tựu khá toàn diện và to lớn, bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi. Các thành viên trong HTCT cấp xã đã tìm thấy chỗ đứng, sức mạnh cũng như những bất cập, hạn chế của mình trong quá trình xây dựng NTM. Quá trình triển khai, thực hiện Chương trình xây dựng NTM đã có sự vào cuộc tích cực, chủ động của tất cả các chủ thể là thành viên của HTCT cấp xã đã tạo ra sức lan tỏa mạnh mẽ. Đảng bộ các xã ở thành phố Hà Nội đều xác định rõ XDNTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương hiện nay. Vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội được các tầng lớp nhân dân, nhất là cư dân nông thôn thành phố Hà Nội nồng nhiệt đón nhận và hưởng ứng. HTCT cấp cơ sở đã huy động được sự tham gia của người dân và cộng đồng tích cực tham gia xây dựng NTM.

3.3.2. Đánh giá vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới - Từ kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và nhu cầu, sự hài lòng của người dân

Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM là một chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân hiện nay. Để thực hiện thành công chủ trương này trên địa bàn thành phố Hà Nội, đòi hỏi cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó vai trò của HTCT cấp cơ sở phải được phát huy cao độ và thực hiện có hiệu lực, hiệu quả 19 tiêu chí XDNTM. Nhìn một cách tổng thể quá trình thực hiện xây dựng NTM ở Hà Nội đã giải quyết được những vấn đề cấp thiết trước mắt của người dân nông thôn như đường - trường - điện - trạm và các thiết chế văn hóa, làm nền tảng cho phát triển. Đặc biệt, nhiều địa phương đã xây dựng được mô hình sản xuất theo hướng hàng hóa và thị trường. Thực sự thay đổi tư duy và tạo ra một tư duy mới, cách làm mới cho người nông dân chuyên nghiệp trong sản xuất mang tính bền vững lâu dài. Theo báo cáo của Ban chỉ đạo XDNTM thành phố Hà Nội cho biết: Tại Hà Nội trước khi xây dựng NTM, bình quân mỗi xã chỉ đạt và cơ bản đạt 7 tiêu chí; đến nay bình quân mỗi xã đạt và cơ bản đạt 16,9 tiêu chí. HTCT ở nông thôn được củng cố;

an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; 100% số cơ sở đạt tiêu chí giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội [7]. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được nâng lên cả về chất và lượng. Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân từng bước được cải thiện và nâng cao, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn ngày một tăng... Đây là kết quả đáng phấn khởi, tạo tiền đề quan trọng để Hà Nội hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trong giai đoạn tới.

Đánh giá kết quả thực hiện vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở Hà Nội có thể thực hiện gián tiếp thông qua chỉ báo đánh giá kết quả xây dựng NTM so với nhu cầu, sự hài lòng của người dân trong cộng đồng. Kết quả nghiên cứu định lượng cho thấy kết quả xây dựng NTM trên địa bàn thành phố Hà Nội trong 7 năm vừa qua mới chỉ đạt mức độ Trung bình khá. Bảng số liệu 3.21 cho biết, có 19 tiêu chí xây dựng NTM đều được khảo sát với câu hỏi: Mức độ hài lòng của ông/bà về kết quả xây dựng NTM của địa phương hiện nay, chỉ số mức độ rất hài lòng, có tỷ lệ ý kiến trả lời cao nhất là tiêu chí Quy hoạch nông thôn (53.13%) và tỷ lệ ý kiến trả lời thấp nhất là tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (31.88%) (xem bảng 3.21).

Tương tự câu hỏi và tiêu chí đánh giá như của người dân, số liệu khảo sát định lượng đối với người trả lời là cán bộ thuộc HTCT cấp xã cho thấy, việc triển khai XD NTM trên địa bàn thành phố Hà Nội trong 7 năm vừa qua cũng chỉ đạt ở mức độ TRUNG BÌNH KHÁ. Bảng số liệu 3.22 cho biết với mức độ đánh giá: Đáp ứng tốt yêu cầu, từ 32.58% (Văn hóa tinh thần) đến 54.84% (Quy hoạch nông thôn) (xem bảng 3.22).

Từ những dữ liệu khảo sát định lượng như vừa trình bày, có thể rút ra nhận định: nhu cầu của đội ngũ cán bộ và người dân trong cộng đồng về mục tiêu và kết quả xây dựng NTM là tương đối giống nhau với mức độ yêu cầu rất cao và thường xuyên thay đổi. Đây là một yêu cầu chính đáng, song cũng là thách thức đối với quá trình xây dựng NTM nói chung và vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM ở Hà Nội nói riêng.

3.2.3. Đánh giá về quy trình thực hiện, cách thức và mức độ tham gia xây dựng nông thôn mới

Để đánh giá kết quả thực hiện vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội cũng có thể đo lường một cách gián tiếp thông qua các chỉ báo: quy trình thực hiện xây dựng NTM; cách thức và mức độ tham gia xây dựng NTM của đội ngũ cán bộ cấp xã và người dân trong cộng đồng. Số liệu khảo sát định lượng cho biết, vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội có một sự khác nhau tương đối rõ trong thực hiện các bước quy trình. Chẳng hạn, đánh giá ở mức độ đáp ứng từ 90% trở lên, có 64.06% ý kiến đồng tình đối với bước: Tổ chức tuyên truyền vận động toàn dân xây dựng NTM; tuy nhiên chỉ có 53.44% ý kiến đồng ý với bước: Kiểm tra, giám sát đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình (xem bảng 3.23). Điều này cũng có nghĩa là trong thực hiện các bước/khâu của quy trình XDNTM vai trò của HTCT cấp xã đang thực hiện khá tốt ở khâu: tuyên truyền, vận động; tuy nhiên ở khâu kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện chương trình thì mới ở mức độ TRUNG BÌNH (xem bảng 3.23).

Đo lường chỉ báo về các kênh tiếp cận thông tin XDNTM của đội ngũ cán bộ cấp xã và người dân trong cộng đồng là một cách thức gián tiếp đánh giá vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở thành phố Hà Nội. Dữ liệu khảo sát định lượng cho biết, người dân trong cộng đồng và đội ngũ cán bộ cấp xã của thành phố Hà Nội đang có nhiều cách thức tiếp cận thông tin kiến thức về xây dựng NTM, nhất là tiếp cận thông qua các kênh (Đài tiếng nói, Truyền hình, Internet, Hội họp). Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ cấp xã có xu hướng tiếp cận xây dựng NTM ở mức độ “thường xuyên” hơn so với người dân trong cộng đồng (từ 42.50% đến 64.06% so với 27.42% đến 67.74%) (xem bảng 3.24 và 3.25). Đặc biệt, dữ liệu khảo sát cũng cho biết, việc tiếp cận thông qua hình thức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những vấn đề liên quan đến xây dựng NTM của cán bộ xã và người dân trong cộng đồng đều còn thấp (44.38% và 27.74%). Điều này gợi ý rằng để phát huy vai trò thực chất và mang tính bền vững của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội, cần quan tâm nhiều hơn đến việc đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ xã và người dân trong cộng đồng (xem bảng 3.24 và xem bảng 3.25).

Đo lường chỉ báo về sự tham gia xây dựng NTM của đội ngũ cán bộ cấp xã và người dân trong cộng đồng là một cách thức gián tiếp đánh giá vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội. Dữ liệu khảo sát định lượng cho biết, cả người dân và cán bộ xã của thành phố Hà Nội đang có nhiều cách thức, mức độ tham gia xây dựng NTM khác nhau. Cả đội ngũ cán bộ và người dân đều tham gia nhiều ở hình thức: Được nghe nói đến, được đọc văn bản trực tiếp, được học tập, bồi dưỡng (những hình thức tham gia ở mức độ thấp) (xem bảng 3.24 và 3.25). Các hình thức tham gia quan trọng đối với người dân như: đóng góp ngày công, đóng góp tài chính còn thấp (14.90%; 30.65%); các hình thức mức độ tham gia xây dựng NTM rất quan trọng của cán bộ như: tuyên truyền vận động; lãnh đạo, chỉ đạo và trực tiếp tham gia đóng góp ngày công... cũng chưa cao (59.06%; 45.00% và 27.50%) (xem bảng 3.26 và 3.27). Nhìn chung, so với đội ngũ cán bộ cấp xã, người dân trong cộng đồng có xu hướng tham gia thấp và ít chủ động hơn. Tuy nhiên, sự khác biệt này là không đáng kể, trong khi đó yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ cấp xã trong tham gia và tổ chức thực hiện xây dựng NTM cao hơn rất nhiều so với người dân (xem bảng 3.26 và 3.27).

Từ những vấn đề như vừa phân tích có thể khẳng định: vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM của thành phố Hà Nội thông qua các chỉ báo gián tiếp: quy trình thực hiện xây dựng NTM là tương đối tích cực. Tuy nhiên, đối với các chỉ báo: cách thức và mức độ tham gia xây dựng NTM của đội ngũ cán bộ cấp xã và người dân trong cộng đồng là còn thấp hơn so với yêu cầu và nhu cầu đặt ra của quá trình XDNTM hiện nay, nhất là đối với địa bàn thủ đô Hà Nội.

3.2.4. Đánh giá mức độ chuyển biến kinh tế-xã hội ở địa phương hiện nay so với trước khi thực hiện xây dựng nông thôn mới

Bên cạnh đánh giá gián tiếp thông qua chỉ báo như đã phân tích ở mục 3.2.1 và 3.1.2 chúng ta cũng có thể đánh giá gián tiếp thông qua mức độ chuyển biến về kinh tế-xã hội của địa phương hiện nay so với trước khi thực hiện XDNTM. Ở tiêu chí đánh giá này, tác giả đo lường đồng thời ý kiến của cán bộ trong HTCT cấp xã và người dân trong cộng đồng về cùng một câu hỏi đưa ra và các chỉ báo giống nhau (15 chỉ báo). Kết quả

nghiên cứu định lượng cho thấy, phần lớn người dân và cán bộ trong HTCT cấp xã đều có chung xu hướng nhận định về mức độ chuyển biến tích cực của quá trình xây dựng NTM so với trước đây. Với chỉ số ý kiến đánh giá (tốt hơn) của cán bộ là từ 80.65% (tiêu chí đời sống vật chất của người dân) đến 89.35% (tình hình an ninh trật tự xã hội). Và như vậy, tỷ lệ ý đánh giá: không thay đổi hoặc kém đi là rất thấp (từ 0.32% đến 14.19%) (xem bảng 3.28).

Với chỉ số ý kiến đánh giá (tốt hơn) của người dân là từ 69.06%% (tiêu chí môi trường, an toàn thực phẩm) đến 89.40 % (giáo dục, văn hóa, sức khỏe của cư dân). Và như vậy, tỷ lệ ý đánh giá: không thay đổi hoặc kém đi là rất thấp: từ 0.63% (Công tác xây dựng chính quyền ở địa phương) đến 16.25% (đời sống vật chất của người dân) (xem bảng 3.29).

Bên cạnh đó, số liệu định lượng cũng cho biết, có sự khác nhau trong đánh giá mức độ chuyển biến kinh tế-xã hội của các tiêu chí thể hiện kết quả XDNTM giữa người dân và cán bộ. Điều này thể hiện sự khác nhau về: lợi ích, nhu cầu, trình độ hiểu biết, cơ hội tiếp cận, trách nhiệm và vị thế vai trò giữa người dân và đội ngũ cán bộ trong HTCT cấp xã trong XDNTM. Chẳng hạn, đội ngũ cán bộ cấp xã có xu hướng đánh giá mức độ chuyển biến tích cực cao hơn so với người dân trong cộng đồng; người dân trong cộng đồng quan tâm đến những tiêu chí thể hiện lợi ích trực tiếp của họ, trong khi đó đội ngũ cán bộ xã thì quan tâm hơn đến các tiêu chí liên quan đến HTCT cấp xã. Đặc biệt, các tiêu chí về nghề nghiệp, việc làm; môi trường an toàn vệ sinh thực phẩm... còn nhiều bất cập, do vậy tỷ lệ người dân hài lòng có xu hướng thấp hơn so với các tiêu chí khác (xem bảng 3.28 và 3.29).

Từ những vấn đề như vừa phân tích có thể khẳng định: vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM của thành phố Hà Nội thông qua các chỉ báo gián tiếp: chuyển biến kinh tế-xã hội của địa phương so với trước khi thực hiện xây dựng NTM là rất tích cực. Điều này được thể hiện thông qua ý kiến đánh giá của bản thân đội ngũ cán bộ xã và người dân trong cộng đồng. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những chuyển biến ban đầu, và các chỉ báo chưa đồng bộ, chưa mang tính ổn định và bền vững cao.

Tiểu kết chương 3

Trong chương 3, tác giả đã tiến hành phân tích bối cảnh thực hiện vai trò XDNTM của HTCT cấp xã ở Hà Nội trên 3 phương diện chủ yếu: 1) Khái lược điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của thành phố Hà Nội; 2) Đặc điểm HTCT và đội ngũ cán bộ cấp xã ở Hà Nội; 3) Vài nét về kết quả XDNTM ở thành phố Hà Nội. Điều này có ý nghĩa làm cơ sở thực tiễn cho việc tiến hành phân tích vai trò của HTCT cấp xã trong XDNTM ở thành phố Hà Nội, trên 7 khía cạnh khác nhau. Bao gồm: 1) Vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết và chính sách, pháp luật trong XDNTM; 2) Vai trò tuyên truyền vận động tham gia XDNTM; 3) Vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí XDNTM; 4) Vai trò tổ chức thực hiện XDNTM; 5) Vai trò kiểm tra, giám sát trong XDNTM; 6) Vai trò huy động nguồn lực trong XDNTM; 7) Vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền. Trong mỗi vai trò luôn thể hiện khả năng và tính hiệu quả nhất định trong thực hiện của các thành viên thuộc HTCT cấp cơ sở. Tuy nhiên, có một sự khác nhau đáng kể trong đảm nhận công việc và kết quả thực hiện vai trò trong XDNTM giữa các thành viên thuộc HTCT cấp cơ sở. Ngoài việc phân tích đánh giá trực tiếp kết quả thực hiện vai trò của HTCT cấp xã và từng thành viên trong thực hiện nhiệm vụ XDNTM, NCS còn tiến hành phân tích, đánh giá gián tiếp thông qua kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM so với nhu cầu, sự hài lòng của người dân; quy trình thực hiện, cách thức và mức độ tham gia xây dựng NTM; mức độ chuyển biến về kinh tế-xã ở địa phương hiện nay so với trước khi thực hiện XDNTM. Qua đó, cho thấy có sự khác biệt đáng kể trong thực hiện các vai trò và kết quả thực hiện các vai trò của từng thành viên trong HTCT cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của chương 3 cũng gợi lên sự khác biệt đáng kể trong đánh giá vai trò của HTCT cấp xã và kết quả XDNTM giữa hai nhóm chủ thể quyền lực: cán bộ xã và người dân trong cộng đồng. Đặc biệt, từ kết quả nghiên cứu này đã gợi mở những vấn đề đặt ra và các giải pháp nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong XDNTM trên địa bàn thành phố Hà Nội sẽ được phân tích làm rõ ở chương 4 của Luận án.

Chương 4
MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ
CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.1 MỘT SỐ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP
CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.1.1. Hạn chế liên quan đến chủ trương, chính sách, pháp luật,
quy định về xây dựng nông thôn mới

Những hạn chế đối với vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM từ thực tiễn khảo sát nghiên cứu ở Hà Nội, được nhận diện trên một số khía cạnh như sau:

Thứ nhất, từ thực tiễn nghiên cứu cho thấy chương trình xây dựng NTM ở Hà Nội đang thiếu cơ sở nghiên cứu lý luận. Cơ chế lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án chưa rõ ràng và chưa quan tâm tới đặc thù từng địa phương. Thực tế các địa phương mới chỉ tiến hành ghép vốn đối với các công việc, mục tiêu có cùng nội dung. Tuy nhiên, điều này lại gây khó trong tổng hợp kết quả đạt được của từng dự án, chương trình từ việc ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án trên địa bàn. Cơ chế, chính sách trên một số lĩnh vực chưa phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của các địa phương ở khu vực nông thôn. Tác động của giá cả, các yếu tố thị trường, thiên tai dịch bệnh ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển khu vực nông thôn. Cơ chế, chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn phải cụ thể, phù hợp với thực tế, thực hiện đơn giản, nội dung thiết thực đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân và huy động được nhân dân đóng góp trí tuệ, công sức, tiền bạc xây dựng nông thôn.

Thứ hai, công tác tuyên truyền cho nhân dân, nhất là cư dân nông thôn còn chưa “đáp ứng được yêu cầu”. Do đó chưa phát huy được đầy đủ vai trò chủ thể của người dân. Nhiều nơi vẫn hiểu nội dung của Chương trình xây dựng NTM là “Dự án đầu tư”, từ đó thụ động trông đợi sự hỗ trợ của Chính phủ. Công tác quy hoạch, xây dựng Đề án (Kế hoạch) NTM của xã theo 19

tiêu chí được coi là điều kiện tiên quyết của Chương trình. Tuy nhiên đến nay, công tác này triển khai còn lúng túng và chậm ở không ít xã.

Thứ ba, nguồn lực cần thiết cho xây dựng NTM là rất lớn. Chính phủ đã đưa ra công thức hướng dẫn là vốn đóng góp từ dân khoảng 10%, từ doanh nghiệp 20%, từ tín dụng 30% và từ Ngân sách là 40%. Trong đó, giai đoạn đầu vốn ngân sách đóng vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa tạo đà và tạo niềm tin để huy động các khoản đóng góp khác. Tuy nhiên, vốn ngân sách trung ương hiện còn rất thấp. Nhận thức được vai trò của đầu tư tư nhân là rất quan trọng đối với xây dựng NTM, Chính phủ đã ban hành Nghị định 61/NĐ-CP về chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Nhưng sau 7 năm triển khai thực hiện ở Hà Nội sự biến chuyển không đáng kể. Các doanh nghiệp đều chưa mặn mà, chưa tin tưởng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tại một số xã khảo sát cho thấy, việc đầu tư công trình trong chương trình xây dựng NTM chủ yếu phụ thuộc vào việc đấu giá đất xen kẹt. Một số xã huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư tại chỗ chưa phù hợp với điều kiện kinh tế của nhân dân. Thậm chí lâm vào tình trạng nợ đọng vốn trong XDNTM.

Thứ tư, trong cơ cấu đầu tư xây dựng NTM, đa phần các xã đều lo tập trung vào xây dựng hạ tầng (có nơi chiếm đến 95% tổng nguồn lực), thường ít chú ý đến đầu tư cho sản xuất và văn hóa. Tại một số xã việc ưu tiên ngân sách đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nông dân, đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật cho nông dân chưa thực sự được quan tâm đúng mức... Đó là những trở ngại lớn trong việc thực hiện triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM ở Hà Nội hiện nay.

Thứ năm, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020 tăng thêm 10 chỉ tiêu mới, yêu cầu của từng chỉ tiêu cao hơn so với Bộ tiêu chí cũ. Mặt khác, việc thực hiện Tiêu chí An ninh trật tự xã hội còn gặp khó khăn. Một số tiêu chí như tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ lao động làm nông nghiệp... ở một số địa phương tuy được đánh giá là đạt, nhưng chưa thực chất và không bền vững. Thực tế này cho thấy cần thay đổi phương thức đào tạo nghề cho nông dân, gắn với nhu cầu sử dụng của từng địa phương, nâng cao khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

Thứ sáu, trong quá trình triển khai xây dựng NTM, tính linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tế của địa phương chưa thực sự được đề cao. Lựa chọn, chỉ đạo thực hiện các công việc có trọng tâm, trọng điểm. Công tác đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ và tập huấn về kiến thức xây dựng NTM cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ trực tiếp làm công tác xây dựng NTM ở xã, thôn chưa được quan tâm đúng mức.

4.1.2. Hạn chế liên quan trực tiếp đến hệ thống chính trị cấp cơ sở

Bên cạnh những kết quả đã phân tích ở chương 3, việc phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội cũng còn không ít những hạn chế, bất cập liên quan trực tiếp đến HTCT cấp xã. Cụ thể là:

Thứ nhất, một số đảng bộ xã chưa thật sự phát huy được vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở; chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong HTCT chưa được phân định rõ ràng; tổ chức và hoạt động của một số bộ phận cấu thành HTCT còn mang tính hình thức, hiệu quả đạt được chưa cao. Những hạn chế, yếu kém trong xây dựng NTM xuất phát từ nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan, trong đó có nguyên nhân quan trọng là tổ chức đảng, cấp ủy cơ sở chưa phát huy hết vai trò lãnh đạo của mình. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của không ít xã trong thực hiện xây dựng NTM chưa quyết liệt, chưa thực sự tâm huyết với phong trào XDNTM. Bên cạnh đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu và ra quyết định trong XDNTM ở một số xã chưa sát thực tế, thiếu thường xuyên trong công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc. Thực tế sau hơn 7 năm thực hiện chương trình XDNTM, hiệu quả ở một số xã còn thấp. Bên cạnh đó, cũng còn một số địa phương chưa thực sự vào cuộc ở cả cấp ủy, chính quyền xã, thôn; công tác tuyên truyền, vận động chưa có sự chú trọng, đa dạng về hình thức, nên dù đã thực hiện chương trình này được hơn 7 năm nhưng hiệu quả thấp.

Thứ hai, vai trò trách nhiệm của Trưởng, Phó ban chỉ đạo, Ban quản lý và các thành viên của một số xã thiếu tư duy sáng tạo, ngại khó, không tâm huyết trần trở với phong trào, nên biện pháp tổ chức thực hiện không có hiệu quả, có lúc còn gặp bế tắc trong quá trình triển khai thực hiện. Thể hiện ở chỗ một số xã được phân bổ kinh phí để xây dựng mô hình phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập nhưng không tìm ra mô hình để tổ chức thực hiện, hoặc có

xây dựng mô hình nhưng tính hiệu quả, bền vững không cao... Công tác tổng hợp ở một số địa phương còn hạn chế, trách nhiệm chưa cao nên việc cung cấp số liệu cho công tác tổng hợp báo cáo Thành ủy, UBND Thành phố còn chậm, thiếu chính xác đã gây khó khăn cho công tác chỉ đạo điều hành.

Thứ ba, mục tiêu của xây dựng NTM có nhiệm vụ quan trọng là xây dựng HTCT cấp cơ sở, tuy nhiên thực tế cho thấy chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong HTCT cấp xã ở Hà Nội vẫn chưa được xác định rành mạch, trách nhiệm không rõ ràng; nội dung và phương thức hoạt động chậm đổi mới và chưa đồng bộ, còn nhiều biểu hiện của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Một số nơi sự phối hợp giữa các tổ chức trong HTCT chưa chặt chẽ, hiệu quả hoạt động chưa cao. Một số xã chậm bổ sung, xây dựng quy chế làm việc hoặc thực hiện quy chế chưa nghiêm, nên còn có sự chổng chéo, lẩn tránh giữa sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền; vấn đề hiệu và xác định mối quan hệ công tác giữa Bí thư Đảng uỷ với chủ tịch UBND; giữa UBND với MTTQ và các TCCT-XH có nơi chưa đúng.

Thứ tư, quá trình xây dựng NTM ở Hà Nội cho thấy, bộ máy chính quyền cấp xã đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn thiếu đồng bộ, chuyên môn đào tạo còn thiên lệch về một số ngành, nghề dễ học, dễ thi; năng lực thực tiễn, tính sáng tạo, tính chuyên nghiệp chưa cao, phẩm chất đạo đức công vụ một số cán bộ chưa tốt. Hoạt động của HĐND, kể cả nội dung, phương thức, tạo lập quan hệ phối hợp với UBND. Công tác quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực chưa tốt như: quản lý tài nguyên môi trường, ngân sách, xây dựng cơ bản... Chính quyền xã thực hiện công tác tuyên truyền cho nhân dân nông thôn chưa đầy đủ, toàn diện. Do đó, chưa phát huy được đầy đủ vai trò chủ thể của người dân. Một số người dân vẫn hiểu nội dung của Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM là dự án đầu tư, từ đó ngóng đợi sự hỗ trợ của nhà nước.

Thứ năm, đối với MTTQ và các TC-CTXH cấp xã nghiên cứu cho thấy, tại một số xã hoạt động của MTTQ và các TCCT-XH còn biểu hiện hành chính, ít đổi mới, thiếu sức hấp dẫn, chưa thực sự gắn kết với các chương trình kinh tế - xã hội; một số cơ sở tỷ lệ tập hợp đoàn viên, hội viên chưa cao. Hoạt động của MTTQ và TCCT-XH ở một số địa phương còn chưa thiết thực và chưa phát huy vai trò chủ động, tích cực trong XDNTM.

4.1.3. Hạn chế liên quan đến đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở

Xây dựng NTM là lĩnh vực tổng hợp liên quan đến nhiều chuyên ngành, khối lượng công việc nhiều, cán bộ xã là người trực tiếp phải triển khai, tổ chức, chỉ đạo thực hiện và quản lý Chương trình, trong khi đó trình độ cán bộ xã ở Hà Nội dù đã có nhiều chuyên biến tích cực, tuy nhiên nhìn chung còn hạn chế so với mục tiêu, yêu cầu xây dựng NTM.

Thứ nhất, vẫn có tình trạng một số cán bộ xã còn quan niệm vấn đề xây dựng NTM là của Đảng và Nhà nước cấp trên, chưa nhận thức được đây là nhiệm vụ chủ yếu của địa phương, cơ sở nên còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo, đầu tư kinh phí của cấp trên. Có biểu hiện ở một bộ phận thuộc đội ngũ cán bộ có nhận thức không đúng về chủ thể xây dựng NTM dẫn đến mất phương hướng, chủ quan, đùn đẩy trách nhiệm trong công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; tư tưởng nóng vội, duy ý chí, đốt cháy giai đoạn nhằm đạt được những tiêu chí mà quên đi mục tiêu chính yếu của xây dựng NTM, trong đó có nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân nông thôn trên cơ sở dân chủ, công khai minh bạch. Tính tiên phong, gương mẫu, ý thức, trách nhiệm phục vụ của một bộ phận cán bộ cấp xã trong xây dựng NTM chưa cao. Qua khảo sát, một số cán bộ chủ chốt cấp xã còn chưa nắm được đầy đủ nội dung, phương pháp, cách làm trong xây dựng NTM. Một số cán bộ chuyên trách chưa được tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ chỉ đạo, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình. Tình trạng hạn chế trong nhận thức về chức năng, mục tiêu và các nhiệm vụ cụ thể của đội ngũ cán bộ xã liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành XDNTM là một thực tế hiện hữu. Kiến thức về XDNTM của một bộ phận cán bộ xã còn hạn chế, nhất là kiến thức và phương pháp lập kế hoạch và tổ chức xây dựng NTM trên địa bàn xã. Đây là trở ngại lớn nhất cho việc phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong XD NTM ở thành phố Hà Nội.

Thứ hai, bên cạnh những kết quả đã đạt được công tác đào tạo tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM xã, thôn, cụm dân cư còn có biểu hiện chưa nghiêm túc ở một số học viên tham gia. Tuy đội ngũ cán bộ thuộc HTCT cấp xã của thành phố Hà Nội đã được tập huấn, đào tạo, đi tham quan

thực tế các địa phương có hiệu quả nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, năng lực, trách nhiệm của cán bộ xã còn không ít bất cập. Do đó, khi thực hiện xây dựng mô hình tại địa phương, không ít người đứng ngoài cuộc, chưa thực sự cho rằng họ là những người đóng vai trò quan trọng, quyết định sự thành bại của mô hình phát triển NTM.

Thứ ba, do đội ngũ cán bộ xã ở Hà Nội chủ yếu xuất thân từ nông dân, lớn lên và trưởng thành trong môi trường nông thôn, nên năng lực và trình độ còn nhiều hạn chế. Mặc dù công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã trong thời gian qua đã được quan tâm, kết quả là tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị ngày càng cao. Tuy nhiên hiện nay, do chưa thấy hết được tính phức tạp, sự đa dạng trong hoạt động của đội ngũ cán bộ cấp xã nên công tác đào tạo cho họ, nhất là đào tạo kỹ năng thực hành có tính nghề nghiệp chưa được chú ý đúng mức, thậm chí có phần xem nhẹ. Một số cán bộ cấp xã do chuyển từ cơ chế cũ, được hình thành từ nhiều nguồn nên cơ cấu chưa đồng bộ, trình độ, phẩm chất, năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Một số cán bộ xã mặc dù đã qua đào tạo, bồi dưỡng nhưng do đầu vào không bảo đảm và chủ yếu là bồi dưỡng ngắn hạn cho nên chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng không cao. Một số nơi vẫn còn tình trạng cán bộ đi học theo kiểu chạy bằng cấp, để đủ tiêu chuẩn theo quy định; nhiều cán bộ dù đã đạt chuẩn nhưng chưa được đào tạo, bồi dưỡng có hệ thống...

Thứ tư, năng lực quản lý của cán bộ cấp cơ sở là cơ sở quan trọng để cán bộ lãnh đạo xã xây dựng kế hoạch, chỉ đạo hoạt động thực hiện các nội dung trong chương trình XDNTM. Khảo sát cho thấy, còn không ít cán bộ xã có năng lực quản lý các mặt còn hạn chế, đặc biệt là năng lực, kỹ năng hành chính (thể hiện qua việc ban hành, tham mưu ban hành văn bản, xử lý tình huống hành chính, thực thi công vụ...); một số làm việc thụ động, cầm chừng, trách nhiệm không cao, không nắm rõ tình hình địa phương, tình hình công việc; một số ít có biểu hiện thiếu trách nhiệm, chưa thật sự quan tâm đến cơ sở và kể cả công chức chuyên môn cấp xã theo ngành, lĩnh vực phụ trách. Ba hạn chế lớn nhất của đội ngũ cán bộ là cấp xã trong thực hiện vai trò XDNTM là: (1) thiếu kinh nghiệm thực tiễn (kỹ năng), (2) chuyên môn nghiệp vụ quản lý, tham mưu (kiến thức- kỹ năng) và (3) thái độ giao tiếp ứng xử.

4.1.4. Hạn chế liên quan đến hệ thống chính trị cấp trên

Năng lực chỉ đạo, lãnh đạo và kết quả là hoạt động của HTCT cấp trên đóng một vai trò quan trọng đối với vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội hiện nay. Trong quá trình xây dựng NTM, chủ thể lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện là các cấp ủy đảng, bộ máy chính quyền, cụ thể là các Ban Chỉ đạo xây dựng NTM các cấp. Nhà nước và HTCT đóng vai trò quan trọng trong chế định các chính sách liên quan, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Từ thực tiễn khảo sát ở Hà Nội cho thấy, vẫn còn tình trạng một bộ phận cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu cấp ủy và chính quyền chưa tập trung chỉ đạo chương trình NTM là giải pháp quan trọng, có tính chiến lược trong việc thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; chưa xem xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương trong giai đoạn hiện nay. Đây chính là nguyên nhân (và cũng là hệ quả) gây nên sự “đóng thay vai” của Nhà nước nói chung, chính quyền địa phương nói riêng trong thực thi xây dựng NTM; công tác vận động, tuyên truyền để người dân hiểu về vai trò, vị thế, quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong xây dựng NTM chưa thật sự tốt; các lực lượng chính trị - xã hội khác (tổ chức chính trị - xã hội, các hợp tác xã, doanh nhân, các tổ chức tình nguyện...) chưa tham gia nhiệt tình và trở thành hợp lực trong xây dựng NTM.

Sự thống nhất trong nhận thức và hành động của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc HTCT cấp trên về Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM chưa đáp ứng được yêu cầu. Để thực hiện các mục tiêu và triển khai các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM, vấn đề tiên quyết là sự thống nhất trong nhận thức về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; nội hàm và các mục tiêu, phương pháp, phương thức tiến hành Chương trình trong toàn bộ HTCT cũng như cán bộ các cấp liên quan đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình. Bởi có nhận thức đúng mới có sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời, khoa học, phù hợp với điều kiện của địa phương. Có như vậy Chương trình xây dựng NTM mới đạt được những thành quả đích thực, đúng mục tiêu đã đặt ra. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong thời gian qua, ở nhiều địa phương, do nhận thức không

đúng về Chương trình mà đã có những chỉ đạo, triển khai thực hiện nóng vội, chủ quan, duy ý chí, không hợp lòng dân, gây nên những phản ứng tiêu cực, xáo trộn trong đời sống, thậm chí tạo nên những mâu thuẫn, bất đồng, chia rẽ trong cộng đồng dân cư và giữa người dân với chính quyền [41]. Thực tiễn khảo sát cho thấy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo có nơi thiếu kiên quyết, chưa đồng bộ, xác định không rõ những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm. Công tác chỉ đạo còn nặng về hành chính, ít sâu sát cơ sở, việc phối hợp chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên. Việc xây dựng mô hình, điển hình, công tác sơ kết, tổng kết các chủ trương, nghị quyết của Đảng về XDNTM có nơi chưa thực sự được chú trọng.

4.1.5. Hạn chế liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng và kỷ luật trong quá trình xây dựng nông thôn mới

Khảo sát tại những xã có nhiều thành tích trong xây dựng NTM đều cho thấy có một bài học kinh nghiệm quan trọng liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng và kỷ luật về xây dựng NTM ở Hà Nội là thông qua các hoạt động này đã làm rõ trách nhiệm của bí thư cấp ủy (với vai trò trưởng Ban chỉ đạo) và từng cấp ủy viên (thành viên Ban chỉ đạo) trong định hướng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM ở cấp mình. Đồng thời, trong thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát, khen thưởng và kỷ luật là công khai rộng rãi những tồn tại, hạn chế, những sai phạm trong giao ban định kỳ để các đơn vị, địa phương rút kinh nghiệm, tránh mắc phải. Mặt khác, nghiêm túc phê bình những cá nhân, đơn vị không làm, hoặc làm không đúng định hướng, làm chậm tiến độ và ảnh hưởng đến phong trào chung mà không có lý do chính đáng. Thông qua các hoạt động này đã kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, uốn nắn lệch lạc; đồng thời nắm bắt những mô hình mới, cách làm hay để động viên, khuyến khích, hỗ trợ thực hiện, làm căn cứ đúc rút kinh nghiệm rồi giới thiệu, phổ biến nhân rộng.

Bên cạnh các biểu hiện tích cực của hoạt động kiểm tra, giám sát, khen thưởng và kỷ luật những vấn đề liên quan đến quá trình xây dựng NTM, thì hoạt động này cũng chưa thực sự được quan tâm thực hiện một cách thích đáng và thực chất ở không ít địa phương, nhất là đối với những hiện tượng vi phạm trong quá trình xây dựng NTM. Số liệu khảo sát của luận án cho thấy,

có 67,19 % ý kiến của cán bộ trong HTCT trả lời là địa phương chưa tiến hành khen thưởng hoặc kỷ luật kịp thời, thỏa đáng đối với cán bộ có nhiều thành tích hoặc vi phạm khuyết điểm trong xây dựng NTM. Chỉ có 12,81% ý kiến cho rằng ở địa phương thực hiện công tác khen, thưởng kỷ luật kịp thời đối với các hoạt động xây dựng NTM. Tương tự như vậy, có 7,5% ý kiến cho rằng: không biết có hoạt động này trong xây dựng NTM.

Trong số ý kiến cho rằng, địa phương đã tiến hành khen thưởng, kịp thời đối với cán bộ và tổ chức có nhiều thành tích trong xây dựng NTM, chỉ có 47,81% ý kiến khẳng định: khen thưởng xứng đáng. Tương tự như vậy, có 38,13% cho rằng khen thưởng chưa xứng đáng; 14,06% cho rằng, địa phương chưa tiến hành khen thưởng; 3,75% ý kiến khẳng định: không rõ vấn đề. Bên cạnh đó, có 20% ý kiến khẳng định: cá nhân cán bộ và tổ chức có nhiều vi phạm, khuyết điểm trong xây dựng NTM chưa được xử lý; chỉ có 13,13% ý kiến cho rằng: kỷ luật thỏa đáng. Đặc biệt có tới 31,88% ý kiến cho rằng: có kỷ luật nhưng nhẹ hơn so với quy định; 7,81% ý kiến trả lời: không rõ. Đây chính là những bằng chứng cho thấy bất cập liên quan đến công tác giám sát, kiểm tra, khen thưởng và kỷ luật trong quá trình xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội hiện nay.

4.1.6. Hạn chế liên quan đến cộng đồng dân cư; tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn

Mặc dù là nơi có trình độ phát triển kinh tế-xã hội hàng đầu cả nước, có nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM; tuy nhiên, tại khu vực nông thôn của thành phố vẫn đang xảy ra tình trạng phát triển và điều kiện để phát triển giữa các xã, huyện. Chẳng hạn, đối với các huyện như Đan Phượng, Đông Anh là những địa phương có trình độ và điều kiện phát triển về kinh tế xã hội tương đối cao, thì các huyện như: Ba Vì, Mỹ Đức, Phúc Thọ lại đang gặp nhiều khó khăn hơn. Chính điều này dẫn đến xu hướng tác động đa chiều, phức tạp khi xét đến các yếu tố: cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế-văn hóa-xã hội tác động đến vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM là rất khác nhau.

Thực tế khảo sát tại các xã ở Hà Nội cho thấy, những điều kiện về tự nhiên, kinh tế-xã hội của địa phương có ảnh hưởng quyết định đến mục tiêu,

kết quả và chất lượng quy hoạch và chuyên đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp (xây dựng vùng trồng trọt, chăn nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề nông thôn); đến việc huy động các nguồn lực trong xây dựng NTM (đóng góp tiền, sức lao động, xây dựng điện, đường, trường, trạm, giao thông, thủy lợi nội đồng); đến việc giải quyết các điểm nóng nảy sinh bởi những bất cập trong quản lý, sử dụng đất; cũng như đảm bảo sự phát triển hài hòa, bền vững giữa phát triển kinh tế gắn với xây dựng đời sống văn hóa mới; giữa phát triển công nghiệp dịch vụ gắn với bảo tồn, giữ gìn nét đẹp truyền thống văn hóa của mỗi làng, xã... Đây chính là những thách thức đối với vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở Hà Nội từ phương diện các điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của địa phương so với mục tiêu, yêu cầu của quá trình xây dựng NTM.

Bên cạnh đó, do địa bàn nông thôn Thủ đô Hà Nội khá rộng, số đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực nông thôn lớn, với cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn và chưa đồng bộ, đòi hỏi nguồn lực đầu tư rất lớn. Nhìn chung mặt bằng trình độ dân trí của nhân dân ở các xã của thành phố Hà Nội đã được nâng cao, tính chất quản lý ở các xã ngày càng phức tạp. Sự phát triển của các địa phương không đồng đều, trình độ dân trí, thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực nông thôn còn chênh lệch lớn so với khu vực nội thành. Một số cộng đồng dân cư thiếu năng động, còn tâm lý ỷ lại, trông chờ nguồn ngân sách cấp trên, cho nên không chỉ các tiêu chí về hạ tầng nông nghiệp, nông thôn không đạt mà các tiêu chí khác cũng khó thực hiện. Ngoài ra, khảo sát cho thấy vai trò của các hộ gia đình và tổ chức kinh tế trong xây dựng thương hiệu và tìm thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản hàng hóa chưa được quan tâm đúng mức, do đó chưa có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp thật sự điển hình để nhân rộng... Đây chính là những rào cản và thách thức đối với HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội hiện nay.

Không những vậy, do diện tích đất nông nghiệp thu hẹp nhanh nên khó khăn cho việc hiện đại hóa và xây dựng nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Hệ thống các công trình thủy lợi, đê điều xuống cấp và bị chia cắt do quá trình đô thị hóa, làm giảm năng lực phục vụ một số hệ thống công trình

đã có. Một số chủ đất không hợp tác kê khai, một số người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có mặt tại địa phương và một số chủ đất đã chết, trong gia đình chưa thỏa thuận được di sản thừa kế, tranh chấp, khiếu kiện, chuyển nhượng không có giấy tờ là nguyên nhân chưa cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp. Trong khi đó, đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật nông thôn ở một số địa phương còn dãn trải, chưa nhận được sự tham gia ở mức độ cần thiết của các doanh nghiệp. Sự phối hợp nội bộ giữa các sở, ngành và giữa sở, ngành với các địa phương trên địa bàn Hà Nội trong một số lĩnh vực thiếu chặt chẽ, đồng bộ... Đây chính là bằng chứng cho thấy cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế-văn hóa-xã hội đang có những tác động không tích cực đến vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, do thực tiễn phong phú đa dạng và thường xuyên biến động khó lường của thực tiễn trên địa bàn thủ đô Hà Nội dẫn đến công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, phương châm, cách làm trong xây dựng NTM tuy đã được cải tiến nhưng hiệu quả chưa cao, hình thức chưa phong phú, một số nơi chưa phát huy được nội lực của địa phương. Công tác dự báo còn hạn chế, chưa lường hết được diễn biến phức tạp của tình hình và những khó khăn, thách thức nên xây dựng một số nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp chưa phù hợp. Đây thực sự là một vấn đề đặt ra đối với việc phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong XDNTM ở thành phố Hà Nội.

4.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.2.1. Đổi mới, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị cấp trên trong xây dựng nông thôn mới

Một là, một trong những bài học được rút ra là công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện xây dựng NTM phải có sự thống nhất và quyết tâm chính trị cao từ trung ương đến cơ sở; đảm bảo vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng. Do vậy, Hà Nội cần quán triệt vấn đề đổi mới, phát huy và nâng cao vai trò của HTCT cấp trên cơ sở có mối quan hệ trực tiếp đến việc thực hiện thành công Chương trình Mục tiêu quốc gia XDNTM trên địa bàn. Có thể

nói đây là nền tảng để đảm bảo sự ổn định, phát triển bền vững của XDNTM ở Hà Nội.

Hai là, HTCT cấp huyện, thành phố ở Hà Nội cần thường xuyên giao ban với cơ sở để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình xây dựng NTM. Giải quyết linh hoạt và đúng nguyên tắc các kiến nghị của địa phương; phân công rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị. Cấp ủy, chính quyền các cấp cần tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, đồng thời chú trọng xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay trong phát triển sản xuất, huy động nguồn lực XDNTM. Các cấp ủy đảng cấp trên cơ sở ở Hà Nội cần nắm rõ đặc thù địa phương để cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong việc tổ chức thực hiện thí điểm cần có sự linh hoạt, sáng tạo, tự thiết kế các mô hình thí điểm phù hợp điều kiện địa phương. Cấp ủy đảng cấp trên trực tiếp phân công các tổ chức, cấp ủy viên theo dõi, chỉ đạo các xã.

Ba là, HTCT cấp trên cơ sở ở Hà Nội cần quán triệt, tuyên truyền, vận động sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành và nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, cơ chế, chính sách của Nhà nước trong thực hiện XDNTM. Làm cho dân hiểu, dân tin, dân hưởng ứng bằng sự tham gia bàn bạc, hiến kế, đóng góp công, của và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình là yếu tố quyết định sự thành công trong XDNTM.

4.2.2. Kiện toàn, đổi mới và phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, nhất là quán triệt Nghị quyết của tổ chức cơ sở đảng trong xây dựng nông thôn mới

Khảo sát cho thấy tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn thành phố Hà Nội nhìn chung đã đóng tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM, đặc biệt là vai trò quán triệt nghị quyết, chính sách pháp luật về XDNTM của cấp trên. Song để tổ chức đảng ở khu vực nông thôn Hà Nội thực sự phát huy được vai trò đi đầu trong XDNTM cần phải tiếp tục tập trung củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và chi bộ nông thôn trong sạch, vững mạnh về tư tưởng, năng lực tổ chức, điều hành lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM. Đây chính là một

giải pháp quan trọng để phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội. Trong phiếu khảo sát, có tới 59.69 % ý kiến bày tỏ “rất đồng ý” 34.38 % ý kiến bày tỏ “đồng ý” thực hiện giải pháp về: *Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với HTCT cấp xã trong xây dựng NTM*. Cụ thể là:

Một là, cấp ủy đảng có vai trò cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả tại địa phương. Do vậy, Hà Nội cần tiếp tục thực hiện đổi mới, chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của đảng bộ cơ sở, nhất là cơ sở đảng ở xã theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX), Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) bảo đảm cho cơ sở đảng đủ sức đóng vai trò hạt nhân chính trị của HTCT ở cơ sở xã. Đồng thời, với kiện toàn tổ chức, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ cần làm tốt công tác giáo dục chính trị, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo toàn diện các mặt trong XDNTM. Cấp ủy đảng ở các xã cần tập trung chỉ đạo tốt việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu rõ các quan điểm, nhiệm vụ về đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT cấp xã và chương trình xây dựng NTM; từ đó xây dựng chương trình hành động, xây dựng kế hoạch, đề án cụ thể sát với thực tế, có tính khả thi. Quan tâm rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc và các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện nghị quyết, bảo đảm sát thực, đồng thời tập trung cao trong chỉ đạo thực hiện nhằm đưa các nội dung, yêu cầu của nghị quyết, chỉ thị của Đảng về XDNTM thực sự đi vào cuộc sống.

Hai là, Hà Nội cần tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đảng thực sự là hạt nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng NTM. Tiến hành rà soát, bổ sung quy chế làm việc của các cấp ủy nhiệm kỳ 2015-2020. Đổi mới phương thức hoạt động theo hướng sâu sát, cụ thể, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, làm việc trên cơ sở chương trình, kế hoạch, phân công rõ trách nhiệm với từng đồng chí cấp ủy. Xây dựng các nghị quyết theo hướng ngắn, gọn, thiết thực, dễ hiểu và được thể chế hóa thành kế hoạch, chương trình

hành động có tính thực tiễn và khả thi cao. Từng cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo trong ổn định và phát triển sản xuất, giữ vững kỷ cương, bảo đảm an ninh chính trị, nâng cao thu nhập của người dân [119].

Ba là, xác định việc nâng cao năng lực định hướng của tổ chức cơ sở đảng là một nhiệm vụ căn bản trong việc xây dựng và thực hiện chương trình NTM trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bởi vì, XDNTM không chỉ ở việc thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội ở nông thôn mà còn là cơ hội để kiện toàn bộ máy quản lý cơ sở, trong đó có các tổ chức cơ sở đảng. Để kinh tế-xã hội nông thôn phát triển, mấu chốt là phải có sự lãnh đạo hiệu quả, nhất quán, quyết liệt, triệt để của các cấp ủy đảng với những cách làm sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở. Cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở ở nông thôn Hà Nội cần chọn ra cho mình một hướng đi, cách tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương mình. Không làm ồ ạt, không nên cố làm cho đủ các tiêu chí, không nên chạy theo phong trào, cố ép phải đạt cho đủ các tiêu chí, càng không nên coi NTM là một danh hiệu.

Bốn là, thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức sinh hoạt chi bộ theo hướng thiết thực, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn mới ở nông thôn Hà Nội. Trong sinh hoạt chi bộ, nội dung xây dựng NTM phải được xác định là một trong những vấn đề trọng yếu của công tác lãnh đạo, coi đó là một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng trong tình hình mới. Chi bộ, đảng bộ cơ sở cần xây dựng nghị quyết chuyên đề về xây dựng NTM, chương trình hoạt động cụ thể để thực hiện các tiêu chí của Bộ tiêu chí xây dựng NTM đề ra; Đổi mới việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết, qua đó chỉ đạo chính quyền, các đoàn thể và các chi bộ, đảng bộ trực thuộc thực hiện tốt chương trình xây dựng NTM; về vai trò lãnh đạo phát huy sức mạnh của cả HTCT và toàn dân trong xây dựng NTM [119].

Năm là, cấp ủy đảng cơ sở ở nông thôn thành phố Hà Nội, trực tiếp là chi bộ ở nông thôn phải thường xuyên phân công, giao nhiệm vụ cho từng cán bộ, đảng viên làm công tác dân vận, phụ trách từng nhóm gia đình nông thôn. Phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên nông thôn trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nông dân trên địa bàn trong quá trình xây dựng NTM. Bên cạnh đó, cán bộ, đảng viên nông thôn cần động viên nông dân tham gia xây

dụng Đảng, chính quyền và đoàn thể thông qua đóng góp ý kiến xây dựng tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi để nông dân giám sát đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, chính quyền [3].

Sáu là, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 2-6-2010 của Thành ủy Hà Nội về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Thông qua đó, thực hiện đúng đắn, sáng tạo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Cần coi trọng công khai những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến đời sống của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở; các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương; quy hoạch đất đai và quản lý đất đai; các khoản thu, chi từ ngân sách và các nguồn thu khác. Để nhân dân có thể tham gia giám sát các hoạt động của chính quyền phải thực hiện công khai nội quy, quy chế làm việc của cơ quan chính quyền; thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính; về phân công, công việc và chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức; về tuyển dụng và bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức; chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm... Đồng thời, thực hiện có hiệu quả và thực chất việc lấy phiếu tín nhiệm các chức vụ chủ chốt của HĐND, UBND xã, phường, thị trấn và việc giám sát của nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên tại nơi cư trú.

4.2.3. Nâng cao năng lực và phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cấp cơ sở trong lập kế hoạch chỉ tiêu và tổ chức xây dựng nông thôn mới

Kết quả khảo sát cho thấy, chính quyền xã (HĐND, UBND) đã đóng vai trò khá tích cực và toàn diện trong XDNTM. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chính quyền xã ở nhiều nơi trên địa bàn thành phố Hà Nội chưa thực sự đóng vai trò nòng cốt trong XDNTM, nhất là vai trò: xây dựng chỉ tiêu, tổ chức thực hiện, huy động nguồn lực, đề xuất kiến nghị. Trong phiếu khảo sát, có tới 55.63 % ý kiến bày tỏ “rất đồng ý” 36.63 % ý kiến bày tỏ “đồng ý” thực hiện giải pháp về: *Tăng cường năng lực và trách nhiệm của chính quyền xã trong xây dựng NTM*. Do vậy, cần tiếp tục thực hiện tốt những vấn đề sau đây.

Một là, để phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM, cần đảm bảo cho chính quyền cấp xã ở thành phố Hà Nội tính hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý, điều hành. Cần có sự phân công rành mạch các chức năng giữa chủ tịch, phó chủ tịch, các ủy viên thường trực của UBND; chuyên môn hóa các chức danh chuyên môn của UBND. HĐND và UBND cấp xã phải xây dựng được quy chế làm việc cụ thể dựa trên quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương; nâng cao trách nhiệm và năng lực của người đứng đầu, đổi mới phong cách, lề lối làm việc, bảo đảm dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân. Thường xuyên hướng dẫn UBND các xã rà soát để bổ sung, điều chỉnh đề án xây dựng NTM bảo đảm phù hợp với quy hoạch xã NTM và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng NTM.

Hai là, nâng cao chất lượng các kỳ họp, đổi mới phương thức tiếp xúc cử tri và trực tiếp đối thoại với nhân dân của HĐND xã; tăng cường công tác giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, trong đó có những vấn đề liên quan đến XDNTM. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân, trong đó có liên quan đến XDNTM phải được coi là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của chính quyền xã. Muốn vậy, cần tuân thủ thật nghiêm túc những quy định của pháp luật về chế độ tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Đồng thời chính quyền cần phối hợp chặt chẽ, đề cao trách nhiệm của MTTQ, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, tổ chức tự quản của nhân dân, đẩy mạnh hoạt động hòa giải ở cơ sở. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để HĐND thực hiện đầy đủ quyền lực, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Chính quyền cấp xã ở Hà Nội cần xây dựng cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của nông dân, nhất là Hội Nông dân trực tiếp thực hiện có hiệu quả một số chương trình, dự án phục vụ XDNTM.

Ba là, đổi mới phương thức hoạt động của chính quyền cấp xã trên địa bàn Hà Nội phải hướng đến mục đích nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý, điều hành, trong đó có điều hành XDNTM. Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND với tư cách là cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, nhất là trong việc thảo

luyện, quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương và giám sát việc tổ chức thực hiện XDNTM, nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành theo pháp luật của UBND xã.

Bốn là, ở phạm vi vĩ mô cần xác định lại vai trò, vị trí của chính quyền cấp xã trong xây dựng NTM để xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước. Theo đó cần sửa đổi các quy định về phân cấp nguồn thu ngân sách cho cấp xã trên cơ sở phân cấp nhiệm vụ chi tại Luật Ngân sách Nhà nước theo hướng tăng thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong phân cấp nguồn thu. Khi các xã có quyền tự chủ về nguồn thu thì mới có thể chủ động quyết định cung cấp loại dịch vụ theo nhu cầu cho người dân, chủ động và chịu trách nhiệm trong thực hiện vay, trả nợ cho đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu.

4.2.4. Nâng cao năng lực, phát huy vai trò tập hợp lực lượng, tuyên truyền và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị-xã hội cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới

Yếu tố quan trọng góp phần tạo nên thành công của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội là gắn xây dựng NTM với thực hiện dân chủ ở cơ sở, với phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi. Tức là phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các TCCT-XH ở cấp xã. Kết quả khảo sát cho thấy, Mặt trận Tổ quốc và các TCCT-XH cấp xã trong thực hiện các vai trò của mình trong XDNTM còn nhiều bất cập. Trong phiếu khảo sát, có tới 47,81% ý kiến “rất đồng ý” và 42,19% ý kiến “đồng ý” việc nhấn mạnh: *Phát huy năng lực, sở trường của MTTQ và các tổ chức chính trị- xã hội*. Do vậy, để phát huy vai trò quan trọng của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM trên địa bàn thành phố Hà Nội, MTTQ và các TCCT-XH ở cơ sở cần quan tâm thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

Một là, cần tiếp tục việc xác định rõ nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các TCCT-XH cấp xã ở thành phố Hà Nội trên cơ sở bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích, hướng về xã, tập trung cho xã, bảo vệ thiết thực quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, đoàn viên, nhằm nâng

cao chất lượng công tác vận động quần chúng; khắc phục tình trạng “hành chính hóa” công tác đoàn thể; dần thực hiện chế độ tự quản trong cộng đồng; tăng cường chức năng phản biện xã hội, tham gia quản lý của MTTQ và các TCCT-XH đối với bộ máy chính quyền trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội tại cơ sở.

Hai là, cần đề cao vị trí, vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã ở thành phố Hà Nội trong việc bảo vệ và thực thi quyền lợi của nông dân; tuyên truyền, vận động nông dân tham gia xây dựng NTM, xây dựng kinh tế tập thể. Bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích, hướng về xã, tập trung cho xã, bảo vệ thiết thực quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, đoàn viên, nhằm nâng cao chất lượng công tác vận động quần chúng; khắc phục tình trạng “hành chính hoá” công tác đoàn thể; dần thực hiện chế độ tự quản trong cộng đồng.

Ba là, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và tăng cường tính phản biện, giám sát của MTTQ và các TCCT-XH theo hướng gần dân, thiết thực, phản ánh đầy đủ kịp thời nguyện vọng chính đáng của nhân dân đến cấp ủy đảng và chính quyền để giải quyết, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh. Đẩy mạnh các hoạt động giám sát, nhất là giám sát thực hiện dân chủ cơ sở, giám sát đầu tư cộng đồng, giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở khu dân cư, theo pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở và giám sát các hoạt động XDNTM.

Bốn là, MTTQ và các TCCT-XH cấp cơ sở ở nông thôn thành phố Hà Nội cần phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình; tạo được sự đồng thuận trong nhân dân và huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân cùng tham gia để XDNTM. Phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, đảm bảo nhân dân vừa là người thực hiện, vừa là người được thụ hưởng những thành quả của chương trình quốc gia XD NTM. Cần đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động; phát huy hiệu quả quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, thực hiện tốt việc *nghe dân nói, nói dân nghe* để người dân hiểu chương trình XDNTM nhằm mục đích phát triển nông thôn toàn diện, bền vững.

Năm là, MTTQ và các TCCT-XH cấp cơ sở ở nông thôn thành phố Hà Nội phải đóng vai trò tiên phong, gương mẫu đi đầu tham gia các hoạt động nói chung, đóng góp tiền công, ngày công... nói riêng trong các hoạt động xây dựng NTM. Tích cực tạo dựng và tham gia thường xuyên vào các phong trào thi đua thực hiện chương trình quốc gia xây dựng NTM ở địa phương. Chẳng hạn, đối với Đoàn thanh niên xã cần phát huy vai trò xung kích của mình, tích cực đăng ký các công trình, phần việc cụ thể và phù hợp để chủ động tham gia có hiệu quả trong xây dựng NTM. Tập trung vào các hoạt động hỗ trợ thanh niên nông thôn xây dựng thành công nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi do thanh niên làm chủ. Trong khi đó, đối với Hội Phụ nữ ở các xã cần tập trung hỗ trợ cán bộ, hội viên phát triển kinh tế, giảm nghèo, làm giàu chính đáng và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Sáu là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng NTM ở các nội dung: 1) Chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về lĩnh vực xây dựng NTM; 2) Điển hình tiên tiến, những mô hình hay, tạo ra sức lan tỏa và phong trào thi đua trong xây dựng NTM; 3) Đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả, thiết thực tránh phô trương hình thức, lãng phí và tốn kém; 4) Xác định nhiệm vụ tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của mỗi cấp, mỗi ngành và của cơ quan đơn vị; 5) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể cho phù hợp với từng nhiệm vụ và từng giai đoạn.

Bảy là, xây dựng Hội Nông dân xã vững mạnh về chính trị tư tưởng, tổ chức và thống nhất về hành động, thực sự là “Trung tâm và nòng cốt trong phong trào nông dân và công cuộc xây dựng NTM”. Trong phiếu khảo sát, có tới 51,94% ý kiến bày tỏ “rất đồng ý” 46,13% ý kiến bày tỏ “đồng ý” thực hiện giải pháp về: *Đổi mới, phát huy vai trò chủ thể của Hội Nông dân trong xây dựng NTM*. Hội Nông dân xã cần phát huy vai trò là TCCT-XH có thể nắm bắt được xu hướng diễn biến về tâm tư, nguyện vọng, về sự di động, về biến đổi cơ cấu trong nông dân tại mỗi địa phương trong bối cảnh XDNTM. Do đó, Hội Nông dân xã phải thường xuyên tập hợp ý kiến, nguyện vọng của nông dân, những đòi hỏi bức xúc của cơ sở; thực sự chăm

lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, nông dân, đồng thời tạo điều kiện cho họ được học tập, lao động, nâng cao trình độ về mọi mặt, thi đua XDNTM.

4.2.5. Đổi mới phương thức hoạt động, mối quan hệ giữa các thành viên góp phần phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới

Tiêu chí xây dựng HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, bởi đây là nhiệm vụ tất yếu của mỗi xã và cũng là tiền đề để tổ chức thực hiện các tiêu chí khác. Thực tiễn khảo sát ở Hà Nội cho thấy, thành ủy, huyện ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chi bộ, các tổ chức trong HTCT cấp xã đổi mới nội dung, phương pháp lãnh đạo gắn với phát huy tinh thần nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ chủ chốt trong thực hiện phong trào xây dựng NTM. Nhờ đó, đã phát huy được vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM đã phát huy tác dụng, có vai trò quyết định đến thành công của phong trào xây dựng NTM. Tuy nhiên, so với mục tiêu yêu cầu vai trò của của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM vẫn còn không ít bất cập. Trong phiếu khảo sát, có tới 49,06% ý kiến “rất đồng ý” và 41,56% ý kiến “đồng ý” việc nhấn mạnh: *phân công trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên HTCT cấp xã trong xây dựng NTM*. Để phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở Hà Nội, cần tiếp tục thực hiện tốt những vấn đề sau đây:

Hai là, Cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền cơ sở cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo MTTQ và TCCT-XH ở cơ sở vững mạnh. Một mặt phải quan tâm kiện toàn tổ chức, cán bộ. Xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ đi đôi với xây dựng cơ chế phối hợp giữa các thành viên trong HTCT ở cơ sở. Mặt khác, thường xuyên lãnh đạo việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đổi mới cách tập hợp, vận động nhân dân để tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT ở cơ sở [20].

Ba là, bên cạnh việc đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức trong HTCT cơ sở, cần đổi mới mối quan hệ giữa các tổ chức thành viên trong HTCT ở cấp xã. Đây là một giải pháp quan trọng nhằm phát huy vai trò của HTCT này trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM trên địa bàn Hà

Nội. Trong đó, cần đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ giữa cấp ủy Đảng và chính quyền cấp xã. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng cơ sở, phải đảm bảo tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể cấp xã; chính quyền xã hỗ trợ, tạo điều kiện cho Mặt trận và các TCCT-XH hoạt động có hiệu quả. Đồng thời, có những cơ chế phương pháp phù hợp để phát huy sức mạnh tổng hợp của MTTQ, các TCCT-XH, các tầng lớp nhân dân cùng chung sức xây dựng NTM. Bên cạnh đó, cần phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, thành viên cụ thể, rõ ràng, không để né tránh và thường xuyên đúc rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu.

4.2.6. Nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới

Sự thành bại của XDNTM suy đến cùng là phụ thuộc vào nhân tố con người, vào sự sự tham gia của người dân ở khu vực nông thôn, trong đó không thể thiếu được vai trò gương mẫu về năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp xã. Việc nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của cán bộ cấp xã trong xây dựng NTM thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu và tầm quan trọng của đội ngũ này trong thực hiện xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội. Có thể khẳng định đây là giải pháp quan trọng và cốt lõi nhất để phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở Hà Nội. Trong phiếu khảo sát có tới 55,31% ý kiến “rất đồng ý” và 36,5% ”đồng ý” với giải pháp: *Đổi mới và hoàn thiện chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ cấp cơ sở*. Để phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM, việc nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của đội ngũ này cần phải được tiếp tục đẩy mạnh theo các hướng sau:

Một là, Hà Nội cần coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã theo hướng chuyên nghiệp, chính quy, vừa có năng lực chuyên môn thành thạo, vừa được nâng cao đạo đức công vụ và trách nhiệm phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở. Hằng năm phải tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ đảng viên và cán bộ, công chức cơ sở để có căn cứ làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng đúng

cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nông thôn phải thật sự tiên phong, gương mẫu về mọi mặt trong xây dựng NTM để người dân noi theo. Hà Nội cần đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM. Đây cũng là khâu trọng yếu để nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng khu vực nông thôn [119].

Hai là, đổi mới và hoàn thiện chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ cấp xã, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác xây dựng NTM. Muốn xây dựng được NTM cần phải có đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Do vậy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở có ý nghĩa rất quan trọng trong việc góp phần đảm bảo chất lượng và đẩy nhanh tiến độ XDNTM trên địa bàn các xã. Đặc biệt, cần tăng cường chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên sâu về kỹ thuật nông nghiệp ở cơ sở đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Ba là, tiếp tục đổi mới và phát huy vai trò của các cơ sở đào tạo cán bộ cấp xã ở Hà Nội như Trung tâm chính trị huyện, Trường Cán bộ Lê Hồng Phong. Cần đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã, theo hướng đa diện, coi trọng kỹ năng thực hành. Đồng thời, nghiên cứu đổi mới tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức cơ sở hướng mạnh vào kỹ năng thực hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý đối với các quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn. Trong giai đoạn hiện nay, cần gắn việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã với xây dựng NTM. Các ngành kế hoạch, đầu tư, nội vụ và nông nghiệp của Hà Nội cần phối hợp chỉ đạo, triển khai, đôn đốc, kiểm tra, xây dựng đề án cho từng xã, hoàn thiện quy hoạch và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở. Tất nhiên, cần căn cứ tình hình thực tế của từng huyện/xã trên địa bàn Hà Nội để quy hoạch mẫu cán bộ phù hợp với địa phương mình.

Bốn là, Hà Nội cần làm tốt công tác phân công, giao nhiệm vụ chính trị nói chung và nhiệm vụ xây dựng NTM nói riêng cho từng cán bộ đảng viên ở cấp xã. Các cấp ủy phân công nhiệm vụ cho đảng viên phải giao việc, địa bàn,

đối tượng cụ thể như phân công đảng viên phụ trách hộ, nhóm hộ, giúp các hộ nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất; vận động các gia đình thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và của địa phương; vận động nông dân xây dựng gia đình, làng xóm, văn hoá, kế hoạch hoá gia đình... Phân công công tác cho cán bộ, đảng viên phải trên cơ sở năng lực, sở trường, nguyện vọng, điều kiện, môi trường hoạt động, hoàn cảnh của từng người.

Năm là, đổi mới và thực hiện đồng bộ các quy định, quy chế về bố trí, sử dụng, luân chuyển cán bộ cấp xã đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đúng thời điểm, đúng quy trình và phải phù hợp với khả năng, thể mạnh của từng người với yêu cầu công việc; tăng cường kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng NTM; đồng thời, phải đổi mới chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ thuộc HTCT ở xã trên nguyên tắc tương xứng với trách nhiệm, khối lượng và chất lượng công tác của từng chức danh. Thực hiện đầy đủ đồng bộ các chế độ, chính sách hiện hành cho cán bộ cơ sở.

Sáu là, có chính sách phù hợp để giải quyết “đầu ra” đối với những cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã năng lực yếu hoặc không đủ chuẩn nhưng chưa đủ tuổi và thời gian đóng bảo hiểm xã hội được hưởng chế độ hưu trí theo tỷ lệ phần trăm lương hưu tương ứng mức đóng bảo hiểm xã hội. Xây dựng đề án cán bộ chuyên trách cấp xã hoạt động theo nhiệm kỳ, hết nhiệm kỳ nếu tiếp tục được bầu vào chức danh nào thì làm việc theo chức danh đó, nếu không được bầu vào chức danh mới thì nghỉ, đóng bảo hiểm tự nguyện.

Bảy là, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, tạo ra sự thống nhất về nhận thức, trước hết là trong cấp ủy, lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể ở địa phương và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, những yêu cầu, tiêu chí đặt ra theo Bộ tiêu chí quốc gia đối với nhiệm vụ xây dựng NTM ở địa phương, đơn vị mình phụ trách. Coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, xuyên suốt của chương trình, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân và huy động sức mạnh toàn dân cùng tham gia. Bởi vì, khi người dân được bàn bạc, thấy công việc có lợi cho thôn, xã cũng là có lợi cho mình thì có được sự đồng thuận, nhất trí cao và tích cực tham gia.

4.2.7. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, làm tốt công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng và kỷ luật trong xây dựng nông thôn mới

Động lực để thực hiện thắng lợi XDNTM ở Hà Nội chính là phải thực hiện kịp thời, khách quan và công bằng trong việc kiểm tra, giám sát, khen thưởng và kỷ luật những vấn đề liên quan đến XDNTM. Trong phiếu khảo sát có tới 52,81 ý kiến “rất đồng ý” và 38,44% ”đồng ý” với giải pháp: *Tăng cường kiểm tra, giám sát, điều chỉnh và thi đua khen thưởng, kỷ luật liên quan đến hoạt động xây dựng NTM*. Cụ thể là:

Một là, các cơ quan tham mưu của Thành ủy và Huyện ủy cần hoàn thiện, ban hành đầy đủ và tổ chức thực hiện nghiêm túc hệ thống các quy định, quy chế mẫu, các loại văn bản hướng dẫn của tổ chức đảng cấp trên đối với các loại hình tổ chức cơ sở Đảng và chi bộ ở nông thôn Hà Nội. Cần định kỳ hàng quý, thường trực cấp ủy cấp trên cơ sở giao ban với Bí thư, Chủ tịch các xã. Thường trực, Ban thường vụ Huyện ủy có chương trình làm việc với tập thể Đảng ủy các xã để nắm tình hình và chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở, trong đó có những vấn đề liên quan đến xây dựng NTM. Nhất là những vấn đề liên quan đến việc rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch và lập đề án xây dựng NTM ở cấp xã; tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất; tiếp tục phát triển giáo dục, y tế và đời sống văn hóa ở nông thôn...

Hai là, đổi mới về nhận thức và việc tổ chức thực hiện công tác đánh giá, xếp loại, khen thưởng tổ chức Đảng, nhất là tổ chức cơ sở Đảng, bảo đảm sát, đúng thực chất, không chạy theo thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở các xã, trong đó có chương trình xây dựng NTM. Tiến hành đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát ở tất cả các cấp từ chi bộ trở lên; cấp ủy Đảng phải xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, giám sát, lấy phòng ngừa là chính; tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm, dư luận quan tâm. Đổi mới quy trình, phương pháp, kiện toàn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát.

Ba là, làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc; đồng thời, xử lý nghiêm những vi phạm, gây mất đoàn kết nội bộ. Xử lý nghiêm, dứt điểm, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng số cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm tiêu chuẩn đảng viên ở nông thôn; tiếp tục nâng cao uy tín của cán bộ, đảng viên ở nông

thôn trong vận động, xây dựng NTM. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên có thành tích xuất sắc và xử lý nghiêm với tổ chức, cá nhân vi phạm; chú trọng bồi dưỡng quần chúng ưu tú trong quá trình xây dựng NTM để tạo nguồn phát triển đảng viên.

Bốn là, nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch; thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của người dân trong việc quyết định, lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình NTM ở địa phương. Đồng thời luôn luôn kiên toàn ban chỉ đạo, thực hiện phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng, mỗi thành viên trong ban chỉ đạo cần có chương trình hành động thiết thực, sát hợp với tình hình lĩnh vực mình phụ trách [14].

4.2.8. Giải pháp liên quan đến cộng đồng dân cư; các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn xã thuộc thành phố Hà Nội

Đây là giải pháp có ý nghĩa như là tạo nên môi trường thuận lợi để phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong XDNTM. Trong phiếu khảo sát có tới 53,75% ý kiến “rất đồng ý” và 40% ”đồng ý” với giải pháp: Tạo môi trường dân chủ, kết hợp các nguồn lực để xây dựng NTM ở từng địa phương, cơ sở. Tương tự như vậy, có 62,19% ý kiến “rất đồng ý” và 32,5% ý kiến “đồng ý” với giải pháp: *Nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM*. Cụ thể là:

Một là, nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của HTCT cấp xã ở thành phố Hà Nội trong xây dựng NTM. Qua thực tế xây dựng NTM ở các địa phương trên địa bàn thành phố Hà Nội. Có thể thấy HTCT cấp cơ sở có vai trò đặc biệt quan trọng trong lãnh đạo, điều hành, vận động nhân dân tổ chức xây dựng NTM ở mỗi địa phương, đây chính là nhân tố quyết định mức độ thành công của công cuộc XDNTM. Nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò của HTCT cơ sở trong XD NTM, trước hết phải thông qua công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động nhân dân. Chỉ khi nào người dân nông thôn thấy rằng hoạt động của HTCT cơ sở là nhằm phục vụ cho lợi ích của họ, cho cộng đồng, khi đó họ mới tự giác, tự nguyện xây dựng chính quyền, xây dựng HTCT cơ sở, nội lực thực sự được phát huy, từ đó mới tạo đà thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, trong đó có nhiệm vụ xây dựng NTM.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và có cơ chế khuyến khích để người nông dân nhận thức và tham gia đầy đủ về các vai trò: từ hiến kế xây dựng đề án, góp ý quy hoạch đến việc xác định công trình, hạng mục đầu tư, hiến đất, đóng góp trí tuệ, kinh nghiệm, công sức, tiền của, trực tiếp làm và giám sát toàn bộ quá trình thực hiện. Chủ thể tích cực tham gia vào quá trình xây dựng quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng NTM; chủ thể tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn; chủ thể trực tiếp trong phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; chủ thể tích cực, sáng tạo trong xây dựng và gìn giữ đời sống văn hoá - xã hội, môi trường ở nông thôn; nhân tố góp phần quan trọng vào xây dựng HTCT vững mạnh, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội ở cơ sở. Thành phố Hà Nội cần quan tâm xây dựng và có các hình thức tôn vinh tấm gương nông dân điển hình, tiên tiến trong các phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, phong trào xây dựng NTM và xây dựng gia đình văn hóa.

Ba là, Hà Nội cần xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ quyền, lợi ích cho các cộng đồng dân cư nông thôn. Các cơ quan nhà nước của Hà Nội cần tích cực thực thi thẩm quyền về xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nông dân gắn liền với phát huy vai trò, trách nhiệm của nông dân trong xây dựng NTM. Nhất là về đào tạo nghề, ứng dụng khoa học-công nghệ, chính sách an sinh xã hội, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân, kịp thời giải quyết những xung đột, mâu thuẫn ở trong cộng đồng dân cư...gắn liền với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM; coi trọng việc tư vấn, giải thích những băn khoăn, thắc mắc của nông dân trên địa bàn, liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bốn là, Hà Nội cần tăng cường đầu tư, đưa công nghiệp về nông thôn, xây dựng NTM, gắn liền phát triển kinh tế với xây dựng con người mới ở nông thôn. Mở rộng các mô hình kinh tế ở nông thôn theo hướng đầu tư về khoa học công nghệ, áp dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Cần gắn xây dựng NTM với tái cơ cấu nông nghiệp và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phải thực sự phát huy vai trò chủ thể của người dân. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên

canh tập trung, giá trị cao, bền vững và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, triển khai thực hiện đồng bộ kế hoạch tái cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp Thủ đô giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện tốt khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp là “sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao”.

Năm là, phát triển giáo dục, y tế, văn hoá ở nông thôn, trong đó chú trọng phát triển hệ thống y tế cơ sở, xây dựng các trạm y tế với đủ trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia. Hỗ trợ tích cực để nông dân có bảo hiểm y tế, được hưởng thụ các dịch vụ y tế nhiều hơn với chất lượng tốt hơn. Hà Nội cần nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” ở nông thôn gắn với thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Xây dựng và thực hiện tốt các hương ước, quy ước cộng đồng; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc; xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, vững chắc, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh và đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở nông thôn. Phát huy truyền thống tương thân, tương ái, tình làng, nghĩa xóm tốt đẹp, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn; xây dựng gia đình nông dân thực sự trở thành tế bào lành mạnh của xã hội; xây dựng cộng đồng nông thôn ổn định về chính trị, có cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn...trong xây dựng các mô hình NTM, không nên khuôn mẫu áp đặt chung cho mọi nơi.

Sáu là, Hà Nội cần thực hiện các cách thức huy động và sử dụng các nguồn lực phù hợp với thực tế. Lồng ghép sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ ngân sách của thành phố và các nguồn lực đa dạng; việc huy động, đóng góp của người dân phải được thực hiện trên cơ sở thực sự tự nguyện, bàn bạc dân chủ, không gượng ép quá sức dân. Tăng cường nguồn lực cho chương trình xây dựng NTM tương xứng với mục tiêu đề ra. HTCT cấp cơ sở cần huy động tối đa các nguồn lực trong cộng đồng vì mục tiêu xây dựng NTM. Tuy nhiên, không được quá sức của dân và tạo cảm giác chương trình NTM là một gánh nặng đối với nhân dân. Trong việc huy động sức dân, cần kiên trì, từng bước, tránh nóng vội. Khắc phục triệt để những hạn chế trong giai đoạn vừa qua, nhất là những biểu hiện chủ quan duy ý chí, xây dựng NTM bằng mọi giá.

Tiểu kết chương 4

Nội dung chính của chương 4 là phân tích một số vấn đề đặt ra; cũng như đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cụ thể là: 1) Những vấn đề về chủ trương, chính sách, pháp luật, quy định về XDNTM; 2) Những vấn đề liên quan trực tiếp đến HTCT cấp xã; 3) Những vấn đề liên quan đến bản thân đội ngũ cán bộ trong HTCT cấp xã; 4) Những vấn đề liên quan đến HTCT cấp trên; 5) Những vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng và kỷ luật trong quá trình XDNTM; 6) Những vấn đề liên quan đến cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn. Đồng thời, đề xuất 8 giải pháp nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội. Bao gồm: 1) Đổi mới, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của HTCT cấp trên trong XDNTM; 2) Kiện toàn, đổi mới và phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, nhất là quán triệt Nghị quyết của tổ chức cơ sở đảng trong xây dựng nông thôn mới ; 3) Nâng cao năng lực và phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cấp xã trong quản lý điều hành XDNTM; 4) Nâng cao năng lực và phát huy vai trò tập hợp lực lượng, nguồn lực của MTTQ xã và các TCCT-XH trong XDNTM; 5) Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động và mối quan hệ giữa các thành viên trong HTCT cấp cơ sở; 6) Nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong XDNTM; 7) Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, làm tốt công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng và kỷ luật trong XDNTM; 8) và giải pháp liên quan đến cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn xã thuộc thành phố Hà Nội.

KẾT LUẬN

1. Sau gần 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM, với sự nỗ lực của cả HTCT cùng với sự đồng thuận của nhân dân, với nhiều cách làm cụ thể, sáng tạo, nông nghiệp, nông thôn của Hà Nội đã có nhiều khởi sắc, đạt được những thành tựu khá toàn diện và to lớn, bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân ngày càng được cải thiện. Thành phố Hà Nội đang thực sự là địa phương đi đầu trong thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thành công này chính là thành phố đã phát huy được vai trò, sự đóng góp tích cực của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM. Thành phố phấn đấu đến cuối năm 2020 Hà Nội sẽ hoàn thành vượt mức chỉ tiêu có trên 80% số xã trở lên đạt chuẩn. Từ sự thành công của quá trình xây dựng NTM ở Hà Nội có thể khẳng định: Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM là vô cùng quan trọng. Điều này được thể hiện ở các khía cạnh: 1) quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của T.Ư, các chỉ thị, nghị quyết của Thành ủy về phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng NTM, chủ động nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, kịp thời xây dựng các chương trình với lộ trình, cách làm phù hợp, sáng tạo; 2) công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền, với sự tham gia tích cực của MTTQ và TCCT-XH các cấp của thành phố với sự đổi mới mạnh mẽ, với sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, tích cực của các cấp, các ngành, trong từng thời kỳ cụ thể; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm và khâu đột phá, tập trung tổ chức thực hiện nhiệm vụ sâu sát, quyết liệt, dứt điểm, tạo ra bước chuyển biến rõ rệt về lĩnh vực phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM của Thủ đô; 3) chú trọng và có giải pháp cụ thể, khả thi để chủ động thu hút, phát huy, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa, tập trung đầu tư cho lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng NTM.

2. Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM được phân tích và làm rõ dựa trên cơ sở lý luận về HTCT và xây dựng NTM, cũng như những điều kiện thực tiễn của thành phố Hà Nội. Cụ thể là các vai trò: 1) Vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết và chính sách, pháp luật trong XDNTM; 2) Vai trò tuyên

truyền vận động tham gia XDNTM; 3) Vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí XDNTM; 4) Vai trò tổ chức thực hiện XDNTM; 5) Vai trò kiểm tra, giám sát trong XDNTM; 6) Vai trò huy động nguồn lực trong XDNTM; 7) Vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền. Từ bảng chứng khảo sát cho thấy, trong các vai trò này, đều không thể thiếu được trong quá trình thực hiện xây dựng NTM của HTCT cấp cơ sở. Tuy nhiên, phần lớn các địa phương được khảo sát cho thấy, HTCT cấp xã đang tập trung thể hiện vai trò: nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật; tuyên truyền, vận động; xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí xây dựng NTM; huy động nguồn lực; trong khi đó các vai trò: tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát; đề xuất, kiến nghị chưa được quan tâm đúng mức.

3. Từ thực kết quả nghiên cứu khảo sát có thể đưa ra nhận định: HTCT cấp cơ sở bao gồm các thành viên: Tổ chức cơ sở Đảng; HỌND xã; UBND xã; MTTQ và các TCCT-XH trong quá trình xây dựng NTM đều thể hiện được vị thế, chỗ đứng của mình. Về cơ bản, HTCT cấp xã trên địa bàn phố Hà Nội đã phát huy được vai trò của mình trong quá trình xây dựng NTM. Tuy nhiên, nổi bật nhất là vai trò của tổ chức cơ sở Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo HTCT cấp xã thực hiện thắng lợi các mục tiêu XDNTM. Song, đối với MTTQ và các TCCT-XH lại chưa thực sự được phát huy đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xây dựng NTM, nhất là trong vận động, tuyên truyền; kiểm tra, giám sát và huy động các nguồn lực. Trong khi đó, vai trò của HỌND, UBND xã trong tổ chức thực hiện, huy động các nguồn lực xây dựng NTM còn nhiều bất cập.

4. Kết quả nghiên cứu có thể khái quát một số kinh nghiệm trong việc phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở thành phố Hà Nội. Đó là: 1) xem XDNTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm; 2) phải đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư; 3) phát huy vai trò chủ thể của người dân trong XDNTM là yếu tố quyết định cho sự thành công của chương trình; 4) phải bám sát định hướng XDNTM của Nhà nước, vận dụng linh hoạt chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; 5) XDNTM phải gắn liền với quá trình đô thị hóa.

5. Nghiên cứu đã phân tích và chỉ ra nhiều nguyên nhân và đề xuất giải pháp liên quan trực tiếp đến vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM

trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, rào cản và bất cập lớn nhất và trước hết đó chính là năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp xã còn nhiều hạn chế so với mục tiêu, yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng NTM. Do vậy, giải pháp hàng đầu để phát huy vai trò của HTCT cấp xã trong xây dựng NTM ở thành phố Hà Nội chính là phải tập trung nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp xã đáp ứng được những yêu cầu và mục tiêu đặt ra của quá trình xây dựng NTM.

6. Có thể nói, luận án đã tập trung làm sáng tỏ các vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM thông qua việc hệ thống, tổng hợp, phân tích những vấn đề lý luận có liên quan đến HTCT và xây dựng NTM. Đặc biệt là tiến hành khảo sát thực tiễn tại 30 xã và 5 huyện trên địa bàn Hà Nội với khoảng hơn 600 ý kiến của người dân và cán bộ đảng viên tham gia trả lời. Luận án cũng đã dựa trên nhiều tài liệu báo cáo có liên quan đến HTCT cấp xã và xây dựng NTM của các cơ quan, địa phương trên địa bàn Hà Nội. Trên cơ sở đó NCS đã tập trung phân tích chỉ ra những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM trên địa bàn thành phố Hà Nội. Mặc dù vậy, đây mới chỉ là bước đầu, công việc này cần phải được tiếp tục làm rõ hơn bằng những nghiên cứu tiếp theo/.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Tiến Toàn (2015), “*Sự tham gia của người nông dân trong xây dựng nông thôn mới*”, Bản tin nghiên cứu xã hội học (Sociological Research), Viện xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 02-2015.
2. Nguyễn Tiến Toàn (2015), “*Góp phần bàn về cơ sở lý luận xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam*”, Bản tin nghiên cứu xã hội học (Sociological Research), Viện xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 03-2017.
3. Nguyễn Tiến Toàn (2018), “*Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới*”, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội- Nghiên cứu Chính sách và Quản lý, tập 34, số 3-2018.
4. Nguyễn Tiến Toàn (2018), “*Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Hà Nội trong tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới*”, Tạp chí Giáo dục lý luận Học viện Chính trị khu vực I, số 279 (tháng 9/2018).
5. Nguyễn Tiến Toàn (2019), “*Một số yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới*”, Tạp chí Khoa học Nội vụ, Đại học Nội vụ (số 30, tháng 5/2019).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo Tiếng Việt

1. Lê Khắc Nguyên Anh (2015), “Phát huy dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị cơ sở xây dựng nông thôn mới (trường hợp thành phố Hải Phòng)”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, (8).
2. Phạm Minh Anh (2011), *Vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở trong thực hiện bình đẳng giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Loan Anh (2015), “Đề phát huy vai trò của nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, tại trang www.tapchicongsan.org.vn, [truy cập ngày 24/ 0 / 2017].
4. Ban chấp hành Trung ương (2009), *Thông báo Kết luận của Ban Bí thư về Đề án Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Hà Nội.
5. Ban chỉ đạo chương trình 02-CTr/TU Thành ủy Hà Nội (2017), *Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới năm 2017*, Hà Nội.
6. Ban chỉ đạo chương trình 02-CTr/TU Thành ủy Hà Nội (2016), *Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới năm 2016*, Hà Nội.
7. Ban chỉ đạo chương trình 02-CTr/TU Thành ủy Hà Nội (2015), *Báo cáo kết quả chỉ đạo và tổ chức thực chương trình 02-CTr/TU đến hết quý I năm 2015, nhiệm vụ giải pháp đến hết năm 2015*, Hà Nội.
8. Ban chỉ đạo chương trình huyện Đan Phượng (2012), *Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Đan Phượng giai đoạn 2012-2020*, Đan Phượng.
9. Ban chỉ đạo chương trình 02-CTr/TU Thành ủy Hà Nội (2012), *Tài liệu đào tạo, tập huấn bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, tập 1 và tập 2*, Hà Nội.
10. Hoàng Chí Bảo (2004), “Cơ sở và hệ thống chính trị ở cơ sở đối với ổn định và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta”, *Tạp chí Xã hội học*, (3).

11. Hoàng Chí Bảo (2004), *Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 12. Lương Gia Ban (2003), *Dân chủ và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 13. Vũ Trọng Bình (2014), “Kinh nghiệm quốc tế về sự tham gia của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, (1).
 14. Vi Lưu Bình (2014), “Vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới”, *Baonghean điện tử*, tại trang <https://baonghean.vn/>, [truy cập ngày 19/11/2016].
 15. Nguyễn Thế Bình (2013), “Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở - Từ công tác cán bộ”, *Tạp chí Cộng sản*, (77).
 16. Phan Xuân Biên (2005), *Một số vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cấp cơ sở*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
 17. BenedictJ.triaKerrkvliet, Jamesscott (2000), *Một số vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
 18. Bộ Nội vụ (2018), “Lĩnh vực chính quyền địa phương, địa giới hành chính”, tại trang <https://www.moha.gov.vn>, [truy cập ngày 27/3/2018].
 19. Bun-ThoongChít-ma-ni (2011), *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 20. Trần Quang Cảnh (2011), “Đề phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị cơ sở Hà Nội”, tại trang *Tạp chí Cộng sản điện tử*, www.tapchicongsan.org.vn, [truy cập ngày 25/7/2017].
 21. Nguyễn Vũ Cân (2002), “Tổng quan hội thảo Xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở”, *Tạp chí Cộng sản*, (19).
 22. Nguyễn Liên Châu (2011), “Tư duy của cán bộ, đảng viên và người dân trong xây dựng nông thôn mới”, tại trang <http://baohatinh.vn>, [truy cập ngày 13/6/2016].
 23. RobertChamber(1991), *Phát triển nông thôn-Hãy bắt đầu từ những người cùng khổ*, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp Hà Nội.
-

24. Đỗ Kim Chung (2012), “Một số vấn đề đặt ra và giải pháp xây dựng mô hình nông thôn mới cấp xã”, *Kỷ yếu nghiên cứu Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Hà Nội.
25. Vũ Hoàng Công (2002), *Hệ thống chính trị cơ sở*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Cục Thống kê Hà Nội (2017), *Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa-xã hội của thành phố Hà Nội*, Báo cáo tổng kết công tác thống kê năm 2017, Hà Nội.
27. Tô Xuân Dân, Lê Văn Viện, Đỗ Trọng Hùng (2013), *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam: Tầm nhìn mới, tổ chức quản lý mới, bước đi mới*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
28. Ngô Quang Duy (2014), *Vai trò của chính quyền cấp xã trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Nam*, Luận văn Thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
29. Dương Thị Bích Diệp (2014), “Chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (8).
30. Trần Nhật Duật (2017), “Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Bắc”, tại trang lyluanchinhtri.vn, [truy cập ngày 03/02/2018].
31. Trương Minh Dục (2014), “Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (12).
32. Hà Thùy Dương (2016), “Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Công sản điện tử*, tại trang www.tapchicongsan.org.vn, [truy cập ngày 26/5/2017].
33. Đại học Thái Nguyên (2014), *Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới tại xã Thượng Hóa, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên*, Đề tài cấp cơ sở Đại học Thái Nguyên.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa IX về “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ*

- thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05-8-2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trong tham gia giám sát và phản biện xã hội*, Hà Nội.
 40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 41. Phạm Đi (2015), “Nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý về Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới (Qua khảo sát tại một số tỉnh duyên hải Nam Trung bộ)”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (10).
 42. Nguyễn Hữu Đồng (2009), *Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 43. FrakEllis(1994), *Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
 44. Huỳnh Thị Gấm (2007), *Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cấp huyện ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 45. Nguyễn Ngọc Hà (2012), “Đặc điểm kinh tế vùng và những vấn đề đặt ra trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (2).
 46. Nguyễn Đức Hà (2004), “Đề nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (3).
 47. Nguyễn Đức Hà (2004), “Bài học xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn qua thực tiễn Thái Bình và Gia Lai”, *Tạp chí xây dựng Đảng*, (4).
-

48. Phùng Văn Hải (2015), “Kết quả và kinh nghiệm trong lãnh đạo xây dựng nông thôn mới ở Ba Vì (Hà Nội)”, *Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử*, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn/>, [truy cập ngày 24/5/2017].
 49. Nguyễn Hoàng Mỹ Hạnh (2015), *Đẩy mạnh chương trình xây dựng nông thôn mới ở Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý kinh tế. Đại học Quốc gia Hà Nội.
 50. Ngô Thị Thanh Hằng (2018), “Hà Nội dẫn đầu cả nước về XDNTM: Tạo bước chuyển biến tích cực trong phát triển nông nghiệp và nâng cao đời sống nông dân”, tại trang <http://kinhthedothi.vn>, [truy cập ngày 28/8/2018].
 51. Trần Đắc Hiền (2004), “Hệ thống chính trị cơ sở đối với việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở vùng nông thôn có đông tín đồ công giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (1).
 52. Đặng Thị Hiền (1993), *Đổi mới kiện toàn hệ thống chính trị cấp cơ sở nông thôn (thông qua khảo sát thực tế của tỉnh Tuyên Quang*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 53. Huỳnh Thanh Hiếu (2017), *Phát huy vai trò của nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
 54. Phan Văn Hiếu (2017), *Kinh tế tập thể trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 55. Cát Chí Hoa (2009), *Từ vùng quê đến nông thôn mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 56. Trác Vệ Hoa (2008), “Lý luận và thực tiễn cải cách và phát triển nông thôn Trung Quốc 30 năm”, tại trang <http://www.nhandan.com.vn>, [truy cập ngày 21/7/2017].
 57. Nguyễn Minh Hòa (2010), “Khái niệm nông thôn mới vùng đô thị Hà Nội”, tại trang baoxaydung.com.vn, [truy cập ngày 05/12/2016].
-

58. Phạm Thị Bích Hồng (2014), *Hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Ninh Bình hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 59. Phạm Thị Bích Hồng (2014), “Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở Ninh Bình”, *Tạp chí Tuyên giáo điện tử*, tại trang www.tuyengiao.vn, [truy cập ngày 15/7/2017].
 60. Tô Duy Hợp (2012), “Mở rộng dân chủ đồng thời phải tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền dân chủ trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ An, điện tử*, tại trang www.vanhoanghean.com.vn, [truy cập ngày 25/9/2016].
 61. Nguyễn Thị Huệ (2014), *Việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở thủ đô Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 62. Đào Thu Huyền (2017), “Hệ thống chính trị cấp xã tổ chức, vận động xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Bình-Kết quả và giải pháp”, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn/>. [truy cập ngày 19/4/2017].
 63. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2017), “Đổi mới, kiện toàn chính quyền địa phương xã để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới”, tại trang tapchiconsan.org.vn, [truy cập ngày 21/02/2018].
 64. Phạm Huỳnh Minh Hùng (2017), *Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 65. Nguyễn Văn Hùng (2015), *Xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Ninh*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 66. Hồ Xuân Hùng (2010), “Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và nhân dân ta”, *Báo Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, (6).
 67. Hồ Xuân Hùng (2017), “Hoàn thiện mô hình nông thôn mới ở nước ta đến năm 2020”, tại trang <http://dangcongsan.vn>, [truy cập ngày 19/11/2018].
-

68. Nguyễn Dương Hùng (2008), *Kiến toàn hệ thống chính trị ở xã nhằm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 69. Quách Thị Hương (2013), *Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong xây dựng nông thôn mới qua thực tiễn tỉnh Hưng Yên*, Luận văn Thạc sĩ Chính trị học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
 70. Nguyễn Quế Hương (2013), *Một số giải pháp tăng cường thu hút sự tham gia, đóng góp của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đan Phượng - Thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội.
 71. Hồ Ngọc Hy (2014), “Mô hình sản xuất lớn trong nông nghiệp- động lực của quá trình tái cơ cấu, xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Trị”, *Tạp chí Cộng sản số chuyên đề cơ sở*, (96).
 72. Trần Tiến Khai (2015), *Phát triển nông thôn bền vững cho Việt Nam: Nhìn từ lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế*, Nxb Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
 73. Lưu Đức Khải (2010), “Một số giải pháp để mô hình nông thôn mới đạt kết quả cao”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số (8).
 74. Lê Quốc Khởi (2017), *Các tỉnh uỷ ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 75. Nguyễn Huy Kiệm (2013), “Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống chính trị cơ sở”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước điện tử* tại trang <http://tcnn.vn>, [truy cập ngày 25/4/2018].
 76. Nguyễn Đình Kiên (2014), *Nghiên cứu sự tham gia của người dân và các tổ chức xã hội trong xây dựng mô hình nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên*, Nxb Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Thái Nguyên.
 77. Nguyễn Huy Kiên (2013), “Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (80).
-

78. Phạm Đức Kiên (2015), “Một số giải pháp nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở các tỉnh Tây Bắc hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn>, [truy cập ngày 26/5/2017].
 79. Hoàng Thế Kiệt (1992), *Vấn đề xây dựng nông thôn mới ở Trung Quốc*, Học viện Thương mại - Đại học Quảng Tây, Hà Nội.
 80. Vũ Trọng Khải (2013), *Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển KT-XH nông thôn mới, kết hợp truyền thống làng xã Việt Nam với văn minh thời đại*, Trường cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
 81. Trần Tiến Khai (2014), *Tổ chức xây dựng nông thôn mới ở TP. Hồ Chí Minh: Nhìn từ góc độ lý luận và thực tiễn*, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
 82. Kenglao Bliayao (2007), *Quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn Lào từ 1975 đến 2000*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử thế giới cận-hiện đại, Đại học Sư phạm Hà Nội I.
 83. Nguyễn Linh Khiếu (2017), “Vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, tại trang <http://www.tapchiconsan.org.vn>, [truy cập ngày 24/5/2017].
 84. Nguyễn Linh Khiếu (2007), “Nâng cao nhận thức của đội ngũ nhà báo về hệ thống chính trị cơ sở”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, tại trang www.tapchiconsan.org.vn, [truy cập ngày 17/6/2016].
 85. La Chay Sinh Xu Van (2012), *Đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nông thôn Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 86. Nguyễn Ngọc Lâm (2003), “Đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (3).
 87. Nguyễn Thị Lan (2016), “Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Mặt trận*, (134).
 88. Trịnh Duy Luân (2002), “Hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn qua ý kiến người dân”, *Tạp chí Xã hội học*, (1).
-

89. Đào Thanh Lương (2018), *Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo xây dựng nông thôn mới giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
90. Nguyễn Mai (2018), “Nợ đọng xây dựng cơ bản xây dựng nông thôn mới: Đã giảm đáng kể”, tại trang <http://hanoimoi.com.vn/>, [truy cập ngày 23/10/2018].
91. Nguyễn Thanh Minh (2016), “Phát huy vai trò nhân tố chủ quan của hệ thống chính trị cấp cơ sở”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (383).
92. Nguyễn Hoài Nam (2012), *Nghiên cứu sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
93. Phạm Quang Nghị (2002), “Phát huy quyền làm chủ của nhân dân xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh”, *Tạp chí Cộng sản*, (21).
94. Trần Văn Nghĩa (2016), “Xây dựng nông thôn mới ở các huyện của Hà Nội - những kinh nghiệm bước đầu”, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn/>, [truy cập ngày 20/1/2019].
95. Lê Hữu Nghĩa (2001), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của chính quyền cơ sở”, *Tạp chí Cộng sản*, (19).
96. Lê Hữu Nghĩa (2009), “Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam-những vấn đề đặt ra và giải pháp”, tại trang <http://www.tapchicongsan.org.vn>, [truy cập ngày 25/1/2018].
97. Dương Xuân Ngọc (1998), *Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cấp xã ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
98. Dương Xuân Ngọc (2003), *Thực hiện dân chủ trong các Đảng bộ xã ngoại thành Hà Nội hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
99. Phạm Thị Bích Ngọc (2017), *Vai trò của người Công giáo trong xây dựng nông thôn mới (nghiên cứu trường hợp giáo xứ Văn Hải huyện*

Kim Sơn tỉnh Ninh Bình), Luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

100. Nhà xuất bản Nông nghiệp (2017), *Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp giai đoạn 2016-2020*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
101. Trần Tô Nhân (2016), *Sự tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội của người nông dân trong xây dựng nông thôn mới (nghiên cứu trường hợp huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng)*, Luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
102. Hạnh Nhi (2013), “Phát huy vai trò chủ thể của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, tại trang www.tapchicongsan.org.vn, [truy cập ngày 25/7/2017].
103. Đỗ Thị Hồng Nhung (2014), *Nghiên cứu sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới tại một số xã thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn Thạc sĩ Phát triển cộng đồng, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
104. Nguyễn Quốc Phẩm (chủ biên) (2000), *Hệ thống chính trị cấp cơ sở và dân chủ hoá đời sống xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Nguyễn Quốc Phẩm (2009), “Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng trong hệ thống chính trị cấp cơ sở vùng Tây Nam Bộ hiện nay”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, (2).
106. Vũ Văn Phúc và các cộng sự (2014), *Xây dựng nông thôn mới-những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Vi Thị Lan Phương (2012), *Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong việc thực hiện chính sách dân tộc (Nghiên cứu trường hợp tại xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La)*, Luận văn Thạc sĩ Chính trị học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
108. Đỗ Nguyên Phương (2004), “Thực hiện quy chế dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị cơ sở”, *Tạp chí Cộng sản*, (9).

109. Vũ Hoàng Quang (2014), *Đánh giá tác động của các chính sách xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Chính sách nông nghiệp, nông thôn, Hà Nội.
 110. Lê Minh Quân (2009), *Nhà nước trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

 111. Trần Hồng Quảng (2015), *Kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới ở huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 112. Hồ Tấn Sáng (2007), “Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Cộng sản*, (780).
 113. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (2005), *Thế chế dân chủ và phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 114. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (2001), *Cộng đồng làng xã Việt Nam hiện nay và thực hiện quy chế dân chủ và xây dựng chính quyền cấp xã ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 115. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (2014), *Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới năm 2014*, Hà Nội.
 116. Sở Khoa học-Công nghệ Hà Nội (2015), *Nghiên cứu, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Đề tài cấp tỉnh, Mã số 01X-11, Hà Nội.
 117. Sở Nội vụ Hà Nội (2017), *Tình hình đội ngũ cán bộ công chức cấp xã thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
 118. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (2017), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Hà Nội, năm 2017*, Hà Nội.
 119. Nguyễn Thái Sơn (2015), “Phát huy vai trò của tổ chức đảng trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, tại trang tapchicongsan.org.vn, [truy cập ngày 27/11/2016].
 120. Phan Xuân Sơn, Nguyễn Cảnh (2008), “Xây dựng mô hình nông thôn mới ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, tại trang <http://www.tapchicongsan.org.vn>, [truy cập ngày 15/7/2016].
-

121. Phan Xuân Sơn (2002), *Vai trò của các đoàn thể nhân dân trong việc đảm bảo dân chủ ở cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
122. Hoàng Đức Sơn (2009), “Phát huy quyền lực chính trị của dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (5).
123. Tô Huy Rứa, Nguyễn Cúc, Trần Khắc Việt (đồng chủ biên) (2003), *Giải pháp đổi mới hoạt động của HTCT ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
124. Trịnh Thanh Tâm (2012), *Xây dựng đội ngũ nữ cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị cấp xã (qua khảo sát thực tiễn ở đồng bằng sông Hồng)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
125. Trịnh Tố Tâm (2017), “Một số giải pháp phát huy dân chủ ở cơ sở”, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn/>, [truy cập ngày 25/9/2017].
126. Nhật Tân (2003), “Hà Nội sau 5 năm xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”, *Tạp chí Cộng sản*, (11).
127. Đỗ Thị Thạch (2008), “Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở với việc thực hiện bình đẳng giới ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Hà Nội.
128. Đỗ Thị Thạch (2006), *Hệ thống chính trị cấp cơ sở với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
129. Nguyễn Quốc Thái và các cộng sự (2012), *Tín dụng hỗ trợ XDNTM ở Việt Nam-một số vấn đề lý thuyết*, Đề tài cấp cơ sở, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

130. Thành ủy Hà Nội (2014), “Bàn về giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy chương trình xây dựng nông thôn mới tại thành phố Hà Nội”, tr. 22-24.

131. Chu Văn Thành-Nguyễn Minh Phương (2002), Góp phần kiện toàn chính quyền cơ sở, *Tạp chí Cộng sản*, (21).
132. Chu Văn Thành (2004), *Hệ thống chính trị cơ sở - Thực trạng và một số giải pháp đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
133. Phan Sỹ Thanh (2014), *Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

134. Lê Thị Thu Thảo (2015), *Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
 135. Trịnh Thị Hồng Thắm (2014), *Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hưng Yên*, Luận văn Thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
 136. Bùi Tất Thắng (2011), “Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Xã hội học*, (3).
 137. Phạm Tất Thắng (2011), “Xây dựng nông thôn mới-những vấn đề lý luận và thực tiễn”, tại trang <http://www.tapchicongsan.org.vn/>, [truy cập ngày 14/5/2018].
 138. Nguyễn Xuân Thắng (2013), “Trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (5).
 139. Bùi Thị Hồng Tiến (1994), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cấp cơ sở từ 1975 - 1993 (Qua thực tế một số tỉnh Nam Trung Bộ)*, Luận án PTS Khoa học lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 140. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 491/QĐ-TTg Về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*, Hà Nội.
 141. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*, Hà Nội.
 142. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.
 143. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 691/QĐ-TTg về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020*, Hà Nội.
 144. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1980/QĐ-TTg về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020 (gọi tắt là Bộ tiêu chí xã)*, Hà Nội.
-

145. Vũ Thị Thủy (2013), “Những khó khăn, bất cập và giải pháp xây dựng hệ thống chính trị cơ sở”, *Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử*, tại trang www.xaydungdang.org.vn/, [truy cập ngày 24/10/2018].
146. Đặng Thị Thanh Thủy (2015), “Huy động sự tham gia và giám sát của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới của Hàn Quốc-Bài học chính sách cho Việt Nam”, tại trang <http://tapchimoitruong.vn/>, [truy cập ngày 25/1/2018].
147. Nguyễn Quang Thuấn (2011), “Vấn đề xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam”, *Tạp chí Xã hội học*, (3).
148. Nguyễn Văn Thuận (2012), *Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở Bình Dương hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
149. Lê Quang Toàn (2014), “Phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Công sản điện tử* tại trang tapchiconsan.org.vn, [truy cập ngày 13/12/2016].
150. Tổng cục Thống kê (2013), “Số lượng đơn vị hành chính cấp xã và dân số ở khu vực nông thôn Hà Nội”, tr.15.
151. Đoàn Phạm Hà Trang (2011), “Xây dựng nông thôn mới: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính”, *Tạp chí Công sản điện tử*, tại trang <http://www.tapchiconsan.org.vn>, [truy cập ngày 20/12/2017].
152. Lưu Minh Trị (1993), *Đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn ngoại thành Hà Nội (cấp xã) trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Hà Nội.
153. Trung tâm Phát triển nông thôn, Dự án MISPA(2006), *Lý luận và thực tiễn xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa*, Dịch giả Cù Ngọc Hường, Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
154. Nguyễn Đức Truyền, Nguyễn Văn Thảo, Trần Xuân Sâm (đồng chủ biên) (1999), *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
155. Nguyễn Đức Truyền (2013), *Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển KT-XH nông thôn mới, kết hợp truyền thống làng xã Việt Nam với văn*

- minh thời đại-Tổng kết mô hình kinh tế nông hộ*, Trường cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội.
156. Phan Anh Tuấn (2017), *Phương thức tham gia của người dân vào quá trình chính sách công ở Việt Nam hiện nay (Qua nghiên cứu chính sách xây dựng nông thôn mới)*, Luận án tiến sĩ Chính trị học- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 157. Vũ Thanh Vân (2009), “Bất cập trong xây dựng mô hình nông thôn mới”, *Tạp chí Tài chính doanh nghiệp*, (12).
 158. Viện Chính trị học (2000), *Tập bài giảng Chính trị học*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
 159. Võ Khánh Vinh (2014), “Hoàn thiện mô hình và thể chế đáp ứng yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị cơ sở phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nguyên”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (11).
 160. Võ Khánh Vinh (2015), *Hệ thống chính trị ở cơ sở phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên*, (mã số TN3/X03), Đề tài thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015, Hà Nội.
 161. Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2014, giai đoạn 2011-2015 huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội*, Ba Vì.
 162. Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng (2015), *Hồ sơ Đề nghị công nhận đạt chuẩn nông thôn mới huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội (giai đoạn 2011-2015)*, Đan Phượng.
 163. Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2014, giai đoạn 2011-2015 huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội*, Đan Phượng.
 164. Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng (2015), *Báo cáo những đột phá của huyện Đan Phượng trong công tác xây dựng nông thôn mới năm 2014, giai đoạn 2011-2015*, Đan Phượng.
 165. Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng (2014), *Báo cáo Tổng hợp những đề xuất điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới chính sách xây dựng nông thôn mới và giải pháp phấn đấu hoàn thành các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014*, Đan Phượng.
-

166. Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh(2015), *Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2014, giai đoạn 2011-2015 huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội*, Đông Anh.
167. Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Đức (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2014, giai đoạn 2011-2015 huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội*, Mỹ Đức.
168. Ủy ban nhân dân huyện Phúc Thọ (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2014, giai đoạn 2011-2015 huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội*, Phúc Thọ.
169. Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2014, giai đoạn 2011-2015 huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội*, Quốc Oai.
170. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2011), *Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội Thành phố đến năm 2020, định hướng 2030*, Hà Nội.
171. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Quy hoạch phát triển văn hóa Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
172. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Hướng dẫn phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận nông thôn mới*, Hà Nội.
173. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (2016), *Báo cáo Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015*, Hà Nội.
174. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2017), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Hà Nội, năm 2017*, Hà Nội.
175. Xin xôn Phun bun sĩ(2010), *Kinh tế nông thôn ở Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào thời kỳ đổi mới*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
-
176. Xay phon Thôm Pa Đít (2009), “Một số thành quả trong việc xây dựng cơ sở chính trị và phát triển cụm bản Na Lâu Chom Ong, huyện Xay, tỉnh U đôm Xay”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (12).
177. Trần Minh Yên (2013), *Xây dựng nông thôn mới-Khảo sát và đánh giá*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
-

Tài liệu tham khảo tiếng Anh

1. Dr. Dana de la Fontaine & Dr. Thomas Stehnen (2015), “The Political System of Brazil”, *Springer*, (18), pp. 329.
2. Denis Derbyshire & Ian Derbyshire (1996), *Political Systems of the World*, Publisher: M E Sharpe Inc, New York, USA.
3. Huang Hui (2009), “The strategy, model and culture sense of informatization during the process of new rural construction”, *China Communications*,(11), pp.14.
4. Jia'en, Pan; Jie, Du (2011), “The social economy of new rural reconstruction”, *China Journal of Social Work*,(3), pp. 271-282.
5. Ken Kollman (2013), “The American Political System”, W.W. Norton & Company, New York, USA, pp. 231-237.
6. Louis D Hayes (2012), *Political Systems of East Asia, China, Korea, and Japan*, Routledge, New York, USA, pp. 132-141.
7. Li Junfeng, Niu Jiangao (2011), “Study on the demand of agricultural science and technology in new rural construction”, *Information Management, Innovation Management and Industrial Engineering (ICIII)*. (1), pp. 70.
8. Lei Fang, XiaoMei Zhang (2011), *Comparison and research on new rural community management patterns of shan dong province*, Advanced Research on Electronic Commerce, China, pp. 384-385.
9. Meyer Fortes (2013), *African Political Systems*, Cengage Learning Asia Pte Ltd, USA.
10. Melusky, Joseph A (2000), *The American political system: An owner's manual*, Boston: McGraw – Hill, USA.
11. Narelle Miragliotta, Wayne Errington & Nicholas Barry (2009), *The Australian Political System in Action*, Oxford University Press, USA.
12. Neil Argent, Thomas Measham (2014), “New rural economies: Introduction to the special themed issue”, *Journal of rural studies*,(1-2).

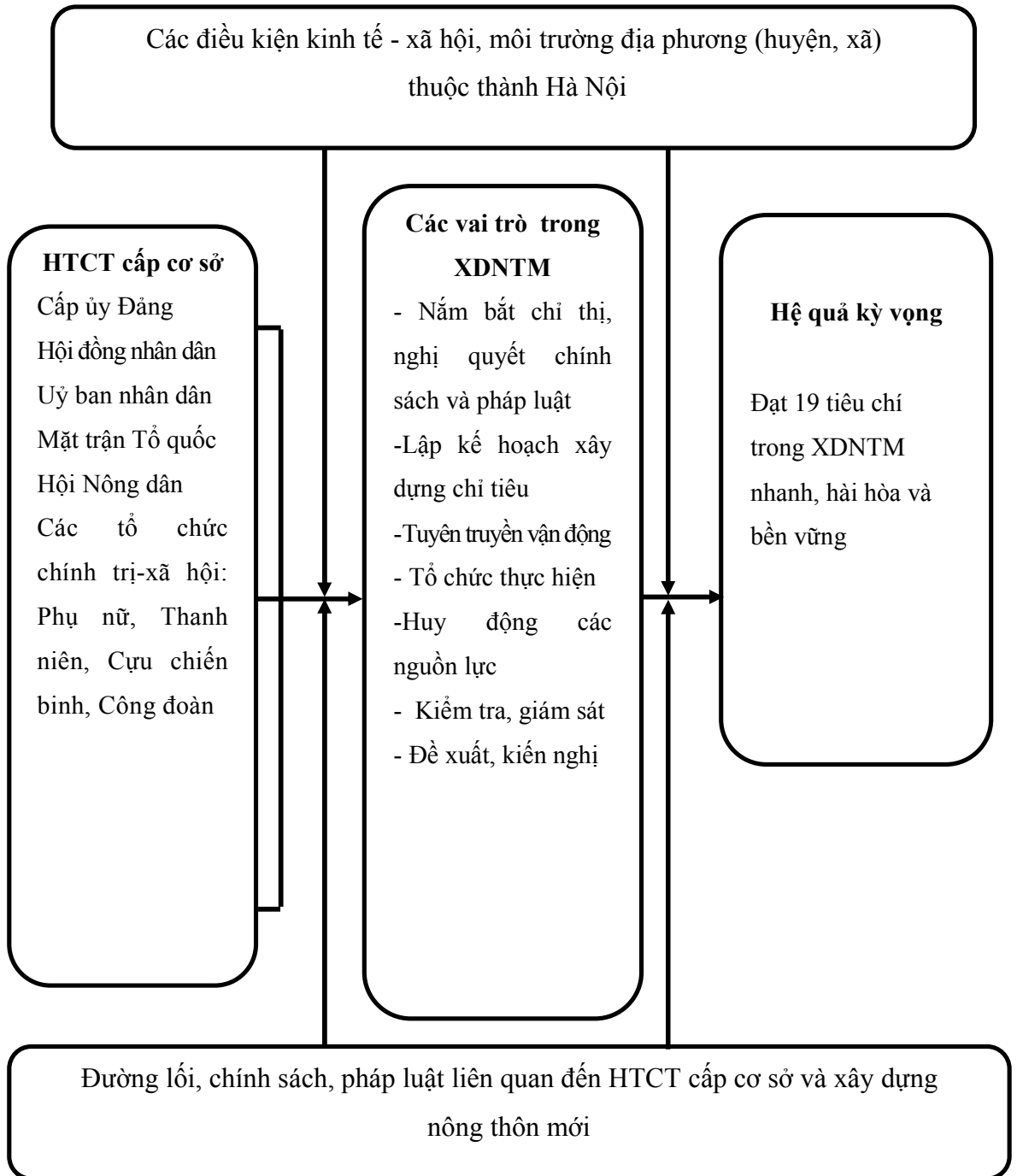
13. Ortiz-Miranda, Dionisio; Moreno-Perez, Olga M (2010), *Innovative strategies of agricultural cooperatives in the framework of the new rural development paradigms: the case of the Region of Valencia (Spain)*, Environment and Planning A,(55).
 14. Parvin, Alastair.Open fields (2013), “The new rural design revolution”, *Architectural design*.(14).
 15. Samuel L. Popkin (1979),*The Rational Peasant. The political Economy of rural Society in Vietnam*, University of California Press, USA, pp. 332.
 16. Simon Hix and Bjorn Hoyland (2011),*The Political System of the European Union*, Palgrave Macmillan, Published by Red Globe Press, New York, USA.
 17. Sung Chul Yang (December 1-2001), *North & South Korean Political Systems*, Hollym International Corp, New York, pp. 551-560.
 18. Yuen, Samson (2014), *China's new rural land reform? Assessment and prospects*, China perspectives. (Post-1997 Hong Kong), pp. 61-65.
 19. Zhao Yanan, Sun Qingzhu (2016), *Research on the construction about evaluation index system on new rural service system of fitness for all*, Future Computer Science and Education (ICFCSE), (2352-538X), pp. 1920-1925.
 20. Yi Wu (2013), *Research on the transference of the surplus rural labor in new rural construction*, Doctorial thesis Management and Service Science (MASS), Auvergne University, France.
 21. Zhao Li (2011), “Understanding the new rural co-operative movement: towards rebuilding civil society in China”, *Journal of Contemporary China*, (71), pp. 679-698.
-

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ, BẢNG

Bảng 1: Mẫu khảo sát cán bộ cấp cơ sở và người dân trong cộng đồng

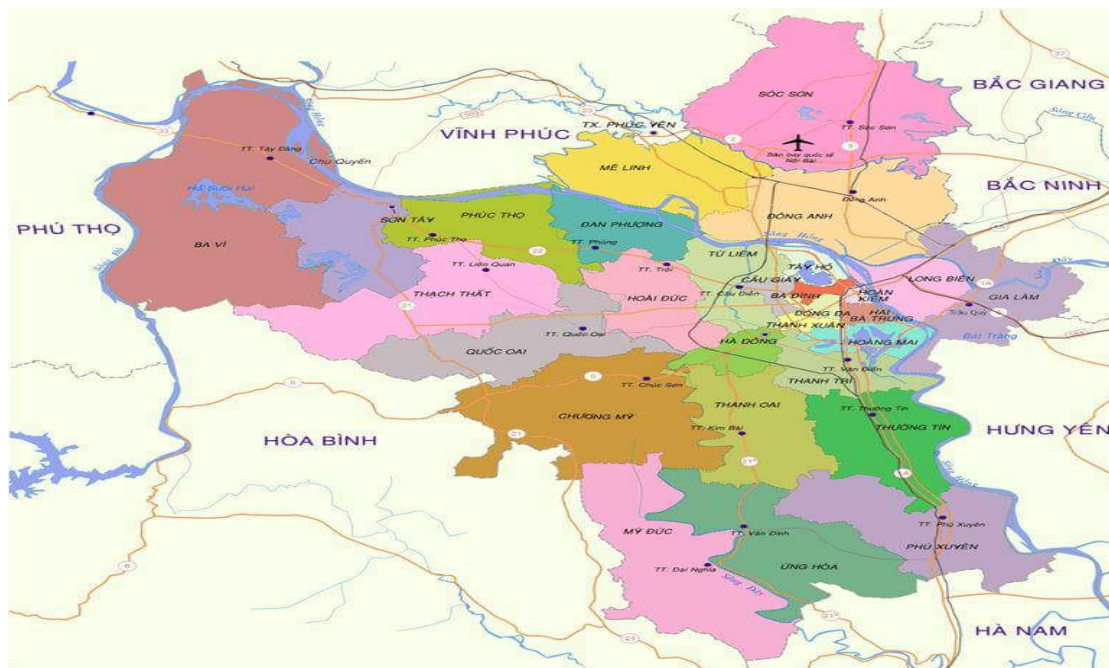
Cán bộ cấp cơ sở		Người dân trong cộng đồng	
Huyện	Số lượng	Huyện	Số lượng
Ba Vì	50	Ba Vì	50
Đan Phượng	120	Đan Phượng	105
Đông Anh	50	Đông Anh	55
Mỹ Đức	50	Mỹ Đức	50
Phúc Thọ	50	Phúc Thọ	50
Tổng số	320	Tổng số	310

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017



Sơ đồ 2.1: Khung phân tích: vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNMTM

Bản đồ 3.1: Các đơn vị hành chính cấp quận/huyện/thị xã của thành phố Hà Nội



Nguồn: UBND Thành phố Hà Nội, 2017

**Bảng 3.1. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã và dân số ở
khu vực nông thôn Hà Nội**

<i>Stt</i>	<i>Tên</i>	<i>Dân số</i>	<i>Hành chính</i>
1	Ba Vì	246.120	1 thị trấn, 30 xã
2	Chương Mỹ	267.359	2 thị trấn, 30 xã
3	Đan Phượng	142.480	1 thị trấn, 15 xã
4	Đông Anh	333.337	1 thị trấn, 23 xã
5	Gia Lâm	251.735	2 thị trấn, 20 xã
6	Hoài Đức	191.106	1 thị trấn, 19 xã
7	Mê Linh	191.490	2 thị trấn, 16 xã
8	Mỹ Đức	169.999	1 thị trấn, 21 xã
9	Phú Xuyên	181.388	2 thị trấn, 26 xã
10	Phúc Thọ	159.484	1 thị trấn, 22 xã
11	Quốc Oai	160.190	1 thị trấn, 20 xã
12	Sóc Sơn	282.536	1 thị trấn, 25 xã
13	Thanh Oai	167.250	1 thị trấn, 20 xã
14	Thanh Trì	198.706	1 thị trấn, 15 xã
15	Thường Tín	219.248	1 thị trấn, 28 xã
16	Sơn Tây	125.749	9 phường, 6 xã
17	Ứng Hòa	193.731	1 thị trấn, 28 xã
18	Thạch Thất	179.060	1 thị trấn, 22 xã

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2018

Bảng 3.2. Cơ cấu đội ngũ cán bộ cấp xã ở thành phố Hà Nội hiện nay*Đơn vị tính: số lượng người*

Cơ cấu giới	Nam	8.054			Nữ	3.638		
Cơ cấu dân tộc	Kinh	11.512			Thiểu số	180		
Cơ cấu đảng viên	Đảng viên	10.007			Chưa đảng viên	1.685		
Lý luận chính trị	Cử nhân	115	Cao cấp	368	Trung cấp	622 8	Sơ cấp	1.453
Quản lý nhà nước	Chuyên viên chính trở lên		67	Chuyên viên	4.428	Chưa qua đào tạo		2.397
Tin học	Trung cấp trở lên	273	Trình độ A	2.306	Trình độ B	5.83 9	Trình độ C	659
Tiếng Anh	Đại học	78	Chứng chỉ A,B, C	7.168	Đại học ngoại ngữ khác	50	Chứng chỉ A,B, C NN khác	205
Trình độ chuyên môn		TS 1	Ths 436	Đại học 7.958	Cao đẳng 697	Trung cấp 2.16 2	Sơ cấp 212	Chưa qua đào tạo 223
Cơ cấu tuổi	Dưới 30	1.710	Từ 31-40	3.894	Từ 41-50	3.66 0	Trên 50	2.625

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Sở Nội vụ Hà Nội, 2017

Bảng 3.3: Các hoạt động triển khai nghị quyết xây dựng nông thôn mới ở địa phương

Đơn vị tính

Các hoạt động nắm bắt triển khai nghị quyết xây dựng NTM	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển KT-XH 6 tháng trong năm	164	51.25
2. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển KT-XH hàng năm	210	65.63
3. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển KT-XH trong nhiệm kỳ	175	54.69
4. Đã ra một Nghị quyết chuyên đề riêng	158	49.38

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.4: Vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật về xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp xã	Lãnh đạo, chỉ đạo	Chủ trì, tổ chức thực hiện	Tham gia thực hiện	Không rõ
1. Tổ chức Đảng	74.69	33.13	18.44	0.00
2. HĐND xã	61.88	29.69	20.00	0.94
3. UBND xã	60.63	31.25	46.56	0.00
4. MTTQ xã	32.50	60.00	28.13	0.00
5. Hội Nông dân xã	25.94	59.38	29.06	0.63
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	26.25	64.38	29.06	0.63

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.5: Mức độ thực hiện thành công vai trò nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật về xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp cơ sở	Trên 90%	Từ 75-90%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Tổ chức Đảng	66.88	21.56	5.31	0.00	0.00
2. HĐND xã	58.75	26.56	4.38	2.19	0.63
3. UBND xã	60.63	25.63	5.31	0.00	0.00
4. MTTQ xã	48.44	34.69	8.44	1.88	0.31
5. Hội Nông dân xã	44.38	32.50	12.50	1.56	0.63
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	49.38	32.19	8.44	0.94	0.00

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.6: Vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp xã	Lãnh đạo, chỉ đạo	Chủ trì, tổ chức thực hiện	Tham gia thực hiện	Không rõ
1. Tổ chức Đảng	66.88	36.25	17.81	0.00
2. HĐND xã	49.69	30.94	20.31	1.56
3. UBND xã	53.13	30.00	45.63	1.25
4. MTTQ xã	19.06	62.81	21.25	1.88
5. Hội Nông dân xã	13.13	62.81	30.31	1.25
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	14.38	67.50	29.69	1.88

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.7: Mức độ thực hiện thành công vai trò xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp xã	Trên 90%	Từ 75-90%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Tổ chức Đảng	59.69	24.06	7.81	0.63	0.63
2. HĐND xã	50.63	29.06	9.38	1.88	1.25
3. UBND xã	62.50	25.00	9.69	0.00	0.00
4. MTTQ xã	37.19	30.31	17.81	1.25	2.19
5. Hội Nông dân xã	37.19	32.50	16.56	1.56	1,25
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	38.13	33.44	15.31	0.63	0.31

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.8: Vai trò tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp xã	Lãnh đạo, chỉ đạo	Chủ trì, tổ chức thực hiện	Tham gia thực hiện	Không rõ
1. Tổ chức Đảng	67.19	32.81	18.75	0.00
2. HĐND xã	52.50	30.00	23.44	1.56
3. UBND xã	45.94	38.13	40.63	1.25
4. MTTQ xã	26.56	57.81	29.69	1.25
5. Hội Nông dân xã	14.69	58.75	28.13	3.44
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	23.75	62.19	35.31	0,65

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.9: Mức độ thực hiện thành công vai trò tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp xã	Trên 90%	Từ 75-90%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Tổ chức Đảng	60.00	28.13	5.00	0.63	0.00
2. HĐND xã	53.44	29.06	9.06	1.25	0.00
3. UBND xã	56.25	29.69	7.19	0.63	0.00
4. MTTQ xã	41.25	31.88	12.19	2.50	1.56
5. Hội Nông dân xã	39.69	34.38	15.94	2.94	0.94
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	47.19	30.31	14.06	0.31	1.56

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.10: Vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp cơ sở	Lãnh đạo, chỉ đạo	Chủ trì, tổ chức thực hiện	Tham gia thực hiện	Không rõ
1. Tổ chức Đảng	59.69	32.81	18.75	0.31
2. HĐND xã	40.94	31.25	23.75	3.75
3. UBND xã	51.56	41.88	30.63	0.00
4. MTTQ xã	17.50	60.63	23.13	1.88
5. Hội Nông dân xã	13.38	55.31	30.94	2.50
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	15.00	61.56	29.69	3.75

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.11: Mức độ thực hiện thành công vai trò tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp cơ sở	Trên 90%	Từ 75-90%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Tổ chức Đảng	51.88	30.94	6.56	1.25	0.63
2. HĐND xã	46.56	29.38	10.63	4.06	1.88
3. UBND xã	53.13	26.88	12.19	0.63	0.00
4. MTTQ xã	33.13	30.63	13.44	5.31	2.81
5. Hội Nông dân xã	33.75	33.13	12.81	2.81	1.88
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	37.19	33.50	13.75	2.81	3.44

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.12: Vai trò huy động nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp xã	Lãnh đạo, chỉ đạo	Chủ trì, tổ chức thực hiện	Tham gia thực hiện	Không rõ
1. Tổ chức Đảng	57.81	30.00	18.75	0.31
2. HĐND xã	41.88	28.75	28.75	1.88
3. UBND xã	54.69	32.81	37.81	0.00
4. MTTQ xã	18.13	62.81	21.88	2.50
5. Hội Nông dân xã	14.69	58.75	28.13	3.44
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	14.66	63.75	32.19	0.68

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

**Bảng 3.13: Mức độ thực hiện thành công vai trò huy động
nguồn lực xây dựng nông thôn mới**

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp cơ sở	Trên 90%	Từ 75- 90%	Từ 50- 74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Tổ chức Đảng	49.38	27.50	8.44	5.00	1.25
2. HĐND xã	41.88	31.56	12.50	5.00	2.81
3. UBND xã	47.81	25.63	16.25	1.56	0.63
4. MTTQ xã	35.63	26.25	16.56	5.00	2.81
5. Hội Nông dân xã	33.75	31.38	19.09	2.81	1.25
6. Các đoàn thể (Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh)	36.25	31.25	15.31	2.81	0.00

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.14: Vai trò kiểm tra, giám sát thực hiện xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp cơ sở	Lãnh đạo, chỉ đạo	Chủ trì, tổ chức thực hiện	Tham gia thực hiện	Không rõ
1. Tổ chức Đảng	57.50	28.44	20.94	0.94
2. HĐND xã	43.75	53.75	33.75	0.63
3. UBND xã	45.63	28.75	25.31	0.00
4. MTTQ xã	27.50	54.38	29.06	1.88
5. Hội Nông dân xã	14.69	59.58	28.13	1.56
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	15.31	61.25	32.19	2.50

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.15: Mức độ thực hiện thành công vai trò kiểm tra, giám sát thực hiện xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp xã	Trên 90%	Từ 75-90%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Tổ chức Đảng	50.31	31.56	8.44	0.63	0.00
2. HĐND xã	57.50	27.19	14.06	3.13	0.31
3. UBND xã	35.00	28.75	12.19	0.31	0.63
4. MTTQ xã	50.00	30.94	16.25	3.13	0.19
5. Hội Nông dân xã	35.94	32.50	14.69	1.88	0.94
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	36.25	33.75	16.25	1.88	1.56

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.16: Vai trò đề xuất, kiến nghị xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp cơ sở	Lãnh đạo, chỉ đạo	Chủ trì, tổ chức thực hiện	Tham gia thực hiện	Không rõ
1. Tổ chức Đảng	55.00	28.44	20.00	0.31
2. HĐND xã	40.94	24.38	21.88	3.44
3. UBND xã	48.44	29.06	33.13	1.25
4. MTTQ xã	20.00	55.31	22.81	5.31
5. Hội Nông dân xã	14.38	48.75	25.00	2.50
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	14.06	30.31	30.31	4.06

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.17: Mức độ thực hiện thành công vai trò đề xuất kiến nghị xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các thành viên của HTCT cấp cơ sở	Trên 90%	Từ 75-90%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Tổ chức Đảng	47.50	30.00	6.88	1.25	0.00
2. HĐND xã	41.25	33.44	6.56	4.69	1.88
3. UBND xã	52.19	28.75	10.00	0.94	1.25
4. MTTQ xã	34.69	27.81	15.63	2.19	4.38
5. Hội Nông dân xã	33.44	28.44	17.81	1.56	1.88
6. Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn, Cựu chiến binh	34.34	31.88	15.63	2.19	0.94

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.18: Đánh giá vai trò của hệ thống chính trị cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Vai trò/mức độ đánh giá	Tốt	Tương đối tốt	Chưa tốt	Khó đánh giá	Không thực hiện
1. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ xây XDNTM ở địa phương	65.94	22.50	2.19	0.00	0.00
2. Lập kế hoạch, chương trình hành động cho cả HTCT	60.88	25.00	2.50	0.94	0.00
3. Xác định thẩm quyền, trách nhiệm của các thành viên trong tổ chức thực hiện XDNTM	55.00	30.31	4.38	0.31	0.63
4. Sự phối hợp, tương tác giữa các thành viên trong quá trình tổ chức thực hiện	52.81	27.81	8.75	1.56	0.00
5. Sự giám sát, phản hồi, điều chỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện	50.63	29.69	9.06	0.31	0.63
6. Huy động nguồn lực xã hội	48.44	27.81	9.38	2.50	0.94
7. Giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm	46.25	29.06	9.06	2.19	0.63

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.19: Đánh giá vai trò của các thành viên trong hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các vai trò/nhiệm vụ trong xây dựng NTM	Cấp ủy	HĐND	UBND	MTTQ và đoàn thể
1. Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật	89.03	44.94	50.0	44.52
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí	55.50	24.14	59.35	22.26
3. Tuyên truyền, vận động	65.80	32.58	48.06	33.87
4. Huy động các nguồn lực	35.16	27.74	56.10	20.97
5. Tổ chức điều hành thực hiện	43.23	33.50	57.00	36.13
6. Kiểm tra, giám sát	37.74	46.12	37.40	36.90
7. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên	44.52	38.07	46.10	37.10

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.20: Đánh giá mức độ hoàn thành vai trò của các thành viên trong hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Tổ chức/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Trên 90%	Từ 75-90%	Từ 50-74%	Dưới 50%
1. Cấp ủy đảng	59.0	28.71	5.81	2.58
2. HĐND	53.3	32.90	3.87	2.58
3. UBND	58.7	31.29	7.10	2.26
4. MTTQ	56.5	28.39	6.13	2.26
5. Hội Nông dân	51.6	31.61	6.77	2.61
6. Hội Phụ nữ và các đoàn thể khác	49.4	33.87	7.42	2.26

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.21: Đánh giá về kết quả xây dựng nông thôn mới so với nhu cầu, sự hài lòng của người dân

Đơn vị tính: %

Lĩnh vực/mức độ	Đáp ứng tốt yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng được 1 phần	Không đáp ứng được yêu cầu	Khó đánh giá
1. Quy hoạch nông thôn	53.13	30.00	8.44	0.00	0.00
2. Hệ thống giao thông	43.44	39.06	9.38	0.00	0.63
3. Hệ thống thủy lợi	40.00	33.13	17.81	0.31	0.00
4. Hệ thống điện	42.81	40.31	6.56	1.56	1.25
5. Hệ thống trường học	44.38	35.31	9.38	2.19	0.31
6. Cơ sở vật chất văn hóa	39.69	35.00	21.56	1.88	0.63
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	38.13	31.25	24.38	2.81	0.00
8. Thông tin và truyền thông	41.25	35.94	11.56	2.19	0.00
9. Nhà ở dân cư	36.15	44.69	10.31	1.56	0.63
10. Tăng thu nhập, mức sống người dân	36.56	36.56	15.44	2.50	0.00
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	34.69	30.94	19.38	1.25	0.63
12. Tăng tỷ lệ lao động có việc làm	38.13	33.13	15.63	2.50	0.00
13. Chuyển đổi cơ cấu KT, tổ chức sản xuất	35.31	31.25	18.44	1.25	0.63
14. Giáo dục, đào tạo dạy nghề	39.69	29.06	20.00	5.00	0.00
15. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	42.19	35.31	9.64	2.50	0.00
16. Văn hóa tinh thần	46.25	35.44	8.44	1.88	0.00
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	31.88	40.94	15.00	0.44	0.00
18. HTCT và tiếp cận pháp luật	45.00	32.81	14.69	3.13	0.00
19. Quốc phòng và an ninh	45.63	33.44	10.00	0.31	0.00

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.22: Đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới so với nhu cầu, sự hài lòng của đội ngũ cán bộ cấp xã

Đơn vị tính: %

Lĩnh vực/mức độ	Đáp ứng tốt yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng được 1 phần	Không đáp ứng được yêu cầu
1. Quy hoạch nông thôn	54.84	36.45	6.45	0.00
2. Hệ thống giao thông	50.00	37.10	9.03	0.00
3. Hệ thống thủy lợi	42.26	33.55	18.39	0.97
4. Hệ thống điện	46.45	42.90	7.42	0.00
5. Hệ thống trường học	48.06	41.61	6.13	1.29
6. Cơ sở vật chất văn hóa	42.90	40.65	12.90	0.97
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	33.23	47.10	15.16	2.26
8. Thông tin và truyền thông	41.94	42.58	10.32	1.94
9. Nhà ở dân cư	39.03	45.16	10.65	0.32
10. Tăng thu nhập, mức sống người dân	39.03	46.13	10.65	1.61
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	36.77	45.16	11.29	1.61
12. Tăng tỷ lệ lao động có việc làm	35.81	43.23	12.90	2.58
13. Chuyển đổi cơ cấu KT, tổ chức sản xuất	36.45	42.58	13.55	3.23
14. Giáo dục, đào tạo dạy nghề	40.65	41.29	13.87	1.29
15. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	43.23	43.87	10.00	2.58
16. Văn hóa tinh thần	32.58	40.32	9.03	1.61
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	37.42	47.74	11.61	3.87
18. HTCT và tiếp cận pháp luật	37.42	50.00	8.06	2.58
19. Quốc phòng và an ninh	40.00	47.10	6.77	1.61

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.23: Đánh giá thực hiện các bước trong quy trình XDNTM*Đơn vị tính: %*

Các bước thực hiện/Mức độ đáp ứng yêu cầu	Từ 90%	Từ 75-90%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1.Thành lập hệ thống quản lý, điều hành thực hiện Chương trình	60.63	25.94	2.19	0.94	0.31
2.Tổ chức tuyên truyền vận động toàn dân XDNTM	64.06	23.44	5.63	0.00	0.00
3.Khảo sát, đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia	60.31	25.31	5.94	0.94	0.31
4.Xây dựng quy hoạch NTM của xã	63.75	23.75	6.88	0.63	0.00
5.Lập, phê duyệt đề án XDNTM của xã	60.31	25.31	4.38	1.25	0.00
6.Tổ chức thực hiện đề án	57.19	27.81	5.00	2.50	0.00
7.Kiểm tra, giám sát đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình	53.44	29.69	5.63	0.63	0.63

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.24: Mức độ tiếp cận những nội dung liên quan đến xây dựng nông thôn mới của cán bộ xã trên các kênh thông tin

Đơn vị tính: %

Kênh/mức độ	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít	Chưa bao giờ
1. Đài tiếng nói	62.50	26.88	4.06	0.63
2. Truyền hình	64.06	29.06	2.19	0.00
3. Internet	50.94	33.75	5.00	0.00
4. Báo/sách/tạp chí	49.06	37.19	5.31	0.31
5. Tờ rơi/pano/khẩu hiệu	42.50	41.56	6.88	0.63
6. Hội họp	56.25	29.06	8.75	1.25
7. Tham gia lớp tập huấn	44.38	31.56	14.38	5.00

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.25: Mức độ tiếp cận những nội dung liên quan đến xây dựng nông thôn mới của người dân trên các kênh thông tin

Đơn vị tính: %

Kênh/mức độ	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít	Chưa bao giờ
1. Đài tiếng nói	67.74	21.29	1.94	0.32
2. Truyền hình	59.68	31.61	1.29	0.32
3. Internet	38.06	39.68	4.45	2.58
4. Báo/sách/tạp chí	37.42	44.52	7.42	2.90
5. Tờ rơi/pano/khẩu hiệu	27.42	53.87	6.77	0.65
6. Hội họp	45.81	38.06	5.8	2.26
7. Tham gia lớp tập huấn	27.74	40.00	18.8	5.16

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.26: Sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới*Đơn vị tính: %*

Mức độ tham gia xây dựng NTM của người dân	Số lượng	Tỷ lệ
1.Được nghe nói về XDNTM	246	79.35
2.Được đọc trực tiếp các văn bản liên quan đến XDNTM	151	48.71
3.Được hướng dẫn học tập, bồi dưỡng XDNTM	179	57.74
4.Đã dành thời gian để nghiên cứu đến XDNTM	97	31.29
5.Đã trực tiếp tuyên truyền vận động về XDNTM	116	37.42
6.Trực tiếp đóng góp tiền cho XDNTM	95	30.65
7.Trực tiếp đóng góp đất đai cho XDNTM	36	11.61
8.Trực tiếp đóng góp nguyên vật liệu cho XDNTM	24	7.74
9.Trực tiếp đóng góp ngày công cho XDNTM	44	14.90

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.27: Sự tham gia của cán bộ xã trong xây dựng nông thôn mới*Đơn vị tính: %*

Stt	Tham gia các hoạt động XDNTM của cán bộ xã	SL	Tỷ lệ
1	Được nghe nói về XDNTM	320	100
2	Được đọc trực tiếp các văn bản liên quan đến XDNTM	234	73.13
3	Được hướng dẫn học tập, bồi dưỡng XDNTM	221	69.06
4	Đã dành thời gian để nghiên cứu XDNTM	161	50.31
5	Đã trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM	144	45.00
6	Đã trực tiếp tuyên truyền vận động về XDNTM	189	59.06
7	Trực tiếp đóng góp tiền cho XDNTM	82	25.63
8	Trực tiếp đóng góp đất đai cho XDNTM	38	11.88
9	Trực tiếp đóng góp nguyên vật liệu cho XDNTM	56	17.50
10	Trực tiếp đóng góp ngày công cho XDNTM	88	27.50

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.28: Đánh giá của cán bộ về mức độ chuyển biến kinh tế-xã hội của địa phương hiện nay so với trước khi xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các nội dung	Tốt hơn	Không thay đổi	Kém đi
1. Bầu không khí dân chủ ở địa phương	87.10	10.00	0.65
2. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện	87.10	9.68	0.65
3. Lòng tin của dân với Đảng, chính quyền	82.26	12.90	0.65
4. Tình hình phát triển KT-XH của địa phương	88.71	4.52	0.65
5. Công tác xây dựng Đảng của địa phương	87.10	9.35	0.65
6. Công tác xây dựng C. Quyền ở địa phương	86.13	10.35	0.32
7. Công tác xây dựng Mặt trận và các đoàn thể	87.74	10.00	1.29
8. Phong cách làm việc của cán bộ	86.13	7.74	1.29
9. Tình hình an ninh trật tự của địa phương	89.35	9.68	1.61
10. Trách nhiệm của người đứng đầu	87.42	7.10	0.32
11. Đời sống vật chất của người dân	80.65	8.06	0.65
12. Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm	84.74	13.55	2.29
13. Cơ sở hạ tầng nông thôn	84.84	8.06	1.29
14. Giáo dục, văn hóa, sức khỏe của cư dân	80.97	12.26	0.32
15. Nghề nghiệp, việc làm của người dân	84.19	14.19	0.65

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Bảng 3.29: Đánh giá của người dân về mức độ chuyển biến kinh tế-xã hội ở địa phương hiện nay so với trước khi thực hiện xây dựng nông thôn mới

Đơn vị tính: %

Các nội dung	Tốt hơn	Không thay đổi	Kém đi
1. Bầu không khí dân chủ ở địa phương	78.75	9.69	0.63
2. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện	78.75	11.56	0.63
3. Lòng tin của dân với Đảng, chính quyền	81.25	6.58	1.56
4. Tình hình phát triển KT-XH của địa phương	81.56	9.69	0.56
5. Công tác xây dựng Đảng của địa phương	80.63	10.31	0.63
6. Công tác xây dựng C.Quyền ở địa phương	79.38	9.38	0.63
7. Công tác xây dựng Mặt trận và các đoàn thể	79.69	11.50	0.63
8. Phong cách làm việc của cán bộ	76.25	9.06	1.56
9. Tình hình an ninh trật tự của địa phương	76.56	10.00	2.81
10. Trách nhiệm của người đứng đầu	76.56	8.44	3.75
11. Đời sống vật chất của người dân	74.38	16.25	2.50
12. Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm	69.06	4.69	2.19
13. Cơ sở hạ tầng nông thôn	80.94	6.88	2.50
14. Giáo dục, văn hóa, sức khỏe của cư dân	89.4	13.13	0.63
15. Nghề nghiệp, việc làm của người dân	75.0	2.81	0.00

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Hộp 1: Năm bắt Nghị quyết, chính sách và pháp luật xây dựng nông thôn mới

Đảng ủy xã đã tổ chức các hội nghị mở rộng tới các đồng chí bí thư chi bộ, trưởng các ban ngành đoàn thể chính trị, xã hội về những vấn đề liên quan đến xây dựng NTM của Đảng, Nhà nước và thành phố. Tổ chức lồng ghép tng các nghị quyết của Đảng ủy và HĐND xã để cán bộ Đảng viên nắm bắt được chủ trương của Đảng về chương trình xây dựng NTM (PVS Nữ, Phó Bí thư Đảng ủy xã).

Nhờ phát huy dân chủ, tranh thủ được ý kiến của quần chúng nhân dân, nên những nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế, xây dựng NTM Đảng ủy xã ban hành hằng năm sát với tình hình thực tế. Trong đó, xác định công tác xây dựng kết cấu hạ tầng là khâu quan trọng, tạo tiền đề để thúc đẩy sản xuất phát triển (PVS Nam, Bí thư Đảng ủy xã).

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Hộp 2: Lập kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Năm 2017, xã đã tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng NTM. Với sự quyết tâm chung sức đồng lòng của cán bộ và nhân dân địa phương, đến nay, xã đã xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí phù hợp với địa phương. Do đó cho đến nay đã cơ bản đạt 19 tiêu chí xây dựng NTM (PVS Nam, Chủ tịch xã).

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Hộp 3: Tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới

Ngoài công tác phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng NTM, Hội Phụ nữ còn tập trung chỉ đạo các cấp hội đẩy mạnh các phong trào thi đua của phụ nữ xã; tuyên truyền nhân rộng các mô hình điển hình, các tấm gương tiêu biểu xuất sắc trong sản xuất, xây dựng NTM để cơ sở học tập, tham khảo, vận dụng (PVS Chủ tịch Hội Phụ nữ xã).

Đoàn thanh niên xã đã tích cực tuyên truyền tới nhân dân và đoàn viên thanh thiếu nhi về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM. Đã tổ chức hơn 26 buổi tuyên truyền về xây dựng NTM qua hệ thống phát thanh của xã; tổ chức hơn 8 hội thi, hội diễn văn nghệ và các sự kiện của địa phương (PVS Nam, Bí thư Đoàn xã).

Điều này thể hiện ở chỗ, Hội Cựu chiến binh xã đã tích cực làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên thông qua các buổi sinh hoạt chi hội tổ chức lồng ghép nêu gương điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế (PVS Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã).

Xác định việc đầu tiên phải làm là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia, làm cho người dân hiểu rõ vai trò của mình và cộng đồng là chủ thể xây dựng NTM, lấy nội lực là căn bản, tự giác tham gia, sáng tạo trong tổ chức thực hiện. Chúng tôi đã tích cực thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với cuộc vận động "Toàn dân chung sức xây dựng NTM", với ý nghĩa các phong trào phải mang tính toàn dân, toàn diện. Với phương châm lấy sức dân để xây dựng cho dân, xác định rõ vai trò trách nhiệm của người dân vừa là chủ thể vừa là người hưởng lợi trong chương trình xây dựng NTM, cuộc vận động toàn dân chung sức xây dựng NTM đã nhận được sự tham gia hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân trong xã. Nhiều hình thức tuyên truyền phong phú được triển khai, trong đó, chú trọng vận động có chiều sâu và những việc làm cụ thể, thiết thực, nêu gương sáng, mô hình hay (PVS Nam, Bí thư Đảng ủy xã).

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Hộp 4: Tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới

Hội Cựu chiến binh xã đã chủ động, sáng tạo, triển khai nhiều cách làm hay, hiệu quả, khẳng định rõ vai trò của Cựu chiến binh. Nhiều mô hình ra đời từ sáng kiến của cựu chiến binh như: Khu dân cư không tệ nạn xã hội, tộc họ tự quản về an ninh trật tự, địa bàn an toàn... đã hoạt động hết sức hiệu quả, tạo được sự hưởng ứng, đồng thuận mạnh mẽ trong nhân dân. Đồng thời, triển khai thực hiện hiệu quả các mô hình sản xuất nông nghiệp, nhất là mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (PVS Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã).

Lấy phương châm “dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra, dân hưởng thụ” làm mục tiêu, tổ chức thực hiện. Thực tế trong xây dựng NTM cho thấy, để đảm bảo phát triển nông thôn bền vững, vấn đề quan trọng hàng đầu là tổ chức phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Xã đã đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phát triển nông nghiệp theo vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao (PVS Nam, Phó Chủ tịch xã).

Thực tế cho thấy, ở nhiều khu dân cư, người dân đã tự bàn bạc, tự nguyện đóng góp tiền, ngày công, vật liệu cho từng dự án, công trình. Trong việc triển khai huy động nguồn lực luôn đặt tiêu chí dân chủ, công khai minh bạch lên hàng đầu, người dân có sự chủ động trong việc huy động đóng góp nguồn lực và trực tiếp tham gia vào các công trình phần việc trong quá trình xây dựng NTM (PVS Nam, Chủ tịch MTTQ xã).

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Hộp 5: Huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Chỉ trong thời gian ngắn phát động, từ cuối năm 2017 đến nay, 10 tuyến đường ở xã Song Phượng đã “nở hoa”; hàng chục các điểm được vẽ tranh bích họa (mỗi cụm tranh dài 30-40m). Đặc biệt, kinh phí để trồng hoa, vẽ tranh đều được huy động hoàn toàn từ nguồn xã hội hóa, do doanh nghiệp, nhân dân đóng góp trên tinh thần tùy điều kiện mỗi người chứ không áp đặt. Bắt đầu triển khai từ cuối năm 2017, đến tháng 3/2018, số tiền xã hội hóa thu được là 120 triệu đồng (PSV Nam, Chủ tịch xã).

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Hộp 6: Kiểm tra, giám sát các hoạt động xây dựng nông thôn mới

MTTQ xã đã thành lập Ban giám sát đầu tư cộng đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Ban đã trực tiếp thực hiện giám sát hầu hết các công trình xây dựng cơ bản cấp xã và các công trình khác như trường mầm non, nhà văn hóa, đường giao thông theo chương trình xây dựng NTM. Tại các cuộc giám sát, khi phát hiện những sai sót trong thi công chưa bảo đảm theo thiết kế, Ban giám sát đầu tư cộng đồng đã kịp thời nhắc nhở đơn vị thi công khắc phục, sửa chữa kịp thời, góp phần bảo đảm chất lượng công trình theo đúng phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ” (PVS Nam, Cán bộ MTTQ xã).

MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội địa phương đã thể hiện vai trò của mình qua việc tham gia chỉ đạo, giám sát thực hiện chương trình. MTTQ xã đã phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền hướng dẫn việc thành lập Ban giám sát đầu tư cộng đồng, kiện toàn Ban thanh tra nhân dân ở các xã, tập huấn cho nhân dân về kiến thức, kỹ năng cần thiết trong XDNTM, thực hiện các tiêu chí chung (PVS Nam, Chủ tịch MTTQ xã).

Nhiệm kỳ vừa qua, HĐND xã phối hợp tổ chức 23 buổi tiếp xúc cử tri, với trên 4.500 lượt cử tri tham gia, đóng góp trên 870 ý kiến, trong đó, ý kiến giải trình tại các kỳ tiếp xúc chiếm 62,06%, ý kiến trả lời tại kỳ họp và sau kỳ họp chiếm 37,94%. Tổ đại biểu HĐND xã tổ chức gặp gỡ, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân để lắng nghe, phản ánh các ý kiến đến các ban, ngành giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc. HĐND xã thường xuyên phối hợp theo dõi việc tiếp nhận việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân (PVS, Nam Phó chủ tịch HĐND xã).

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

Hộp 7: Kiến nghị, đề xuất xây dựng nông thôn mới

Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế ở địa phương, Thường trực HĐND xã Tân Hồng chủ động đề xuất nội dung, chương trình xây dựng Nghị quyết hàng năm phù hợp với nhiệm vụ địa phương. Nhiệm kỳ 2011 - 2016, HĐND xã đề ra, thông qua các Nghị quyết chuyên đề về các nội dung như: Nghị quyết xây dựng phát triển giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, cứng hóa kênh mương; Nghị quyết đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 của trường tiểu học, trường THCS, trường mầm non; ... (PVS Nam, Chủ tịch xã).

Nguồn: Khảo sát của NCS, 2017

PHỤ LỤC 2
MẪU PHIẾU KHẢO SÁT

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
VIỆN CHÍNH TRỊ HỌC

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

Kính thưa đồng chí!

Trong quá trình xây dựng nông thôn mới (XDNTM), hệ thống chính trị bước đầu đã khẳng định được vai trò của mình và mang lại những kết quả tích cực, tuy vậy thực tế cũng cho thấy không ít bất cập vẫn còn tồn tại. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài: “*Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện chương trình XDNTM ở thành phố Hà Nội hiện nay*” hy vọng sẽ có những đóng góp nhất định trong thực hiện mục tiêu “kép”; đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở gắn liền XDNTM của thủ đô Hà Nội.

Để góp phần vào sự thành công của đề tài chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp ý kiến của đồng chí. Mọi ý kiến của đồng chí sẽ được đảm bảo tính khuyết danh, sự tham gia của đồng chí vào cuộc trao đổi là hoàn toàn tự nguyện. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn các câu hỏi và các phương án trả lời, đồng chí vui lòng trả lời các câu hỏi bằng cách *khoanh tròn hoặc tích vào các phương án trả lời mà đồng chí cho là đúng. Xin đồng chí ghi rõ nếu có ý kiến khác.*

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí

A.THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI VÀ ĐỊA BÀN XÃ

1	Tuổi (<i>ghi rõ tuổi dương lịch hoặc năm sinh</i>)
2	Giới tính	1. Nam 2. Nữ
3	Tình trạng hôn nhân	1.Chưa kết hôn 2.Đang có vợ/ chồng 3.Ly thân/ ly hôn 4.Góa
4	Dân tộc	1. Kinh 2. Khác (ghi rõ):
5	Trình độ chuyên môn	1. Trung cấp chuyên nghiệp 2. Cao đẳng 3. Đại học 4. Trên đại học 5. Chưa có bằng cấp chuyên môn
6	Trình độ lý luận chính trị	1. Chưa qua đào tạo 2. Sơ cấp 3. Trung cấp 4. Cao cấp/ Cử nhân
7	Quản lý nhà nước	1.Chưa qua đào tạo 2.Bồi dưỡng ngắn hạn 3.Chuyên viên 4.Chuyên viên chính 5.Chuyên viên cao cấp
8	Khối công tác hiện nay	1. Đảng 2. Hội đồng nhân dân 3. Ủy ban nhân dân 4. MTTQ, Đoàn thể chính trị- XH
9	Chức vụ hiện nay	1.Bí thư/ Phó bí thư 2.Chủ tịch/Phó chủ tịch HĐND 3.Chủ tịch/Phó chủ tịch UBND 4.Trưởng/Phó Mặt trận Tổ quốc 5.Trưởng/Phó các đoàn thể 6.Trưởng/Phó Công an 7.Trưởng/Phó dân quân 8.Địa chính -xây dựng 9.Tư pháp hộ tịch 10.Văn phòng-Thống kê

		11. Văn hoá-DS- GD-TE 12. Khác
10	Số năm tham gia công tác
11	Mức sống so với mặt bằng trong xã hoặc thôn/xóm	1. Dưới trung bình 2. Trung bình 3. Khá 4. Giàu
12	Thuộc địa bàn xã	1. Đã đạt chuẩn nông thôn mới 19 tiêu chí 2. Đã đạt chuẩn nông thôn mới: từ 15 đến 18 tiêu chí 3. Đạt dưới 15 tiêu chí

B. NỘI DUNG CHÍNH

Câu 1. Đồng chí đã tham gia các hoạt động nào liên quan đến XDNTM?

(có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều phương án)

1. Được nghe nói về XDNTM
2. Được đọc trực tiếp các văn bản liên quan đến XDNTM
3. Được hướng dẫn học tập, bồi dưỡng vấn đề liên quan đến XDNTM
4. Đã dành thời gian để nghiên cứu vấn đề liên quan đến XDNTM
5. Đã trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM
6. Đã trực tiếp tuyên truyền vận động về XDNTM
7. Trực tiếp đóng góp tiền cho XDNTM
8. Trực tiếp đóng góp đất đai cho XDNTM
9. Trực tiếp đóng góp nguyên vật liệu cho XDNTM
10. Trực tiếp đóng góp ngày công cho XDNTM
11. Chưa tham gia hoạt động nào cả

Câu 2. Đồng chí cho biết mức độ tiếp cận những nội dung liên quan đến XDNTM của bản thân trên các kênh sau đây? (chỉ lựa chọn 1 phương án cho mỗi dòng).

Kênh/mức độ	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít	Chưa bao giờ
1. Đài tiếng nói				
2. Truyền hình				
3. Internet				
4. Báo/sách/tạp chí				
5. Tờ rơi/pano/khẩu hiệu				
6. Hội họp				
7. Tham gia lớp tập huấn				
8. Nguồn khác (ghi cụ thể)				

Câu 3. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về việc thực hiện các bước trong quy trình XDNTM trên địa bàn xã hiện nay?(mỗi dòng chỉ lựa chọn 1 phương án)

Các bước thực hiện/Mức độ đáp ứng yêu cầu	100%	Từ 75-99%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1.Thành lập hệ thống quản lý, điều hành thực hiện Chương trình					
2.Tổ chức tuyên truyền vận động toàn dân XDNTM					
3.Khảo sát, đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia					
4.Xây dựng quy hoạch nông thôn mới của xã					
5.Lập, phê duyệt đề án XDNTM của xã					
6.Tổ chức thực hiện đề án					
7.Kiểm tra, giám sát đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình					

Câu 4. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về vai trò của cấp ủy Đảng trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (có thể lựa chọn nhiều hơn 1 phương án cho mỗi dòng)

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Lãnh đạo, chỉ đạo	Chủ trì, tổ chức thực hiện	Tham gia	Không rõ
1.Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2.Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3.Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4.Huy động các nguồn lực				
5.Tổ chức điều hành thực hiện				
6.Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7.Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 5. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về mức độ hoàn thành vai trò của cấp ủy Đảng trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (chỉ lựa chọn 1 phương án cho mỗi dòng)

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Trên 75%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1.Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2.Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3.Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4.Huy động các nguồn lực				
5.Tổ chức điều hành thực hiện				
6.Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7.Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 6. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về vai trò của HĐND xã trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (có thể lựa chọn nhiều hơn 1 phương án cho mỗi dòng)

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Lãnh đạo, chỉ đạo	Chủ trì, tổ chức thực hiện	Tham gia	Không rõ
1.Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2.Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3.Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4.Huy động các nguồn lực				
5.Tổ chức điều hành thực hiện				
6.Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7.Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 7. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về mức độ hoàn thành vai trò của HĐND xã trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (chỉ lựa chọn 1 phương án cho mỗi dòng)

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Trên 75%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1.Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2.Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3.Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4.Huy động các nguồn lực				
5.Tổ chức điều hành thực hiện				
6.Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7.Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 8. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về vai trò của UBND xã trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (có thể lựa chọn nhiều hơn 1 phương án cho mỗi dòng)

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Chủ trì	Phối hợp	Thực tiếp thực hiện	Không rõ
1. Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3. Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4. Huy động các nguồn lực				
5. Tổ chức điều hành thực hiện				
6. Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 9. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về mức độ hoàn thành vai trò của UBND xã trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (chỉ lựa chọn 1 phương án cho mỗi dòng)

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Trên 75%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3. Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4. Huy động các nguồn lực				
5. Tổ chức điều hành thực hiện				
6. Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 10. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về vai trò của MTTQ xã trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (có thể lựa chọn nhiều hơn 1 phương án cho mỗi dòng)

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Chủ trì	Phối hợp	Thực tiếp thực hiện	Không rõ
1. Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3. Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4. Huy động các nguồn lực				
5. Tổ chức điều hành thực hiện				
6. Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 11. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về mức độ hoàn thành vai trò của MTTQ xã trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (*chỉ lựa chọn 1 phương án cho mỗi dòng*)

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Trên 75%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3. Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4. Huy động các nguồn lực				
5. Tổ chức điều hành thực hiện				
6. Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 12. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về vai trò của Hội Nông dân xã trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (*có thể lựa chọn nhiều hơn 1 phương án cho mỗi dòng*)

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Chủ trì	Phối hợp	Thực tiếp thực hiện	Không rõ
1. Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3. Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4. Huy động các nguồn lực				
5. Tổ chức điều hành thực hiện				
6. Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 13. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về mức độ hoàn thành vai trò của Hội Nông dân xã trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (*có thể lựa chọn nhiều hơn 1 phương án cho mỗi dòng*)

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Trên 75%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1. Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3. Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4. Huy động các nguồn lực				
5. Tổ chức điều hành thực hiện				
6. Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7. Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 14. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về vai trò của các tổ chức (Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Công đoàn, Đoàn Thanh niên xã) trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây ?(có thể lựa chọn nhiều hơn 1 phương án cho mỗi dòng)

Các vai trò/nhiệm vụ trong XDNTM	Chủ trì	Phối hợp	Trực tiếp thực hiện	Không rõ
1.Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2.Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3.Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4.Huy động các nguồn lực				
5.Tổ chức điều hành thực hiện				
6.Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7.Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 15. Xin đồng chí cho biết ý kiến đánh giá của mình về mức độ hoàn thành vai trò của các tổ chức (Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Công đoàn, Đoàn Thanh niên xã) trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM sau đây? (chỉ lựa chọn 1 phương án cho mỗi dòng)

Vai trò/mức độ hoàn thành so với yêu cầu	Trên 75%	Từ 50-74%	Dưới 50%	Khó đánh giá
1.Nắm bắt chỉ thị nghị quyết chính sách pháp luật				
2.Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí				
3.Tuyên truyền chủ trương, chính sách, kế hoạch				
4.Huy động các nguồn lực				
5.Tổ chức điều hành thực hiện				
6.Giám sát, phản hồi, điều chỉnh				
7.Đề xuất, kiến nghị lên cấp trên				

Câu 16. Đồng chí đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí XDNTM trên địa bàn xã hiện nay? (chỉ lựa chọn 1 phương án cho mỗi dòng)

Lĩnh vực/mức độ	Đáp ứng tốt yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng được 1 phần	Không đáp ứng được yêu cầu	Khó đánh giá
1. Quy hoạch nông thôn					
2.Hệ thống giao thông					
3.Hệ thống thủy lợi					
4. Hệ thống điện					
5.Hệ thống trường học					
6.Cơ sở vật chất văn hóa					
7.Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn					

8. Thông tin và truyền thông					
9. Nhà ở dân cư					
10. Tăng thu nhập, mức sống người dân					
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo					
12. Tăng tỷ lệ lao động có việc làm					
13. Chuyển đổi cơ cấu KT, tổ chức sản xuất					
14. Giáo dục, đào tạo dạy nghề					
15. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân					
16. Văn hóa tinh thần					
17. Môi trường và an toàn thực phẩm					
18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật					
19. Quốc phòng và an ninh					

Câu 17. Vào thời điểm hiện nay, các vấn đề sau đây ở địa phương đồng chí đã có chuyển biến như thế nào so với trước khi thực hiện XDNTM? (chỉ lựa chọn 1 phương án cho mỗi dòng)

Các nội dung	Tốt hơn	Không thay đổi	Kém đi	Khó đánh giá
1. Bầu không khí dân chủ ở địa phương				
2. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện				
3. Lòng tin của dân với Đảng, chính quyền				
4. Tình hình phát triển KT-XH của địa phương				
5. Công tác xây dựng Đảng của địa phương				
6. Công tác xây dựng C. Quyền ở địa phương				
7. Công tác xây dựng Mặt trận và các đoàn thể				
8. Phong cách làm việc của cán bộ				
9. Tình hình an ninh trật tự của địa phương				
10. Trách nhiệm của người đứng đầu				
11. Đời sống vật chất của người dân				
12. Vấn đề môi trường, an toàn thực phẩm				
13. Cơ sở hạ tầng nông thôn				
14. Giáo dục, văn hóa, sức khỏe của cư dân				
15. Nghề nghiệp, việc làm của người dân				
16. Khác (ghi cụ thể)				

Câu 18. Việc triển khai XDNTM ở địa phương đồng chí được thực hiện như thế nào? (có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án thích hợp).

1. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển KT-XH 6 tháng trong năm
2. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển KT-XH hàng năm
3. Đã lồng ghép vào Nghị quyết phát triển KT-XH trong nhiệm kỳ
4. Đã ra một Nghị quyết chuyên đề riêng
5. Chưa lồng ghép vào Nghị quyết hay ra Nghị quyết chuyên đề riêng

Câu 19a. Ở địa phương đồng chí có áp dụng hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ khi được giao nhiệm vụ thực hiện XDNTM?(*chỉ lựa chọn 1 phương án*).

1. Đã có 2. Chưa có 3. Không rõ

Câu 19b. Nếu đã có, thì khi cán bộ làm tốt có được khen thưởng?(*chỉ lựa chọn 1 phương án*).

1. Khen thưởng xứng đáng 2. Khen thưởng nhưng chưa xứng đáng
3. Chưa được khen thưởng 4. Không rõ

Câu 19c. Nếu đã có, khi cán bộ làm chưa tốt có bị kỷ luật?(*lựa chọn 1 phương án*).

1. Không bị kỷ luật 2. Có bị kỷ luật nhưng nhẹ
3. Bị kỷ luật thỏa đáng 4. Không rõ

Câu 20. Theo đồng chí những yếu tố sau đây đang tác động như thế nào đối với vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong XDNTM? (*chỉ lựa chọn 1 phương án cho mỗi dòng*)

Các yếu tố	Tích cực	Có tác động	Không có tác động	Tiêu cực
1. Khâu kiểm tra, giám sát, đánh giá của HĐND				
2. Sự quan tâm sâu sắc của các cấp ủy Đảng				
3. Sự thực hiện của chính quyền				
4. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc				
5. Sự tham gia của các đoàn thể chính trị				
6. Hoạt động của Ban chỉ đạo				
7. Sự phối kết hợp đồng bộ của các bên tham gia				
8. Trình độ dân trí				
9. Năng lực thực hiện của cán bộ				
10. Sự tham gia của nhân dân				
11. Truyền thống, điều kiện thuận lợi				
12. Có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của cấp trên				
13. Khác (ghi cụ thể)				

Câu 21. Các giải pháp chung nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong XDNTM (có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án)

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong XDNTM
2. Thống nhất quan điểm XDNTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương
3. Đổi mới, phát huy vai trò tích cực của các đoàn thể chính trị, nhất là Hội Nông dân
4. Tăng cường đầu tư về kinh phí cho đào tạo tập huấn XDNTM cho đội ngũ cán bộ xã
5. Tăng cường cung cấp tài liệu, tập huấn XDNTM cho đội ngũ cán bộ xã
6. Có sự phân công trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên hệ thống chính trị cấp xã
7. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong XDNTM
8. Tăng cường kiểm tra, giám sát, điều chỉnh hoạt động XDNTM
9. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Ban quản lý XDNTM
10. Phát huy năng lực, sở trường của từng tổ chức chính trị- xã hội
11. Giải pháp khác (ghi)

Câu 22. Từ kinh nghiệm thực tiễn, theo đồng chí, của để phát huy vai trò của từng thành viên của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong XDNTM thì từng thành viên phải thực hiện như thế nào?

- Đối với cấp ủy Đảng:

.....
.....
.....
.....

- Đối với HĐND xã:

.....
.....
.....
.....

- Đối với UBND xã:

.....
.....
.....
.....

- Đối với MTTQ xã:

.....
.....
.....
.....

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
VIỆN CHÍNH TRỊ HỌC

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

Kính thưa đồng chí!

Trong quá trình xây dựng nông thôn mới (XDNTM), hệ thống chính trị bước đầu đã khẳng định được những kết quả tích cực, tuy vậy thực tế cũng cho thấy không ít bất cập vẫn còn tồn tại. Do vậy, với việc nghiên cứu đề tài: “*Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện chương trình XDNTM ở thành phố Hà Nội hiện nay*” hy vọng sẽ có những đóng góp nhất định trong thực hiện mục tiêu “kép”; đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở gắn liền XDNTM của thủ đô Hà Nội.

Để góp phần vào sự thành công của đề tài chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến của đồng chí thông qua các chủ đề dưới đây.

Chủ đề 1. Thảo luận về thực trạng XDNTM ở địa phương hiện nay: kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, kiến nghị đề xuất.

Chủ đề 2. Cấp ủy đảng thực hiện các vai trò, nhiệm vụ của mình trong XDNTM: nội dung, đặc điểm cách thức, kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và các kiến nghị đề xuất nhằm phát huy vai trò của cấp ủy đảng trong XDNTM.

Chủ đề 3. HĐND, UBND xã trong thực hiện các vai trò, nhiệm vụ của mình trong XDNTM: nội dung, đặc điểm, cách thức, kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và các kiến nghị đề xuất nhằm phát huy vai trò của HĐND, UBND trong XDNTM.

Chủ đề 4. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị- xã hội trong thực hiện các vai trò, nhiệm vụ của mình trong XDNTM: nội dung, đặc điểm, cách thức, kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và các kiến nghị đề xuất nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị -xã hội trong XDNTM.

Trân trọng cảm ơn!